

Hệ thống Bảo hiểm lỗi cho BIC - Các tiêu chí đánh giá để lựa chọn giải pháp và nhà thầu

BIC Insurance Core System - Evaluation criterias for selecting solutions and bidders

Phụ lục - Yêu cầu nghiệp vụ (Business Requirements)

Capability Bundle	Capability	ID	Detail Requirement	Yêu cầu chi tiết	Mandatory / Optional	Detail point / Điểm số	Bidder perform self-evaluation / Nhà thầu tự đánh giá	Explanation / Giải thích	Requires Bidder to self-propose/ present/ Yêu cầu nhà thầu tự đề xuất / trình bày
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
0. General Requirements / Yêu cầu chung	0.1. Digital Capability/ Năng lực số	1	The system supports real-time synchronization of insurance policy information with the Bancassurance system (only policies issued by the Banca system) including but not limited to the following transactions. + Issuance of insurance policy + Endorsement + Termination + Cancellation + Refund premium + First notice of Loss + Information on premium refund and premium accounting, including but not limited to data from the BI system and manual premium receipts issued by the Insurance Business Management System; + Claims-related information, including detailed claim records, settlement and payment of claims, claim ratios under each insurance policy, additional clauses, insurance certificates, the insured, the policyholder, the borrower, and other relevant parties; + Product-related information, including but not limited to product configuration, premium	Hệ thống hỗ trợ đồng bộ thông tin đơn bảo hiểm real-time giữa CORE với hệ thống Bancassurance (chỉ các đơn được cấp bởi hệ thống Banca) bao gồm nhưng không giới hạn các giao dịch + Cấp đơn bảo hiểm + Sửa đổi bổ sung + Chấm dứt + Hủy đơn + Hoàn phí +Tiếp nhận thông tin tổn thất + Thông tin hoàn phí, hạch toán thu phí (đối với hệ thống BI, đơn thu phí thủ công từ CT QLDTBH.); + Thông tin chi tiết bồi thường, thanh toán hồ sơ bồi thường, tỷ lệ bồi thường theo từng QL bảo hiểm, ĐK bổ sung, GCNBH, NDBH, BMBH, Bên vay... + Thông tin sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin sau: cấu hình sản phẩm, tỷ lệ phí, quy tắc bảo hiểm, quyền lợi BH, Điều khoản BS, Chương trình BH, tỷ lệ giảm phí, + Thông tin khách hàng: CIF, Thông tin cá	M	0.5			

			<p>rates, insurance terms and conditions, benefits, additional clauses, insurance programs, premium discount rates, and other related information;</p> <p>+ Customer-related information, including CIF, personal data, identification documents, customer classification (corporate or individual), and other relevant information;</p> <p>+ Alerts and notifications, including but not limited to customers with a history or indication of insurance fraud, and customers with high claim ratios;</p> <p>+ Policy issuance principles, including circumstances where issuance exceeds prescribed regulations (such as sum insured, number of insurance certificates, etc.) across all satellite issuance applications of BIC.</p> <p>+ ...</p>	<p>nhân, giấy tờ tùy thân, loại KH (Tổ chức, cá nhân).....</p> <p>+ Thông tin cảnh báo, nhắc nhở: Khách hàng có lịch sử/ dấu hiệu trục lợi BH, KH có tỷ lệ BT cao...</p> <p>+ Thông tin nguyên tắc cấp đơn: vượt quá các quy định cấp đơn (STBH, Số lượng GCNBH...) trên tất cả ứng dụng cấp đơn vệ tinh của BIC.</p> <p>+ ...</p>					
		2	<p>the system provides features to support and integrate customer loss declaration channels (declare via switchboard, hotline, Mobile App, web...) to the central department for processing (Call Center) including but not limited to the following functions.</p> <p>- Integrate the Virtual Switchboard System (Call API) and the Call Center System (receive lossFist notice of loss).</p> <p>- Features of receiving and declaring losses, automatically coordinating information to the correct loss receipt department, updating the status of processing compensation records.</p> <p>- Features of receiving claims from customers, automatically coordinating information to the correct claim handling department, and updating claim handling status.</p>	<p>Hệ thống có khả năng hỗ trợ, tích hợp các kênh khai báo tổn thất của khách hàng (khai báo qua tổng đài, qua holine của công ty thành viên, qua Mobile App, qua web...về bộ phận trung tâm để xử lý tập trung (Call Center) bao gồm nhưng không giới hạn các chức năng:</p> <p>-Tích hợp với hệ thống tổng đài ảo (Call API) và trung tâm Hệ thống Call Center (tiếp nhận thông tin tổn thất tập trung).</p> <p>-Tính năng tiếp nhận, khai báo tổn thất, điều phối tự động thông tin đến đúng bộ phận tiếp nhận tổn thất, cập nhật tình hình xử lý hồ sơ bồi thường.</p> <p>Tính năng tiếp nhận khiếu nại từ khách hàng, điều phối tự động thông tin đến đúng bộ phận xử lý khiếu nại, cập nhật trạng thái xử lý khiếu nại</p>	M	0.5			
		3	<p>The system provides features that allow the switchboard to connect and look up information including but not limited to:</p> <p>- Customer information</p> <p>- Insurance policy/ insurance certificate information</p> <p>- Loss handling information includes:</p> <p>+ Loss information</p>	<p>Hệ thống cung cấp chức năng cho phép Tổng đài kết nối và tra cứu thông tin bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <p>- Thông tin khách hàng</p> <p>- Thông tin đơn bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm</p> <p>- Thông tin xử lý tổn thất bao gồm:</p> <p>+ Thông tin tổn thất</p>	M	0.5			

			<ul style="list-style-type: none"> + Implementation user + Processing status + Processing result 	<ul style="list-style-type: none"> + Đầu mối thực hiện + Trạng thái xử lý + Kết quả xử lý 					
		4	<p>The system provides features that allow configuration (Search/ Add new/ View/ Edit/ Delete) a set of survey questions including but not limited to the following information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Number - Questions - Answer information: + Answer + Move to the number if selected 	<p>Hệ thống cung cấp chức năng cho phép cấu hình (Tìm kiếm/ Thêm mới/ Xem/ Sửa/ Xóa) bộ câu hỏi chạy khảo sát bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số thứ tự - Nội dung câu hỏi - Thông tin trả lời: + Nội dung câu trả lời + Chuyển đến số thứ tự nếu lựa chọn 	M	0.5			
		5	<p>Requirements for integration with Bancassurance system</p> <ul style="list-style-type: none"> - Synchronize warning and reminder information from the Core system to the Bancassurance system <p>For example: Warnings and refund reminders in cases of premature Example: Warning and remind to issue refund request incase terminate/cancel policy or policies no longer subject to insurance</p> <ul style="list-style-type: none"> - The system allows real-time synchronization insurance policies issued from the Bancassurance system. The system supports to configure to automatically approval without transfer to authorized user - The core system supports sending warnings and reminders to the Bancassurance system when Bancas products have changed. Support synchronization of product information from the Core system to the Bancassurance system - Support synchronization of commission statement information from the Core system to the Bancassurance system 	<p>Yêu cầu về tích hợp với hệ thống Bancassurance</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng bộ thông tin cảnh báo, nhắc nhở từ hệ thống Core sang hệ thống Bancassurance <p>Ví dụ: Cảnh báo và nhắc hoàn phí với các trường hợp chấm dứt/ hủy trước hạn hay đơn không còn đối tượng bảo hiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép đồng bộ real-time với các đơn bảo hiểm được cấp từ hệ thống Bancassurance. Hệ thống hỗ trợ cấu hình tự động duyệt cấp đơn mà không cần trình duyệt - Hệ thống core hỗ trợ gửi cảnh báo, nhắc nhở sang hệ thống Bancassurance khi sản phẩm Bancas có thay đổi. Hỗ trợ đồng bộ thông tin về sản phẩm từ hệ thống Core sang hệ thống Bancassurance. - Hỗ trợ đồng bộ các thông tin bảng kê hoa hồng từ hệ thống core sang hệ thống Bancassurance 	M	0.5			
			Requirements for customization	Yêu cầu tùy chỉnh					
		6	<p>The system allows users or BIC IT staff to adding some field in a screen of all module (for example: broker information screen, brokerage contract, ...) without help from the contractor</p>	<p>Hệ thống cho phép người dùng hoặc cán bộ CNTT của BIC có thể tùy chỉnh thêm một số trường thông tin cần thiết ở tất cả các màn hình thuộc tất cả các phân hệ (ví dụ: màn hình thông tin môi giới, hợp đồng môi giới, ...) mà không cần can thiệp hoặc giúp đỡ từ nhà thầu</p>	M	3			

		7	The System shall allow the establishment and management of the status of records within the System. Only data that has been newly entered and has not been utilized in other functions may be deleted. Deletion of data that has already been utilized in any related functions shall not be permitted.	Hệ thống cho phép thiết lập và quản lý trạng thái của các bản ghi trong hệ thống. Chỉ cho phép xóa dữ liệu mới nhập lên và chưa được sử dụng ở các chức năng khác, không cho phép xóa dữ liệu đã được sử dụng ở các chức năng liên quan.	O	0.5			
		8	the system provides features to create work dashboards for users in unlimited groups as follows: - Internal users - Claims & survey - Internal users - Appraisers - Internal users - Underwriting support - Internal users - Customer service - Internal users - Management - ...	Hệ thống phải cung cấp khả năng cho phép người dùng tạo trang tổng quan (dashboard) công việc cho người dùng ở các nhóm không giới hạn như sau: - Người dùng nội bộ - Cán bộ giám định bồi thường - Người dùng nội bộ - Thẩm định viên - Người dùng nội bộ - Hỗ trợ thẩm định - Người dùng nội bộ - Dịch vụ khách hàng - Người dùng nội bộ - Quản lý - ...	M	2			
	0.2. Quản lý phân quyền người dùng (Authentication and authorization)	9	The system provides features to manage authorization following actual task. Only displayed functions that have permission to access	Hệ thống cung cấp chức năng phân quyền người sử dụng linh hoạt theo chức năng nhiệm vụ của người dùng. Những chức năng ngoài phạm vi quyền của người dùng sẽ không được hiển thị trên màn hình	M	5			
		10	The system provides features for system administrators and users at branch and HO to authorize, transfer access rights, and manage user access rights by periodically or unexpectedly as required (start/during/end of the day). Authorization can be performed at the branch or HO	Có chức năng phân quyền, chuyển quyền, quản lý quyền truy cập người sử dụng của quản trị hệ thống và người sử dụng tại CN, HO định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu (đầu/ trong/cuối ngày). Việc phân quyền có thể được thiết lập tại chi nhánh hoặc HO	M				
		11	Authorization - The system allows to manage access right by user and user group - The system allows to manage access right according to module / functions of module	Phân quyền chức năng - Hệ thống cho phép phân quyền theo người dùng, nhóm người dùng - Hệ thống cho phép phân quyền theo Menu chức năng / chức năng thuộc menu	M				
		12	Data Access Restriction - The system allows users to view shared information on insurance policies. - The system allows users to view reports for each branch - The system provides features that allow manage Data Access Restriction including but not limited to Head Office, each branch... For	Phân quyền dữ liệu - Hệ thống cho phép người dùng xem được những thông tin trên đơn bảo hiểm được chia sẻ. - Hệ thống cho phép người dùng xem báo cáo theo từng công ty thành viên - Hệ thống cung cấp tính năng cho phép phân quyền dữ liệu bao gồm nhưng không giới hạn	M				

			example, with the same function, BIC Hanoi only sees data from Hanoi, not see data of BIC Ho Chi Minh.	theo Trụ sở chính, từng đơn vị thành viên... Ví dụ cùng 1 chức năng nhưng BIC Hà Nội chỉ nhìn thấy dữ liệu của Hà Nội, không nhìn thấy của BIC Hồ Chí Minh					
	13	Manage Data Access Restriction according to limits: including but not limited to - The system has the function of managing user limits according to: + Transaction type (premium, commissions, reserves, claim, reinsurance...) + By Currency + By user group/User ... - Limits include: transaction limit, cash transaction limit, transaction approval limit	Phân quyền theo hạn mức: bao gồm nhưng không giới hạn - Hệ thống có chức năng quản lý các hạn mức người sử dụng theo: + Loại giao dịch (phí, hoa hồng, dự phòng, bồi thường, tái bảo hiểm ...) + Loại tiền tệ + Theo nhóm người sử dụng/Người sử dụng ... - Hạn mức bao gồm: hạn mức thực hiện giao dịch, Hạn mức giao dịch tiền mặt, Hạn mức phê duyệt giao dịch	M					
	14	Approval limit The system automatically provides a list of appropriate approval officers for each bussniness based on the defined limit. The system allows sequential approval, each step will compare the limit of the approved position: + Amount to be approved is greater than limit of all approved people: The system automatically selects user with the closest limit to review and approve the information and transfer it to a higher level for processing + Amount to be approved is smaller than limit of some approved user or all: The system displays all users with limits to approve at this step and allows the user to select 1 user or multiple level	Hạn mức phê duyệt Hệ thống tự động đưa ra danh sách cán bộ phê duyệt phù hợp của từng nghiệp vụ dựa trên Hạn mức đã thiết lập. Hệ thống cho phép duyệt tuần tự, mỗi bước sẽ so sánh hạn mức của chức vụ được duyệt: + Số tiền cần duyệt > hạn mức tất cả người được duyệt: Hệ thống tự động chọn người có hạn mức gần nhất xem duyệt thông tin và chuyển cấp trên xử lý + Số tiền cần duyệt < hạn mức một số người được duyệt hoặc tất cả: Hệ thống hiển thị tất cả cán bộ lãnh đạo có hạn mức có khả năng phê duyệt tại bước này và cho phép người dùng chọn 1 hay nhiều cấp thẩm quyền duyệt	M					
	15	The system allows integration with BIC's payment system, enabling the retrieval of relevant information and enforcing system actions in accordance with the predefined conditions. Example: + Within the limit of the person approving the request and transferring money domestically, direct transfer is allowed (fast money transfer). • The user approves payment, the system switches to waiting for payment. The system integrates with the fast money	Hệ thống cho phép tích hợp hệ thống thanh toán của BIC, cho phép truy xuất các thông tin và yêu cầu hệ thống thực hiện theo các điều kiện được thiết lập Ví dụ: + Trong hạn mức của người duyệt đề nghị và chuyển tiền trong nước thì được phép đi thẳng (chuyển tiền ngay). • Người dùng duyệt thanh toán, hệ thống chuyển trạng thái chờ thanh toán. Hệ thống	M					

		<p>transfer system to transfer money immediately.</p> <ul style="list-style-type: none"> The system automatically updates money transfer results. <p>+ Outside the limit and domestically,</p> <ul style="list-style-type: none"> The user approves payment, the system switches to waiting for payment. Transfer to the Accounting Department for approval on the fast money transfer system. Accounting officers approve payments on the fast money transfer system. The system automatically updates money transfer results. <p>+ For transferring money abroad, transfer money to the accounting department for processing</p>	<p>tích hợp với hệ thống chuyển tiền nhanh để chuyển tiền ngay.</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống tự động cập nhật kết quả chuyển tiền. <p>+ Ngoài hạn mức và trong nước,</p> <ul style="list-style-type: none"> Người dùng duyệt thanh toán, hệ thống chuyển trạng thái chờ thanh toán. Chuyển bộ phận kế toán thực hiện chuyển tiền trên hệ thống chuyển tiền nhanh. Sau khi đã thanh toán trên hệ thống chuyển tiền nhanh. Hệ thống tự động cập nhật kết quả chuyển tiền. <p>+ Chuyển tiền ra nước ngoài, chuyển ban kế toán xử lý</p>					
	16	The system provides features to manage user status: close, active, suspend, lock, ...	Hệ thống cung cấp chức năng quản lý trạng thái người sử dụng: Close, active, suspend, lock, ...	M				
	17	The system must store the user's permission change history for reference.	Hệ thống phải lưu trữ Lịch sử thay đổi quyền hạn của người sử dụng để tra cứu.	M				
	18	<p>The system provides features to transfer staff from offices/departments</p> <ul style="list-style-type: none"> Each user is declared to belong to a department or branch. Allow users to belong to many different Branches, but only work at 1 Branch at a time. Allow users to select branch to work with 	<p>Có chức năng điều chuyển cán bộ từ các phòng ban</p> <ul style="list-style-type: none"> Mỗi người dùng được khai báo thuộc về phòng ban, CTTV Cho phép tại một thời điểm, một người dùng chỉ thuộc và tác nghiệp tại 1 phòng ban/ 1 CTTV, tuy nhiên có thể có lịch sử tác nghiệp tại nhiều phòng ban/CTTV Cho phép người dùng có thẩm quyền lựa chọn CTTV/phòng ban để tác nghiệp. 	M				
	19	The system provides features for single sign-on (SSO), which integrates multiple authentication mechanisms (2-factor, token)	Có chức năng đăng nhập một lần (SSO), có chức năng tích hợp nhiều cơ chế xác thực (bảo mật 2 yếu tố, sử dụng token)	M				
	20	The system provides features to set up expired date for user.	Hệ thống có tính năng thiết lập tham số hiệu lực của người sử dụng (có expired date).	M				
	21	The system provides features to integrate with BIC's Identity Provider system (IDP) to retrieve information about users.	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống xác thực người dùng của BIC (IDP) để lấy thông tin về user đăng nhập	M				
	22	<p>Organizational management (HO and branch)</p> <ul style="list-style-type: none"> View List of BIC branch and division Allow to create/edit/active-deactive BIC branch or division 	<p>Quản lý tổ chức (HO và các CTTV)</p> <ul style="list-style-type: none"> Xem Danh sách ban (HO) và CTTV BIC Tạo mới/ sửa/ active-deactive ban (HO) và CTTV BIC 	M				

			- Intergrate with HRM system to sync information (if need)	- Tích hợp đồng bộ thông tin từ các hệ thống nhân sự bên ngoài (nếu cần)					
0.3. Danh mục dùng chung/ Base Table	23	The system provides features to configure event dimension includes the following information: Event code, event name, event date, location	Hệ thống cho phép thiết lập Danh mục sự kiện bao gồm những thông tin: Mã sự kiện, tên sự kiện, ngày diễn ra, khu vực diễn ra	M	0.5				
		Output tax rate table	Danh mục thuế suất đầu ra						
	24	The system allows to setup tax rates according to subjects including but not limited to: - by subject: Clients, individual agents, insured subjects, etc. - by type/group of bussiness - Users can add, edit, activate/inactivate tax rates and the system must allow viewing of history.	Hệ thống cho phép thiết lập thuế suất theo các đối tượng bao gồm nhưng không giới hạn: - theo đối tượng: Khách hàng, đại lý cá nhân, đối tượng bảo hiểm, ... - theo loại/nhóm nghiệp vụ - Người dùng có thể thêm mới, chỉnh sửa, active/inactive các thuế suất và hệ thống phải cho phép xem được lịch sử thay đổi	M	0.5				
	25	Tax rate information includes but is not limited to: - Tax name - Rate - Taxable amount - Effective time - Citing sources ...	Thông tin thuế suất bao gồm nhưng không giới hạn: - Tên thuế suất - Tỷ lệ - Mức tính thuế - Thời gian hiệu lực - Trích dẫn nguồn ...	M					
		Currency table	Danh mục tiền tệ						
	26	The system allows setting and managing monetary parameters: - currency type - currency codes, - decimal numbers for each currency so that the system automatically limits and controls the creation, and display of amounts of transactions.	Hệ thống cho phép thiết lập, quản lý tham số về tiền tệ: - Thiết lập loại tiền tệ - Định nghĩa mã tiền tệ, định nghĩa số thập phân theo mỗi loại tiền tệ để hệ thống tự động giới hạn và kiểm soát việc nhập, tạo, hiển thị các số tiền của tất cả các loại giao dịch.	M	0.5				
	27	The system meets the multi-currency management and multi-currency related bussiness, including: - Create currency - Allow limiting the use of currencies as required by BIC	Hệ thống đáp ứng cơ chế quản lý đa tiền tệ và các nghiệp vụ liên quan đến đa tiền tệ, bao gồm: - Tạo loại tiền tệ mới - Cho phép giới hạn việc sử dụng các loại tiền tệ theo yêu cầu của BIC	M					
	28	The system allows synchronizing or manually importing exchange rates by date and time from BIDV or Vietcombank's website.	Hệ thống cho phép đồng bộ hoặc import thủ công tỷ giá theo ngày, giờ từ web của BIDV hoặc Vietcombank	M					

		29	The system allows users to add, edit, activate/inactivate foreign currency and the system must allow users to view the history.	Hệ thống cho phép người dùng thêm mới, chỉnh sửa, active/inactive các ngoại tệ và hệ thống phải cho phép xem được lịch sử thay đổi	M				
			Table of hospitals and medical facilities	Danh mục bệnh viện và cơ sở y tế					
		30	The system allows to manage, filter, and search for affiliated hospitals and medical facilities according to the following criteria: + By the province and city where the head office/branch is located + By type of hospital: Public hospital, private hospital. + By type of guarantee: Inpatient guarantee, Outpatient guarantee, dental + By guarantee contract number	Hệ thống cho phép quản lý, lọc, tìm kiếm Bệnh viện, Cơ sở y tế liên kết theo các tiêu chí sau đây: + Theo địa bàn tỉnh, thành phố đặt trụ sở + Theo loại bệnh viện: Bệnh viện công, bệnh viện tư. + Theo loại hình bảo lãnh: Bảo lãnh nội trú, Bảo lãnh ngoại trú, nha khoa + Theo số hợp đồng bảo lãnh	M	0.5			
		31	The system allows managing affiliated hospitals and medical facilities with detailed information: + Name, address, phone number, Web address of hospitals and medical facilities, legal representative. + Business registration license number, tax code, bank account number. + Medical examination specialist.	Hệ thống cho phép quản lý các Bệnh viện, Cơ sở y tế liên kết theo đầy đủ thông tin chi tiết: + Tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ Web của Bệnh viện/CSYT, người đại diện theo pháp luật. + Số Giấy phép đăng ký kinh doanh, mã số thuế, số tài khoản. + Chuyên khoa khám bệnh.	M				
			Table of garages, showrooms, rescues	Danh mục gara, showroom, cứu hộ					
		32	The system allows to manage, filter, and search for Repair Garage/Showroom/rescue according to the following criteria: + By the province and city where the head office/branch is located + By type of Garage: Genuine Garage, Outside Garage. + By the cooperation contract signed with BIC: Cooperated and not yet cooperated + By the type of vehicle specialized in repair (According to the specific vehicle brand or according to the type of passenger vehicle, car, truck, coach, tractor, refrigerated van, etc.)	Hệ thống cho phép quản lý, lọc, tìm kiếm Garage sửa chữa/Showroom/ cứu hộ theo các tiêu chí sau đây: + Theo địa bàn tỉnh, thành phố đặt trụ sở + Theo loại Gara: Gara chính hãng, Gara ngoài. + Theo hợp đồng ký kết hợp tác với BIC: Đã hợp tác và chưa hợp tác + Theo dòng xe chuyên sửa chữa (Theo hãng xe cụ thể hoặc theo dòng xe du lịch, xe con, xe tải, xe khách, đầu kéo, xe thùng đông lạnh...)	M	0.5			
		33	The system allows management of cooperative Garages and Showrooms with detailed information: + Name, address, phone number, Web address of Garage/Showroom/rescue, legal representative.	Hệ thống cho phép quản lý các Garage, Showroom hợp tác theo đầy đủ thông tin chi tiết: + Tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ Web của Garage/Showroom/ cứu hộ, người đại diện theo pháp luật.	M				

		<ul style="list-style-type: none"> + Business registration license number, tax code, bank account number. + Vehicle lines specialized in repair (According to specific vehicle brands or tourist buses, cars, trucks, passenger coaches, tractors, refrigerated vans, etc.) + Number of key personnel (how many service advisors, welders, painters, mechanics, etc.) + Quantity of equipment for repair (how many lifting platforms, fault diagnostic measuring machines, etc.) 	<ul style="list-style-type: none"> + Số Giấy phép đăng ký kinh doanh, mã số thuế, số tài khoản. + Dòng xe chuyên sửa chữa (Theo hãng xe cụ thể hoặc theo dòng xe du lịch, xe con, xe tải, xe khách, đầu kéo, xe thùng đông lạnh...) + Số lượng nhân sự chính (bao nhiêu cố vấn dịch vụ, thợ hàn, thợ sơn, thợ máy...) + Số lượng trang thiết bị phục vụ sửa chữa (bao nhiêu dàn nâng, máy đo chuẩn đoán lỗi...) 					
		Table of Survey companies and law offices	Danh mục công ty giám định, văn phòng luật					
	34	<p>The system allows managing, filtering, and searching for independent Survey companies and law offices according to the following criteria:</p> <ul style="list-style-type: none"> + According to the province and city where the headquarters is located + By type: Foreign Inspection Company, Domestic Inspection Company. + According to the cooperation contract signed with BIC: Cooperated and not yet cooperated + According to main field of expertise: Inspection of technical asset field, Maritime field, or both 	<p>Hệ thống cho phép quản lý, lọc, tìm kiếm Đơn vị giám định độc lập, Văn phòng luật sư theo các tiêu chí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Theo địa bàn tỉnh, thành phố đặt trụ sở + Theo loại: Công ty Giám định nước ngoài, Công ty Giám định trong nước. + Theo hợp đồng ký kết hợp tác với BIC: Đã hợp tác và chưa hợp tác + Theo lĩnh vực chuyên môn chính: Giám định mảng TSKT, mảng Hàng hải...hoặc cả 2 	M	0.5			
	35	<p>The system allows management of independent inspection units and collaborating attorney offices with details:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Name, address, phone number, Web address of the independent inspection unit and legal representative. + Business registration license number + Tax code + Contact person: phone number, address, email + Bank account: account number, bank name + According to main field of expertise: Inspection of Technical asset field, Maritime field or both + Number of main personnel (how many inspectors, etc.) + ... 	<p>Hệ thống cho phép quản lý các Đơn vị giám định độc lập, VP luật sư hợp tác theo đầy đủ thông tin chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tên, địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ Web của Đơn vị giám định độc lập, người đại diện theo pháp luật. + Số Giấy phép đăng ký kinh doanh + Mã số thuế + Người liên hệ: số điện thoại, địa chỉ, email + Tài khoản ngân hàng: số tài khoản, tên ngân hàng + Theo lĩnh vực chuyên môn chính: Giám định mảng TSKT, mảng Hàng hải...hoặc cả 2 + Số lượng nhân sự chính (bao nhiêu giám định viên...) + ... 	M				
		Underwriting source Table	Danh mục nguồn dịch vụ					

		36	The system allows managing the list of financial institutions selling products to BIC (for example BIDV branches, credit institutions, etc.) including but not limited to the following information: + Entity name + Entity code + Tax code + Contact person: phone number, address, email + Bank account: account number, bank name + ...	Hệ thống cho phép quản lý danh mục các tổ chức tài chính bán sản phẩm cho BIC (ví dụ các chi nhánh BIDV, các tổ chức tín dụng, ...) bao gồm không giới hạn các thông tin: + Tên đơn vị + Mã đơn vị + MST + Người liên hệ: số điện thoại, địa chỉ, email + Tài khoản ngân hàng: số tài khoản, tên ngân hàng + ...	M	0.5			
		37	The Underwriting source is displayed when submitting for approval of the service to apply appropriate client policies (BIDV source,source).	Nguồn dịch vụ được hiển thị khi trình duyệt dịch vụ để áp dụng các chính sách khách hàng phù hợp (nguồn BIDV, nguồn....)	M				
			Reinsurance partner Table	Danh mục đối tác tái bảo hiểm					
		38	The system allows managing a list of insurance companies that are partners with BIC, including but not limited to the following information: + Company name + Company code + Tax code + Contact person: phone number, address, email + Bank account: account number, bank name +...	Hệ thống cho phép quản lý danh mục các công ty bảo hiểm là đối tác với BIC, bao gồm không giới hạn các thông tin: + Tên công ty + Mã công ty + Mã số thuế + Người liên hệ: số điện thoại, địa chỉ, email + Tài khoản ngân hàng: số tài khoản, tên ngân hàng +...	M	0.5			
		39	The system allows the use of the same insurance company code and parent-child details for inward/outward treaty/facultative reinsurance	Hệ thống cho phép dùng chung 1 mã công ty bảo hiểm, chi tiết dạng cha-con cho các nghiệp vụ nhận/nhượng Tái bảo hiểm cố định/tạm thời.	M				
		40	The system allows management of BIC's reinsurance limits prescribed for each insurance company, credit limit, geographical area, etc.	Hệ thống cho phép quản lý hạn mức Tái của BIC quy định với từng công ty bảo hiểm, Hạn mức tín nhiệm, vùng địa lý, ...	M				
		41	The system allows users to create reinsurance limit binding rules to consider warning or not allowing premium quotations/insurance policy issuance.	Hệ thống cho phép người dùng tạo các nguyên tắc ràng buộc hạn mức Tái bảo hiểm để xem xét việc cảnh báo hay không cho phép chào phí/cấp đơn bảo hiểm	M				
			Table of disease codes (according to standards of the Ministry of Health. For example: ICD)	Danh mục mã bệnh (theo chuẩn của Bộ y tế. Ví dụ: ICD)					

		42	The system allows entering/editing/deleting disease codes, disease groups, disease names, and paraclinical tests (for each disease).	Hệ thống cho phép nhập/sửa/xóa mã bệnh, nhóm bệnh, tên bệnh, xét nghiệm cận lâm sàng (theo từng bệnh)	M	0.5			
		43	The system allows batch import (import from excel file)	Hệ thống cho phép nhập theo lô (import từ file excel)	M				
		44	The system allows setting disease types by product group, benefits (terms and conditions), limits, etc.	Hệ thống cho phép thiết lập loại bệnh theo nhóm sản phẩm, quyền lợi (điều kiện điều khoản), hạn mức,...	M				
		Table of causes of loss		Danh mục nguyên nhân tổn thất					
		45	The system allows adding/editing/deleting loss causes according to unlimited information fields such as: + Business name: goods/motor vehicles/ etc. + Product name/product code + Product terms and conditions + ...	Hệ thống cho phép thêm/sửa/xóa các nguyên nhân tổn thất theo các trường thông tin không giới hạn như: + Tên nghiệp vụ: hàng hóa/xe cơ giới/... + Tên sản phẩm/mã sản phẩm + Các điều kiện, điều khoản của sản phẩm + ...	M	0.5			
		46	The system allows batch import (import from excel file)	Hệ thống cho phép nhập theo lô (import từ file excel)	M				
		Table of reasons for revision		Danh mục lý do sửa đổi					
		47	The system allows users to define modification reasons for all screens in the core system, information including but not limited to: - Sequence number - Name of reason	Hệ thống cho phép người dùng định nghĩa được các lý do sửa đổi cho tất cả các màn hình trong hệ thống core, thông tin bao gồm không giới hạn: - STT - Tên lý do	M	0.5			
		48	When a user modifies information on any screen of the core system, the system requires the user to select a reason for modification based on a predetermined reason.	Khi người dùng sửa đổi thông tin trên bất kỳ màn hình nào của hệ thống core, hệ thống yêu cầu người dùng chọn lý do sửa đổi dựa trên lý do đã định sẵn	M				
		Table of partners/sales channels (excluding agents and brokers)		Danh mục đối tác/ kênh bán (không bao gồm đại lý và môi giới)					
		49	The system allows managing information about partners/sales channels (excluding agents and brokers)	Hệ thống cho phép quản lý thông tin đối tác/ kênh bán (không bao gồm đại lý và môi giới)	M	1			
		50	The system allows searching/ viewing/ adding/ editing/ deleting partner/sales channel information including but not limited to: - Sales channel code: Automatically generated in accordance with the rules established by BIC. - Vietnamese name, English name, abbreviation name, transaction name	Hệ thống cho phép tìm kiếm/ xem/ thêm mới/ sửa/ xóa thông tin đối tác/ kênh bán bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - Mã kênh bán: tự sinh theo quy tắc của BIC đặt ra - Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên viết tắt, tên giao dịch - Trụ sở chính: Địa chỉ, Tỉnh/ Thành phố	M				

			<ul style="list-style-type: none"> - Head office: Address, Province/City - Phone number - Representative information: Representative name, gender, position, etc. - Economic information: tax code, account number, bank, bank address - Contact information: Contact name, Position, Contact address, Landline phone, Mobile phone, Email address, etc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Điện thoại - Thông tin đại diện: Tên người đại diện, giới tính, chức vụ, ... - Thông tin kinh tế: mã số thuế, số tài khoản, Ngân hàng, Địa chỉ ngân hàng - Thông tin liên hệ: Tên người liên hệ, Chức vụ, Địa chỉ liên hệ, Điện thoại cố định, Điện thoại di động, Địa chỉ email, ... 					
	51	The system allows looking up and viewing information on reports and service contracts related to sales channels. (*) A sales channel can have many service contracts	Hệ thống cho phép tra cứu và xem thông tin các tờ trình, hợp đồng dịch vụ liên quan đến kênh bán (*) Một kênh bán có thể có nhiều hợp đồng dịch vụ	M					
	52	The system allows viewing and looking up the list of insurance contracts/policies operated through the sales channel according to the selected time. Displayed information includes but is not limited to: + Policy number, Insurance product, Application date, ... + Currency + Insurance premium information: Insurance premium exclusive of VAT, VAT (%), Insurance premium inclusive of VAT, etc. + Service fee rate (%), Service fee, etc. + ...	Hệ thống cho phép xem và tra cứu danh sách các hợp đồng/ đơn bảo hiểm khai thác qua kênh bán theo thời gian lựa chọn, thông tin hiển thị bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: + Số hợp đồng, Sản phẩm bảo hiểm, Ngày cấp đơn, ... + Đơn vị tiền tệ + Thông tin phí bảo hiểm: Phí bảo hiểm chưa bao gồm VAT, VAT(%), Phí bảo hiểm có VAT, ... + Tỷ lệ phí dịch vụ (%), Phí dịch vụ, ... + ...	M					
	53	The system allows storing/viewing and looking up historical information throughout the process of creating/updating sales channel information including but not limited to: - Operation - Update time - Operator	Hệ thống cho phép lưu trữ/ xem và tra cứu thông tin lịch sử toàn bộ quá trình tạo mới/ cập nhật thông tin kênh bán bao gồm nhưng không giới hạn: - Thao tác - Thời gian cập nhật - Người thao tác	M					
	54	The system allows managing (searching /viewing /adding /editing/deleting) service contract information with sales channels including but not limited to the following information: - Contract number - Sales channel information: taken from the list of sales channel information, the channel code shall be automatically generated in accordance	Hệ thống cho phép quản lý (tìm kiếm/ xem/ thêm mới/ sửa/ xóa) thông tin hợp đồng dịch vụ với kênh bán bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - Số hợp đồng - Thông tin kênh bán: lấy từ danh mục thông tin kênh bán, mã kênh tự sinh theo quy tắc của BIC đặt ra - Ngày ký kết	M					

			<p>with the rules established by BIC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Signing date - Effective date - Service fee rate (%) - Information about authorization to collect premiums: in case BIC authorizes a sales channel to collect insurance premiums, the system needs to support storing information about whether fee deduction is allowed or not. - Premium payment agreement includes but is not limited to: data reconciliation schedule, data response/confirmation deadline, insurance premium payment deadline (if authorized to collect premiums), etc. - Attachments ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày hiệu lực - Tỷ lệ phí dịch vụ (%) - Thông tin về ủy quyền thu phí: trường hợp BIC ủy quyền kênh bán thu phí bảo hiểm, hệ thống cần hỗ trợ lưu thông tin về việc cho phép đối trừ phí hay không - Thỏa thuận về thanh toán phí bao gồm nhưng không giới hạn: lịch đối soát số liệu, thời hạn phản hồi/ xác nhận số liệu, thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (nếu có ủy quyền thu phí)... - Đính kèm file ... 					
		55	The system allows configuration of authority hierarchy to submit/approve/refuse to sign/renew service contracts with sales channels	Hệ thống cho phép cấu hình phân cấp thẩm quyền trình/ duyệt/ từ chối ký/ gia hạn hợp đồng dịch vụ với kênh bán	O				
		56	The system allows users to submit/approve/refuse to sign/extend service contracts with sales channels according to established authority hierarchy.	Hệ thống cho phép trình/ duyệt/ từ chối ký/ gia hạn hợp đồng dịch vụ với kênh bán theo thiết lập phân cấp thẩm quyền	O				
		57	The system supports integrating electronic signing of service contracts with sales channels	Hệ thống hỗ trợ tích hợp kí điện tử hợp đồng dịch vụ với kênh bán	O				
		58	<p>The system allows storing/viewing and looking up historical information throughout the process of creating/submitting for approval/renewing service contracts with sales channels including but not limited to:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Operation - Update time - Operator ... 	<p>Hệ thống cho phép lưu trữ/ xem và tra cứu thông tin lịch sử toàn bộ quá trình tạo mới/ trình duyệt/ gia hạn hợp đồng dịch vụ với kênh bán bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác - Thời gian cập nhật - Người thao tác ... 	O				
		59	<p>The system allows preventing the use of sales channels and giving specific notices in the following cases:</p> <ul style="list-style-type: none"> - The effective date of the service contract with the sales channel has not yet arrived - The service contract with the sales channel has ended 	<p>Hệ thống cho phép ngăn chặn việc sử dụng kênh bán và đưa ra thông báo cụ thể với các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa đến ngày hiệu lực của hợp đồng dịch vụ với kênh bán - Hợp đồng dịch vụ với kênh bán đã chấm dứt 	M				

	0.4. Báo cáo	60	<p>The system needs to provide static reports including but not limited to the following reports:</p> <p>Debt report</p> <ul style="list-style-type: none"> • Debt report about subject, Underwriting source, Underwriting channel, etc • Debt report about reinsurance company/reinsurance broker • Debt report about the co-insurance company • Debt report about agents/brokers 	<p>Hệ thống cần cung cấp các báo cáo tĩnh bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:</p> <p>Báo cáo công nợ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo công nợ theo đối tượng, theo nguồn dịch vụ, kênh khai thác, ... • Báo cáo công nợ với công ty tái bảo hiểm/môi giới tái bảo hiểm • Báo cáo công nợ với công ty đồng bảo hiểm • Báo cáo công nợ với đại lý/môi giới 	M	5			
		61	<p>The system needs to provide static reports including but not limited to the following reports:</p> <p>Underwriting Report:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Detailed report of insurance policies by branch + Statement (Account 005 - Insurance policy with no liability yet) + Report of policy changing insurance term + Reports on policies by line of insurance, additional clauses, special provisions, declared value, sum insured, premium rate (TLP), premium, and other related information. + Revenue generated by Underwriting source, Underwriting channel, ... + Revenue statement + Commission statement + Detailed report on reserve + Critical reports migrated from the legacy system + Reports required by regulatory authorities 	<p>Hệ thống cần cung cấp các báo cáo tĩnh bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:</p> <p>Báo cáo Khai thác:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo chi tiết đơn bảo hiểm theo chi nhánh + Bảng kê (TK 005 - Đơn bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm) + Báo cáo đơn thay đổi thời hạn bảo hiểm + Báo cáo đơn theo loại hình bảo hiểm, điều khoản bổ sung, quy định đặc biệt, giá trị khai báo, số tiền bảo hiểm, TLP, phí... + Doanh thu phát sinh theo nguồn dịch vụ, kênh khai thác, ... + Bảng kê doanh thu + Bảng kê hoa hồng + Báo cáo chi tiết trích lập dự phòng nghiệp vụ + Báo cáo quan trọng từ hệ thống cũ chuyển sang + Báo cáo theo yêu cầu của CQ nhà nước 	M				
		62	<p>The system needs to provide static reports including but not limited to the following reports:</p> <p>Reinsurance Report</p> <ul style="list-style-type: none"> + Reinsurance and reinsurance ceding report by insurance policy + Report on the number of services that must arrange facultative reinsurance during the period: number of offers, number of binding offers, successful (no policy issued) offers, unsuccessful offers + Report on the number of services that must 	<p>Hệ thống cần cung cấp các báo cáo tĩnh bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:</p> <p>Báo cáo Tái bảo hiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo nhận nhượng tái bảo hiểm theo đơn bảo hiểm + Báo cáo về số đơn bảo hiểm/ dịch vụ phải thu xếp tái tạm thời trong kỳ: số bản chào, số bảo chào thành công (binding), thành công (không cấp đơn), không thành công + Báo cáo về số đơn bảo hiểm/ dịch vụ phải nhận tái tạm thời trong kỳ: từ chối, nhận có binding, nhận nhưng không cấp đơn 	M				

			<p>accept facultative reinsurance during the period: reject, receive with binding, receive but not issue the policy</p> <p>+ Reports on insurance policies by SOA issuance status (not yet due / due / overdue for issuance of SOA)</p> <p>+ Report of SOA quantity by status</p> <p>+ Detailed statement of Reinsurance ceding SOA</p> <p>+ Periodical SOA report</p> <p>+ Statement (XOL calculation details)</p>	<p>+ Báo cáo đơn bảo hiểm theo tình trạng phát hành SOA (chưa đến hạn /đến hạn/quá hạn phát hành SOA)</p> <p>+ Báo cáo số lượng SOA theo trạng thái</p> <p>+ Bảng kê chi tiết SOA nhượng Tái bảo hiểm</p> <p>+ Báo cáo SOA định kỳ</p> <p>+ Bảng kê (Chi tiết đơn tính XOL)</p>					
		63	<p>The system needs to provide static reports including but not limited to the following reports:</p> <p>Claim and survey report</p> <p>+ Report on claims management: new claim records,waiting for payment records, closing claim records, outstanding records, settlement time, details of the settlement process...</p> <p>+ Report to monitor, analyze and evaluate compensation rates of each bussiness: healthcare, property-engineering, vehicle, marine, ...</p> <p>+ Detailed report on insurance claim reserves</p> <p>+ Detail Report about reopened claim records</p> <p>+ The system provides the ability to integrate and push data related to insurance policy to external reporting systems of BIC</p>	<p>Hệ thống cần cung cấp các báo cáo tĩnh bao gồm nhưng không giới hạn các báo cáo sau:</p> <p>Báo cáo GĐBT</p> <p>+ Báo cáo về quản lý khiếu nại bồi thường: Hồ phát sinh, hồ sơ thanh toán, hồ sơ đóng, hồ sơ Outstanding, thời gian giải quyết, chi tiết quá trình giải quyết...</p> <p>+ Báo cáo theo dõi, phân tích, đánh giá về tỷ lệ bồi thường của từng mảng nghiệp vụ: con người, TSKT, XCG, Hàng hải, ...</p> <p>+ Báo cáo chi tiết dự phòng bồi thường bảo hiểm</p> <p>+ Báo cáo Số hồ sơ Mở lại</p> <p>+ Hệ thống cung cấp khả năng đẩy dữ liệu liên quan tới hồ sơ bảo hiểm đến các hệ thống báo cáo bên ngoài</p>	M				
		64	<p>The system provides the ability to integrate and push data related to insurance policy to external reporting systems of BIC</p>	<p>Hệ thống cung cấp khả năng đẩy dữ liệu liên quan tới hồ sơ bảo hiểm đến các hệ thống báo cáo bên ngoài</p>	M				
	0.5. Cảnh báo, thông báo	65	<p>How to display warnings:</p> <p>+ Always display on the screen after entering/selecting information</p> <p>+ Have color/information on the screen when logging into the system</p> <p>+ Shown as an additional user support feature</p>	<p>Cách thức hiển thị cảnh báo:</p> <p>+ Hiện thị luôn trên màn hình sau khi nhập/lựa chọn thông tin nhập liệu</p> <p>+ Hiện thị bằng màu sắc/thông tin trên màn hình khi đăng nhập hệ thống</p> <p>+ Hiện thị như một tính năng bổ sung hỗ trợ người dùng</p>	M	4			
		66	<p>The system warns if the user enters incorrectly or not according to regulations, for example, the insurance end date is after the policy issuance date, the vehicle manufacturing year is after the current year, the first registration date</p>	<p>Hệ thống cảnh báo nếu người sử dụng nhập sai, không theo quy định, ví dụ như thời hạn kết thúc bảo hiểm sau ngày cấp đơn, năm sản xuất xe sau năm hiện hành, ngày đăng ký lần đầu trước năm sản xuất xe, hạn thanh toán phí bảo</p>	M				

			is before the vehicle manufacturing year, insurance premium payment deadline does not comply with professional regulations, The license plate number, chassis number, and engine number recorded in the System shall be deemed to have already been registered under Policy No. ...	hiểm không đúng quy định nghiệp vụ, biển số xe/số khung/số máy ghi nhận trên hệ thống đã có ở đơn số ...				
	67	The system allows setting up alerts and sending reports on the status of insurance policies, but not limited to: insurance policies up to the effective date, insurance policies due to collect premiums, insurance policies overdue for payment. By the deadline for canceling the policy according to regulations, the insurance policy has taken effect but has not been updated by the user into the system (insurance policy is issued on paper, agreed outside the system)....	Hệ thống cho phép thiết lập cảnh báo và gửi báo cáo đối với trạng thái của đơn bảo hiểm nhưng không giới hạn: đơn bảo hiểm đến thời điểm phát sinh hiệu lực, đơn bảo hiểm đến hạn thu phí, đơn bảo hiểm quá hạn thanh toán đến thời hạn thực hiện hủy đơn theo quy định, đơn bảo hiểm đã phát sinh hiệu lực nhưng chưa được NSD cập nhật vào vào hệ thống (đơn bảo hiểm cấp bằng giấy, được thỏa thuận bên ngoài hệ thống)....	M				
	68	The system allows setting up warn insurance policies/user groups/product groups and operations with high loss ratio	Cảnh báo các đơn bảo hiểm/ nhóm người dùng/ nhóm sản phẩm, nghiệp vụ có tỷ lệ bồi thường cao	M				
	69	The system warns the insured person (human policy) whose age exceeds the prescribed age limit	Hệ thống cảnh báo người được bảo hiểm (đơn con người) có số tuổi vượt quá quy định	M				
	70	The system can issue warnings for insurance subjects belong to BIC's restricted list	Hệ thống có thể đưa ra cảnh báo đối với các đối tượng bảo hiểm thuộc danh sách BIC hạn chế	M				
	71	The system allows setting up warning of risk accumulation	Cảnh báo tích tụ rủi ro	M				
	72	The system allows setting up warning about transactions beyond the user's authority	Cảnh báo giao dịch vượt thẩm quyền của người sử dụng	M				
	73	The system allows setting up warning of customers with loss ratio>predefined	Cảnh báo khách hàng có tỷ lệ tổn thất xấu	M				
	74	The system allows setting up warning of exceeding treaty capacity	Cảnh báo vượt năng lực treaty	M				
	75	The system allows setting up warning about renewal due/overdue renewal	Cảnh báo đến hạn tái tục/quá hạn tái tục	M				
	76	The system allows setting up warning about violation of limits/rules of input fields set up on the system	Cảnh báo vi phạm giới hạn/quy tắc của trường nhập liệu đã thiết lập trên hệ thống	M				
	77	The system displays result of renewal rules which were setup for each product, product group(refer to ID 147) in the quotation	Hệ thống hiển thị thông tin tái tục của bản chào phí tùy thuộc vào nguyên tắc đã thiết lập cho từng sản phẩm, nhóm sản phẩm (tham chiếu ID 147)	M				

		78	The system provides warnings and refund reminders in cases of early contract cancellation/ termination	Hệ thống cung cấp các cảnh báo và nhắc hoàn phí với các trường hợp Hủy/ chấm dứt trước hạn hợp đồng	M				
		79	The system provides features to configure system parameters about time alert for policies arising without relevant documents attached, for example: Insurance application form, insurance contract, GCNBH, etc.	Hệ thống cần cung cấp khả năng thiết lập tham số hệ thống về thời gian cảnh báo đơn bảo hiểm phát sinh mà không có tài liệu liên quan đính kèm, ví dụ: Giấy yêu cầu tham gia bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, GCNBH,...	M				
		80	The support system reminds co-insurance debt (both cases of claiming and being claimed; reinsurance of co-insurance or co-insurance of reinsurance): there is a warning about the total number of claims due to reinsurance of co-insurance/ co-insurance of reinsurance	Hệ thống hỗ trợ nhắc nhở đến công nợ Đồng bảo hiểm (cả trường hợp đòi và bị đòi; tái hợp đồng hoặc đồng tái hợp) : có cảnh báo tổng số khiếu nại do tái hợp đồng/ đồng tái hợp	M				
		81	The system allows reminders of coinsurance payment schedules for followers	Hệ thống cho phép nhắc lịch thanh toán phí đồng bảo hiểm cho các follower	M				
		82	The system allows to remind leaders of premium collection schedules, and to schedule information exchange with leaders about the premium collection status of insurance policies that BIC is follower.	Hệ thống cho phép nhắc lịch thu đòi phí của các leader, nhắc lịch trao đổi thông tin với các nhà leader về tình trạng thu phí của các đơn bảo hiểm BIC là follower	M				
		83	The system allows tracking of payable/receivable subject of insurance premiums, commissions/brokerage, other expenses... according to receivable/payable obligations based on the responsibility of the entire insurance policy or BIC's responsibility	Hệ thống cho phép theo dõi chính xác đối tượng chi trả/phải thu phí bảo hiểm, hoa hồng/môi giới, các chi phí khác .. theo nghĩa vụ phải thu/phải trả trên cơ sở trách nhiệm của toàn bộ đơn bảo hiểm hay trách nhiệm của BIC	M				
		84	The system allows setting up to warn Insurance policy is due but still owed	Cảnh báo Đơn bảo hiểm đến hạn thanh toán nhưng vẫn nợ	M				
		85	The system allows setting up to warn Insurance policy expires	Cảnh báo Đơn bảo hiểm hết hạn bảo hiểm	M				
		86	The system allows warning about losses occurring in a serious incident (for example: Storm, flood, fire...)	Cảnh cáo các tổn thất xảy ra trong 1 sự cố nghiêm trọng (chẳng hạn: Bão, lụt, cháy...)	M				
		87	The system allows to manage and warn in detail according to each cause of loss for each claim and in all bussiness.	Quản lý và cảnh báo chi tiết theo từng nguyên nhân tổn thất đối với từng khiếu nại và ở tất cả các mảng nghiệp vụ.	M				
		88	The system allows to manage and warn about receivables: Co-insurance, reinsurance, third party...: - How many claims are related to coinsurance - How many claims are related to Reinsurance - How many claims are related to third parties	Quản lý và cảnh báo được các khoản phải thu đòi: Đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, bên thứ ba...: - Có bao nhiêu khiếu nại liên quan tới đồng bảo hiểm - Có bao nhiêu khiếu nại liên quan tới Tái bảo	M				

				hiêm - Có bao nhiêu khiếu nại liên quan tới bên thứ ba				
	89	The system allows to manage and warn about the number of claims according to each selection criteria: + Unprocessed/pending/approved/rejected claims. + Claims blocked due to the system entry date being overdue/reserve not yet being created...: for example: If lossreserve are not made for more than 14 days (when a claim is received), it will be prevent claim processing. If you want to continue working, submit a request to a competent level to approve opening the blocked status. --> Allow customizing blocking rules according to claim & survey procedures/ instructions. + Claims that take a long time to handle but are not yet settled: there is a warning about the total number of claims and details of each claim (according to the general report form) for each operation (support customizing the definition of allowable time for each operation). + Claims have insurance fraud: vehicle, healthcare: there is a warning about the total number of claims and details of each claim according to signs/behaviors of insurance fraud + Claims related to Vip/Warning customers...: there is a warning about the total number of claims for each type of customer	Quản lý và cảnh báo số khiếu nại theo từng tiêu chí lựa chọn: + Các khiếu nại chưa xử lý/đang chờ duyệt/đã duyệt/bị từ chối. + Các khiếu nại bị chặn do quá ngày nhập hệ thống/chưa lập DP...: ví dụ: quá 14 ngày hồ sơ k được lập dự phòng tổn thất (khi nhận được khiếu nại) thì sẽ bị chặn k cho xử lý bồi thường(hệ thống có chức năng chặn). Muốn làm việc tiếp được thì phải làm tờ trình nhờ cấp có thẩm quyền phê duyệt mở trạng thái chặn. --> cho phép tùy biến đặt quy tắc chặn theo quy trình/ hướng dẫn giám định bồi thường. + Các khiếu nại có thời gian giải quyết dài ngày mà chưa giải quyết xong: có cảnh báo tổng số khiếu nại và chi tiết từng khiếu nại (theo mẫu báo cáo chung) theo từng nghiệp vụ (hỗ trợ tùy biến định nghĩa thời gian cho phép với từng nghiệp vụ) + Các khiếu nại có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm: XCG, con người: có cảnh báo tổng số khiếu nại và chi tiết từng khiếu nại theo dấu hiệu/hành vi trục lợi bảo hiểm + Các khiếu nại liên quan đến khách hàng Vip/KH cảnh báo...: có cảnh báo tổng số khiếu nại cho từng loại khách hàng	M				
	90	The system allows warning of invoice that had been used in other claim records.	Cảnh báo hóa đơn Giá trị gia tăng đã được sử dụng tại hồ sơ bồi thường khác.	M				
	91	The system allows warning about out of insurance benefit limit: show a list of the remaining limit/ maximum limit for each insurance policy/ insurance benefits of the insured person (mainly about healthcare)	Cảnh báo hết hạn mức quyền lợi bảo hiểm: lên danh sách về hạn mức còn lại/ hạn mức tối đa cho từng đơn bảo hiểm/ quyền lợi bảo hiểm của người được bảo hiểm (chủ yếu là về con người)	M				
	92	The system allows warning that examination and treatment dates overlap with other claim records. (warning when entering claim records)	Cảnh báo ngày khám, điều trị trùng với hồ sơ bồi thường khác. (cảnh báo khi nhập hồ sơ bồi thường)	M				

		93	The system allows to warn, monitor and count the average amount/case of vehicle insurance, of outpatient treatment in Health insurance compared to milestone (same period, adjacent year, ...).	Theo dõi, thống kê và cảnh báo khi Số tiền bình quân/vụ của bảo hiểm vật chất XCG, của điều trị ngoại trú trong bảo hiểm Sức khỏe tăng cao so với mốc so sánh (cùng kỳ, năm liền kề, ...).	M				
		94	Warning if health facilities, car garages... are on the black list	Cảnh báo nếu CSYT, Gara ô tô... thuộc đối tượng black list	M				
		95	The system displays a warning when user was authorized not based on the predefined permission group	Hệ thống hiển thị cảnh báo khi NSD được phân quyền không thuộc nhóm quyền đã định nghĩa sẵn	M				
			Product configuration	Cấu hình sản phẩm					
1. Product Development/ Phát triển sản phẩm	1.1. Product Development/ Phát triển sản phẩm		Configuration of Motor vehicles product	Cấu hình sản phẩm Xe cơ giới					
		96	The system allows authorized users to self-define information fields about motor vehicle products without intervention from IT staff, including but not limited to the following information: 1. General product declaration information group - Product Groups - Product code - Product name - Product validity (including start date and end date), allow to remain blank as the end date of the product cannot be predetermined. - Product status (including values:Created, Active, Inactive , how to determine based on product validity), etc. 2. Customer information group: - Insurance buyer (Insured) - Payment subject - Invoice issuer - Customer classification: Organizations, Individuals - Method of contacting Customer (for example: text message, email, phone, Facebook message), etc. 3. Insurance period: - From date - To date - Effective date - Date of issue 4. Reference number	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa các trường thông tin về sản phẩm xe cơ giới mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: 1. Nhóm thông tin khai báo chung về sản phẩm - Nhóm sản phẩm - Mã sản phẩm - Tên sản phẩm - Hiệu lực sản phẩm (bao gồm ngày bắt đầu và ngày kết thúc cho phép để trống vì không thể biết trước ngày kết thúc của sản phẩm) - Trạng thái sản phẩm (bao gồm các giá trị: Tạo mới, Đang hoạt động, Dừng hoạt động, cách xác định dựa trên hiệu lực sản phẩm)... 2. Nhóm thông tin khách hàng: - Bên mua bảo hiểm - Người được bảo hiểm - Đối tượng thanh toán - Đối tượng xuất hóa đơn - Phân loại khách hàng: Tổ chức, Cá nhân - Phương thức liên lạc với khách hàng (ví dụ: tin nhắn điện thoại, email, điện thoại, tin nhắn Facebook)... 3. Thời hạn bảo hiểm: - Từ ngày - Đến ngày - Ngày hiệu lực - Ngày cấp 4. Số tham chiếu 5. Hình thức khai thác: Trực tiếp, Đồng báo	M	3			

		<p>5. Form of exploitation: Direct, Co-insurance, Inward facultative reinsurance, Inward treaty reinsurance</p> <ul style="list-style-type: none"> + Direct + Coinsurance: Insurance company, Role, Coinsurance rate, Management premium rate, Management premium amount + Inward facultative reinsurance: Ceding company, Acceptance rate, Commission rate + Inward treaty reinsurance: Ceding company, Acceptance rate, Commission rate +... <p>6. Information fields are calculated automatically, not entered manually</p> <ul style="list-style-type: none"> - Total Sum Insured : The system automatically calculates the Total Sum Insured based on the terms and conditions, benefits, and extension clauses for each product. - Total premium: The system automatically calculates the total premium based on the terms and, conditions, benefits, and extension clauses for each product. - Total other fees - Total VAT - Payment information, each endorsement : premium, other fees, VAT, Agent commission, Broker commission, etc. - ... <p>7. Exploitation information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Operational channels (For example: Direct, Agents, Brokers, Bancas, Showroom/Garage, Traffic Police Department, BIC online, my bic, BIDV online, GSM, etc.) - Agent - Broker - Service source <p>8. Subjects insured:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vehicle owner's name - Uses - Engine - Vehicle brand - Chassis/Engine number - Number of seats 	<p>hiểm, Nhận tái bảo hiểm tạm thời, Nhận tái bảo hiểm cố định</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trực tiếp + Đồng bảo hiểm: Công ty bảo hiểm, Vai trò, Tỷ lệ đồng bảo hiểm, Tỷ lệ phí quản lý, Thành tiền phí quản lý + Nhận tái bảo hiểm tạm thời: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng + Nhận tái bảo hiểm cố định: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng +... <p>6. Trường thông tin tính toán tự động, không nhập thủ công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền bảo hiểm: Hệ thống tự động tính Tổng số tiền bảo hiểm dựa trên các điều kiện điều khoản, quyền lợi, điều kiện sửa đổi bổ sung theo từng sản phẩm - Tổng phí bảo hiểm: Hệ thống tự động tính Tổng phí bảo hiểm dựa trên các điều kiện điều khoản, quyền lợi, điều kiện sửa đổi bổ sung theo từng sản phẩm - Tổng Phí khác - Tổng VAT - Thông tin thanh toán, từng lần Sửa đổi bổ sung: Phí bảo hiểm, Phí khác, VAT, Hoa hồng Đại lý, Môi giới... - ... <p>7. Thông tin khai thác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh khai thác (Ví dụ: Trực tiếp, Đại lý, Môi giới, Bancas, Showroom/Gara, Phòng cảnh sát giao thông, BIC online, my bic, BIDV online, GSM...) - Đại lý - Môi giới - Nguồn dịch vụ - Điểm bán <p>8. Đối tượng bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên chủ xe - Mục đích sử dụng - Động cơ xe - Nhãn hiệu xe 					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> - Type of vehicle - Location - List of assets... <p>9. Extension clauses : Codes of extension clauses , names of extension clauses , limits of endorsement , Sum Insured, premium, premium rate, etc.</p> <p>10. Additional information</p> <p>11. Premium information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - deductible, franchise , amount) - Commission rate (In percentage) - Premium reduction rate - Support rate - VAT(%) - Provision costs to limit losses - Other costs - Payments - Authorization to collect premiums (e.g.: Customers Customer, Agents, Brokers, BIC, etc.) - Premium payment deadline, etc. - Insurance period: each endorsement (if any) - Voucher code - ... <p>12. Business expense rate</p> <p>13. Automatic invoice issuance: The system allows checking to choose</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số khung/Số máy - Số chỗ ngồi - Loại xe - Địa điểm - Danh sách tài sản... <p>9. Điều kiện, điều khoản bổ sung: Mã điều kiện điều khoản, Tên điều kiện điều khoản, Giới hạn sửa đổi bổ sung, giá trị bảo hiểm, phí bảo hiểm, tỷ lệ phí bảo hiểm...</p> <p>10. Thông tin bổ sung</p> <p>11. Thông tin phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức miễn thường (khấu trừ, không khấu trừ. số tiền) - Tỷ lệ hoa hồng (Theo phần trăm) - Tỷ lệ giảm phí - Tỷ lệ hỗ trợ - VAT(%) - Chi phí dự phòng hạn chế tổn thất - Chi phí khác - Hình thức thanh toán - Ủy quyền thu phí (VD: Khách hàng, Đại lý, Môi giới, BIC...) - Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm... - Thời hạn bảo hiểm: từng lần Sửa đổi bổ sung thay đổi (nếu có) - Mã voucher - ... <p>12. Tỷ lệ chi phí kinh doanh</p> <p>13. Xuất hóa đơn tự động: Hệ thống cho phép tích chọn</p>					
		97	The system allows authorized users to Add/Edit/Delete information fields and values of each field about motor vehicle products without intervention from IT staff, referring to configuration of Motor vehicles product	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới/Sửa/Xóa các trường thông tin và giá trị của từng trường về sản phẩm xe cơ giới mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, tham chiếu các trường thông tin mục nhập thông tin cấu hình sản phẩm xe cơ giới	M				
		98	The system allows authorized users to add new products without intervention from IT staff including: <ul style="list-style-type: none"> - Allow users to choose to create a new product/ from an existing product (previously created product) - Allow users to choose to add or remove 	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép lựa chọn tạo mới từ đầu/từ sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số 	M				

			information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Motor vehicles product) to include in the products	trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu các trường thông tin mục nhập thông tin cấu hình sản phẩm xe cơ giới) để đưa vào sản phẩm					
	99	The system allows authorized users to edit products without intervention from IT staff including: - Search/select products/product versions from the list of available products (previously created products) - Choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Motor vehicles product) to include in the products	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Sửa sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT bao gồm: - Tìm kiếm/lựa chọn sản phẩm/phiên bản sản phẩm từ danh sách sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu các trường thông tin mục nhập thông tin cấu hình sản phẩm xe cơ giới) để đưa vào sản phẩm	M					
		Health care product configuration	Cấu hình sản phẩm Con người						
	100	The system allows authorized users to self-define information fields about Health care products without intervention from IT staff, including but not limited to the following information: 1. Product declaration information group - Product group - Product code - Product name - Product validity (including start date and end date) - Product status (including values: Created, Active, Inactive, how to determine based on product validity), etc. 2. Customer information group: - Insurance buyer - Insurance program - Youngest age - Oldest age - Customer classification: Organizations, Individuals - Method of contacting Customer (for example: text message, email, phone, Facebook message), etc. 3. Insurance period: - From date	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa các trường thông tin về sản phẩm Con người mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: 1. Nhóm thông tin khai báo về sản phẩm - Nhóm sản phẩm - Mã sản phẩm - Tên sản phẩm - Hiệu lực sản phẩm (bao gồm ngày bắt đầu và ngày kết thúc) - Trạng thái sản phẩm (bao gồm các giá trị: Tạo mới, Đang hoạt động, Dừng hoạt động, cách xác định dựa trên hiệu lực sản phẩm)... 2. Nhóm thông tin khách hàng: - Bên mua bảo hiểm - Chương trình bảo hiểm - Tuổi nhỏ nhất - Tuổi cao nhất... - Phân loại khách hàng: Tổ chức, Cá nhân - Phương thức liên lạc với khách hàng (ví dụ: tin nhắn điện thoại, email, điện thoại, tin nhắn Facebook)... 3. Thời hạn bảo hiểm: - Từ ngày - Đến ngày	M	3				

		<ul style="list-style-type: none"> - To date - Date of Issue - Effective date <p>4. Reference number</p> <p>5. Form of exploitation: Direct, Co-insurance, Inward Facultative reinsurance, Inward Treaty reinsurance</p> <ul style="list-style-type: none"> + Direct + Coinsurance: Insurance company, Role, Coinsurance rate, Management premium rate, Management premium amount + Inward Facultative reinsurance: Reinsurance ceding company, Acceptance rate, Commission rate + Inward Treaty reinsurance: Reinsurance ceding company, Acceptance rate, Commission rate +... <p>6. Benefit groups/packages for each product, including but not limited to:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Insurance benefits - Insurance premiums - Insurance premium rate - Maximum amount - Maximum number of times - Maximum number of days - Maximum number of days before hospitalized date - Maximum number of days after date of hospital discharge - Waiting Period - Deductible, Franchise - Choose the deduction level, etc. <p>For example: Group 1, Group 2, Group 3, Group 4, Group 5, Group 6, etc.</p> <p>7. Exploitation information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Service source - Exploitation channels (For example: Direct, Agents, Brokers, Bancas, Showroom/Garage, Traffic Police Department, BIC online, my bic, BIDV online, GSM, etc.) - Agents - Brokers 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày cấp đơn - Ngày hiệu lực <p>4. Số tham chiếu</p> <p>5. Hình thức khai thác: Trực tiếp, Đồng bảo hiểm, Nhận tái bảo hiểm tạm thời, Nhận tái bảo hiểm cố định</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trực tiếp + Đồng bảo hiểm: Công ty bảo hiểm, Vai trò, Tỷ lệ đồng bảo hiểm, Tỷ lệ phí quản lý, Thành tiền phí quản lý + Nhận tái bảo hiểm tạm thời: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng + Nhận tái bảo hiểm cố định: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng +... <p>6. Nhóm/Gói quyền lợi theo từng sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền lợi bảo hiểm - Phí bảo hiểm - Tỷ lệ phí bảo hiểm - Số tiền tối đa - Số lần tối đa - Số ngày tối đa - Số ngày trước tối đa - Số ngày sau tối đa - Thời gian chờ - Mức miễn thường - Chọn mức đồng chi trả khấu trừ... <p>VD: Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4, Nhóm 5, Nhóm 6...</p> <p>7. Thông tin khai thác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn dịch vụ... - Kênh khai thác (Ví dụ: Trực tiếp, Đại lý, Môi giới, Bancas, Showroom/Gara, Phòng cảnh sát giao thông, BIC online, my bic, BIDV online, GSM...) - Tên Đại lý - Tên Môi giới <p>8. Đối tượng bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên khách hàng 					
--	--	---	---	--	--	--	--	--

		<p>8. Subjects insured:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Customer's full name - Subject - Date of birth - Gender - Age - ID card - Benefit groups/packages - Email - ... <p>9. Extension clauses (Extended benefits): Code of extension clauses, Name of extension clauses, Sum Insured, premium, etc. The information field is calculated automatically, not entered manually</p> <ul style="list-style-type: none"> - Total insurance premium: The system automatically calculates the total premium based on the premium amount for each benefit group/package - Payment information, each endorsement: Insurance premium, Premium discount, Total applicable premium (Insurance premium minus Premium discount), Agent commission, Broker commission, etc. - ... <p>10. Premium information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Deductible, Franchise - Premium reduction rate - Commission rate (in percentage) - Support rate - Payment deadline - Insurance period: Endorsement (if any) - Currency - Voucher code - Authorization to collect premiums (e.g., Customer, Agents, Brokers, BIC, etc.) <p>11. Business expense rate</p> <p>12. Automatic invoice issuance: The system allows checking to choose</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng người được bảo hiểm (nhân viên, người thân, học sinh, giáo viên...) - Ngày sinh - Giới tính - Độ tuổi - CMTND/CCCD/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân - Nghề nghiệp, chức vụ - Nhóm/Gói quyền lợi - Email - ... <p>9. Điều kiện, điều khoản bổ sung (Quyền lợi mở rộng): Mã điều khoản bổ sung, Tên điều khoản bổ sung, Số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường thông tin Phí bảo hiểm được tính toán tự động theo số tiền BH, QL BH, ĐKBH, độ tuổi... (quy tắc tính phí theo quy định riêng của từng sản phẩm), không nhập thủ công - Tổng phí bảo hiểm: Hệ thống tự động tính Tổng phí bảo hiểm dựa trên số phí theo từng nhóm/gói quyền lợi - Thông tin thanh toán, hệ thống lưu được từng lần Sửa đổi bổ sung: Phí bảo hiểm, Giảm phí, Tổng phí áp dụng (Phí bảo hiểm trừ đi Giảm phí), Hoa hồng Đại lý, Môi giới,... - <p>10. Thông tin phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức miễn thường - Phí bảo hiểm được tính theo từng người được BH, từng QL BH (phí của một người bằng tổng phí các QL BH mà người đó tham gia) - Tỷ lệ giảm phí, Các yếu tố tăng/giảm phí, và mức phí tăng/giảm tương ứng... - Tổng phí áp dụng (Phí bảo hiểm chuẩn trừ đi Giảm phí) - Tỷ lệ hoa hồng (theo phần trăm) - Tỷ lệ hoa hồng hỗ trợ - Hoa hồng đại lý, môi giới - Hạn thanh toán, thông tin thanh toán - Thời hạn bảo hiểm: từng lần Sửa đổi bổ sung thay đổi (nếu có) - Loại tiền... 					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> - Mã voucher/chương trình khuyến mại - Ủy quyền thu phí (VD: Khách hàng, Đại lý, Môi giới, BIC...) <p>11. Tỷ lệ chi phí kinh doanh</p> <p>12. Xuất hóa đơn tự động: Hệ thống cho phép tích chọn</p>					
	101	The system allows authorized users to Add/Edit/Delete information fields and the value of each field about Health care products without intervention from IT staff, refer to configuration of Health care product	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới/Sửa/Xóa các trường thông tin và giá trị của từng trường về sản phẩm con người mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, tham chiếu các trường thông tin tại mục Mục nhập cấu hình sản phẩm con người	M				
	102	<p>The system allows authorized users to add new products without intervention from IT staff including:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Allow users to choose to create a new product from the beginning/ from an existing product (previously created product) - Allow users to choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Health care product) to include in the products 	<p>Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho phép lựa chọn tạo mới từ đầu/từ sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu Mục nhập cấu hình sản phẩm con người) để đưa vào sản phẩm 	M				
	103	<p>The system allows authorized users to edit products without intervention from IT staff including:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Search/select products/product versions from the list of available products (previously created products) - Choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Health care product) to include in the products 	<p>Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Sửa sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm kiếm/lựa chọn sản phẩm/phiên bản sản phẩm từ danh sách sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu Mục nhập cấu hình sản phẩm con người) để đưa vào sản phẩm 	M				
		Configuration of Property – Engineering products	Cấu hình sản phẩm nghiệp vụ Tài sản kỹ thuật					
	104	The system allows authorized users to define product information fields for Property & Engineering insurance lines without intervention from IT staff, including but not limited to the following: 1. Product declaration information group: - Product group	<p>Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa các trường thông tin về sản phẩm nghiệp vụ Tài sản kỹ thuật mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:</p> <p>1. Nhóm thông tin khai báo về sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm sản phẩm 	M	3			

		<ul style="list-style-type: none"> - Product code - Product name - Product validity (including start date and end date) - Product status (including values: New, Active, Inactive; determined based on product validity) <p>2. Customer information group:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Policyholder (Insured) - Payer - Invoice recipient - Customer type: Corporate, Individual - Customer communication method (e.g., SMS, email, phone, Facebook message, etc.) <p>3. Insurance period:</p> <ul style="list-style-type: none"> - From date - To date - Effective date - Issue date <p>4. Business type: Direct, Co-insurance, Facultative Inward Reinsurance, Treaty Inward Reinsurance</p> <ul style="list-style-type: none"> - Direct - Co-insurance: Insurance company, Role, Co-insurance share, Management fee rate, Management fee amount - Facultative Inward Reinsurance: Ceding company, Share, Commission rate - Treaty Inward Reinsurance: Ceding company, Share, Commission rate - ... <p>5. Distribution channel information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Distribution channel (e.g., Direct, Agent, Broker, Bancassurance, Showroom/Garage, Traffic Police, BIC Online, My BIC, BIDV Online, GSM, etc.) - Agent - Broker - Referrer - Service source <p>6. Reference number</p> <p>7. Insured object information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Business sector - Insured object group 	<ul style="list-style-type: none"> - Mã sản phẩm - Tên sản phẩm - Hiệu lực sản phẩm (bao gồm ngày bắt đầu và ngày kết thúc) - Trạng thái sản phẩm (bao gồm các giá trị: Tạo mới, Đang hoạt động, Dừng hoạt động, cách xác định dựa trên hiệu lực sản phẩm) <p>2. Nhóm thông tin khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mua bảo hiểm (Người được bảo hiểm) - Đối tượng thanh toán - Đối tượng xuất hóa đơn - Phân loại khách hàng: Tổ chức, Cá nhân - Phương thức liên lạc với khách hàng (ví dụ: tin nhắn điện thoại, email, điện thoại, tin nhắn Facebook)... <p>3. Thời hạn bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày - Đến ngày - Ngày hiệu lực - Ngày cấp <p>4. Hình thức khai thác: Trực tiếp, Đồng bảo hiểm, Nhận tái bảo hiểm tạm thời, Nhận tái bảo hiểm cố định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp - Đồng bảo hiểm: Công ty bảo hiểm, Vai trò, Tỷ lệ đồng bảo hiểm, Tỷ lệ phí quản lý, Thành tiền phí quản lý - Nhận tái bảo hiểm tạm thời: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng - Nhận tái bảo hiểm cố định: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng - ... <p>5. Thông tin khai thác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kênh khai thác (Ví dụ: Trực tiếp, Đại lý, Môi giới, Bancas, Showroom/Gara, Phòng cảnh sát giao thông, BIC online, my bic, BIDV online, GSM...) - Đại lý - Môi giới - Người giới thiệu - Nguồn dịch vụ <p>6. Số tham chiếu</p>					
--	--	---	---	--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Full risk description - Insurance location: Province/City, District/Town, Ward/Commune, Village/Industrial Zone/Cluster, etc. - GPS coordinates (Longitude, Latitude) <p>8. Endorsement clauses: Clause code, Clause name, Endorsement limit, etc.</p> <p>9. Insurance terms & conditions</p> <p>10. Sum insured and Premium</p> <p>11. Loss history:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loss amount - Loss cause - Loss description - Total premium (last 5 years) - Claims paid (last 5 years) - Loss ratio (last 5 years) <p>12. System-calculated fields (not manually input):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Total sum insured: automatically calculated based on product-specific conditions, coverages, and endorsements - Total premium: automatically calculated based on product-specific conditions, coverages, and endorsements - Other premiums - Total VAT - Payment information for each endorsement: Premium, Other fees, VAT, Agent commission, Broker commission, etc. - ... <p>13. Premium information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Deductible - Currency - Commission rate - Support rate - Discount rate - Other fees - Loss prevention reserve cost - Other expenses - Payment method - Premium payment term - Insurance term per endorsement change (if any) 	<p>7. Đối tượng bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành nghề kinh doanh - Nhóm đối tượng bảo hiểm - Mô tả đầy đủ rủi ro - Địa điểm bảo hiểm: Tỉnh/Thành phố, Huyện/Thị xã, Phường/Xã, Thôn/Xóm/Khu CN/Cụm CN... - Tọa độ GPS (Kinh độ, Vĩ độ) <p>8. Điều khoản bổ sung: Mã điều khoản bổ sung, Tên điều khoản bổ sung, Giới hạn SDBS,...</p> <p>9. Quy tắc bảo hiểm</p> <p>10. Số tiền bảo hiểm, Phí bảo hiểm</p> <p>11. Lịch sử tổn thất:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiền tổn thất - Nguyên nhân tổn thất - Mô tả tổn thất - Tổng phí (5 năm gần nhất) - Bồi thường (5 năm gần nhất) - Tỷ lệ (5 năm gần nhất) <p>12. Trường thông tin tính toán tự động, không nhập thủ công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền bảo hiểm: Hệ thống tự động tính Tổng số tiền bảo hiểm dựa trên các điều kiện điều khoản, quyền lợi, điều kiện sửa đổi bổ sung theo từng sản phẩm - Tổng phí bảo hiểm: Hệ thống tự động tính Tổng phí bảo hiểm dựa trên các điều kiện điều khoản, quyền lợi, điều kiện sửa đổi bổ sung theo từng sản phẩm - Tổng Phí khác - Tổng VAT - Thông tin thanh toán, từng lần Sửa đổi bổ sung: Phí bảo hiểm, Phí khác, VAT, Hoa hồng Đại lý, Môi giới,... - ... <p>13. Thông tin phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức miễn thường (khấu trừ) - Loại tiền - Tỷ lệ hoa hồng - Tỷ lệ hỗ trợ - Tỷ lệ giảm phí - Phí khác - Chi phí dự phòng hạn chế tổn thất 					
--	--	---	--	--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Voucher code - Collection authority (e.g., Customer, Agent, Broker, BIC, etc.) 14. Expense ratio 15. Automatic invoice issuance: system allows tick/untick option	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí khác - Hình thức thanh toán - Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm... - Thời hạn bảo hiểm: từng lần Sửa đổi bổ sung thay đổi (nếu có) - Mã voucher - Ủy quyền thu phí (VD: Khách hàng, Đại lý, Môi giới, BIC...) 14. Tỷ lệ chi phí kinh doanh 15. Xuất hóa đơn tự động: Hệ thống cho phép tích chọn ...					
	105	The system allows authorized users to add/edit/delete information fields and the value of each field about Property – Engineering products without intervention from IT staff, and refer to information fields. in section configuration of Property – Engineering product	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới/Sửa/Xóa các trường thông tin, giá trị của từng trường về sản phẩm nghiệp vụ tài sản kỹ thuật mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, tham chiếu các trường thông tin tại Mục nhập cấu hình sản phẩm tài sản kỹ thuật	M				
	106	The system allows authorized users to add new products without intervention from IT staff: - Allows you to choose to create a new product from scratch/from an existing product (previously created product) - Allows you to choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Property – Engineering product) to include in the product	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT: - Cho phép lựa chọn tạo mới từ đầu/từ sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu Mục nhập cấu hình sản phẩm tài sản kỹ thuật) để đưa vào sản phẩm	M				
	107	The system allows authorized users to edit products without intervention from IT staff: - Search/select products/product versions from the list of available products (previously created products) - Allows you to choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Property – Engineering product) to include in the product	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Sửa sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT: - Tìm kiếm/lựa chọn sản phẩm/phiên bản sản phẩm từ danh sách sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu Mục nhập cấu hình sản phẩm tài sản kỹ thuật) để đưa vào sản phẩm	M				
		Configuration of marine products	Cấu hình sản phẩm nghiệp vụ Hàng hải					
	108	The system allows authorized users to self-define information fields about Marine products	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa các trường thông tin về sản phẩm	M	3			

		<p>without intervention from IT staff, including but not limited to the following information:</p> <p>1. Product declaration information group</p> <ul style="list-style-type: none"> - Product group - Product code - Product name - Product validity (including start date and end date) - Product status (including values: Newly Created, Active, Stopped, how to determine based on product validity) <p>2. Customer information group:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Insurance buyer (Insured) - Address - Customer classification: Organizations, Individuals - Method of contacting customer(for example: text message, email, phone, Facebook message), etc. <p>3. Insurance period:</p> <ul style="list-style-type: none"> - From date - To date - Effective date - Date of issue <p>4. Reference number</p> <p>5. Form of exploitation: Direct, Co-insurance, Inward Facultative reinsurance, Inward Treaty reinsurance</p> <ul style="list-style-type: none"> + Direct + Coinsurance: Insurance company, Role, Coinsurance rate, Management premium rate, Management premium amount + Inward Facultative reinsurance: Reinsurance ceding company, Acceptance rate, Commission rate + Inward Treaty reinsurance: Reinsurance ceding company, Acceptance rate, Commission rate +... <p>6. Subjects insured:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Name of ship - Owner - Type of ship 	<p>ngành vụ Hàng hải mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:</p> <p>1. Nhóm thông tin khai báo về sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm sản phẩm - Mã sản phẩm - Tên sản phẩm - Hiệu lực sản phẩm (bao gồm ngày bắt đầu và ngày kết thúc) - Trạng thái sản phẩm (bao gồm các giá trị: Tạo mới, Đang hoạt động, Dừng hoạt động, cách xác định dựa trên hiệu lực sản phẩm) <p>2. Nhóm thông tin khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mua bảo hiểm (Người được bảo hiểm) - Địa chỉ - Phân loại khách hàng: Tổ chức, Cá nhân - Phương thức liên lạc với khách hàng (ví dụ: tin nhắn điện thoại, email, điện thoại, tin nhắn Facebook)... <p>3. Thời hạn bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày - Đến ngày - Ngày hiệu lực - Ngày cấp <p>4. Số tham chiếu</p> <p>5. Hình thức khai thác: Trực tiếp, Đồng bảo hiểm, Nhận tái bảo hiểm tạm thời, Nhận tái bảo hiểm cố định</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trực tiếp + Đồng bảo hiểm: Công ty bảo hiểm, Vai trò, Tỷ lệ đồng bảo hiểm, Tỷ lệ phí quản lý, Thành tiền phí quản lý + Nhận tái bảo hiểm tạm thời: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng + Nhận tái bảo hiểm cố định: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng +... <p>6. Đối tượng bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên tàu - Chủ sở hữu - Loại tàu - Năm đóng 					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Year of building - IMO number - Capacity - ... <p>7. Extension clauses: Code of extension clauses, Name of extension clauses, premium, Sum Insured, premium rate, etc.</p> <p>8. Information fields are calculated automatically, not entered manually</p> <ul style="list-style-type: none"> - Total insurance amount: The system automatically calculates the total insurance amount based on the terms, conditions, benefits, and extension clauses for each product. - Total insurance premium: The system automatically calculates the total premium based on the terms, conditions, benefits, and extension clauses for each product. - Total other fees - Total VAT - Payment information, each Endorsement : Premiums, other fees, VAT, Agent commission, Broker commission, etc. - ... <p>9. Premium information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Deductible, Franchise deduction level - Currency - Commission rate - Support rate - Premium reduction rate - Other fees - VAT (%) - Provision costs to limit losses - Other costs - Payments - Premium payment deadline - Insurance period: each Endorsement (if any) - Voucher code - Authorization to collect premiums (e.g: Customer, Agents, Brokers, BIC, etc.) -... <p>10. Business expense rate</p> <p>11. Automatically issue invoices: The system</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số IMO - Dung tích - ... <p>7. Điều khoản bổ sung: Mã điều khoản bổ sung, Tên điều khoản bổ sung, Phí bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm, Tỷ lệ phí bảo hiểm,...</p> <p>8. Trường thông tin tính toán tự động, không nhập thủ công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền bảo hiểm: Hệ thống tự động tính Tổng số tiền bảo hiểm dựa trên các điều kiện điều khoản, quyền lợi, điều kiện sửa đổi bổ sung theo từng sản phẩm - Tổng phí bảo hiểm: Hệ thống tự động tính Tổng phí bảo hiểm dựa trên các điều kiện điều khoản, quyền lợi, điều kiện sửa đổi bổ sung theo từng sản phẩm - Tổng Phí khác - Tổng VAT - Thông tin thanh toán, từng lần Sửa đổi bổ sung: Phí bảo hiểm, Phí khác, VAT, Hoa hồng Đại lý, Môi giới... - ... <p>9. Thông tin phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức miễn thường (khấu trừ, không khấu trừ, mức khấu trừ) - Loại tiền - Tỷ lệ hoa hồng - Tỷ lệ hỗ trợ - Tỷ lệ giảm phí - Phí khác - VAT(%) - Chi phí dự phòng hạn chế tổn thất - Chi phí khác - Hình thức thanh toán - Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm - Thời hạn bảo hiểm: từng lần Sửa đổi bổ sung thay đổi (nếu có) - Mã voucher - Ủy quyền thu phí (VD: Khách hàng, Đại lý, Môi giới, BIC...) -... <p>10. Tỷ lệ chi phí kinh doanh</p> <p>11. Xuất hóa đơn tự động: Hệ thống cho phép</p>							
--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

			allows checking 12. Exploitation information: - Exploitation channels (For example: Direct, Agents, Brokers, Bancas, Showrooms/Garages, Traffic Police Department, etc. - Agents - Brokers - Service source	tích chọn 12. Thông tin khai thác: - Kênh khai thác (Ví dụ: Trực tiếp, Đại lý, Môi giới, Bancas, Showroom/Gara, Phòng cảnh sát giao thông... - Đại lý - Môi giới - Nguồn dịch vụ				
	109	The system allows authorized users to add/edit/delete information fields and the value of each field about marine service products without intervention from IT staff, refer to configuration of Marine products	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới/Sửa/Xóa các trường thông tin và giá trị của từng trường về sản phẩm nghiệp vụ Hàng hải mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, tham chiếu các trường thông tin tại mục nhập cấu hình sản phẩm Hàng hải	M				
	110	The system allows authorized users to add new products without intervention from IT staff including: - Allow users to choose to create a new product from the beginning/ from an existing product (previously created product) - Allow users to choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Marine products) to include in the products	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT: - Cho phép lựa chọn tạo mới từ đầu/từ sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu mục nhập cấu hình sản phẩm Hàng hải) để đưa vào sản phẩm	M				
	111	The system allows authorized users to edit products without intervention from IT staff including: - Search/select products/product versions from the list of available products (previously created products) - Choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to configuration of Marine products) to include in the products	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Sửa sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT: - Tìm kiếm/lựa chọn sản phẩm/phiên bản sản phẩm từ danh sách sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu mục nhập cấu hình sản phẩm Hàng hải) để đưa vào sản phẩm	M				
		Configuration of guarantee products	Cấu hình sản phẩm bảo lãnh					
	112	The system allows authorized users to self-define information fields about guarantee products without intervention from IT staff, including but not limited to the following information: 1. Product declaration information group	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa các trường thông tin về sản phẩm bảo lãnh mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: 1. Nhóm thông tin khai báo về sản phẩm	M	2.5			

		<ul style="list-style-type: none"> - Product group - Product code - Product name - Product validity (including start date and end date) - Product status (including values: Created, Active, Inactive , how to determine based on product validity) <p>2. Customer information group:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Name of the insured - Insurance buyers - Address - Customer classification - Method of contacting Customer (for example: text message, email, phone, Facebook message), etc. - The system provides Customer evaluation information from the Product Management function, including but not limited to the following information: <ul style="list-style-type: none"> + Determine scale + Score financial indicators + Score non-financial indicators + Balance sheet, income statement, indirect cash flow statement, direct cash flow statement + Customer ratings + Legal documents +... -... <p>3. Insurance period:</p> <ul style="list-style-type: none"> - From date - To date - Effective date - Date of issue <p>4. Reference number</p> <p>5. Form of exploitation: Direct, Co-insurance, Inward Facultative reinsurance, Inward Treaty reinsurance</p> <ul style="list-style-type: none"> + Direct + Coinsurance: Insurance company, Role, Coinsurance rate, Management premium rate, Management premium amount + Inward Facultative reinsurance: Reinsurance 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm sản phẩm - Mã sản phẩm - Tên sản phẩm - Hiệu lực sản phẩm (bao gồm ngày bắt đầu và ngày kết thúc) - Trạng thái sản phẩm (bao gồm các giá trị: Tạo mới, Đang hoạt động, Dừng hoạt động, cách xác định dựa trên hiệu lực sản phẩm) <p>2. Nhóm thông tin khách hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên người được bảo hiểm - Người mua bảo hiểm - Địa chỉ - Phân loại khách hàng - Phương thức liên lạc với khách hàng (ví dụ: tin nhắn điện thoại, email, điện thoại, tin nhắn Facebook)... - Hệ thống cung cấp thông tin đánh giá khách hàng từ chức năng Quản lý sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định quy mô + Chấm điểm chỉ tiêu tài chính + Chấm điểm chỉ tiêu phi tài chính + Bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ gián tiếp, Lưu chuyển tiền tệ trực tiếp + Xếp hạng khách hàng + Hồ sơ pháp lý +... -... <p>3. Thời hạn bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngày - Đến ngày - Ngày hiệu lực - Ngày cấp <p>4. Số tham chiếu</p> <p>5. Hình thức khai thác: Trực tiếp, Đồng bảo hiểm, Nhận tái bảo hiểm tạm thời, Nhận tái bảo hiểm cố định</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trực tiếp + Đồng bảo hiểm: Công ty bảo hiểm, Vai trò, Tỷ lệ đồng bảo hiểm, Tỷ lệ phí quản lý, Thành tiền phí quản lý 					
--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>ceding company, Acceptance rate, Commission rate</p> <p>+ Inward Treaty reinsurance: Reinsurance ceding company, Acceptance rate, Commission rate</p> <p>+...</p> <p>6. Sum Insured</p> <p>7. Subjects insured:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Group of insured subjects - Full description of risks <p>8. Insurance coverage</p> <p>9. Information fields are calculated automatically, not entered manually</p> <ul style="list-style-type: none"> - Total Sum Insured - Total premium - Total other fees - Total VAT - Payment information, each endorsement : Premiums, other fees, VAT, Agent commission, Broker commission, etc. - ... <p>10. Premium information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Currency - Commission rate - Support rate - Premium rate - Fee reduction rate - Other fees - VAT (%) - Provision costs to limit losses - Other costs - Payments - Payment subject - Premium payment deadline - Voucher code - Authorization to collect premiums (for example: Broker or BIC or bank) -... <p>11. Business expense rate</p> <p>12. Automatic invoice issuance: The system allows checking to choose</p> <p>13. Exploitation information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Exploitation channels (For example: Direct, 	<p>+ Nhận tái bảo hiểm tạm thời: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng</p> <p>+ Nhận tái bảo hiểm cố định: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng</p> <p>+...</p> <p>6. Số tiền bảo hiểm</p> <p>7. Đối tượng bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm đối tượng bảo hiểm - Mô tả đầy đủ rủi ro <p>8. Phạm vi bảo hiểm</p> <p>9. Trường thông tin tính toán tự động, không nhập thủ công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng số tiền bảo hiểm - Tổng phí bảo hiểm - Tổng Phí khác - Tổng VAT - Thông tin thanh toán, từng lần Sửa đổi bổ sung: Phí bảo hiểm, Phí khác, VAT, Hoa hồng Đại lý, Môi giới... - ... <p>10. Thông tin phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại tiền - Tỷ lệ hoa hồng - Tỷ lệ hỗ trợ - Tỷ lệ phí bảo hiểm - Tỷ lệ giảm phí - Phí khác - VAT(%) - Chi phí dự phòng hạn chế tổn thất - Chi phí khác - Hình thức thanh toán - Đối tượng thanh toán - Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm - Mã voucher - Ủy quyền thu phí (ví dụ: Môi giới hoặc BIC hoặc ngân hàng) -... <p>11. Tỷ lệ chi phí kinh doanh</p> <p>12. Xuất hóa đơn tự động: Hệ thống cho phép tích chọn</p> <p>13. Thông tin khai thác:</p>					
--	--	---	---	--	--	--	--	--

		Agents, Brokers, Bancas, Showrooms/Garages, Traffic Police Department, etc. - Agents - Brokers	- Kênh khai thác (Ví dụ: Trực tiếp, Đại lý, Môi giới, Bancas, Showroom/Gara, Phòng cảnh sát giao thông... - Đại lý - Môi giới					
	113	The system allows authorized users to add/edit/delete information fields and the value of each field about guarantee service products without intervention from IT staff, refer to the information fields in the section configuration of guarantee products	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới/Sửa/Xóa các trường thông tin và giá trị của từng trường về sản phẩm nghiệp vụ bảo lãnh mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, tham chiếu các trường thông tin tại mục nhập cấu hình sản phẩm bảo lãnh	M				
	114	The system allows authorized users to add new products without intervention from IT staff: - Allow users to choose to create a new product from the beginning/from an existing product (previously created product) - Allow users to choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to section configuration of guarantee products) to include in the product	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT: - Cho phép lựa chọn tạo mới từ đầu/từ sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu nhập cấu hình sản phẩm bảo lãnh) để đưa vào sản phẩm	M				
	115	The system allows authorized users to repair products without intervention from IT staff: - Search/select products/product versions from the list of available products (previously created products) - Choose to add or remove information fields/information groups or some fields in defined information groups (refer to section configuration of guarantee products) to include in the product	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Sửa sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT: - Tìm kiếm/lựa chọn sản phẩm/phiên bản sản phẩm từ danh sách sản phẩm có sẵn (sản phẩm đã tạo trước đó) - Cho phép lựa chọn bổ sung hoặc bớt các trường thông tin/nhóm thông tin hoặc một số trường trong nhóm thông tin đã được định nghĩa (tham chiếu nhập cấu hình sản phẩm bảo lãnh) để đưa vào sản phẩm	M				
		Complex product configuration	Cấu hình sản phẩm phức hợp					
	116	the system provides features to clone the original product, allow authorized users to edit (Create/Edit/Delete) the content of the original product (refer to sections Motor Vehicle, Marine, Property-Engineering, guarantee product configuration in Management product), which is copied (for example: Edit premiums, Sum Insured according to each benefit in the original product, omit benefits, create benefit groups from the original product's benefit list)	Hệ thống có tính năng sao chép sản phẩm gốc, cho phép người dùng có thẩm quyền chỉnh sửa (Thêm mới/Sửa/Xóa) nội dung của sản phẩm gốc (tham chiếu mục cấu hình các sản phẩm xe cơ giới, con người, hàng hải, tài sản kỹ thuật, sản phẩm bảo lãnh trong Quản lý sản phẩm) được sao chép (ví dụ: Chỉnh sửa phí, số tiền bảo hiểm theo từng quyền lợi trong sản phẩm gốc, lược bớt quyền lợi, tạo thêm nhóm quyền lợi từ danh sách quyền lợi của sản phẩm gốc...)	M	2.5			

		117	<ul style="list-style-type: none"> - The system allows authorized users to add new complex products without intervention from IT staff - The system allows authorized users to create integrated complex products from multiple configured original products (refer to sections Motor Vehicle, Marine, Property-Engineering, guarantee product configuration in Product Management) and customize the interface according to user needs without intervention from IT staff. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Thêm mới sản phẩm phức hợp mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT - Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tạo sản phẩm phức hợp tích hợp từ nhiều sản phẩm gốc đã được cấu hình (tham chiếu mục cấu hình các sản phẩm xe cơ giới, con người, hàng hải, tài sản kỹ thuật, sản phẩm bảo lãnh trong Quản lý sản phẩm) và tùy chỉnh giao diện theo nhu cầu người dùng mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT. 	M				
		118	<p>The system allows authorized users to self-define complex product information fields without intervention from IT staff, including but not limited to the following information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Product group - Original product code - Original product name - Complex package code: created complex product code (e.g.: original product A, complex product created from original product A is called Complex package code) - Complex package name: Name of the created complex product - Complex package validity (including start date and end date) - Complex package status - ... 	<p>Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa các trường thông tin về sản phẩm phức hợp mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm sản phẩm - Mã sản phẩm gốc - Tên sản phẩm gốc - Mã gói phức hợp: Mã sản phẩm phức hợp tạo mới (VD: sản phẩm gốc A, sản phẩm phức hợp được tạo từ sản phẩm gốc A thì được gọi là Mã gói phức hợp) - Tên gói phức hợp: Tên sản phẩm phức hợp tạo mới - Hiệu lực gói phức hợp (bao gồm ngày bắt đầu và ngày kết thúc) - Trạng thái gói phức hợp - ... 	M				
		119	The system allows users to have the authority to configure complex products based on proposal (including many insurance plans) or open policy	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền cấu hình sản phẩm phức hợp dựa trên tờ trình nguyên tắc hoặc hợp đồng nguyên tắc	M				
		General features		Tính năng dùng chung					
		120	<p>The system allows searching for product information fields including but not limited to the following information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Product group - Product code - Product name - Complex package code - Complex package name - Product validity (including start date and end 	<p>Hệ thống cho phép Tìm kiếm các trường thông tin về sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm sản phẩm - Mã sản phẩm - Tên sản phẩm - Mã gói phức hợp - Tên gói phức hợp - Hiệu lực sản phẩm (bao gồm ngày bắt đầu và 	M	1			

			date) - Complex package status - ...	ngày kết thúc) - Trạng thái gói phức hợp - ...					
		121	The system allows users to have approval authority when creating and editing each product (can approve one level or many levels).	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền phê duyệt khi tạo mới, chỉnh sửa theo từng sản phẩm (có thể phê duyệt một cấp hoặc nhiều cấp)	M	2.5			
		122	The system ensures synchronization and information linkage between functions. For example: When creating a new product, the information entered for this product will be displayed to the Quotation management function for each product, etc.	Hệ thống đảm bảo tính đồng bộ, liên kết thông tin giữa các chức năng. VD: Khi tạo sản phẩm mới thì thông tin đã nhập cho sản phẩm này sẽ được hiển thị sang chức năng quản lý chào phí theo từng sản phẩm...	M				
		123	The system needs to save the product's validity period	Hệ thống cần lưu thời gian hiệu lực của sản phẩm	M				
		124	The system allows creating versions of products when has endorsement are made to each product, and at the same time saves information including but not limited to: over time, adjusting staff, adjusted content, etc.	Hệ thống cho phép tạo phiên bản của sản phẩm khi phát sinh sửa đổi bổ sung cho từng sản phẩm, đồng thời lưu các thông tin bao gồm những không giới hạn: theo thời gian, cán bộ điều chỉnh, nội dung điều chỉnh...	M				
		125	The system allows version management of the original product, including but not limited to the following cases: - Case 1: For policies that have been approved for issuance according to the old version of the original product, when changing the version, the old version will still be applied. - Case 2: When changing the original product version, in case of creating a new quotation, the latest product version shall prevail. - Case 3: For newly created policies (quotations) or those submitted internally but not approved, when changing the original product version, the system needs to display a warning that this product has a new version, and old version's product has expired and does not allow users to issue a policy. - Case 4: For insurance policies/contracts that have been approved for policy issuance (need to enter data	Hệ thống cho phép quản lý phiên bản của sản phẩm gốc, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau: - Trường hợp 1: Với những đơn đã được duyệt cấp đơn theo sản phẩm gốc phiên bản cũ thì khi thay đổi phiên bản vẫn sẽ theo phiên bản cũ - Trường hợp 2: Khi thay đổi phiên bản sản phẩm gốc, trong trường hợp tạo bản chào phí mới thì sẽ theo phiên bản sản phẩm mới nhất - Trường hợp 3: Đối với những đơn (bản chào) tạo mới hoặc trình duyệt nội bộ mà chưa được phê duyệt cấp đơn khi thay đổi phiên bản sản phẩm gốc thì hệ thống cần hiển thị cảnh báo sản phẩm này đang có phiên bản mới, phiên bản cũ đã hết hiệu lực và không cho phép NSD cấp đơn. - Trường hợp 4: Đối với những đơn/hợp đồng bảo hiểm đã được phê duyệt cấp đơn (cần nhập dữ liệu các đơn bảo hiểm đã cấp vào hệ thống), khi thay đổi phiên bản sản phẩm gốc thì hệ thống cho phép	M				

			of issued insurance policies into the system), when changing the original product version, the system allows the user to enter the policy and automatically take according to the original product version that meets the condition that the policy's date of issue must be within the validity of the original product version, and revenue is recorded according to the date the policy is entered on the system	NSD nhập đơn và tự động lấy theo phiên bản sản phẩm gốc thỏa mãn điều kiện Ngày cấp trên đơn bảo hiểm phải thuộc hiệu lực của phiên bản sản phẩm gốc, doanh thu ghi nhận theo ngày nhập đơn trên hệ thống					
		126	<p>The system allows version management of complex products, including but not limited to the following cases:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Case 1: For policies that have been approved for issuance according to the old version of complex products, when changing the version, the old version will still be followed. - Case 2: When changing the original product version, the system automatically recognizes which complex product has been changed according to the original product and automatically terminates the validity of the complex product. When creating a new quotation, the system does not allow displaying complex products that have expired. - Case 3: For policies (quotations) that are being processed, submitted for internal approval and have not yet been approved for issuance, when the complex product is changed to the original product, the system needs to display a warning that the original product has a new version, and the version of the complex product has expired and does not allow users to issue policies. - Case 4: For insurance policies/contracts that have been approved for issuance (it is required to enter data of issued insurance policies into the system), when changing the complex product version, the system allows the user to enter the policy and automatically apply the complex product version that meets the condition that the date of issue of the original insurance policy is within the validity of the product version, and revenue is recorded 	<p>Hệ thống cho phép quản lý phiên bản của sản phẩm phức hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp 1: Với những đơn đã đóng theo sản phẩm phức hợp phiên bản cũ thì khi thay đổi phiên bản vẫn sẽ theo phiên bản cũ - Trường hợp 2: Khi thay đổi phiên bản sản phẩm gốc, hệ thống tự động nhận biết sản phẩm phức hợp nào bị thay đổi theo sản phẩm gốc và tự động kết thúc hiệu lực của sản phẩm phức hợp. Khi tạo bản chào phí mới thì hệ thống không cho phép hiển thị sản phẩm phức hợp đã hết hiệu lực - Trường hợp 3: Đối với những đơn (bản chào) đang xử lý, trình duyệt nội bộ mà chưa được đóng đơn khi sản phẩm phức hợp bị thay đổi theo sản phẩm gốc thì hệ thống cần hiển thị cảnh báo sản phẩm gốc đã có phiên bản mới, phiên bản của sản phẩm phức hợp đã hết hiệu lực và không cho phép NSD cập đơn - Trường hợp 4: Trường hợp 4: Đối với những đơn/hợp đồng bảo hiểm đã được phê duyệt cấp đơn (cần nhập dữ liệu các đơn bảo hiểm đã cấp vào hệ thống), khi thay đổi phiên bản sản phẩm phức hợp thì hệ thống cho phép NSD nhập đơn và tự động lấy theo phiên bản sản phẩm phức hợp thỏa mãn điều kiện Ngày cấp trên đơn bảo hiểm phải thuộc hiệu lực của phiên bản sản phẩm gốc, doanh thu ghi nhận theo ngày nhập đơn trên hệ thống 	M	1.5			

			according to the date the policy is entered on the system						
	127	The system allows viewing and searching the history of changes according to the version of each product - The system allows comparing versions of the same product and points out differences between these two versions, based on similar comparison factors including but not limited to: exclusion points, insurance coverage, terms and conditions, premium schedule, etc. - The system allows comparison of products in the same category, based on similar comparison factors including but not limited to: exclusion points, insurance coverage, terms and conditions, premium schedule, etc.	Hệ thống cho phép xem, tìm kiếm được lịch sử thay đổi theo phiên bản của từng sản phẩm - Hệ thống cho phép so sánh các phiên bản của cùng 1 sản phẩm và chỉ ra điểm khác giữa 2 phiên bản này, dựa trên các yếu tố so sánh có tính chất tương đồng bao gồm nhưng không giới hạn: điểm loại trừ, phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, biểu phí... - Hệ thống cho phép so sánh các sản phẩm trong cùng loại, dựa trên các yếu tố so sánh có tính chất tương đồng bao gồm nhưng không giới hạn: điểm loại trừ, phạm vi bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm, biểu phí...	M	1				
	128	The system allows creating and editing products from a configuration file based on a template predefined by the bidder's solution. The configuration file may include, but is not limited to, the following formats: excel/csv/json/ xml/ yaml. When creating or editing a product, users can input a list of conditions, endorsements, and benefits either manually or by selecting from an existing list. When creating or editing a product, users can input predefined values for a field either manually or by selecting from an existing list	Hệ thống cho phép tạo mới, chỉnh sửa sản phẩm từ file cấu hình theo mẫu được định nghĩa trước bởi giải pháp của nhà thầu. File cấu hình có thể bao gồm nhưng không giới hạn các định dạng: excel/csv/json/xml/yaml.. Khi tạo sản phẩm, chỉnh sửa sản phẩm, người dùng có thể nhập danh sách điều kiện, điều khoản bổ sung, quyền lợi bằng cách tạo thủ công hoặc lựa chọn từ danh sách có sẵn Khi tạo sản phẩm, chỉnh sửa sản phẩm, người dùng có thể nhập danh sách giá trị định nghĩa sẵn cho một trường thông tin bằng cách tạo thủ công hoặc lựa chọn từ danh sách có sẵn	M	4				
	129	the system provides features to clone products and edit the content of cloned products to save time in issuing new products.	Hệ thống có tính năng sao chép sản phẩm, chỉnh sửa nội dung của các sản phẩm được sao chép để tiết kiệm thời gian ban hành sản phẩm mới.	M	1				
	130	The system allows displaying a list of forms attached to each product, which can be referred to the Form Management function.	Hệ thống cho phép hiển thị danh sách mẫu biểu đính kèm theo từng sản phẩm, có thể tham chiếu sang chức năng Quản lý mẫu biểu	M	1				
	131	The system allows authorized users to self-define which information fields need to be shared (optional) without intervention from IT staff. For example: In the product configuration, the product creator can see all the information fields created. Product creators have the right to	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa những trường thông tin nào là cần chia sẻ (không bắt buộc) mà không cần sự can thiệp từ cán bộ CNTT. VD: Trong cấu hình sản phẩm, người tạo ra sản phẩm có thể nhìn thấy toàn bộ trường thông tin được tạo ra. Người tạo sản phẩm có quyền thiết	O	1				

			set which fields are not allowed to be seen by others.	lập những trường nào không được phép nhìn thấy bởi người khác					
	132	The system allows integration with and retrieval of information on the maximum allowable commission limits for product groups in accordance with state regulations (Ministry of Finance), (commission caps and Level-1 agency support limits).	Hệ thống cho phép tích hợp và khai thác thông tin hạn mức hạn mức tối đa về phí hoa hồng dành cho các nhóm sản phẩm theo quy định nhà nước (quy định bộ Tài chính) (hạn mức hoa hồng, hỗ trợ đại lý cấp 1)	M	1				
	133	- The system allows setting up tables including information fields: + Developed product group (refer to Product Management function) + The product group in the regulations of the Ministry of Finance and business law corresponds to the developed product group - The system automatically identifies which product group the developed product group corresponds to in the regulations of the Ministry of Finance and business law based on the established information table.	- Hệ thống cho phép thiết lập bảng bao gồm các trường thông tin: + Nhóm sản phẩm đã phát triển (tham chiếu chức năng Quản lý sản phẩm) + Nhóm sản phẩm trong quy định của Bộ Tài chính và luật kinh doanh tương ứng với nhóm sản phẩm đã phát triển - Hệ thống tự động nhận biết nhóm sản phẩm đã phát triển tương ứng với nhóm sản phẩm nào trong quy định của Bộ Tài chính và luật kinh doanh dựa trên bảng thông tin đã thiết lập	M	2				
	134	The system allows integration with and retrieval of information on BIC-defined maximum commission limits for each product (not exceeding the Level-1 agency commission and support limits defined under ID 132) (compliance with the Ministry of Finance regulations) (commission caps and Level-2 agency support limits).	Hệ thống cho phép tích hợp và khai thác thông tin hạn mức hạn mức tối đa về phí hoa hồng theo quy định của BIC cho từng sản phẩm (không vượt quá hạn mức hoa hồng, hỗ trợ đại lý cấp 1, được định nghĩa tại ID 132) (quy định bộ Tài chính) (hạn mức hoa hồng, hỗ trợ đại lý cấp 2)	M					
	135	The system allows authorized users to define which products are mandatory or voluntary without intervention from IT staff.	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền định nghĩa sản phẩm nào là bắt buộc hay tự nguyện mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT	M					
	136	The system allows authorized users to configure multiple agents, each with a corresponding commission level, without intervention from IT staff.	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền cấu hình nhiều đại lý, mỗi đại lý có một mức hoa hồng tương ứng mà không cần sự can thiệp từ cán bộ CNTT	M					
	137	When creating or editing a product, the system supports users in searching by keyword and selecting/deselecting conditions, endorsements, and benefits from the list of conditions, endorsements, and benefits that were previously defined (referencing requirement with ID 128)	Khi tạo mới, chỉnh sửa sản phẩm, hệ thống hỗ trợ người dùng tìm kiếm theo từ khóa và tích chọn/ bỏ chọn các điều kiện; điều khoản bổ sung; quyền lợi từ danh mục điều kiện, điều khoản bổ sung, quyền lợi đã được khai báo trước đó (tham chiếu yêu cầu có ID 128)	O					

		138	The system supports users to configure a set of questions to collect information including but not limited to: products, Customer, etc.	Hệ thống hỗ trợ người dùng cấu hình bộ câu hỏi để thu thập thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: sản phẩm, khách hàng...	M				
		139	The system allows automatically saving a history of product changes	Hệ thống cho phép tự động lưu lịch sử các thông tin thay đổi về sản phẩm	M				
		140	The system provides features that allow authorized users to look up and view the change history of product.	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép NSD có thẩm quyền tra cứu, xem được lịch sử các thông tin thay đổi về sản phẩm	M	0.5			
		141	The system automatically updates product configuration including but not limited to: + Terms and conditions + Benefits +... when the product's status is Created, and the product's corresponding List of Terms, Conditions, Benefits, etc., is changed	Hệ thống tự động cập nhật trong cấu hình sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn nội dung: + Điều kiện điều khoản + Quyền lợi +... khi trạng thái của sản phẩm là Tạo mới và Danh mục điều kiện điều khoản, Quyền lợi... tương ứng của sản phẩm bị thay đổi	M	2			
		142	The system must allow data entry for each product or product version including but not limited to the following cases: + Effective date <= Date entered on the system + Effective date > Date entered on the system +... where Effective Date is the effective start date of the issued product	Hệ thống phải cho phép nhập dữ liệu đối với từng sản phẩm hoặc phiên bản sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp: + Ngày bắt đầu hiệu lực <= Ngày nhập trên hệ thống + Ngày bắt đầu hiệu lực > Ngày nhập trên hệ thống +... trong đó Ngày bắt đầu hiệu lực là ngày bắt đầu hiệu lực của sản phẩm được ban hành	M	1.5			
		143	The system must allow authorized users to manually activate/deactivate each product or product version.	Hệ thống phải cho phép NSD có thẩm quyền kích hoạt/hủy bỏ hiệu lực thủ công của từng sản phẩm hoặc phiên bản sản phẩm	M				
		144	The system allows setting up rules based on available information fields for each product	Hệ thống cho phép thiết lập các quy tắc dựa trên trường thông tin có sẵn theo từng sản phẩm	M				
		145	The system allows error warnings, does not allow users to create a new product code when this product code overlaps with a previously existing product code (this product code is not a code generated by the system but is 1 abbreviation code prescribed by the user)	Hệ thống cho phép cảnh báo lỗi, không cho phép người dùng tạo 1 mã sản phẩm mới khi mã sản phẩm này trùng với mã sản phẩm đã tồn tại trước đó (mã sản phẩm này không phải là code do hệ thống tự sinh mà là 1 mã viết tắt do NSD quy ước)	M	4			
		146	The system allows authorized users to set up rules for ineligibility to participate in insurance because of beyond the authority level, and displays a warning that the insured subject does not meet the conditions for participating in insurance according to each product.	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền thiết lập quy tắc không đủ điều kiện tham gia bảo hiểm sẽ trình vượt cấp thẩm quyền và hiển thị cảnh báo đối tượng bảo hiểm không đáp ứng điều kiện tham gia bảo hiểm theo từng sản phẩm	M				

			For example: a Health care product is only for people 18 - 65 years old, when the user enters the quotation information, there needs to be a warning for people who do not fall within the above standards and submit it beyond the level of authority.	Ví dụ: 1 sản phẩm con người chỉ dành cho đối tượng 18 - 65 tuổi, khi NSD nhập thông tin bản chào cần có cảnh báo với đối tượng không nằm trong tiêu chuẩn trên và trình vượt cấp thẩm quyền				
	147	The system allows setting rules to determine whether an insurance policy is renewable or not based on information fields on the quotation including but not limited to: + Customer information (Customer name, Electronic identification code/ID card/Citizen ID Card/Passport, etc.) + Products, product lines + Insured subject/Insured person +... The information must match the corresponding information of the original insurance policy saved on the system and be displayed as a renewal policy.	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc xác định đơn bảo hiểm là tái tục hay không dựa vào các trường thông tin trên bản chào bao gồm nhưng không giới hạn: + Thông tin khách hàng (Tên khách hàng, Mã định danh điện tử/CMND/CCCD/Hộ chiếu...) + Sản phẩm, dòng sản phẩm + Đối tượng bảo hiểm/Người được bảo hiểm +... phải trùng khớp đồng thời với các thông tin tương ứng của đơn bảo hiểm gốc đã lưu trên hệ thống và hiển thị là đơn tái tục	M				
	148	The system should allow renewals and renewal notice generation basis the rules setup for each product, product group, including but not limited to the following cases: - Case 1: For product A, the effective start date of the renewal contract immediately following the insurance validity end date of the original contract (ie equal to the original contract's insurance validity end date + 1) is called is continuously renewal - Case 2: For product A, the effective start date of the renewal contract is not immediately after the insurance validity end date of the original contract, which is called intermittent renewal.	Hệ thống phải cho phép tái tục và tạo thông báo tái tục dựa trên các quy tắc thiết lập cho từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn ở các trường hợp sau: - Trường hợp 1: Đối với sản phẩm A, ngày bắt đầu có hiệu lực của hợp đồng tái tục ngay sau ngày kết thúc hiệu lực bảo hiểm của hợp đồng gốc (tức là bằng ngày kết thúc hiệu lực bảo hiểm của hợp đồng gốc + 1) được gọi là Tái tục liên tục - Trường hợp 2: Đối với sản phẩm A, ngày bắt đầu có hiệu lực của hợp đồng tái tục không phải ngay sau ngày kết thúc hiệu lực bảo hiểm của hợp đồng gốc, được gọi là tái tục không liên tục.	M				
	149	The system allows authorized users to configure the time to remind for renewal of insurance policies for each product without intervention from IT staff.	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền cấu hình thời gian để nhắc tái tục đơn bảo hiểm theo từng sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT	M				
	150	The system allows authorized users to set rules for each product that prevent editing of certain information fields including but not limited to	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền thiết lập quy tắc theo từng sản phẩm không cho chỉnh sửa một số trường thông tin bao gồm	M	2.5			

		<p>the following cases:</p> <ul style="list-style-type: none"> + The quotation has been approved internally but the policy has not yet been issued: information such as: Product, Insurance period, etc., cannot be edited. + Modify and supplement policy information, renewal policy: Information such as: Product, Insurance period, customer, etc., cannot be edited. + Complex products based on proposal (including many insurance plans)/open policy: information such as product, terms and conditions, benefits, premium, Sum Insured , etc., cannot be edited. +... 	<p>nhưng không giới hạn trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản chào phí đã được phê duyệt nội bộ nhưng chưa cấp đơn: không được chỉnh sửa các thông tin như: Sản phẩm, Thời hạn bảo hiểm... + Sửa đổi bổ sung thông tin hợp đồng, đơn tái tục: không được chỉnh sửa các thông tin như: Sản phẩm, Thời hạn bảo hiểm, khách hàng,... + Sản phẩm phức hợp dựa trên tờ trình nguyên tắc/hợp đồng nguyên tắc: không được chỉnh sửa các thông tin như: Sản phẩm, điều kiện điều khoản, quyền lợi, phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm,... +... 					
	151	The system allows authorized users to configure, including but not limited to: setting fee calculation formulas, configuring limits ... for product fields when create new product or modify product without IT support.	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền được phép bao gồm nhưng không giới hạn: cài đặt biểu thức tính giá trị, cài đặt giới hạn... cho các trường thông tin khi tạo mới, chỉnh sửa sản phẩm mà không cần hỗ trợ hay can thiệp từ cán bộ CNTT	M				
	152	<p>The system allows users to set rules in product management according to ISO standards, including but not limited to the following rules:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Insurance products issued must have: ++ Issuance Decision (attached document) ++ Insurance rules: terms, conditions, benefits, etc. ++ Premium schedule: reference premium schedule list... ++ Instructions for product exploitation: attached documents, forms (Insurance request form, Insurance certificate, Insurance contract, etc.) 	<p>Hệ thống cho phép NSD thiết lập các quy tắc trong quản lý sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO, bao gồm nhưng không giới hạn các quy tắc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các sản phẩm bảo hiểm được ban hành đều phải có: ++ Quyết định ban hành (tài liệu đính kèm) ++ Quy tắc bảo hiểm: điều kiện điều khoản, quyền lợi... ++ Biểu phí: danh mục biểu phí tham khảo... ++ Hướng dẫn khai thác sản phẩm: tài liệu đính kèm, biểu mẫu (Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm...) 	O				Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
	153	The system allows users to add, edit, and delete rules according to ISO standards when there are updates and changes from the user.	Hệ thống cho phép NSD thêm mới, chỉnh sửa, xóa các quy tắc theo tiêu chuẩn ISO khi có cập nhật thay đổi từ NSD	O	2			Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
	154	The system needs to support calculating the Total Sum Insured , Total Insurance policy of an insured person at a certain time and allows the authorized user to set rules for each product and each insured person when the Total Sum	Hệ thống cần hỗ trợ tính toán Tổng số tiền bảo hiểm, Tổng số hợp đồng bảo hiểm của một người được bảo hiểm tại một thời điểm nhất định và cho phép NSD có thẩm quyền thiết lập quy tắc theo từng sản phẩm, từng người được	M	3			

			Insured of an Insured Person or the Total Number of Insurance Policies of an Insured Person exceeds the retention amount and exceeds the number of insurance policies at the time of issuance of the policy (where the retention limit and the limit of the number of contracts are set by the authorized user), a warning will be displayed to specify that the quotation exceeds the retention limit and the policy quantity is exceeded, and not allowing the policy to be issued.	bảo hiểm khi Tổng số tiền bảo hiểm của một người được bảo hiểm hoặc Tổng số hợp đồng bảo hiểm của một người được bảo hiểm vượt quá mức giữ lại, vượt quá số lượng hợp đồng bảo hiểm tại thời điểm cấp đơn (trong đó hạn mức giữ lại, hạn mức số lượng hợp đồng do NSD có thẩm quyền thiết lập) thì hiển thị cảnh báo bản chào vượt hạn mức giữ lại, vượt hạn mức số lượng hợp đồng và không cho phép cấp đơn					
		155	The system allows setting a retention limit for each product	Hệ thống cho phép thiết lập hạn mức giữ lại theo từng sản phẩm	M				
		156	The system allows setting binding rules when entering a policy For example: 1. For quotations for products that are not available Off-the-shelf, if the system wants to automatically approve policies, these quotations must be approved internally in advance, before automatically issuing policies. 2. Block/warn when entering indicators related to the term of the insurance policy such as: insurance policies with an end date before or the same as the policy's start date, policies with a term that is too long or too short according to the term characteristics of each insurance product, policies with incorrect date format and other errors related to the validity of the insurance policy 3. Warn errors when entering indicators related to premium of the policy such as: Not allowing to record the policy when the original insurance premium revenue target of the entire insurance policy = 0 but the criteria related to revenue such as outward reinsurance premium, outward reinsurance commissions, original commissions, agent support amount, other fees are different from 0 (Endor policy, canceled policy); Do not allow recording premiums for policies with too large amounts due to wrong currency; Control other errors when entering premiums for policies	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc ràng buộc khi nhập trên đơn VD: 1. Đối với bản chào phí của những sản phẩm không phải bán sẵn, nếu hệ thống muốn tự động phê duyệt cấp đơn thì những bản chào này phải được Duyệt nội bộ từ trước, trước khi cấp đơn tự động.. 2. Chặn/cảnh báo khi nhập chỉ tiêu liên quan đến thời hạn của đơn bảo hiểm như: các đơn bảo hiểm có ngày kết thúc hiệu lực của đơn trước hoặc trùng ngày bắt đầu của đơn, các đơn có thời hạn quá dài hoặc quá ngắn theo đặc điểm thời hạn của từng sản phẩm bảo hiểm, các đơn có thời hạn bảo hiểm không đúng định dạng ngày tháng và các trường hợp sai sót khác liên quan đến hiệu lực đơn bảo hiểm 3. Cảnh báo sai sót khi nhập chỉ tiêu liên quan đến phí bảo hiểm của đơn như: Không cho phép ghi nhận đơn khi chỉ tiêu doanh thu phí bảo hiểm gốc của cả đơn bảo hiểm = 0 mà các chỉ tiêu liên quan đến doanh thu như phí nhượng, hoa hồng nhượng, hoa hồng gốc, hỗ trợ đại lý, phí khác lại khác 0 (đơn Endor, đơn hủy); không cho phép ghi nhận phí bảo hiểm của đơn có số tiền quá lớn do sai về loại tiền tệ; kiểm soát các sai sót khác khi nhập phí bảo hiểm của đơn	M				

		157	The system allows setting up rules to activate/deactivate product versions for each product, including: + When the product version changes, the system automatically stops the old version and activates the latest version + When the product version changes, the system allows simultaneous activation of all versions of the product	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc kích hoạt/dừng hiệu lực phiên bản sản phẩm theo từng sản phẩm bao gồm: + Khi sản phẩm thay đổi phiên bản thì hệ thống tự động dừng phiên bản cũ và kích hoạt hiệu lực phiên bản mới nhất + Khi sản phẩm thay đổi phiên bản thì hệ thống cho phép kích hoạt hiệu lực đồng thời các phiên bản của sản phẩm	M				
		158	The system allows to configure workflows with approval and reviewer for policy issuance including but not limited to the following case: - set up possible states of insurance policies (policy lifecycle) for each product. -..	Hệ thống cho phép cấu hình quy trình xử lý cho các đơn bảo hiểm bao gồm nhưng không giới hạn ở trường hợp sau: - thiết lập các trạng thái có thể có của các đơn bảo hiểm (vòng đời đơn bảo hiểm) theo từng sản phẩm. -..	M				
		159	- The system allows authorized users to approve various content, including but not limited to: + The principles established for each product + The categories that need to be managed - The system also enables authorized users to approve newly created products, which can then be applied to one or multiple branches or the entire system. (For example, when creating and approving product A, the authorized user can designate that product A will be applied and utilized at branch A, branch B, or across all branches.)	- Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền phê duyệt các nội dung bao gồm nhưng không giới hạn: + Các nguyên tắc thiết lập cho từng sản phẩm + Các danh mục cần quản lý - Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền phê duyệt sản phẩm được tạo mới và sản phẩm sau khi được duyệt sẽ áp dụng cho 1 hay nhiều công ty thành viên hay toàn hệ thống. (Ví dụ: Khi tạo mới và phê duyệt sản phẩm A, NSD có thẩm quyền phê duyệt sẽ thực hiện chỉ định sản phẩm A sẽ được áp dụng và khai thác tại Công ty thành viên A; Công ty thành viên B hoặc là tại tất cả các công ty thành viên)	M	1			
		160	1. The system allows declaring, editing, deleting, searching, and managing versions according to each category: Including but not limited to the following categories: + List of conditions and terms: includes information fields (Product group, product code; product name; condition code, terms; name of conditions, terms, Sum Insured, insurance premium, etc.) + Benefits list: includes information fields	1. Hệ thống cho phép khai báo, chỉnh sửa, xóa, tìm kiếm, quản lý phiên bản theo từng danh mục: Bao gồm nhưng không giới hạn các danh mục sau: + Danh mục điều kiện, điều khoản: gồm những trường thông tin (Nhóm sản phẩm, mã sản phẩm; tên sản phẩm; mã điều kiện, điều khoản; tên điều kiện, điều khoản, giá trị bảo hiểm, phí bảo hiểm...) + Danh mục quyền lợi: gồm những trường	M	4			

		<p>(Product group, product code; product name; benefit code; benefit name, Sum Insured , insurance premium, etc.)</p> <p>+ Premium schedule list:</p> <p>For example: For Motor Vehicle products, including but not limited to the following information fields:</p> <p>++ Physical Vehicle : Purpose of use, Vehicle type, Vehicle usage time (age), Additional conditions for participation, Applicable deduction level, premium rate according to regulations of the Ministry of Finance, according to the level prescribed by branches, according to the level prescribed by BIC, etc.</p> <p>++ Compulsory civil liability (automobiles and motorcycles): Purpose of use, Vehicle type, Number of seats, Vehicle tonnage, Insurance premium rate according to regulations of the Ministry of Finance, according to regulations for branches, according to regulations of BIC, etc.</p> <p>++ Accidents of driver, driver assistant and passengers (car and motorbike): Purpose of use, Vehicle type, Participation liability level, premium rate according to regulations of the Ministry of Finance, according to regulations prescribed for branches, according to regulations of BIC, etc.</p> <p>++ Voluntarily increased civil liability of the vehicle owners to a 3rd Party: Purpose of use, Vehicle type, Increased personal liability; Increased liability level for Assets, premium rate according to regulations of the Ministry of Finance, according to regulations for branches, according to regulations of BIC, etc.</p> <p>++ Civil liability of vehicle owner for goods: Purpose of use, Vehicle type, Type of goods Liability level/ton of goods, premium rate according to regulations of the Ministry of Finance, according to regulations for branches, according to regulations of BIC, etc.</p> <p>++ Physical Motorcycle /Motorcycle fire: Vehicle type, Participation conditions (Total</p>	<p>thông tin (Nhóm sản phẩm, mã sản phẩm; tên sản phẩm; mã quyền lợi; tên quyền lợi, , giá trị bảo hiểm, phí bảo hiểm...)</p> <p>+ Danh mục biểu phí:</p> <p>VD: Dành cho sản phẩm Xe cơ giới, bao gồm nhưng không giới hạn các trường thông tin:</p> <p>++ Vật chất xe ô tô: Mục đích sử dụng, Loại xe, Thời gian sử dụng xe (tuổi xe), Điều kiện bổ sung tham gia, Mức khấu trừ áp dụng, Tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, theo mức quy định cho Công ty thành viên, theo mức quy định của BIC...</p> <p>++ Trách nhiệm dân sự bắt buộc (ô tô và Xe máy): Mục đích sử dụng, Loại xe, Số chỗ ngồi, Trọng tải xe, Tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, theo mức quy định cho Công ty thành viên, theo mức quy định của BIC...</p> <p>++ Tai nạn Lái phụ xe và người ngồi trên xe (ô tô và Xe máy): Mục đích sử dụng, Loại xe, Mức trách nhiệm tham gia, Tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, theo mức quy định cho Công ty thành viên, theo mức quy định của BIC...</p> <p>++ Trách nhiệm dân sự Tự nguyện tăng thêm của chủ xe với Bên thứ 3: Mục đích sử dụng, Loại xe, Mức trách nhiệm tăng thêm về người; Mức trách nhiệm tăng thêm về Tài sản, Tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, theo mức quy định cho Công ty thành viên, theo mức quy định của BIC...</p> <p>++ Trách nhiệm dân sự của chủ xe với hàng hóa: Mục đích sử dụng, Loại xe, Loại hàng hóa Mức trách nhiệm/tấn hàng hóa, Tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, theo mức quy định cho Công ty thành viên, theo mức quy định của BIC...</p> <p>++ Vật chất xe máy/Cháy nổ xe máy: Loại xe, Điều kiện tham gia (Tổn thất toàn bộ + Tổn thất bộ phận), Tuổi xe, Mức khấu trừ, Dòng loại xe, Kênh bán, Tỷ lệ phí bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính, theo mức quy định cho Công ty thành viên, theo mức quy định của</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>loss + Part loss), Vehicle age, Deduction level, Vehicle type, Sales channel, premium rates according to regulations of the Ministry of Finance, according to regulations for branches, according to regulations of BIC, etc.</p> <p>+ List of extension clauses : Code of extension clauses; Vietnamese content: name of extension clauses, content of extension clauses, whether limitation of liability is required or not, unit of calculation of liability limit; English content: name of extension clauses, content of extension clauses, whether limitation of liability is required or not, unit of calculation of liability limit; Applicable period, applicable product group, insurance value, insurance premium, etc.</p> <p>+...</p> <p>2. The system automatically generates versions for each created category</p> <p>3. The system automatically inactivates old versions when the new version takes effect</p> <p>4. The system allows displaying the latest effective categories when creating a new quotation</p> <p>5. The system allows saving history of changes in each created category</p>	<p>BIC...</p> <p>+ Danh mục điều khoản bổ sung: Mã Điều khoản bổ sung; Nội dung tiếng Việt: tên Điều khoản bổ sung, nội dung Điều khoản bổ sung, có yêu cầu giới hạn trách nhiệm hay không, đơn vị tính giới hạn trách nhiệm; Nội dung tiếng Anh: tên Điều khoản bổ sung, nội dung Điều khoản bổ sung, có yêu cầu giới hạn trách nhiệm hay không, đơn vị tính giới hạn trách nhiệm; thời gian áp dụng, Nhóm sản phẩm áp dụng, giá trị bảo hiểm, phí bảo hiểm...</p> <p>+...</p> <p>2. Hệ thống tự động sinh phiên bản cho từng danh mục đã tạo</p> <p>3. Hệ thống tự động inactive các phiên bản cũ khi phiên bản mới có hiệu lực</p> <p>4. Hệ thống cho phép hiển thị các danh mục có hiệu lực mới nhất khi tạo mới bản chào phí</p> <p>5. Hệ thống cho phép lưu lịch sử các thay đổi trong từng danh mục được tạo</p>					
		Document Management	Quản lý tài liệu					
	161	When uploading attachments, the system allows users to define the list of attached documents without support from IT staff.	Khi thực hiện upload file đính kèm, hệ thống cho phép người dùng có thể định nghĩa danh mục tài liệu đính kèm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT	M	1			
	162	The system provides features to attach product documents (for example: hard copies of product approval documents were made outside the system)	Hệ thống cho phép đính kèm tài liệu về sản phẩm (ví dụ: các văn bản phê duyệt ban hành sản phẩm được thực hiện bằng giấy ngoài hệ thống)	M				
		Report	Báo cáo					
	163	Product category report: Product name, product status, product validity, etc.	Báo cáo danh mục sản phẩm: Tên sản phẩm, trạng thái sản phẩm, hiệu lực sản phẩm...	M	0.5			
		Authorization and Data-Access Restriction according to each level of authority	Phân quyền chức năng, phân quyền dữ liệu theo từng cấp thẩm quyền					
	164	<p>The system allows:</p> <p>- Adding new products: always allow adding new products for users who are authorized to add new products</p>	<p>Hệ thống cho phép:</p> <p>- Thêm mới sản phẩm: luôn cho phép thêm mới sản phẩm đối với NSD được cấp quyền thêm mới sản phẩm</p>	M	1			

			- Editing products: only allow product editing when the record status is Create, Cancel. When the record status is Pending or Approved, editing of the record is not allowed - Deleting products: only allow deleting products when the record status is Create, Cancel	- Sửa sản phẩm: chỉ cho phép sửa sản phẩm khi trạng thái bản ghi là Tạo mới, Hủy duyệt. Khi trạng thái bản ghi là Đang chờ duyệt hoặc Duyệt thì không được phép chỉnh sửa bản ghi - Xóa sản phẩm: chỉ cho phép xóa sản phẩm khi trạng thái bản ghi là Tạo mới, Hủy duyệt				
		165	The system allows to Authorize (access rights) (Add/Edit/Delete/Search/View/Search, etc.) in product management by each user/user group, by Head office, by branch, etc.	Hệ thống cho phép phân quyền chức năng (Thêm mới/Sửa /Xóa/Tìm kiếm/View/Tìm kiếm...) trong quản lý sản phẩm theo từng NSD/nhóm NSD, theo Trụ sở chính, theo công ty thành viên...	M			
		166	The system provides a feature that allows notifications regarding the application and utilization of products at branches or the entire system (refer to ID 159)	Hệ thống cung cấp tính năng gửi thông báo về việc sản phẩm được áp dụng và khai thác tại các công ty thành viên hoặc toàn hệ thống (tham chiếu yêu cầu có ID 159)	O			
2. Policy Management/ Quản lý hợp đồng bảo hiểm	2.1. Policy Administration Lifecycle (Quản lý Vòng đời hợp đồng bảo hiểm)	167	the system provides features to calculate, track and manage multi-line or multi-policy discounts and display premium with and without the discount on the invoice	Hệ thống phải cung cấp khả năng tính toán, theo dõi và quản lý chiết khấu của nhiều loại bảo hiểm hoặc nhiều hợp đồng và hiển thị phí bảo hiểm đã có và chưa có chiết khấu trên hóa đơn	M	0.5		
		168	Please demonstrate how your system handle the same submission from multiple agencies for the purposes of clearing a risk for a particular agency (i.e. customer clearance)	Vui lòng trình bày cách hệ thống xử lý thế nào nếu có nhiều đại lý chào phí cấp đơn cho cùng 1 khách hàng — làm sao để xác định đại lý nào được quyền đại diện khách hàng đó (customer clearance)	O	0.5		Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
		169	The system must support ISO-based insurance products (i.e., products developed in accordance with the standardized rules, forms, clauses, and rating manuals issued by the Insurance Services Office – ISO), as well as Market Segmentation and Risk Rating capabilities. Please describe in detail the level of support the system can provide for these functionalities.	Hệ thống phải hỗ trợ Sản phẩm ISO (các sản phẩm được xây dựng theo bộ quy tắc, điều khoản và biểu phí chuẩn của ISO – Insurance Services Office), đồng thời hỗ trợ Phân khúc thị trường và Đánh giá rủi ro. Vui lòng mô tả mức độ hỗ trợ chi tiết mà hệ thống có thể đáp ứng đối với các nội dung này.	O	0.5		Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
		170	the system provides features to handle failed transactions/data imports (e.g. agency upload, convert on renewal) due to data quality issues. Identify whether the system provide the ability for a user to edit and resubmit the transaction, or the failed transaction get "kicked out" into an error log file (i.e. requiring IT user to mitigate).	Hệ thống phải cung cấp khả năng xử lý các giao dịch / nhập dữ liệu không thành công (ví dụ: đại lý tải lên, chuyển đổi khi tái tục) do các vấn đề về chất lượng dữ liệu. Xác định xem hệ thống có hỗ trợ người dùng chỉnh sửa và gửi lại giao dịch hay giao dịch không thành công sẽ bị "loại bỏ" vào file log lỗi (vd: bắt buộc người dùng quản lý CNTT phải giải quyết).	O	0.5		Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp

		Create a new quotation	Tạo mới bản chào phí					
171	The system allows users to create quotation	Hệ thống cho phép NSD tạo mới bản chào phí	M	1				
172	In the new fee quote, when the user selects a product from the product list (created in the Product Management function), the system automatically displays the information fields of the previously configured product.	Tại bản chào phí mới, khi NSD chọn một sản phẩm từ danh sách sản phẩm (đã tạo trong chức năng Quản lý sản phẩm) thì hệ thống tự động hiển thị các trường thông tin của sản phẩm đã cấu hình trước đó	M	1				
173	When creating a new quotation, the system allows the user to search for products to display the corresponding quotation screen based on the selected product. The system enables searching for products by criteria including but not limited to: name, product line, or product type.	Khi tạo mới bản chào phí, hệ thống cho phép NSD tìm kiếm sản phẩm để hiển thị màn hình chào phí tương ứng với sản phẩm đã chọn. Hệ thống cho phép tìm kiếm sản phẩm theo các điều kiện bao gồm nhưng không giới hạn: tên sản phẩm, dòng sản phẩm, loại sản phẩm...	M	0.5				
174	The system allows integrating quotation information from the quotation system into the insurance core	Hệ thống cho phép tích hợp thông tin chào phí từ hệ thống chào phí vào trong core bảo hiểm	M	1				
175	The system allows users to modify the quotation	Hệ thống cho phép NSD được chỉnh sửa bản chào phí	M	1				
176	the system provides features to clone and edit the content of the quotation to save time in declaring a new quotation	Hệ thống có tính năng sao chép, chỉnh sửa nội dung của bản chào phí để tiết kiệm thời gian khai báo bản chào mới	M	1				
177	The system allows logging edited information on the quotation (audit trail)	Hệ thống cho phép lưu lịch sử các thông tin đã chỉnh sửa trên bản chào	M	0.5				
178	The system allows automatic display including but not limited to the following information: - Code of Quotation /report number (unique number generated by the system) - Reference number - Operator (full name) - Form of exploitation: Direct, Coinsurance, Inward facultative reinsurance, Inward treaty reinsurance + Direct + Coinsurance: Insurance company, Role, Coinsurance rate, Management premium rate, Management premium amount + Inward facultative reinsurance: Ceding company, Acceptance rate, Commission rate + Inward treaty reinsurance: Ceding company, Acceptance rate, Commission rate + ...	Hệ thống cho phép hiển thị tự động bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: - Mã số bản chào/tờ trình (là duy nhất do hệ thống tự sinh) - Số tham chiếu - Khai thác viên (họ và tên) - Hình thức khai thác: Trực tiếp, Đồng bảo hiểm, Nhận tái bảo hiểm tạm thời, Nhận tái bảo hiểm cố định + Trực tiếp + Đồng bảo hiểm: Công ty bảo hiểm, Vai trò, Tỷ lệ đồng bảo hiểm, Tỷ lệ phí quản lý, Thành tiền phí quản lý + Nhận tái bảo hiểm tạm thời: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng + Nhận tái bảo hiểm cố định: Công ty nhượng tái bảo hiểm, Tỷ lệ nhận, Tỷ lệ hoa hồng + ... - Trạng thái bản chào:	M	1				

			<ul style="list-style-type: none">- Quotation 's status:<ul style="list-style-type: none">+ Created: Create a new quotation to issue a new policy/renew a policy+ Submitted for approval of authorized users/user groups+ Quotation approved: Agree to approve the internal quotation plan including approval of the reinsurance plan (if any) and discuss with the customer before issuing the insurance policy+ Waiting for confirmation from the customer: After being internally approved, the quotation will be sent to the customer to confirm the insurance request.+ Customer confirms the quotation: The customer agrees with the quotation and confirms the insurance request+ Refused: Authorized users/user groups refuse the quotation, Customer refuses the quotation+ Policy issued: After the quotation is approved and the insurance policy is issued, the system automatically updates the status of the quotation as Policy issued.+ ...- Reason for submitting for approval:<ul style="list-style-type: none">+ Reason for reporting+ Reason for premium reduction+ Loss history+ Total premium+ Compensation+ Loss Ratio+ ...	<ul style="list-style-type: none">+ Tạo mới: tạo mới bản chào phí, phục vụ cấp đơn mới/tái tục+ Trình phê duyệt NSD/nhóm NSD có thẩm quyền+ Đã duyệt bản chào phí: Đồng ý phê duyệt phương án chào phí nội bộ đã bao gồm phê duyệt phương án tái (nếu có) và được đưa ra trao đổi với khách hàng trước khi cấp đơn bảo hiểm+ Chờ xác nhận từ khách hàng: Bản chào phí sau khi được phê duyệt nội bộ sẽ được gửi đến khách hàng để xác nhận yêu cầu bảo hiểm+ Khách hàng xác nhận bản chào phí: Khách hàng đồng ý với bản chào phí, xác nhận yêu cầu bảo hiểm+ Từ chối: NSD/nhóm NSD có thẩm quyền từ chối bản chào phí, Khách hàng từ chối bản chào phí+ Đã cấp đơn: Sau khi bản chào phí được phê duyệt và cấp đơn bảo hiểm, hệ thống tự động cập nhật trạng thái trên bản chào về Đã cấp đơn+ ...- Lý do trình duyệt:<ul style="list-style-type: none">+ Lý do báo cáo+ Lý do giảm phí+ Lịch sử tổn thất+ Tổng phí+ Bồi thường+ Tỷ lệ bồi thường+ ...					
		179	<ul style="list-style-type: none">- The system allows sending quotation to customers via electronic forms (link via email, SMS, app, etc.) after the quotation are internally approved. Customers can directly access the link received to check the quotation information and confirm participation or not.- Allow integration of core insurance system with external customer system when customers confirm participation or refuse the quotation.	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống cho phép gửi bản chào phí cho khách hàng thông qua các hình thức điện tử (đường link qua email, SMS, app ...) sau khi bản chào phí được chấp thuận nội bộ. Khách hàng có thể truy cập trực tiếp vào đường link nhận được để kiểm tra thông tin bản chào và xác nhận tham gia hay không- Cho phép tích hợp hệ thống core bảo hiểm với hệ thống khách hàng bên ngoài khi khách hàng xác nhận tham gia hoặc từ chối bản chào phí	M				

		180	After user input required information on the fee quote/application form, (for example: Insurance buyer, insured vehicle information, insurance plan, Terms and conditions, deductible, insurance period ..., based on the established fee setting rules, refer to Product Management section), the system automatically calculates and displays information including but not limited to: + Fee rate + Fees + Insurance amount + Reduced fee schedule (fee levels specified for branches) + Annual fee schedule (fee levels prescribed by the Ministry of Finance) +...	Sau khi NSD nhập các thông tin bắt buộc trên bản chào phí/cấp đơn, (ví dụ: Bên mua bảo hiểm, thông tin xe tham gia bảo hiểm, phương án bảo hiểm, Điều kiện điều khoản, khấu trừ, thời hạn bảo hiểm....dựa trên quy tắc thiết lập biểu phí đã xây dựng, tham chiếu mục Quản lý sản phẩm), hệ thống tự động tính toán và hiển thị các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: + Tỷ lệ phí + Mức phí + Số tiền bảo hiểm + Biểu phí giảm (mức phí quy định cho Công ty thành viên) + Biểu phí năm (mức phí quy định của Bộ tài chính) +...	M	1			
		181	At the time of quotation/issuance of a policy, if the premium meets the established rules audit premiums for each product (refer to the Product Management function), the system automatically displays a warning that the policy should be submitted to higher competent level, and allows submitting for approval of corresponding levels	Tại thời điểm chào phí/cấp đơn, nếu phí bảo hiểm thỏa mãn các quy tắc đã thiết lập kiểm soát phí bảo hiểm theo từng sản phẩm (tham chiếu chức năng Quản lý sản phẩm) thì hệ thống tự động hiển thị cảnh báo đơn cần trình vượt cấp và cho phép trình duyệt các cấp tương ứng	M				
		182	The system allows that in the extension clauses Category, information field of endorsement limits, if there is information approved by the competent authority, it will be taken according to the approved content of the competent authority. In case there is no approved information from the competent authority, information will be taken based on the proposed endorsement limit information.	Hệ thống cho phép tại mục Điều khoản bổ sung, trường thông tin Giới hạn sửa đổi bổ sung nếu có thông tin phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì sẽ lấy theo nội dung phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp không có thông tin phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì sẽ lấy theo thông tin Giới hạn sửa đổi bổ sung được đề xuất	M	2.5			
		183	The system allows in the extension clauses category, users can add new extension clauses that are outside the list of extension clauses issued by BIC, and authorized users will be able to edit the content of these extension clauses	Hệ thống cho phép tại mục Điều khoản sửa đổi bổ sung, NSD thêm mới những Điều khoản sửa đổi bổ sung nằm ngoài danh mục Điều khoản sửa đổi bổ sung mà BIC ban hành, NSD có thẩm quyền sẽ được vào chỉnh sửa lại nội dung Điều khoản sửa đổi bổ sung này.	M				
		184	The system must support attaching identification information to the quotation (possibly via QR code)	Hệ thống phải hỗ trợ gắn thông tin định danh lên bản chào phí (có thể thông qua mã QR code)	M				

		185	The system automatically alerts authorized users about a product/risk service requiring facultative reinsurance when the information on the quotation meets the established rules for determining facultative reinsurance in the Product Management function	Hệ thống tự động cảnh báo NSD có thẩm quyền về một dịch vụ sản phẩm/rủi ro phải tái bảo hiểm tạm thời khi thông tin trên bản chào thỏa mãn quy tắc đã thiết lập xác định tái bảo hiểm tạm thời tại chức năng Quản lý sản phẩm	M			
		186	The system has a function that allows users to notify the reinsurance department users about the information of policies that need to arrange facultative reinsurance for processing	Hệ thống có chức năng cho phép NSD thông báo về thông tin đơn cần thu xếp tái bảo hiểm tạm thời cho người dùng thuộc bộ phận tái bảo hiểm để xử lý	M			
		187	The system automatically displays the quotation that has been successfully or unsuccessfully arranged for reinsurance as soon as the authorized user notifies the reinsurance arrangement result on the system.	Hệ thống tự động hiển thị bản chào phí đã được thu xếp tái thành công hoặc không thành công ngay khi người dùng có thẩm quyền thu xếp thông báo kết quả thu xếp tái trên hệ thống	M			
		188	- The system allows batch processing: + The system allows manually input premium quotes in batches or uploading excel files for premium quotes with 1 or more insurance subjects. + The system allows to issue applications in batches by uploading excel files - The system supports defining excel template files for users to enter upload information	- Hệ thống cho phép xử lý theo lô: + Hệ thống cho phép nhập bản chào phí theo lô theo hình thức thủ công hoặc upload file excel đối với bản chào phí có 1 hoặc nhiều đối tượng bảo hiểm + Hệ thống cho phép cấp đơn theo lô theo hình thức upload file excel - Hệ thống hỗ trợ định nghĩa file template excel để NSD nhập thông tin upload	M			
		189	At the fee quote, the system displays a link that allows users to access the Product Management function according to the product version being used in the fee quote.	Tại bản chào phí, hệ thống hiển thị đường dẫn cho phép NSD truy cập đến chức năng Quản lý sản phẩm theo phiên bản sản phẩm đang được sử dụng tại bản chào phí	M			
		190	The system provides features to query information including but not limited to: customer's participation history, customer's compensation history, etc., after the authorized user selects the "Submission for approval" feature in the quotation slip.	Hệ thống cung cấp tính năng truy vấn các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: lịch sử tham gia, lịch sử bồi thường...sau khi người dùng có thẩm quyền chọn tính năng "Trình duyệt" tại bản chào phí	M			
		191	The system displays the existing customer classification on the quotation (Vip customers, At-risk customers, etc.)	Hệ thống hiển thị phân loại khách hàng hiện hữu trên bản chào phí (Khách hàng vip, Khách hàng cảnh báo...)	M			
		192	The system allows managing the status of premium quotes for products that do not require a premium quote (ready-to-sell products), including the statuses: Created, Issued	Hệ thống cho phép quản lý trạng thái bản chào phí với những sản phẩm không cần chào phí (sản phẩm bán sẵn), bao gồm trạng thái: Tạo mới, Đã cấp đơn	O			
		193	The system allows entering insurance policy information for ready-to-sell products (products	Hệ thống cho phép nhập thông tin đơn bảo hiểm của sản phẩm bán sẵn (sản phẩm không	O			

			that do not require a premium quote and do not need multi-level approval)	qua chào phí và không phải phê duyệt nhiều cấp)					
	194	The system allows authorized users to refuse quotation	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Từ chối bản chào phí	M					
	195	The system allows authorized users to approve quotation	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Chấp thuận bản chào phí	M					
	196	The system allows authorized users to approve quotation in cases the quotation are submitted beyond the authority level or to the correct authority level.	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Trình duyệt bản chào phí trong trường hợp trình vượt cấp thẩm quyền hoặc trình đúng cấp thẩm quyền	M					
	197	The system automatically updates the latest valid information fields according to version (if any) when creating a new quotation. For example: Terms and conditions, extension clauses s, list of benefits, etc.	Hệ thống tự động cập nhật những trường thông tin có hiệu lực mới nhất theo phiên bản (nếu có) khi tạo mới bản chào phí Ví dụ: Điều kiện điều khoản, điều khoản sửa đổi bổ sung, danh mục quyền lợi...	M					
	198	The system allows entering the commission rate paid to brokers of each different co-insurer (only in cases where BIC is the leader).	Hệ thống cho phép nhập tỉ lệ hoa hồng trả cho môi giới của từng nhà đồng khác nhau (chỉ trong trường hợp BIC là leader)	M					
	199	The system allows authorized users to create a version of the quotation, and edit the version of the quotation slips that have been approved internally (Quotation 's status: Quotation approved)	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền tạo ra phiên bản của bản chào phí, chỉnh sửa phiên bản chào phí với những bản chào đã được phê duyệt nội bộ (Trạng thái bản chào phí: Đã duyệt bản chào phí)	M	0.5				
	200	When a user edits an approved quotation, the system automatically creates a new version and allows the user to track the version history of that quotation	Khi NSD thực hiện chỉnh sửa một bản chào phí đã được phê duyệt thì hệ thống tự động tạo 1 phiên bản mới và cho phép NSD theo dõi lịch sử phiên bản của bản chào phí đó	M	1.5				
	201	The system provides a feature to compare two consecutive quotation versions, highlighting or alerting changes.	Hệ thống cung cấp tính năng so sánh giữa 2 phiên bản chào phí liên tiếp, hiển thị đánh dấu (highlight) hoặc cảnh báo về các sự thay đổi	O	1				
	202	The system displays result of renewal rules which were setup for each product,product group(refer to ID 148)	Hệ thống hiển thị thông tin tái tục của bản chào phí tùy thuộc vào nguyên tắc đã thiết lập cho từng sản phẩm, nhóm sản phẩm (tham chiếu ID 148)	M	0.5				
	203	The system supports to provide information including but not limited to: + Customer information and insured objects on the quotation, including but not limited to the following information: ++ BIC's sales revenue to customers ++ Loss history: Number of compensated losses, Loss Ratio (%) ++ Premium payment: Rate of late payments,	Hệ thống hỗ trợ cung cấp thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: + Thông tin khách hàng, đối tượng được bảo hiểm trên bản chào phí bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: ++ Doanh thu bán hàng của BIC cho khách hàng ++ Lịch sử tổn thất: Số vụ tổn thất được bồi thường, Tỷ lệ bồi thường (%)	M	1				

		<p>Rate of late payment amount</p> <p>++ Types of insurance participated in BIC</p> <p>++ Applicable terms and conditions of issued policies</p> <p>++ System notes about customers, etc.</p> <p>+ Lookup links: Lloyd's inspection companies, P&I Club, ship information lookup links, bill of lading/container tracking, etc.</p>	<p>++ Thanh toán phí: Tỷ lệ lượt thanh toán chậm, Tỷ lệ số tiền thanh toán chậm</p> <p>++ Các loại hình bảo hiểm đã tham gia tại BIC</p> <p>++ Điều kiện điều khoản đang áp dụng của các đơn đã cấp</p> <p>++ Các ghi chú của hệ thống về khách hàng...</p> <p>+ Các đường link tra cứu: các công ty giám định của Lloyd's, hội P&I, đường link tra cứu thông tin tàu, tracking vận đơn/container....</p>					
	204	The system must allow users to create new quotation for open cover policy/open policy with all the feature requirements in section "Create new quotation"	Hệ thống phải cho phép NSD tạo mới bản chào phí dành cho Hợp đồng bao/hợp đồng nguyên tắc với đầy đủ yêu cầu tính năng trong mục Tạo mới bản chào phí	M	1			
	205	<p>The system allows tracking the history of submitting, approving, and rejecting premium quotes and insurance policies through each level of authority, including but not limited to the following information:</p> <p>- Submission process:</p> <p>+ Date</p> <p>+ Staff</p> <p>+ Content</p> <p>+ Reason..</p>	<p>Hệ thống cho phép theo dõi lịch sử việc trình, phê duyệt, từ chối bản chào phí, đơn bảo hiểm qua từng cấp thẩm quyền trên hệ thống, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin sau:</p> <p>- Quá trình trình duyệt:</p> <p>+ Ngày</p> <p>+ Cán bộ</p> <p>+ Nội dung</p> <p>+ Lý do...</p>	O	0.5			
	206	The system automatically displays the commission limits and support limits for each agent according to the predefined rules (referencing Level 1 limit at ID 132 and Level 2 limit at ID 134) in Product Management	Hệ thống tự động hiển thị hạn mức hoa hồng, hạn mức hỗ trợ từng đại lý theo bộ quy tắc đã thiết lập (tham chiếu hạn mức 1 tại ID 132, tham chiếu hạn mức 2 tại ID 134) tương ứng trong Quản lý sản phẩm	M	0.5			
	207	The system automatically submits the policy to the authorized person to sign when the user prints and signs the electronic policy/electronic certificate.	Hệ thống tự động trình đơn bảo hiểm đến người có thẩm quyền ký khi NSD in ký hợp đồng điện tử/ Giấy chứng nhận điện tử	M	1			
	208	The system supports displaying entities (branches, Agents, Service sources, etc.) that are quoting for the same product for the same customer.	Hệ thống hỗ trợ hiển thị những đơn vị (Công ty thành viên, Đại lý, Nguồn dịch vụ...) đang chào phí cho cùng 1 sản phẩm của cùng 1 khách hàng	M	1			
	209	After the quotation has been confirmed by the customer to request for insurance, the system can automatically issue a policy from the quotation depending on each product.	Sau khi bản chào phí đã được khách hàng xác nhận yêu cầu bảo hiểm, hệ thống có thể tự động cấp đơn từ bản chào phí tùy theo từng sản phẩm	M	0.5			

		210	The system allows automatically creating a new policy with a status of Processing after the authorized user choose the Policy issuance feature in the Quotation Management function.	Hệ thống cho phép tự động tạo hợp đồng mới với trạng thái là Đang xử lý sau khi được NSD có thẩm quyền chọn tính năng Cấp đơn trong chức năng Quản lý chào phí	M	1			
		211	The system shall support the application of promotional and discount programs at the policy level, product bundle level, and sales program level (including product groups or policies containing multiple products with different discount or promotional rates).	Hệ thống hỗ trợ áp dụng các chương trình khuyến mãi, giảm phí theo đơn, gói, chương trình bán (nhóm sản phẩm, đơn gồm nhiều sản phẩm có tỷ lệ giảm phí, khuyến mại khác nhau)	M	1			
		212	The system needs to recognize and classify customers as individuals or organizations (refer to Customer Management function)	Hệ thống cần nhận biết phân loại khách hàng là cá nhân hoặc tổ chức (tham chiếu chức năng Quản lý khách hàng)	M	1			
		213	The system allows identifying long-term personal insurance policy chains where the Insured dies or the policy is canceled/early terminated to make a premium refund notification. (for example: A customer buys 3-year health insurance, but the second year the customer dies, the system needs to recognize to make a refund of premium according to regulations (recognize cases where the policy no longer has an insured subject))	Hệ thống cho phép nhận diện chuỗi hợp đồng bảo hiểm con người cấp dài hạn có Người được bảo hiểm tử vong hoặc hủy/chấm dứt trước hạn để thực hiện thông báo hoàn phí. (ví dụ: Khách hàng mua bảo hiểm sức khỏe 3 năm, năm 2 khách hàng tử vong, hệ thống cần nhận biết để thực hiện hoàn phí theo quy định (nhận biết các trường hợp đơn không còn đối tượng bảo hiểm))	M				
		214	The system must support setting up warning conditions referring to data of canceled policies to serve as a warning to users whether to continue issuing policies or not? For example, the condition of refusing a policy from an insurance customer who has canceled the policy multiple times due to non-payment	Hệ thống phải hỗ trợ thiết lập các điều kiện cảnh báo tham chiếu đến dữ liệu của các hợp đồng đã bị hủy bỏ để phục vụ cho việc cảnh báo người dùng có tiếp tục cấp đơn hay không? Ví dụ: điều kiện từ chối đơn của khách hàng bảo hiểm đã hủy bỏ hợp đồng nhiều lần do không thanh toán	M	1			
		215	The system allows entering reference numbers to other policy for purposes including but not limited to: + Validate policy and pre-populate fields for the next insurance policy submission + Displays the number of insurance policies that need to be renewed, etc.	Hệ thống cho phép nhập số tham chiếu đến các hợp đồng khác nhằm mục đích bao gồm những không giới hạn: + Xác thực hợp đồng và điền trước các trường cho lần nộp đơn bảo hiểm tiếp theo + Hiện thị số đơn/hợp đồng bảo hiểm cần tái tục...	M	1			
		216	The system only allows insurance policies to be issued from agents who have a policy with BIC which is valid at the time of policy issuance.	Hệ thống chỉ cho phép cấp đơn bảo hiểm từ những đại lý đã có hợp đồng với BIC và có hiệu lực tại thời điểm cấp đơn	M	0.5			

		217	The system allows automatically saving the history of changed information about the quotation	Hệ thống cho phép tự động lưu lịch sử các thông tin thay đổi về bản chào phí	M	0.5			
		218	the system provides features to allows authorized users to look up and view the implementation history of any random quotation on the system. For example, select random transactions (e.g., quotation, new products, policy endorsement, refusals) of operators to conduct a profile review/internal review of the work.	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép NSD có thẩm quyền tra cứu, xem được lịch sử thực hiện của bất kỳ bản chào phí ngẫu nhiên trên hệ thống Ví dụ: chọn các giao dịch ngẫu nhiên (ví dụ: chào phí, sản phẩm mới, hợp đồng sửa đổi bổ sung, lời từ chối) của khai thác viên để tiến hành đánh giá hồ sơ / đánh giá nội bộ về công việc.	M				
		219	The system allows setting up warning rules when the commission rate entered on an insurance policy exceeds the predefined limits (referencing the definitions of Level 1 and Level 2 limits at ID 132,134)	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc cảnh báo khi tỷ lệ hoa hồng nhập trên đơn bảo hiểm vượt quá các hạn mức đã quy định (tham khảo định nghĩa hạn mức cấp 1, cấp 2 tại ID 132,134)	M	1			
		220	The system displays warning and does not allow fee quotes to be saved or submitted beyond the approval authority level when the broker's commission rate meets the established blocking rule.	Hệ thống cảnh báo không cho phép lưu bản chào phí hoặc trình vượt cấp thẩm quyền phê duyệt khi tỷ lệ phí hoa hồng của môi giới thỏa mãn quy tắc chặn đã thiết lập	M				
		221	The warning system does not allow fee quotes to be saved or submitted beyond the level of approval authority when the agent's commission rate meets the blocking rule set in the Product Management function.	Hệ thống cảnh báo không cho phép lưu bản chào phí hoặc trình vượt cấp thẩm quyền phê duyệt khi tỷ lệ phí hoa hồng của đại lý thỏa mãn quy tắc chặn đã thiết lập tại chức năng Quản lý sản phẩm	M				
		222	The system warns that the quotation exceeds the retention limit, and exceeds the limit of the number of policies of an insured person at a certain time, and a policy is not allowed to be issued when the information on the policy meets the established rules in Product Management function	Hệ thống cảnh báo bản chào vượt hạn mức giữ lại, vượt hạn mức số lượng hợp đồng của một người được bảo hiểm tại một thời điểm nhất định và không cho phép cấp đơn khi các thông tin trên đơn thỏa mãn quy tắc đã thiết lập tại chức năng Quản lý sản phẩm	M	0.5			
		223	The system automatically displays the quotation as a renewal policy when the information on the quotation meets the established rules for determining renewal policies in the Product Management function.	Hệ thống tự động hiển thị bản chào phí là đơn tái tục khi thông tin trên bản chào thỏa mãn quy tắc đã thiết lập xác định đơn tái tục tại chức năng Quản lý sản phẩm	M	0.5			
		224	The system allows submitting for approval at a lower authority level or not requiring approval for internally approved quotation or insurance policies (status Processing, Policy issued)	Hệ thống cho phép trình phê duyệt giảm cấp hoặc không cần phê duyệt đối với bản chào phí đã được phê duyệt nội bộ hoặc đơn/hợp đồng bảo hiểm (trạng thái Đang xử lý, Đã cấp đơn)	O	0.5			

			<p>with edits to the quotation content, including but not limited to the following cases:</p> <ul style="list-style-type: none"> + For services and products with better signing content than the approved content in the quotation, a comparison formula can be set based on some criteria (for example: Higher premium, etc.), the system allows users to edit and get approval immediately without having to submit to the authorities from the beginning. For information fields which cannot set comparison formulas, users will submit them for approval from the beginning. + When changing information fields: agents, brokers, service sources, etc., without greatly affecting the Insurance coverage and benefits the system allows separate distinctions and definitions and no need to re-submit for approval +... 	<p>có chỉnh sửa nội dung bản chào, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Với dịch vụ, sản phẩm có nội dung chốt ký tốt hơn nội dung đã phê duyệt trong bản chào phí mà có thể đặt công thức so sánh ở 1 số tiêu chí (ví dụ: Phí bảo hiểm nhập cao hơn...), hệ thống cho phép NSD chỉnh sửa và được phê duyệt ngay mà không cần trình duyệt các cấp thẩm quyền từ đầu. Các trường thông tin không thể đặt công thức so sánh, NSD sẽ trình phê duyệt từ đầu + Khi thay đổi các trường thông tin: đại lý, môi giới, nguồn dịch vụ,... mà không ảnh hưởng nhiều tới phạm vi, quyền lợi của đơn bảo hiểm, hệ thống cho phép phân biệt, định nghĩa riêng và không cần trình duyệt lại +... 					
	225	<p>The system must allow data entry for quotation /Certificates of insurance depending on each product including but not limited to the following cases:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Issue date <= start date + Issue date > start date + Issue date <= start date and the date entered on the system may be after the effective start date +... <p>in which: Date of issue and start date (From date) is the information on the quotation /Certificate of insurance</p>	<p>Hệ thống phải cho phép nhập dữ liệu đối với bản chào/Giấy chứng nhận bảo hiểm tùy theo từng sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ngày cấp <= Ngày bắt đầu hiệu lực + Ngày cấp > Ngày bắt đầu hiệu lực + Ngày cấp <= Ngày bắt đầu hiệu lực và ngày nhập trên hệ thống có thể sau ngày bắt đầu hiệu lực +... <p>trong đó: Ngày cấp và Ngày bắt đầu hiệu lực (Từ ngày) là thông tin trên bản chào phí/Giấy chứng nhận bảo hiểm</p>	M	0.5				
	226	<p>The system supports integrating with the data synthesis and analysis system outside the core to display information such as: expenses per policy, commission for each policy, suggestions on increasing or decreasing premiums, etc., helping authorized users have more information to make decisions when approving insurance policies.</p>	<p>Hệ thống hỗ trợ tích hợp với hệ thống phân tích, tổng hợp dữ liệu bên ngoài core để hiển thị các thông tin như: chi phí kinh doanh trên từng đơn, lương kinh doanh từng đơn, gợi ý về việc tăng giảm phí,... giúp người dùng có thẩm quyền có thêm thông tin để đưa ra quyết định khi duyệt đơn bảo hiểm</p>	M	0.5				
		Edit quotation	Chỉnh sửa bản chào phí						

		227	The system allows authorized users to edit the content in the quotation after it is created	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền chỉnh sửa các nội dung trong bản chào phí sau khi được tạo	M	0.5			
			Print quotation	In bản chào phí					
		228	The system supports users in previewing and printing predefined templates for each product, using data sourced from the quotation. This function references the Template Management module within Product Management and includes, but is not limited to: Submission Forms, Insurance Application Forms, Insurance Policies, Certificates of Insurance, selected endorsements with corresponding clause limits, premium notices, and other related documents	Hệ thống hỗ trợ người dùng xem trước và in các biểu mẫu đã thiết lập sẵn theo từng sản phẩm, lấy nguồn từ thông tin trong bản chào, tham chiếu chức năng Quản lý biểu mẫu trong quản lý sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn: Tờ trình, Giấy yêu cầu bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm, nội dung các sửa đổi sung đã chọn với hạn mức điều khoản tương ứng, thông báo thu phí...	M	0.5			
			Search quotation	Tìm kiếm bản chào phí					
		229	The system allows searching quotation by information fields including but not limited to: - Insurance company - Customer name - quotation code - quotation status - Operator - Vehicle registration plate number - Vehicle owner's name, etc.	Hệ thống cho phép tìm kiếm bản chào theo các trường thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: - Công ty bảo hiểm - Tên khách hàng - Mã số bản chào phí - Trạng thái bản chào phí - Khai thác viên - Biển kiểm soát - Tên chủ xe...	M	0.5			
		230	The system allows users to search for quotations based on criteria including but not limited to: product name, product line, product type, etc. Example: - Complex product A1 is copied and created from the original product A (technical asset product line). - Complex product A2 is copied and created from complex product A1. => The system allows that when searching for a quotation, entering 'A' as the search value will automatically return results for products A, A1, A2, etc. When the user selects the desired product from the search results, the system will automatically display the corresponding quotations for that product	Hệ thống cho phép NSD tìm kiếm bản chào phí theo các điều kiện bao gồm nhưng không giới hạn: tên sản phẩm, dòng sản phẩm, loại sản phẩm... VD: - Sản phẩm phức hợp A1 được sao chép và tạo ra từ sản phẩm gốc A (dòng sản phẩm tài sản kỹ thuật) - Sản phẩm phức hợp A2 được sao chép và tạo ra từ sản phẩm phức hợp A1. => Hệ thống cho phép khi tìm kiếm bản chào phí, nhập giá trị sản phẩm tìm kiếm là A thì tự động trả về kết quả là sản phẩm A, A1, A2... Khi NSD chọn sản phẩm mong muốn trong kết quả tìm kiếm thì hệ thống tự động hiển thị các bản chào phí tương ứng với sản phẩm đó.	M				
			Document Management	Quản lý tài liệu					

		231	The system allows authorized users to describe attached documents without intervention from IT staff	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền mô tả về tài liệu đính kèm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT	M	0.5			
		232	The system allows attaching documents to the quotation For example: Insurance Proposal Form, Proposal, Letter of appointment as official representative	Hệ thống cho phép đính kèm hồ sơ về bản chào phí VD: Giấy yêu cầu bảo hiểm, Tờ trình, Thư chỉ định làm đại diện chính thức	M				
			Permission	Phân quyền					
		233	The system allows establishing authority for each object or group of objects. Authority functions include: Accept; Refuse; Submit (proposal to authorized users)	Hệ thống cho phép thiết lập phân cấp thẩm quyền cho từng đối tượng hoặc nhóm đối tượng. Chức năng thẩm quyền bao gồm: Chấp nhận; Từ chối; Trình duyệt	M	0.5			
		234	The system allows building authority based on including but not limited to the following grounds: • Type of business/Product • Risks/Risk Group • Sum Insured • Premium rate • Deductible, Franchise • Terms • Endorsement • Form of exploitation • Insured subject • Geographic scope • Loss history • ...	Hệ thống cho phép xây dựng thẩm quyền dựa trên bao gồm nhưng không giới hạn các căn cứ sau: • Loại hình nghiệp vụ/Sản phẩm • Rủi ro/Nhóm rủi ro • Số tiền bảo hiểm • Tỷ lệ phí • Mức miễn thường • Điều khoản • Sửa đổi bổ sung • Hình thức khai thác • Đối tượng được bảo hiểm • Phạm vi địa lý • Lịch sử tổn thất • ...	M				
		235	The system allows authorized users to customize approval authority for each product and each specific case For example: In the case of a quotation that has been internally approved but not yet issued a policy, the authorized user providing any field changes will be allowed to self-approve instead of submitting for approval(proposal to authorized users) again from the beginning.	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền được tùy chỉnh thẩm quyền phê duyệt theo từng sản phẩm, từng trường hợp cụ thể Ví dụ: Trong trường hợp bản chào khi được phê duyệt nội bộ nhưng chưa cấp đơn, người dùng có thẩm quyền cung cấp trường nào thay đổi thì được phép tự phê duyệt luôn thay vì trình duyệt lại từ đầu	O				
		236	The system allows version management by specific points in time	Hệ thống cho phép quản lý phiên bản theo từng thời điểm	M				
		237	The system allows people with higher authority to view and approve directly (with policies under their authority) without going through the	Hệ thống cho phép người có thẩm quyền cao hơn có thể xem và duyệt trực tiếp (với các đơn	M				

		lower level, and customize Authorization (Data-Access).	thuộc thẩm quyền) mà không cần thông qua cấp bên dưới, tùy chỉnh phân quyền chức năng					
		Search for insurance policy	Tìm kiếm hợp đồng bảo hiểm					
	238	The system allows users to search for insurance policies by information fields including but not limited to: - Insurance products (original products, complex products) - Insurance company - Customer name - Certificate number - Operator - Reinsurance status - Vehicle registration plate number - policy number - Insurance period - Number of proposal, etc. - The insured subjects: + Motor vehicles: Vehicle registration plate number, chassis number/engine number, etc. + Health care: Customer name, ID card, date of birth, etc. + Marine: Ship name/ship's IMO, etc.	Hệ thống cho phép NSD tìm kiếm đơn/hợp đồng bảo hiểm theo các trường thông tin bao gồm nhưng không giới hạn như: - Sản phẩm bảo hiểm (sản phẩm gốc, sản phẩm phức hợp) - Công ty bảo hiểm - Tên khách hàng - Giấy chứng nhận số - Khai thác viên - Trạng thái Tái bảo hiểm - Biển kiểm soát - Số đơn bảo hiểm - Thời hạn bảo hiểm - Số tờ trình... - Đối tượng bảo hiểm: + Xe cơ giới: Biển số xe, số khung /số máy... + Con người: Tên khách hàng, CMTND, Ngày sinh... + Hàng hải: tên tàu/IMO của tàu...	M	0.5			
	239	The system enables searching for insurance policies/contracts by name, product line, or product type.	Hệ thống cho phép NSD tìm kiếm đơn/hợp đồng bảo hiểm theo các điều kiện bao gồm nhưng không giới hạn: tên sản phẩm, dòng sản phẩm, loại sản phẩm...	M				
		Approve to issue policies	Duyệt cấp đơn/hợp đồng bảo hiểm					
	240	The system allows authorized users to manually issue insurance policies for insurance policies that are in the Processing status.	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền cấp đơn/hợp đồng bảo hiểm thủ công với những đơn bảo hiểm đang ở trạng thái Đang xử lý	M	1			
	241	The system allows automatic issuance of insurance policies including but not limited to the following cases: + For insurance policies for off-the-shelf products, it is not required to submit for internal approval + The system allows authorized users to configure the waiting time from the issue of an insurance policy .According to the setting (referring to the Product Management function), If the configured date has passed with insurance policies in the Processing status,	Hệ thống cho phép Cấp đơn/hợp đồng bảo hiểm tự động bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp: + Đơn/hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bán sẵn, không phải trình duyệt nội bộ + Hệ thống cho phép người dùng cấu hình thời gian chờ từ khi phát hành hợp đồng bảo hiểm. Nếu quá thời gian chờ theo thiết lập (tham chiếu chức năng Quản lý sản phẩm): với những đơn bảo hiểm đang ở trạng thái Đang xử lý, hệ thống sẽ tự động duyệt cấp đơn, loại trừ	M				

			the system will automatically approve the policy, excluding the policy of some products. +...	với đơn bảo hiểm của 1 số sản phẩm +...					
	242		The system shall display a list of insured objects together with links to the corresponding Certificates of Insurance (COIs) issued under the same batch policy, enabling users to easily view details and print each COI individually.	Hệ thống cho phép hiển thị danh sách thông tin các đối tượng BH và link GCNBH từng đối tượng BH thuộc cùng một hợp đồng cấp theo lô, giúp người dùng dễ dàng xem chi tiết và in từng GCN riêng biệt.	M				
			Endorsement	Sửa đổi bổ sung					
	243		- The system allows authorized users to endorse policies that are in the status of Policy issued. - The system allows authorized users to endorse policies with quotation that are in the status of Policy issued.	- Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Sửa đổi bổ sung đơn/hợp đồng bảo hiểm với những đơn bảo hiểm đang ở trạng thái Đã cấp đơn - Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Sửa đổi bổ sung đơn/hợp đồng bảo hiểm với những bản chào phí đang ở trạng thái Đã cấp đơn	M	6			
	244		The system allows authorized users to add/ edit/ delete information in the information fields in the quotation which need to be endorse from policy (status of Policy is Issued)	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Thêm mới/ Sửa/ Xóa các thông tin thuộc các trường thông tin trong bản chào phí sửa đổi bổ sung	M				
	245		the system provides features to submit the quotation which need to be endorse from the policy to the authorized user for approval.	Hệ thống cung cấp tính năng trình duyệt bản chào phí sửa đổi bổ sung từ đơn/hợp đồng bảo hiểm đến NSD có thẩm quyền phê duyệt	M				
	246		the system provides features to Accept quotation which need to be endorse from policy and this quotation are being submitted for approval. In case of Acceptance, the status of the quotation is Approved.	Hệ thống cung cấp tính năng Chấp thuận đối với bản chào phí sửa đổi bổ sung đang được trình duyệt, trường hợp được Chấp thuận thì trạng thái bản chào là Đã duyệt bản chào phí	M				
	247		the system provides features to reject quotation which need to be endorse from policy and this quotation are being submitted for approval. In case of Rejection, the user can edit the content of the quotation which need to be endorse from policy and this quotation re-submit to the authority for approval.	Hệ thống cung cấp tính năng Từ chối đối với bản chào Sửa đổi bổ sung đang được trình duyệt, trường hợp bị Từ chối thì NSD được phép chỉnh sửa lại nội dung bản chào Sửa đổi bổ sung và trình duyệt lại cấp thẩm quyền	M				
	248		The system allows displaying the status of the quotation which need to be endorse from policy according to level of approval authority, including: - Created - Submitted to authorized Users/group of Users: For policies that are being submitted for endorsement - Approved quotation: the proposal was	Hệ thống cho phép hiển thị trạng thái bản chào sửa đổi bổ sung theo từng cấp thẩm quyền phê duyệt, bao gồm: - Tạo mới - Trình phê duyệt NSD/nhóm NSD có thẩm quyền: Đối với những đơn đang trình Sửa đổi bổ sung - Đã duyệt bản chào phí: tờ trình sửa đổi bổ sung đơn bảo hiểm đã được cấp thẩm quyền	M				

			submitted to authorized users and was approved -...	phê duyệt -...				
		249	The system allows authorized users to endorse changes, including but not limited to the following information groups: - Group 1: <ul style="list-style-type: none"> Agents and brokers Insurance policy payment parties Reinsurance companies (for reinsurance accepted policies) Co-insurers - Group 2: <ul style="list-style-type: none"> Insurance period Insurance value Insurance premium Co-insurance rate, reinsurance acceptance rate - Group 3: <ul style="list-style-type: none"> Other changes not related to the insured party or policy value, such as payment methods, etc. - ...	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền sửa đổi bổ sung, bao gồm nhưng không giới hạn các nhóm thông tin sau: - Nhóm 1: <ul style="list-style-type: none"> đại lý – môi giới đối tượng thanh toán đơn bảo hiểm. công ty Nhượng tái bảo hiểm (đối với đơn nhận tái bảo hiểm). công ty Đồng bảo hiểm - Nhóm 2: <ul style="list-style-type: none"> thời hạn bảo hiểm Giá trị bảo hiểm phí bảo hiểm tỷ lệ Đồng bảo hiểm, tỷ lệ nhận Tái bảo hiểm - Nhóm 3: <ul style="list-style-type: none"> Những thay đổi khác không liên quan đối tượng, giá trị của đơn bảo hiểm. Ví dụ: Hình thức thanh toán..." - ...	M			
		250	The core accounting module automatically updates accounts receivable and payable information when changes to the information in Group 1 (refer to requirement ID 249) are approved	phân hệ kế toán của core tự động cập nhật thông tin các khoản phải thu, phải trả khi những thay đổi đối với các thông tin nhóm 1 (tham chiếu yêu cầu có ID 249) được duyệt	M			
		251	The core accounting module automatically generates and updates/adjusts accounting entries when endorsement to the information in Group 2 (refer to requirement ID 249) are approved	Phân hệ kế toán của core tự động sinh và cập nhật/điều chỉnh các bút toán hạch toán khi những thay đổi đối với các thông tin nhóm 2 (tham chiếu đến yêu cầu có ID 249) được duyệt	M			
		252	When changes to the information in Group 1 and Group 2 (refer to requirement ID 249) are approved, the core accounting module automatically generates and updates/adjusts the accounting entries and automatically updates accounts receivable and payable information	Khi các thay đổi đối với các thông tin nhóm 1, nhóm 2 (tham chiếu đến yêu cầu có ID 249) được phê duyệt, phân hệ kế toán của core tự động sinh và cập nhật/điều chỉnh các bút toán hạch toán, tự động cập nhật thông tin các khoản phải thu, phải trả	M			
		253	All endorsements to approved policies require approval from an authorized user	Các sửa đổi bổ sung đối với đơn đã duyệt đều cần có NSD có thẩm quyền phê duyệt	M			

		254	The system allows automatic tracking of the history of submitting, approving, and rejecting quotation which need to be endorse from policy, through each authority level on the system, including but not limited to the following information: - Process of submission for approval: • Date • Officer • Content • Reason, etc.	Hệ thống cho phép theo dõi tự động lịch sử việc trình, phê duyệt, từ chối bản chào Sửa đổi bổ sung qua từng cấp thẩm quyền trên hệ thống, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin sau: - Quá trình trình duyệt: • Ngày • Cán bộ • Nội dung • Lý do...	O				
		255	The system allows submitting for approval at the appropriate authority level or a lower authority level or no need for approval for quotation which need to be endorse from policy depending on each specific case.	Hệ thống cho phép trình phê duyệt đủ cấp hoặc giảm cấp hoặc không cần phê duyệt đối với bản chào sửa đổi bổ sung tùy từng trường hợp cụ thể	O				
		256	- The system allows quotation that are endorsed from policy and have been approved by authorities to be updated immediately in the original policy. The system allows saving the history of the original policies without any endorsement, and in each endorsement, the system allows users to view the history of each endorsement from the original policy. - The system allows the quotation which need to be endorse from policy to be saved in history for each endorsement.	- Hệ thống cho phép những bản chào phí được sửa đổi bổ sung và đã được cấp thẩm quyền phê duyệt sẽ được cập nhật vào đơn gốc. Hệ thống cho phép lưu lịch sử đơn gốc khi chưa sửa đổi bổ sung và từng lần sửa đổi bổ sung, cho phép NSD có thể xem được lịch sử từng đơn sửa đổi bổ sung từ đơn gốc. - Hệ thống cho phép bản chào phí sửa đổi bổ sung sẽ được lưu lịch sử theo từng lần Sửa đổi bổ sung	M				
		257	The system is capable of identifying certain fields that are not allowed to be endorsed, including but not limited to: - Product - Policy number - Proposal number...	Hệ thống có khả năng xác định 1 số trường thông tin không được phép sửa đổi bổ sung bao gồm nhưng không giới hạn : - Sản phẩm - Số đơn bảo hiểm - Số tờ trình...	M				
		258	In case of endorsment, the system can automatically detect whether there are changes to the reinsurance structure or co-insurance structure. If changes are detected, the system can either automatically calculate and update the related information or provide a function for users to manually calculate and update the related information	Khi sửa đổi bổ sung, hệ thống có thể tự động nhận diện liệu có thay đổi cơ cấu tái/cơ cấu đồng bảo hiểm không. Nếu có phát sinh thay đổi, hệ thống có thể tính toán và cập nhật lại các thông tin liên quan tự động hoặc có chức năng cho phép NSD tính toán và cập nhật lại các thông tin liên quan thủ công	M				
		259	the system provides features to support the policy to be amended and supplemented	Hệ thống phải cung cấp khả năng hỗ trợ các hợp đồng sửa đổi bổ sung ngoài thời hạn bảo	M	1			

			beyond the insurance period For example: - Settlements related to services at the end of the year when the insurance policy has expired - For Co-insurance policy whose insurance period has expired and the Leader is late in paying the insurance premium, the system needs to allow endorsement to the insurance policy whose insurance period has expired and update the latest payment schedule.	hiểm Ví dụ: - Quyết toán liên quan đến dịch vụ vào cuối năm khi đơn bảo hiểm đã hết hạn - Đối với hợp đồng Đồng bảo hiểm đã hết thời hạn bảo hiểm mà Leader thanh toán chậm phí bảo hiểm, hệ thống cần cho phép Sửa đổi bổ sung cho đơn bảo hiểm đã hết thời hạn bảo hiểm và cập nhật lại lịch thanh toán mới nhất					
		260	If the system does not have a clear separation between managing quotations and managing insurance policies, it must be able to recognize whether a quotation is being edited or a policy is being endorsed	Nếu hệ thống không có sự chia tách rõ ràng về quản lý bản chào phí và quản lý đơn bảo hiểm, thì hệ thống cần nhận biết được bản chào phí đang chỉnh sửa và đơn đang sửa đổi bổ sung	O				
		261	The system allows the integration of the endorsement feature in the Quotation Management function	Hệ thống cho phép tích hợp tính năng Sửa đổi bổ sung trong chức năng Quản lý chào phí	M				
			Edit quotation	Sửa đổi bản chào phí					
		262	The system allows authorized users to modify quotation of insurance policies that are in the Processing status	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Sửa đổi bản chào phí của những đơn/hợp đồng bảo hiểm đang ở trạng thái Đang xử lý	M	0.5			
		263	If a user modifies the premium quote for insurance policies/contracts that are in the 'Processing' status within the Contract Management function, the system should automatically transfer the quote to the Premium Quote Management function, create a new version of the quote, and set the quote status to 'New'	Nếu người dùng thực hiện Sửa đổi bản chào phí của những đơn/hợp đồng bảo hiểm đang ở trạng thái Đang xử lý tại chức năng Quản lý hợp đồng thì hệ thống cho phép tự động chuyển sang chức năng Quản lý chào phí, tự động tạo phiên bản mới của bản chào và trạng thái của bản chào phí là Tạo mới	O	1			
		264	The system allows setting constraints for insurance policies that are in the Processing status. If the quotation modification feature is used, the system will automatically not allow the policy to be issued or reject this insurance policy.	Hệ thống cho phép thiết lập ràng buộc đối với những đơn bảo hiểm đang ở trạng thái Đang xử lý nếu chọn tính năng Sửa đổi bản chào phí thì hệ thống tự động không cho phép cấp đơn hoặc từ chối trên đơn bảo hiểm này	M				
			Cancel policies	Hủy đơn					
			Cancel policies automatically	Hủy đơn tự động					
		265	The system allows setting up an automatic policy cancellation process including but not limited to conditions: policy cancellation time, policy cancellation conditions, etc., for each	Hệ thống cho phép thiết lập quy trình tự động hủy đơn bao gồm nhưng không giới hạn điều kiện: thời gian hủy đơn, điều kiện hủy đơn,...theo từng sản phẩm	M	1			

			product. For example: Overdue premium payment status: If the premium is overdue from the payment due date (day N) and the customer has not paid, the system will remind the operator on day N-3 and automatically cancel the policy on day N + 1	VD: Tình trạng quá hạn thanh toán phí: Nếu quá hạn kể từ thời điểm hết hạn thanh toán (ngày N) mà khách hàng chưa thanh toán thì hệ thống nhắc nhở khai thác viên vào ngày N-3 và tự động hủy đơn vào ngày thứ N + 1					
		266	The system allows automatic cancellation of policies when the information on the policy meets the rules set for the automatic policy cancellation process.	Hệ thống cho phép tự động hủy đơn khi thông tin trên đơn thỏa mãn các quy tắc đã thiết lập cho quy trình tự động hủy đơn	M				
			Cancel policies manually	Hủy đơn thủ công					
		267	the system provides features to allows users to manually cancel policies on the system. Policy cancellation information includes but is not limited to the following: + The Insured + Address + Policy number/Certificate of insurance + Type of insurance + period of insurance + Request to cancel the policy/Certificate of insurance: Request from the Insured and from BIC + Reason for Cancellation + Date of cancellation policy/Certificate of insurance + Loss situation during the period of insurance: Lost, No loss, Compensation amount paid by BIC + Premium payment status: Premium not yet paid, Full premium paid, Partial premium paid, Premium paid to BIC + Reinsurance status: Treaty reinsurance, Facultative reinsurance + Expected premium refund/receivable +...	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng hủy đơn thủ công trên hệ thống, thông tin phân hủy đơn bao gồm nhưng không giới hạn như sau: + Người được bảo hiểm + Địa chỉ + Số hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm + Loại hình bảo hiểm + Thời hạn bảo hiểm + Yêu cầu Hủy hiệu lực hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: Yêu cầu từ Người được bảo hiểm và Từ BIC + Lý do Hủy + Ngày Hủy hiệu lực hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm + Tình hình tổn thất trong thời hạn bảo hiểm: Đã tổn thất, Chưa xảy tổn thất, Số tiền bồi thường BIC đã chi trả + Tình hình thanh toán phí bảo hiểm: Chưa thanh toán phí, Đã thanh toán đủ phí, Đã thanh toán 1 phần phí, Số tiền phí đã nộp cho BIC + Trạng thái tái bảo hiểm: Tái bảo hiểm cố định, Tái bảo hiểm tạm thời + Phí bảo hiểm dự kiến hoàn trả/phải thu +...	M	1			
		268	The system allows automatically displaying a number of information fields on the policy that needs to be canceled, including but not limited to:	Hệ thống cho phép tự động hiển thị một số trường thông tin trên đơn cần Hủy, bao gồm nhưng không giới hạn: + Người được bảo hiểm, Địa chỉ, Số hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, Loại hình	M				

			+ Insured person, Address, Insurance policy number/Certificate of insurance, Insurance type, Insurance term, Insurance premium payment status, etc., from Policy Management functions. + Loss situation during the insurance period from the Compensation Assessment Management function + Expected insurance premium refund/receive from Payment Information Management function +...	bảo hiểm, Thời hạn bảo hiểm, Tình hình thanh toán phí bảo hiểm,... từ các chức năng Quản lý hợp đồng. + Tình hình tổn thất trong thời hạn bảo hiểm từ chức năng Quản lý Giám định bồi thường + Phí bảo hiểm dự kiến hoàn trả/phải thu từ chức năng Quản lý thông tin thanh toán +...					
		269	The system allows users to customize and create new information fields on the Policy cancellation function without needing help from the policyor.	Hệ thống cho phép NSD tùy chỉnh tạo mới trường thông tin trên chức năng Hủy đơn mà không cần trợ giúp từ nhà thầu	O				
		270	The system allows editing input data for fields in the Policy Cancellation function, including but not limited to: - Reason - Customer premium payable - Customer refund amount	Hệ thống cho phép chỉnh sửa tại một số trường thông tin nhất định tại chức năng Hủy đơn, bao gồm nhưng không giới hạn: - Lý do - Số phí khách hàng phải đóng - Số phí hoàn trả khách hàng -..	M				
		271	The system allows setting up rules to determine which information fields are edited and which information fields are not edited	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc xác định trường thông tin nào được phép chỉnh sửa, trường thông tin không được chỉnh sửa	M				
		272	The system supports creating cancellation plan including but not limited to: - The system supports automatic calculations, including but not limited to the following information: • Premium amount to be paid by the customer • Refund amount to the customer (if applicable) • ... - Allows users to edit information that has been automatically calculated by the system - Allows for submission for approval of cancellation plan	Hệ thống hỗ trợ tạo phương án Hủy đơn bao gồm nhưng không giới hạn: - Hệ thống hỗ trợ tính toán tự động bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: • Số phí khách hàng phải đóng • Số phí hoàn trả khách hàng (nếu có) • ... - Cho phép NSD chỉnh sửa lại các thông tin mà hệ thống đã tự động tính toán - Cho phép trình phê duyệt phương án Hủy đơn	O				
		273	The system allows users to set up forms: Policy Cancellation Request from customers, Policy Cancellation Proposal, Policy cancellation	Hệ thống cho phép NSD thiết lập các biểu mẫu: Yêu cầu hủy đơn từ khách hàng, Tờ trình Hủy	M				

			notice to customers, etc., without intervention from IT.	đơn, Thông báo hủy đơn tới khách hàng...mà không cần can thiệp từ IT					
	274		The system allows authorized users to Accept, Reject, and submit to approve policies that are being requested for cancellation	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Chấp thuận, Từ chối, Trình duyệt đối với đơn bảo hiểm đang trình hủy đơn	M				
	275		The system allows alerting policies that are being submitted for approval of cancellation For example: send a warning to the user that has the function of reinsurance claim	Hệ thống cho phép cảnh báo những đơn đang trình duyệt hủy với các bên liên quan VD: gửi cảnh báo đến NSD có chức năng thu đòi nhà tái	M				
	276		- The system allows authorized users/groups of users to approve insurance policies that are being submitted for approval of cancellation, including but not limited to: <ul style="list-style-type: none"> Authorized user approving the original insurance policy Authorized user approving policies with reinsurance ... - When the authorized user approves the plan, the system automatically sends an email to the operator and related parties, and at the same time generates a notification (according to the predefined form) to the customer.	- Hệ thống cho phép NSD/nhóm NSD có thẩm quyền phê duyệt đơn bảo hiểm đang trình duyệt Hủy đơn, bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> NSD có thẩm quyền phê duyệt đơn bảo hiểm gốc NSD có thẩm quyền phê duyệt đơn có tái bảo hiểm ... - Khi NSD có thẩm quyền phê duyệt phương án, hệ thống tự động gửi email cho khai thác viên và các bên liên quan, đồng thời tự sinh 1 bản thông báo (theo biểu mẫu định sẵn) gửi cho khách hàng	M				
	277		the system provides features to save a history of steps taken during the policy cancellation process	Hệ thống cung cấp tính năng lưu lịch sử các bước thực hiện trong quá trình hủy đơn	M				
	278		- The system allows automatic tracking of the history of submitting, approving, and rejecting insurance policy cancellations through each level of authority, including but not limited to the following information: Cancellation/termination process: <ul style="list-style-type: none"> Date Staff Content Reason ... - The system allows managing the status of policy cancellations, including but not limited to: <ul style="list-style-type: none"> New 	- Hệ thống cho phép theo dõi tự động lịch sử việc trình, phê duyệt, từ chối Hủy hợp đồng bảo hiểm qua từng cấp thẩm quyền trên hệ thống, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin sau: Quá trình Hủy/chấm dứt đơn bảo hiểm: <ul style="list-style-type: none"> Ngày Cán bộ Nội dung Lý do ... - Hệ thống cho phép quản lý trạng thái Hủy đơn bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> Tạo mới Trình phê duyệt NSD/nhóm NSD có thẩm quyền Đã duyệt hủy đơn 	O				

			<ul style="list-style-type: none"> Submitted for approval by authorized users/groups Approved cancellation 	<ul style="list-style-type: none"> ... 					
	279	The system allows the configuration of cancellation time rules for each product and for each coverage within a policy.	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc về thời gian cho phép Hủy đơn theo từng sản phẩm, theo từng phạm vi trong đơn	M					
	280	The system automatically applies the established rules regarding the time allowed for policy cancellation when the information on the insurance policy meets the conditions (refer to requirement ID 279)	Hệ thống tự động áp dụng quy tắc đã thiết lập về thời gian cho phép Hủy đơn khi thông tin trên đơn bảo hiểm thỏa mãn điều kiện (tham chiếu yêu cầu có ID 279)	M					
		Other requirements in Policy Cancellation	Các tính năng khác trong Hủy đơn						
	281	The system warns each operator of insurance policies that are about to come due (on the system, via email, etc.) based on the rules for setting up insurance policies that are about to come due in the product management function.	Hệ thống cảnh báo những đơn sắp đến hạn thanh toán theo từng cán bộ khai thác (trên hệ thống, phương thức email...) dựa trên quy tắc thiết lập đơn sắp đến hạn thanh toán tại chức năng quản lý sản phẩm	M	1				
	282	<ul style="list-style-type: none"> The system allows authorized users to cancel policies for insurance policies/contracts that are in the 'Issued' status. After the cancellation request is approved, the status of the insurance policy post-cancellation is: 'Cancelled' If there is any premium to be refunded / collected, the system automatically generates the corresponding AP/AR entries. 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền thực hiện hủy đơn của những đơn/hợp đồng bảo hiểm đang ở trạng thái Đã cấp đơn Sau khi yêu cầu Hủy đơn được phê duyệt, trạng thái của đơn bảo hiểm sau hủy là: Đã hủy. Nếu cần trả lại hoặc thu thêm phí bảo hiểm, hệ thống tự động sinh các bút toán AP/AR tương ứng 	M					
	283	The system allows updating Canceled insurance policy information and transferring this information to the core accounting module to update accounting and the authorized user claims reinsurance (if any).	Hệ thống cho phép cập nhật thông tin đơn/hợp đồng bảo hiểm bị Hủy chuyển thông tin này sang phân hệ kế toán của core để cập nhật hạch toán và người dùng có thẩm quyền thu đòi tái bảo hiểm (nếu có)	M					
	284	<p>The system allows users to set blocking rules: Do not allow Cancel orders and display warnings for to each case, including but not limited to the following cases:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Insurance period expires +... 	<p>Hệ thống cho phép NSD thiết lập quy tắc chặn: không cho phép Hủy đơn và hiển thị cảnh báo tương ứng với từng trường hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đơn hết thời hạn bảo hiểm +... 	M					
	285	The system allows the Policy Cancellation feature in the core insurance system to be integrated with the non-core system	Hệ thống cho phép tích hợp tính năng Hủy đơn trong hệ thống core bảo hiểm với hệ thống ngoài core	M					
		Reinstate	Khôi phục						
		Automatically reinstate	Khôi phục tự động						

		286	the system provides features to set rules/parameters around automatic reinstatement For example: + If there is an automatic reinstatement clause in the policy, then when this condition is met, the system will automatically reinstate the canceled policy. + If a customer has X late payments, they will not be reinstated.	Hệ thống phải cung cấp khả năng thiết lập các quy tắc / thông số xung quanh việc khôi phục tự động Ví dụ: + Nếu trong hợp đồng tồn tại điều khoản khôi phục tự động thì khi thỏa mãn điều kiện này thì hệ thống tự động khôi phục hợp đồng đã hủy + Nếu khách hàng có X số lần thanh toán trễ, họ sẽ không được khôi phục	O	1			
		287	the system provides features to allow users to activate or suspend the rules that apply to automatically reinstate canceled policy.	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép NSD kích hoạt hoặc tạm dừng các quy tắc áp dụng <u>Khôi phục tự động hợp đồng bị Hủy</u>	O				
		288	The system automatically applies rules/parameters around automatic reinstatement when the established conditions are met and when these rules are activated by the user.	Hệ thống tự động áp dụng các quy tắc/thông số liên quan việc khôi phục tự động khi thỏa mãn đủ các điều kiện đã thiết lập và khi các quy tắc này được kích hoạt bởi NSD	O				
		289	The system automatically displays information including but not limited to - Reinstatement date (effective date) - The period of compensation refusal due to the policy is canceled and then reinstated. ~....	Hệ thống tự động hiển thị bao gồm nhưng không giới hạn thông tin - Ngày khôi phục (ngày hiệu lực bảo hiểm) - Khoảng thời gian từ chối bồi thường do đơn bị Hủy và sau đó được khôi phục hiệu lực ~....	O				
			Manually reinstate	Khôi phục thủ công					
		290	the system provides features to allow users to manually reinstate policies on the system. Information of the policy reinstatement includes but is not limited to the following: + The Insured + Address + policy number/Certificate of insurance + Type of insurance + Period of insurance + Reason for reinstatement + Date of reinstatement of validity of policy/Certificate of insurance + Loss situation during the period of insurance: Lost, No loss yet, Compensation amount paid by BIC + Premium payment status: Premium not yet paid, Full premium paid, Partial premium paid, Premium paid to BIC	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng khôi phục đơn thủ công trên hệ thống, thông tin phần khôi phục đơn bao gồm nhưng không giới hạn như sau: + Người được bảo hiểm + Địa chỉ + Số hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm + Loại hình bảo hiểm + Thời hạn bảo hiểm + Lý do khôi phục + Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm + Tình hình tổn thất trong thời hạn bảo hiểm: Đã tổn thất, Chưa xảy tổn thất, Số tiền bồi thường BIC đã chi trả + Tình hình thanh toán phí bảo hiểm: Chưa thanh toán phí, Đã thanh toán đủ phí, Đã thanh	M	1			

			+ Reinsurance status: Treaty reinsurance, facultative reinsurance + ...	toán 1 phần phí, Số tiền phí đã nộp cho BIC + Trạng thái tái bảo hiểm: Tái bảo hiểm cố định, Tái bảo hiểm tạm thời + ...				
	291	The system allows automatically displaying a number of information fields on the policy needing reinstated including but not limited to: + The Insured, Address, policy/Certificate of insurance number, Insurance type, Period of Insurance, premium payment status, etc., from the Policy Management function. + Loss situation during the period of insurance from the Claims & survey Management function +...	Hệ thống cho phép tự động hiển thị một số trường thông tin trên đơn cần Khôi phục bao gồm nhưng không giới hạn: + Người được bảo hiểm, Địa chỉ, Số hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, Loại hình bảo hiểm, Thời hạn bảo hiểm, Tình hình thanh toán phí bảo hiểm,... từ các chức năng Quản lý hợp đồng. + Tình hình tổn thất trong thời hạn bảo hiểm từ chức năng Quản lý Giám định bồi thường +...	M				
	292	The system allows users to customize and create new information fields on the Policy Reinstatement function without needing help from the policyor.	Hệ thống cho phép NSD tùy chỉnh tạo mới trường thông tin trên chức năng Khôi phục đơn mà không cần trợ giúp từ nhà thầu	O				
	293	The system allows Adding/Editing/Deleting information in certain information fields on the Policy Reinstatement browser	Hệ thống cho phép Thêm mới/Sửa/Xóa thông tin tại một số trường thông tin nhất định trên trình duyệt Khôi phục đơn	M				
	294	The system allows setting up rules to determine which information fields are allowed to be edited and which information fields are not allowed to be edited	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc xác định trường thông tin nào được phép chỉnh sửa, trường thông tin không được chỉnh sửa	M				
	295	The system allows authorized users to Accept, Reject, and Submit to Approve policy that are being request for reinstatement	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Chấp thuận, Từ chối, Trình duyệt đối với đơn bảo hiểm đang trình khôi phục	M				
	296	The system allows alerting related parties of the policies that are being submitted for approval reinstatement For example: Send a warning to the user that has the reinsurance premium refund function for the policies that are being submitted for approval reinstatement	Hệ thống cho phép cảnh báo những đơn đang trình duyệt khôi phục với các bên liên quan Ví dụ: Gửi cảnh báo đến NSD có chức năng hoàn phí nhà tái đối với những đơn đang trình duyệt Khôi phục	M				
	297	The system allows users to set up forms: Policy Reinstatement Request from customers, proposal of policy reinstatement, Notice of policy reinstatement to customers, etc., without intervention from IT.	Hệ thống cho phép NSD thiết lập các biểu mẫu: Yêu cầu khôi phục đơn bảo hiểm từ khách hàng, Tờ trình Khôi phục đơn, Thông báo khôi phục đơn tới khách hàng...mà không cần can thiệp từ IT	M				
	298	- The system allows authorized users/groups of users to approve the insurance policy being submitted for approval reinstatement, including	- Hệ thống cho phép NSD/nhóm NSD có thẩm quyền phê duyệt đơn bảo hiểm đang trình duyệt Khôi phục đơn bảo hiểm, bao gồm nhưng	M				

			but not limited to: + Authorized user approving the original insurance policy + Authorized user approving policies with reinsurance +... - When the authorized user approves the plan, the system automatically sends an email to the operator and related parties, and at the same time automatically generates a notice of reinstatement of the policy Certificate of insurance (according to the predefined form) to send to customers	không giới hạn: + NSD có thẩm quyền phê duyệt đơn bảo hiểm gốc + NSD có thẩm quyền phê duyệt đơn có tái bảo hiểm +... - Khi NSD có thẩm quyền phê duyệt phương án, hệ thống tự động gửi email cho khai thác viên và các bên liên quan, đồng thời tự sinh 1 bản thông báo khôi phục hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm (theo biểu mẫu định sẵn) gửi cho khách hàng				
		299	the system provides features to save a history of steps taken during the policy reinstatement process	Hệ thống cung cấp tính năng lưu lịch sử các bước thực hiện trong quá trình khôi phục đơn	M			
		300	The system allows automatic tracking of the history of submission, approval, and rejection of policy policy reinstatement through each authority level on the system, including but not limited to the following information: - Status of submission for approval: <ul style="list-style-type: none"> • created • Submitted for approval of the authorized user/group of users • Approved Policy reinstatement • ... - Insurance policy reinstatement process: <ul style="list-style-type: none"> • Date • Officer • Content • Reason • ... 	Hệ thống cho phép theo dõi tự động lịch sử việc trình, phê duyệt, từ chối Khôi phục hợp đồng bảo hiểm qua từng cấp thẩm quyền trên hệ thống, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin sau: - Trạng thái trình duyệt: <ul style="list-style-type: none"> • Tạo mới • Trình phê duyệt NSD/nhóm NSD có thẩm quyền • Đã duyệt khôi phục đơn • ... - Quá trình Khôi phục đơn bảo hiểm: <ul style="list-style-type: none"> • Ngày • Cán bộ • Nội dung • Lý do • ... 	M			
		Other requirements in Reinstatement		Các tính năng khác trong Khôi phục				
		301	The system allows authorized users to reinstate policies that are in Canceled status after the policy reinstatement request is approved, and the status of the insurance policy after reinstatement is: Policy issued.	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền Khôi phục đơn của những đơn/hợp đồng bảo hiểm đang ở trạng thái Đã hủy sau khi yêu cầu Khôi phục đơn được phê duyệt, trạng thái của đơn bảo hiểm sau khôi phục là: Đã cấp đơn	M	1		
		302	The system allows updating information on the reinstated insurance policies, and transferring this information to the core accounting module	Hệ thống cho phép cập nhật thông tin đơn/hợp đồng bảo hiểm được khôi phục chuyển thông tin này sang phân hệ kế toán của core để cập	M			

			to update accounting and the authorized user cedes reinsurance premium (if any).	nhập hạch toán và người dùng có thẩm quyền nhượng phí tái bảo hiểm (nếu có)					
	303	The system allows authorized users to set blocking rules without permission to reinstate policies and display blocking warnings corresponding to each case, including but not limited to the following cases: + period of Insurance expires +...	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền thiết lập quy tắc chặn không có phép Khôi phục đơn bảo hiểm và hiển thị cảnh báo chặn tương ứng với từng trường hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau: + Đơn hết thời hạn bảo hiểm +...	M					
	304	The system allows integrating the Policy Reinstatement feature in the Quotation Management function	Hệ thống cho phép tích hợp tính năng Khôi phục đơn trong chức năng Quản lý chào phí	M					
		Renewal	Tái tục						
	305	The system allows searching renewal policies based on information fields including but not limited to: - policy number - Insurance products - Insurance company - Customer name - Operator - Number of days before the renewal deadline - Renewal status...	Hệ thống cho phép tìm kiếm đơn tái tục dựa trên các trường thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: - Số đơn/hợp đồng bảo hiểm - Sản phẩm bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Tên khách hàng - Khai thác viên - Số ngày trước hạn tái tục - Trạng thái tái tục...	M	1				
	306	the system provides features to submit approval policies that are due for renewal	Hệ thống cung cấp tính năng Trình duyệt tái tục với những đơn đến hạn tái tục	M					
	307	The system allows creating a new quotation based on the renewal policy that has just been submitted for approval renewal	Hệ thống cho phép tạo mới bản chào phí dựa theo đơn tái tục vừa được trình duyệt tái tục	M	0.5				
	308	the system provides features to non-renew, allowing users to select this feature for policies that do not need to be renewed or refuse to renew.	Hệ thống cung cấp tính năng Không tái tục, cho phép NSD lựa chọn tính năng này đối với những đơn không cần tái tục hoặc từ chối tái tục	M	1.5				
	309	The system allows users to enter information to refuse renewal including but not limited to the following information: - Policy number - Reason for refusal to renew - Causes - Remedies	Hệ thống cho phép NSD nhập thông tin từ chối tái tục bao gồm nhưng không giới hạn những thông tin sau: - Số đơn bảo hiểm - Lý do từ chối tái tục - Nguyên nhân - Biện pháp khắc phục	M					
	310	The system allows users to save renewal refusal information for each policy	Hệ thống cho phép NSD lưu thông tin từ chối tái tục theo từng đơn	M					
	311	The system allows users to enter information about invitation to renew policies, including but	Hệ thống cho phép NSD nhập thông tin mời tham gia tái tục đơn bảo hiểm bao gồm nhưng	M					

			not limited to the following information: - Policy number - Form of invitation to renew - Reason for not inviting renewal	không giới hạn những thông tin sau: - Số đơn bảo hiểm - Hình thức mời tái tục - Nguyên nhân chưa mời tái tục				
		312	The system allows users to save information about invitation to renew policies for each policy	Hệ thống cho phép NSD lưu thông tin mời tham gia tái tục đơn bảo hiểm theo từng đơn	M			
		313	The system automatically displays whether a renewal policy is continuous or intermittent when the information on the policy meets the established rules for determining whether a renewal policy is continuous or intermittent in the Product Management function.	Hệ thống tự động hiển thị đơn tái tục là liên tục hay gián đoạn khi thông tin trên đơn bảo hiểm thỏa mãn quy tắc đã thiết lập xác định đơn tái tục liên tục hay gián đoạn tại chức năng Quản lý sản phẩm	M			
		314	The system warns policies due for renewal according to each operator (on the system, via email, etc.)	Hệ thống cảnh báo đơn đến hạn tái tục theo từng cán bộ khai thác (trên hệ thống, phương thức email...)	M	0.5		
			Refuse	Từ chối				
		315	The system allows authorized users to refuse including but not limited to the following cases: - The policy is in Processing status - The policy is being approved for cancellation - The policy is being approved for reinstatement - The policy is being approved for endorsement -... -...	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền từ chối bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp: - Đơn/hợp đồng bảo hiểm đang ở trạng thái Đang xử lý - Đơn/hợp đồng bảo hiểm đang trình duyệt hủy đơn - Đơn/hợp đồng bảo hiểm đang trình duyệt khôi phục - Đơn/hợp đồng bảo hiểm đang trình duyệt sửa đổi bổ sung -... -...	M	0.5		
			Print forms	In biểu mẫu				
		316	The system allows authorized users to preview and print forms for policies in the status of Processing, Policy approved for issuance, etc., including but not limited to following forms (referring to Form Management function of Product Management): - Insurance certificate - Policy - Fee collection notice, etc.	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền được xem trước và in các biểu mẫu đối với đơn/hợp đồng bảo hiểm ở trạng thái Đang xử lý, Đã cấp đơn... bao gồm nhưng không giới hạn các biểu mẫu (tham chiếu chức năng Quản lý mẫu biểu của Quản lý sản phẩm): - Giấy chứng nhận bảo hiểm - Hợp đồng bảo hiểm - Thông báo thu phí...	M	0.5		
		317	The system automatically submit the insurance policy to the authorized person when the user prints and signs the electronic policy/electronic certificate.	Hệ thống tự động trình đơn bảo hiểm đến người có thẩm quyền ký khi NSD in ký hợp đồng điện tử/ Giấy chứng nhận điện tử	M			

			Document Management	Quản lý tài liệu					
	318	The system allows authorized users to describe attached documents without intervention from IT staff	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền mô tả về tài liệu đính kèm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT	M	0.5				
	319	The system ensures that all documents attached to the quotation will be fully attached to the policy.	Hệ thống đảm bảo toàn bộ hồ sơ đính kèm trong bản chào phí đều sẽ được đính kèm đầy đủ theo đơn/hợp đồng bảo hiểm	M					
		Open cover policy management	Quản lý hợp đồng bảo						
	320	The system allows management of open cover policy after approval of the quotation for the open cover policy	Hệ thống cho phép quản lý hợp đồng bảo sau khi được phê duyệt bản chào phí dành cho hợp đồng bảo	M	1				
	321	The system allows management of open cover policy as policy management features: - Search for policy - Approve policy - Endorsement - Modify the quotation - Cancel policies - Reinstate - Renew - Print forms - Manage documents - Shared features in Policy Management	Hệ thống cho phép quản lý hợp đồng bảo như các tính năng của quản lý hợp đồng bảo hiểm: - Tìm kiếm hợp đồng bảo hiểm - Duyệt cấp đơn/hợp đồng bảo hiểm - Sửa đổi bổ sung - Sửa đổi bản chào phí - Hủy đơn - Khôi phục - Tái tục - In biểu mẫu - Quản lý tài liệu - Tính năng dùng chung trong Quản lý hợp đồng	M					
	322	The system allows automatic accounting deposit of the open cover policy	Hệ thống cho phép tự động hạch toán số tiền tạm ứng của hợp đồng bảo	M					
	323	the system provides features to allow receiving statements from the customer's system, or allowing users to manually enter/import files (according to the core system's forms).	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép nhận bảng kê từ hệ thống của khách hàng, hoặc cho phép người dùng nhập thủ công/import file (theo mẫu của hệ thống core)	M					
	324	The system supports automatic accounting/ settlement and allocation of period-end amounts to each shipment/ declaration cycle, depending on the declaration method (per shipment, monthly, quarterly, annually) and the customer's premium payment method, including: payment per shipment, monthly payment, advance premium payment with year-end reconciliation, advance premium payment with monthly/ quarterly allocation for each declaration period, and additional payment when the advance premium balance is exhausted.	Hệ thống cho phép tự động hạch toán/ tất toán phân bổ số tiền cuối kỳ cho từng chuyến hàng/ đợt kê khai phụ thuộc vào phương thức kê khai theo chuyến hay theo tháng, theo quý, theo năm và cách thức đóng phí của khách hàng: đóng phí cho từng chuyến, từng tháng, đóng phí ứng trước và quyết toán vào cuối năm, đóng phí ứng trước và rút phí cho từng đợt khai báo tháng/ quý và đóng thêm khi hết phí ứng trước.	M					

		325	The system allows setting premium refund rules for open cover policy according to a certain percentage depending on each specific case. For example: For an open cover policy with a low loss rate during the insurance year, set the refund rate to 5%. At the end of the year, when the loss rate meets the established refund rule, the system automatically refunds 5% for each insurance policy under the open cover policy. When making a refund, endor to relevant policies will be made.	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc hoàn phí đối với hợp đồng bảo theo 1 tỷ lệ nhất định tùy từng trường hợp cụ thể VD: Với hợp đồng bảo có tỷ lệ tổn thất thấp trong năm bảo hiểm thì cài đặt tỷ lệ hoàn phí là 5%. Cuối năm khi tỷ lệ tổn thất thỏa mãn quy tắc hoàn phí đã thiết lập thì hệ thống tự động hoàn phí 5% đối với từng đơn bảo hiểm thuộc hợp đồng bảo. Khi thực hiện hoàn phí thì sẽ thực hiện sửa đổi bổ sung đơn bảo hiểm tương ứng.	M				
			Endorsement the open cover policy	Sửa đổi bổ sung hợp đồng bảo					
		326	The system allows recording when there is a change in the customer's deposit according to the signed open cover policy and automatically accounting it in the corresponding accounting entry.	Hệ thống cho phép ghi nhận khi có thay đổi số tiền tạm ứng của khách hàng theo hợp đồng bảo đã ký kết và tự động hạch toán vào bút toán tương ứng	M	1			
		327	The system allows users to enter payment information (Payment term, premium, etc.) according to each payment that the customer declares	Hệ thống cho phép NSD nhập thông tin thanh toán (Hạn thanh toán. Số phí bảo hiểm,...) theo từng lần thanh toán mà khách hàng kê khai	M				
		328	The system allows authorized users to approve each payment update on the open cover policy	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền phê duyệt từng lần cập nhật thanh toán trên hợp đồng bảo	M				
			Create Insurance Certificates for Open cover Policy	Tạo Giấy chứng nhận bảo hiểm cho hợp đồng bảo					
		329	the system provides features to add new insurance certificates from open cover policy to which a policy is approved for issuance.	Hệ thống phải cung cấp tính năng Thêm mới Giấy chứng nhận bảo hiểm từ những hợp đồng bảo đã được phê duyệt cấp đơn	M	1			
		330	the system provides features to give warning about the end of the limit (deposit) when adding a new insurance certificate with an amount greater than the remaining limit.	Hệ thống cung cấp tính năng cảnh báo hết hạn mức (deposit) khi thêm mới giấy chứng nhận bảo hiểm với số tiền lớn hơn hạn mức còn lại	M				
		331	The system allows users to edit or not edit some information fields on the Insurance Certificate For example: The users are allowed to edit: Insured subjects (detailed information for each shipment) The users are not allowed to edit: Terms, Conditions, Benefits, Sum Insured , etc.	Hệ thống cho phép NSD được chỉnh sửa hoặc không được chỉnh sửa tại một số trường thông tin trên Giấy chứng nhận bảo hiểm VD: NSD được chỉnh sửa: Đối tượng bảo hiểm (thông tin chi tiết từng chuyến hàng) NSD không được chỉnh sửa: Điều kiện điều khoản, Quyền lợi, Số tiền bảo hiểm...	M				
		332	When an insurance certificate is issued from open cover policy, the system automatically	Khi 1 giấy chứng nhận bảo hiểm được cấp từ hợp đồng bảo, hệ thống tự động tạo bút toán	M				

			generates accounting entries to record revenue and update receivables and payables based on the deposit amount of open cover policy	hạch toán để ghi nhận doanh thu và cập nhật khoản phải thu phải trả dựa trên số tiền tạm ứng (deposit) của hợp đồng bao				
		333	The system allows setting a limit for the Sum Insured on the issued insurance policy, which must not exceed the Sum Insured limit approved in the open cover policy.	Hệ thống cho phép thiết lập hạn mức Số tiền bảo hiểm trên đơn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng bao không được lớn hơn hạn mức (Số tiền bảo hiểm) đã được phê duyệt tại hợp đồng bao.	M			
		334	The system allows policies issued under a master (open cover) agreement to be generated immediately without requiring approval from an authorized approver, provided that the Sum Insured on the policy falls within the limits defined in the master agreement and all terms and conditions comply with the master agreement. If the policy does not meet the pre-defined limits under the master agreement, the system will not allow the policy to be issued.	Hệ thống cho phép đơn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng bao sẽ được cấp đơn ngay mà không cần cấp có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp số tiền bảo hiểm trên đơn thỏa mãn hạn mức đã thiết lập trên hợp đồng bao và điều kiện điều khoản tuân theo hợp đồng bao. Trường hợp không thỏa mãn hạn mức đã thiết lập trên đơn bảo hiểm thì hệ thống không cho phép cấp đơn	M			
		335	The system allows previewing and printing Insurance Certificates	Hệ thống cho phép xem trước và in Giấy chứng nhận bảo hiểm	M			
		336	The system allows authorized users to electronically sign Insurance Certificates when newly added	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền duyệt ký điện tử Giấy chứng nhận bảo hiểm khi được thêm mới	M			
		Open policy management		Quản lý hợp đồng nguyên tắc				
		337	The system allows management of open policy after approval of the quotation for the open policy	Hệ thống cho phép quản lý hợp đồng nguyên tắc sau khi được phê duyệt bản chào phí dành cho hợp đồng nguyên tắc	O	1		
		338	The system supports managing framework agreements (master agreements) with the same functionalities available in Product Management and Policy Management, including: - Search for insurance policy - Approve issuance of insurance policies - Endorsement - Modify quotation - Cancel policies - Reinstate - Renew - Print forms - Manage documents - Shared features in Policy Management	Hệ thống cho phép quản lý hợp đồng nguyên tắc như các tính năng của quản lý sản phẩm và quản lý hợp đồng bảo hiểm: - Tìm kiếm hợp đồng bảo hiểm - Duyệt cấp đơn/hợp đồng bảo hiểm - Sửa đổi bổ sung - Sửa đổi bản chào phí - Hủy đơn - Khôi phục - Tái tục - In biểu mẫu - Quản lý tài liệu - Tính năng dùng chung trong Quản lý hợp đồng	O			

		339	The system allows automatically accounting the deposit of the open policy according to the customer in the corresponding accounting entry and does not record revenue on the open policy.	Hệ thống cho phép tự động hạch toán số tiền tạm ứng của hợp đồng nguyên tắc theo khách hàng tại bút toán tương ứng và không ghi nhận doanh thu trên hợp đồng nguyên tắc	O				
		340	The system allows setting premium refund rules for open policy at a certain rate depending on each specific case. For example: For a open policy with a low loss rate during the insurance year, set the refund rate to 5%. At the end of the year, when the loss rate meets the established refund rule, the system automatically refunds 5% for each insurance policy under the open policy. When making a refund, endorsement to relevant policies will be made.	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc hoàn phí đối với hợp đồng nguyên tắc theo 1 tỷ lệ nhất định tùy từng trường hợp cụ thể VD: Với hợp đồng nguyên tắc có tỷ lệ tổn thất thấp trong năm bảo hiểm thì cài đặt tỷ lệ hoàn phí là 5%. Cuối năm khi tỷ lệ tổn thất thỏa mãn quy tắc hoàn phí đã thiết lập thì hệ thống tự động hoàn phí 5% đối với từng đơn bảo hiểm thuộc hợp đồng nguyên tắc. Khi thực hiện hoàn phí thì sẽ thực hiện sửa đổi bổ sung đơn bảo hiểm tương ứng.	O				
			Issue policies for open policy	Cấp đơn bảo hiểm cho hợp đồng nguyên tắc					
			The policy has specified the period of insurance for open policy	Đơn bảo hiểm đã xác định thời hạn bảo hiểm liên quan đến hợp đồng nguyên tắc					
		341	the system provides features to issue insurance policies from approved open policy	Hệ thống phải cung cấp tính năng Cấp đơn bảo hiểm từ hợp đồng nguyên tắc đã được phê duyệt cấp đơn	O	0.5			
		342	The system allows setting a limit of Sum Insured on the policy issued from the open policy which must not be greater than the limit (Sum Insured) approved in the open policy.	Hệ thống cho phép thiết lập hạn mức Số tiền bảo hiểm trên đơn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng nguyên tắc không được lớn hơn hạn mức (Số tiền bảo hiểm) đã được phê duyệt tại hợp đồng nguyên tắc.	O				
		343	The system allows a policy issued from a open policy to be issued immediately without the need for approval from a authority in case the sum insured on the policy meets the limit established on the policy. If the limit set on the policy is not met, the system will not allow the policy to be issued	Hệ thống cho phép đơn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng nguyên tắc sẽ được cấp đơn ngay mà không cần cấp có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp số tiền bảo hiểm trên đơn thỏa mãn hạn mức đã thiết lập trên đơn bảo hiểm. Trường hợp không thỏa mãn hạn mức đã thiết lập trên đơn bảo hiểm thì hệ thống không cho phép cấp đơn	O				
		344	The system allows management of policies issued with open policy as the features of insurance policy management: - Search for insurance policy - Endorsement - Cancel policies - Reinstate - Renew - Print forms	Hệ thống cho phép quản lý đơn bảo hiểm được cấp hợp đồng nguyên tắc như các tính năng của quản lý hợp đồng bảo hiểm: - Tìm kiếm hợp đồng bảo hiểm - Sửa đổi bổ sung - Hủy đơn - Khôi phục - Tái tục - In biểu mẫu	O				

			<ul style="list-style-type: none"> - Manage documents - Shared features in Policy Management 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài liệu - Tính năng dùng chung trong Quản lý hợp đồng 					
	345	The system allows the users to edit or not edit some information fields on the policy issued from the open policy. For example: The users are allowed to edit: Insured subjects (detailed information for each shipment), period of insurance, etc. The users are not allowed to edit: Terms, Conditions, Benefits, premium rates, etc.	Hệ thống cho phép NSD được chỉnh sửa hoặc không được chỉnh sửa tại một số trường thông tin trên đơn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng nguyên tắc VD: NSD được chỉnh sửa: Đối tượng bảo hiểm (thông tin chi tiết từng chuyến hàng), thời hạn bảo hiểm... NSD không được chỉnh sửa: Điều kiện điều khoản, Quyền lợi, tỷ lệ phí bảo hiểm...	O					
	346	The system automatically accounts for policies issued from open policy in the corresponding accounting entry and records revenue according to the corresponding policy.	Hệ thống tự động hạch toán đơn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng nguyên tắc tại bút toán tương ứng và ghi nhận doanh thu theo đơn bảo hiểm tương ứng	O					
	347	The system allows managing policies issued from open policy and supports users in tracking which policies are issued in a open policy.	Hệ thống cho phép quản lý các đơn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng nguyên tắc và hỗ trợ NSD theo dõi được một hợp đồng nguyên tắc sẽ bao gồm những đơn bảo hiểm nào được cấp	O					
		Policies with an unspecified period of insurance for open policy	Đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm liên quan đến hợp đồng nguyên tắc						
	348	the system provides features to issue policies with an unspecified period of insurance from the open policy that has been approved to issue the policy.	Hệ thống phải cung cấp tính năng Cấp đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm từ hợp đồng nguyên tắc đã được phê duyệt cấp đơn	O	0.5				
	349	the system provides features to issue an policy (with a specified period of insurance) from an policy with an unspecified period of insurance that has been issued.	Hệ thống phải cung cấp tính năng Cấp đơn bảo hiểm (đã xác định thời hạn bảo hiểm) từ đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm đã được cấp.	O					
	350	The system allows the management of policies (including policies with a specified period of insurance and policies with an unspecified period of insurance) issued from the corresponding open policy and assist users in tracking a open policy that will include which policies are issued, how many policies with a specified period of insurance are issued from those with an unspecified period of insurance .	Hệ thống cho phép quản lý các đơn bảo hiểm (bao gồm đơn đã xác định thời hạn bảo hiểm và đơn chưa xác định thời hạn bảo hiểm) được cấp từ hợp đồng nguyên tắc tương ứng và hỗ trợ NSD theo dõi được một hợp đồng nguyên tắc sẽ bao gồm những đơn bảo hiểm nào được cấp, có bao nhiêu đơn bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm được cấp từ đơn chưa xác định thời hạn bảo hiểm.	O					
	351	The system allows setting a limit of sum insured on an policy (with a specified period of insurance) issued from an policy with an unspecified period of insurance , which cannot	Hệ thống cho phép thiết lập hạn mức Số tiền bảo hiểm trên đơn bảo hiểm (đã xác định thời hạn bảo hiểm) được cấp từ đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm, không được lớn	O					

			be greater than the limit (sum insured) approved in the open policy.	hơn hạn mức (Số tiền bảo hiểm) đã được phê duyệt tại hợp đồng nguyên tắc.					
		352	The system allows automatically accounting the deposit of an policy with an unspecified period of insurance issued from the open policy policy according to the customer in the corresponding accounting entry and does not record revenue on an policy with an unspecified period of insurance	Hệ thống cho phép tự động hạch toán số tiền tạm ứng của đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng nguyên tắc theo khách hàng tại bút toán tương ứng và không ghi nhận doanh thu trên đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm	O				
		353	The system allows policies with a defined insurance period to be issued from an open-ended (undefined-period) policy without requiring approval from an authorized approver, provided that the sum insured on the issued policy is within the predefined limits set on the open-ended policy and all applicable terms and conditions comply with the executed Master Agreement. If the sum insured exceeds the predefined limits, the system will not allow the policy to be issued.	Hệ thống cho phép đơn bảo hiểm (đã xác định thời hạn bảo hiểm) được cấp từ đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm, sẽ được cấp đơn ngay mà không cần cấp có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp số tiền bảo hiểm trên đơn thỏa mãn hạn mức đã thiết lập trên đơn bảo hiểm và điều kiện điều khoản áp dụng theo Hợp đồng nguyên tắc đã ký. Trường hợp không thỏa mãn hạn mức đã thiết lập trên đơn bảo hiểm thì hệ thống không cho phép cấp đơn	O				
		354	The system allows management of policies (including policies with a specified period of insurance and policies with an unspecified period of insurance issued from the open policy) as features of insurance policy management: - Search for insurance policy - Endorsement - Cancel policies - Reinstate - Renew - Print forms - Manage documents - Shared features in Policy Management	Hệ thống cho phép quản lý đơn bảo hiểm (bao gồm đơn đã xác định thời hạn bảo hiểm và đơn chưa xác định thời hạn bảo hiểm được cấp từ hợp đồng nguyên tắc) như các tính năng của quản lý hợp đồng bảo hiểm: - Tìm kiếm hợp đồng bảo hiểm - Sửa đổi bổ sung - Hủy đơn - Khôi phục - Tái tục - In biểu mẫu - Quản lý tài liệu - Tính năng dùng chung trong Quản lý hợp đồng	O				
		355	The system allows users to edit or not edit some information fields issued from policies with an unspecified period of insurance. For example: Users are allowed to edit: Insured subjects (detailed information for each shipment), period of insurance , etc. Users are not allowed to edit: Terms, conditions, benefits, premium rates, etc.	Hệ thống cho phép NSD được chỉnh sửa hoặc không được chỉnh sửa tại một số trường thông tin trên được cấp từ đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm. VD: NSD được chỉnh sửa: Đối tượng bảo hiểm (thông tin chi tiết từng chuyến hàng), thời hạn bảo hiểm...	O				

			NSD không được chỉnh sửa: Điều kiện điều khoản, Quyền lợi, tỷ lệ phí bảo hiểm...					
	356	The system automatically accounts for policies issued from policies with an unspecified period of insurance in the corresponding accounting entry and records revenue according to the corresponding policy.	Hệ thống tự động hạch toán đơn bảo hiểm được cấp từ đơn bảo hiểm chưa xác định thời hạn bảo hiểm, tại bút toán tương ứng và ghi nhận doanh thu theo đơn bảo hiểm tương ứng	O				
		Manage guarantee	Quản lý hồ sơ bảo lãnh					
		Search for guarantee documents	Tìm kiếm hồ sơ bảo lãnh					
	357	The system allows searching for guarantee documents based on information fields including but not limited to: - Customer code - Customer name - policy number - Insurance company - Operator - Guarantee document code -...	Hệ thống cho phép tìm kiếm hồ sơ bảo lãnh dựa vào các trường thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: - Mã khách hàng - Tên khách hàng - Số đơn bảo hiểm - Công ty bảo hiểm - Khai thác viên - Mã hồ sơ bảo lãnh -...	M	0.5			
		Add new guarantee documents	Thêm mới hồ sơ bảo lãnh					
	358	The system allows authorized users to edit data in input fields on the guarantee file, including but not limited to: - Insured Information Group: • Insured person • Field of activity - Economic Contract Information Group: • Contract number • Project name • Contractor joint venture • Contract value • Contract duration • Fronting entity • Type of guarantee: Bid guarantee, Performance guarantee, Advance payment guarantee, Warranty guarantee. Each type of guarantee includes the following fields: ++ Guarantee term: From date ... to date ++ Guarantee amount (Insurance amount) ++ Guarantee fee (Insurance fee) ++ VAT (%), VAT (calculated automatically by the system)	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền chỉnh sửa dữ liệu tại các trường thông tin trên hồ sơ bảo lãnh bao gồm nhưng không giới hạn: - Nhóm thông tin người được bảo hiểm: • Người được bảo hiểm • Lĩnh vực hoạt động - Nhóm thông tin hợp đồng kinh tế: • Số hợp đồng • Tên dự án • Liên doanh nhà thầu • Giá trị hợp đồng • Thời hạn hợp đồng • Đơn fronting • Loại bảo lãnh tham gia: Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước, Bảo lãnh bảo hành. Từng loại bảo lãnh bao gồm các trường thông tin: ++ Thời hạn bảo lãnh: Từ ngày ... đến ngày ++ Số tiền bảo lãnh (Số tiền bảo hiểm) ++ Phí bảo lãnh (Phí bảo hiểm)	M	0.5			

			<div>++ Collateral: Collateral value, Release date (Date of mortgage removal)</div> <div>++ Insurance policy number</div> <div><div>• ...</div></div>	<div>++ VAT(%), VAT (được hệ thống tính tự động)</div> <div>++ Tài sản đảm bảo(TSĐB): Giá trị TSĐB, Ngày giải chấp (Ngày xóa thế chấp TSĐB)</div> <div>++ Số đơn bảo hiểm</div> <div><div>• ...</div></div>				
	359	The system provides customer evaluation information from the Product Management function, including but not limited to the following details: <div>+ Determining scale</div> <div>+ Scoring financial indicators</div> <div>+ Scoring non-financial indicators</div> <div>+ Balance sheet, Income statement, Indirect cash flow, Direct cash flow</div> <div>+ Customer ranking</div> <div>...</div>	Hệ thống cung cấp thông tin đánh giá khách hàng từ chức năng Quản lý sản phẩm, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: <div>+ Xác định quy mô</div> <div>+ Chấm điểm chỉ tiêu tài chính</div> <div>+ Chấm điểm chỉ tiêu phi tài chính</div> <div>+ Bảng Cân đối kế toán, Kết quả kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ gián tiếp, Lưu chuyển tiền tệ trực tiếp</div> <div>+ Xếp hạng khách hàng</div> <div>+...</div>	O				
	360	The system allows exporting customer evaluation information sheets into excel and pdf formats	Hệ thống cho phép kết xuất bảng thông tin đánh giá khách hàng ra định dạng excel, pdf	M				
	361	The system automatically calculates and displays the guarantee balance using the formula: the total guarantee amount received by BIC across all guarantee contracts for each customer, along with the customer's collateral amount (collateral value) at each point in time (referencing ID 362)	Hệ thống tự động tính toán và hiển thị được số dư bảo lãnh theo công thức bằng tổng số tiền BIC nhận bảo lãnh tính trên toàn bộ các hợp đồng bảo lãnh của từng khách hàng, kèm số tiền ký quỹ (giá trị TSĐB) của khách hàng theo từng thời điểm (tham chiếu ID 362)	M				
		Add new collaterals	Thêm mới Tài sản đảm bảo					
	362	The system allows authorized users to edit data in input fields in the Collateral Asset Catalog, including but not limited to: <div>+ Guarantee code</div> <div>+ Guarantee name</div> <div>+ From date</div> <div>+ To date</div> <div>+ Collateral value</div> <div>+ Bid guarantee</div> <div>+ Performance guarantee</div> <div>+ Advance payment guarantee</div> <div>+ Warranty guarantee</div> <div>+ Currency type</div> <div>+ Release date</div> <div>+ Collateral status (Collateral status): Not</div>	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền chỉnh sửa dữ liệu tại các trường thông tin của Danh mục tài sản đảm bảo bao gồm nhưng không giới hạn: <div>+ Mã số bảo lãnh</div> <div>+ Tên bảo lãnh</div> <div>+ Từ ngày</div> <div>+ Đến ngày</div> <div>+ Giá trị Tài sản đảm bảo</div> <div>+ Bảo lãnh dự thầu</div> <div>+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng</div> <div>+ Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước</div> <div>+ Bảo lãnh bảo hành</div> <div>+ Loại tiền</div> <div>+ Ngày giải chấp</div>	M	0.5			

		completed, Fully completed, Partially completed	+ Trạng thái của Tài sản đảm bảo (Trạng thái ký quỹ): Chưa hoàn, Đã hoàn toàn bộ, Đã hoàn một phần +...					
	363	The system allows users to search for Collateral information by information fields including but not limited to: + Collateral name + Insurance company + Customer code + Satisfaction of Mortgage status +...	Hệ thống cho phép NSD tìm kiếm thông tin Tài sản đảm bảo theo các trường thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: + Tên tài sản + Công ty bảo hiểm + Mã khách hàng + Tình trạng giải chấp +...	M				
	364	The system allows authorized users to approve created Collateral Assets	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền được quyền phê duyệt Tài sản đảm bảo đang tạo mới	M				
	365	The system allows attaching the guarantee policy number to the guarantee documents	Hệ thống cho phép đính kèm số đơn bảo hiểm bảo lãnh trong hồ sơ bảo lãnh	M				
		Authorization approval	Phê duyệt thẩm quyền					
	366	The system allows authorized users to approve guarantee documents	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ bảo lãnh	M	0.5			
	367	The system automatically closes the guarantee policy in policy Management when the corresponding guarantee document has been approved	Hệ thống tự động đóng đơn/hợp đồng bảo lãnh trong Quản lý hợp đồng khi hồ sơ bảo lãnh tương ứng đã được duyệt	M				
	368	The system allows authorized users to reject guarantee files, including but not limited to the following cases: - Guarantee file is in 'Processing' status - ...	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền từ chối hồ sơ bảo lãnh bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp: - Hồ sơ bảo lãnh đang trình duyệt sửa đổi bổ sung - ...	M				
		Endorsement	Sửa đổi bổ sung					
	369	The system allows endorsement to the guarantee documents including but not limited to: - Extension of guarantee period - Guarantee amount - Guarantee premium - Value of collateral -...	Hệ thống cho phép sửa đổi bổ sung trên hồ sơ bảo lãnh các thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: - Gia hạn thời hạn bảo lãnh - Số tiền bảo lãnh - Phí bảo lãnh - Giá trị Tài sản đảm bảo -...	M	0.5			
	370	When there are amendments to the guarantee file and have been approved by the competent authority, the system automatically updates the corresponding changes to the insurance policies under that guarantee file.	Khi có sửa đổi bổ sung cho hồ sơ bảo lãnh và đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, hệ thống tự động cập nhật thay đổi tương ứng cho các đơn bảo hiểm thuộc hồ sơ bảo lãnh đó.	M				

		Monitor guarantee policy	Theo dõi hợp đồng bảo lãnh					
	371	The system allows setting the validity status of the guarantee contract, including but not limited to the following statuses: + Waiting for approval, request for additional documents + Approved and complete documents have been added + Has expired, Collateral has not been refunded + Has expired, Collateral has been fully refunded + Has expired, Collateral has been partially refunded	Hệ thống cho phép thiết lập trạng thái hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh, bao gồm nhưng không giới hạn các trạng thái: + Đang chờ duyệt, đề nghị bổ sung hồ sơ + Đã duyệt, đã bổ sung đủ hồ sơ + Đã hết hiệu lực, Tài sản đảm bảo chưa hoàn toàn bộ + Đã hết hiệu lực, Tài sản đảm bảo đã hoàn một phần	M	0.5			
	372	The system allows setting rules to determine the validity status of a guarantee policy including but not limited to the following conditions: + If the Guarantee policy Status is issued policy and PolicyEnd Date \geq Current Date, the status is Approved and fully added documents + If the Guarantee policy Status is Processing, the status is Pending approval, requested for additional documents + If the Guarantee policy Status is issued policy, PolicyEnd Date $<$ Current Date and Deposit Status is Fully refunded then the status is Expired, deposit(collateral value) fully refunded + If the Guarantee policy Status is issued policy, PolicyEnd Date $<$ Current Date and Deposit Status is Not refunded, then the status is Expired, deposit(collateral value) not refunded. + If the Guarantee policy Status is issued policy, PolicyEnd Date $<$ Current Date and Deposit Status is Partially refunded, then the Status is Expired, deposit(collateral value) partially refunded +...	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc xác định trạng thái hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh bao gồm nhưng không giới hạn các điều kiện: + Nếu Trạng thái hợp đồng bảo lãnh là đã cấp đơn và Ngày kết thúc hợp đồng \geq Ngày hiện tại thì trạng thái là Đã duyệt, đã bổ sung đủ hồ sơ + Nếu Trạng thái hợp đồng bảo lãnh là Đang xử lý thì trạng thái là Đang chờ duyệt, đề nghị bổ sung hồ sơ + Nếu Trạng thái hợp đồng bảo lãnh là đã cấp đơn, Ngày kết thúc hợp đồng $<$ Ngày hiện tại và trạng thái ký quỹ là Đã hoàn toàn bộ thì trạng thái là Đã hết hiệu lực, TSĐB đã hoàn toàn bộ + Nếu Trạng thái hợp đồng bảo lãnh là đã cấp đơn, Ngày kết thúc hợp đồng $<$ Ngày hiện tại và trạng thái ký quỹ là Chưa hoàn thì trạng thái là Đã hết hiệu lực, TSĐB chưa hoàn + Nếu Trạng thái hợp đồng bảo lãnh là đã cấp đơn, Ngày kết thúc hợp đồng $<$ Ngày hiện tại và trạng thái ký quỹ là Đã hoàn một phần thì trạng thái là Đã hết hiệu lực, TSĐB đã hoàn một phần +...	M				
	373	The system allows searching for guarantee policy including but not limited to the following information: + Customer information: Customer name, Tax	Hệ thống cho phép tìm kiếm hợp đồng bảo lãnh theo bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: + Thông tin Khách hàng: Tên khách hàng,	M				

			code, etc. + Validity status of guarantee policy: Pending approval, requested for additional documents; Approved and fully added documents; Expired, deposit(collateral value) not refunded; Expired, deposit(collateral value) fullyrefunded; Expired, deposit(collateral value) partially refunded + Deposit status +...	Mã số thuế... + Trạng thái hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh: Đang chờ duyệt, đề nghị bổ sung hồ sơ; Đã duyệt, đã bổ sung đủ hồ sơ; Đã hết hiệu lực, TSDB chưa hoàn; Đã hết hiệu lực, TSDB đã hoàn toàn bộ; Đã hết hiệu lực, TSDB đã hoàn một phần + Trạng thái ký quỹ +...				
	374	The system automatically calculates and displays, including but not limited to, the following information: - Total guarantee amount = Total guarantee amount received across all guarantee contracts for each customer - Total refund of security deposits = Total refund of security deposits for each customer based on the status of guarantee contracts at the time of the query	Hệ thống tự động tính toán và hiển thị được bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - Tổng số tiền bảo lãnh = Tổng số tiền nhận bảo lãnh tính trên toàn bộ các hợp đồng bảo lãnh của từng khách hàng - Tổng số tiền hoàn ký quỹ = Tổng số tiền hoàn ký quỹ của từng khách hàng theo từng trạng thái hiệu lực của hợp đồng bảo lãnh tại thời điểm truy vấn	M				
	375	The system allows managing the status of security deposits (status of collateral) for each guarantee contract, including but not limited to: + Not refunded + Fully refunded + Partially refunded ... (refer to requirement ID 362)	Hệ thống cho phép quản lý trạng thái ký quỹ (Trạng thái của TSDB) của từng hợp đồng bảo lãnh, bao gồm nhưng không giới hạn: + Chưa hoàn + Đã hoàn toàn bộ + Đã hoàn một phần +.. (tham chiếu yêu cầu có ID 362)	M				
	376	The system ensures the recording and tracking of deposit refunds to customers according to each guarantee policy updated from the Payment Information Management function, including but not limited to information: + Guarantee policy number + Deposit status + Deposit + Deposit refunded + Deposit remaining to be refund +...	Hệ thống đảm bảo ghi nhận và theo dõi được Số tiền hoàn ký quỹ cho khách hàng theo từng hợp đồng bảo lãnh được cập nhật từ chức năng Quản lý thông tin thanh toán, bao gồm nhưng không giới hạn thông tin: + Số hợp đồng bảo lãnh + Trạng thái ký quỹ + Số tiền ký quỹ + Số tiền ký quỹ đã hoàn + Số tiền ký quỹ còn phải hoàn +...	M				
		Other requirements in policy Management	Các tính năng khác trong Quản lý hợp đồng					
	377	The system allows managing the status of insurance policies including: Processing, Issued policy, Rejected, Canceled, Endorsement	Hệ thống cho phép quản lý trạng thái của đơn bảo hiểm bao gồm: Đang xử lý, đã cấp đơn, Từ chối, Đã hủy, Đã duyệt SDBS, Đã xuất hóa	M	4			

			approved, Invoice issued, Revenue recorded, Actually collected , etc., according to each product and the recording time of those statuses in the following order: - Issued policy - Invoice issued - Revenue recorded - Actually collected	đơn, Đã ghi nhận doanh thu, Đã thực thu.... theo từng sản phẩm và thời điểm ghi nhận của các trạng thái đó theo trình tự: - Đã cấp đơn - Đã xuất hóa đơn - Đã ghi nhận doanh thu - Đã thực thu				
	378	The system has functions that allow users to set up rules for automatic revenue recognition, invoice issuance, and actually collected , including but not limited to: - The effective date of a single-period policy or the first period of a multi-period policy - The time of actual collection of the 2nd period onwards of the multi-period policy, eligible for recognition	Hệ thống có chức năng cho phép người dùng thiết lập quy tắc ghi nhận tự động doanh thu, xuất hóa đơn, thực thu, bao gồm nhưng không giới hạn: - thời điểm phát sinh hiệu lực của đơn 1 kỳ hoặc kỳ thứ 1 của đơn nhiều kỳ - thời điểm thực thu của kỳ thứ 2 trở đi của đơn nhiều kỳ, đủ điều kiện ghi nhận	M				
	379	The system allows setting up accounting entries to record generated revenue and actual revenue from policies that are determined to have been actually collected at the time of revenue recognition.	Hệ thống cho phép thiết lập bút toán ghi nhận doanh thu phát sinh và doanh thu thực thu của các đơn bảo hiểm xác định đã thực thu tại thời điểm ghi nhận doanh thu	M				
	380	The system allows for the automatic generation of accounting entries based on rules defined by BIC for, including but not limited to, the following cases: - Case where the insurance policy is approved but not yet taken effect and the premium has not been collected. - Case where the insurance policy is approved but not yet taken effect, although the customer has paid the premium. - Case where the insurance policy is approved, taken effect, and the customer has paid the premium. - Case where the insurance policy is approved, taken effect, and the customer pays the premium after the effective date	Hệ thống cho phép tự sinh bút toán hạch toán tương ứng theo quy tắc do BIC định nghĩa cho bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau: - Trường hợp đơn bảo hiểm được duyệt nhưng chưa phát sinh hiệu lực, chưa thu được phí - Trường hợp đơn bảo hiểm được duyệt nhưng chưa phát sinh hiệu lực nhưng khách hàng đã nộp phí. - Trường hợp đơn bảo hiểm được duyệt, đã phát sinh hiệu lực và khách hàng đã nộp phí. - Trường hợp đơn bảo hiểm được duyệt, đã phát sinh hiệu lực và khách hàng nộp phí sau thời điểm hiệu lực	M				
	381	The system allows setting up accounting entries related to economic operations in policy, including but not limited to: revenue, premiums, taxes, co-insurance receivables and payables, expenses/commission/brokerage fee	Hệ thống cho phép thiết lập các bút toán liên quan đến nghiệp vụ kinh tế trong hợp đồng bảo hiểm, bao gồm và không giới hạn: doanh thu, thu phí , thuế, phải thu trả nhà đồng bảo hiểm,	M				

			payable, outward reinsurance premiums, outward reinsurance commission, etc.	chi phí/phải trả hoa hồng/môi giới, phí nhượng tái, hoa hồng nhượng tái....					
		382	The policy management system allows setting up and identifying cases of premium increases and decreases, premium refunds, and policy cancellations.	Hệ thống quản lý đơn cho phép thiết lập và nhận biết các trường hợp tăng giảm phí bảo hiểm, hoàn phí bảo hiểm, hủy đơn bảo hiểm	M				
		383	The system displays the paid/unpaid status of the Insurance Certificate/Insurance Policy according to each payment period.	Hệ thống hiển thị trạng thái đã thanh toán/chưa thanh toán của Giấy chứng bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm theo từng kỳ thanh toán	M				
		384	The system provides features to suspend accounts or policy. For example: 1. For an active policy, the user can choose to suspend the policy within a certain period of time. During this period, the policy will not be valid. At the end of this time, the policy will automatically restore its validity. 2. Support implementation for each account/policy individually or in bulk as selected by the user. 3. For example, for cars participating in vehicle physical insurance from May 2021 to the end of April 2022, with a 2-month insurance suspension period of August and September 2021, the system must allow recognizing from what time to what time the insurance suspension period is, and starting from October 2021, the validity will be reinstated, so the system must recognize which periods of time the vehicle is insured and which periods the vehicle is not insured	Hệ thống phải cung cấp khả năng tạm dừng tài khoản hoặc hợp đồng. Ví dụ: 1. Đối với một hợp đồng đang có hiệu lực, người dùng có thể chọn dừng hợp đồng trong một khoảng thời gian nhất định. Trong khoảng thời gian này, hợp đồng sẽ không có hiệu lực, hết thời gian nay hợp đồng tự khôi phục hiệu lực. 2. Hỗ trợ thực hiện cho từng tài khoản/hợp đồng riêng lẻ hoặc hàng loạt do người dùng lựa chọn. 3. Ví dụ xe ô tô tham gia bảo hiểm vật chất xe từ 05/2021 đến hết tháng 04/2022, với thời gian dừng bảo hiểm 2 tháng là tháng 8, tháng 9/2021, hệ thống phải cho phép nhận biết được khoảng thời gian dừng bảo hiểm là từ thời gian nào đến thời gian nào, bắt đầu tháng 10/2021 khôi phục hiệu lực vậy khoảng thời gian được bảo hiểm, khoảng thời gian không được bảo hiểm sẽ được nhận biết như thế nào.	M				
		385	The system automatically displays a warning or does not allow the policy to be issued if the information about the Ceding company (Inward/ Outward) (company name, company code) on the quotation meets the rules established in the reinsurance company management function.	Hệ thống tự động hiển thị cảnh báo hoặc không cho phép cấp đơn nếu thông tin công ty nhượng/ nhận TBH (tên công ty, mã công ty) trên báo chào thỏa mãn nguyên tắc đã thiết lập lại chức năng quản lý công ty Tái bảo hiểm	M				
		386	The system allows automatically saving a history of information changes about policy	Hệ thống cho phép tự động lưu lịch sử các thông tin thay đổi về hợp đồng bảo hiểm	M	0.5			
		387	The system provides features that allow authorized users to look up and view the implementation history of any contingent	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép NSD có thẩm quyền tra cứu, xem được lịch sử thực hiện của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm ngẫu nhiên trên	M				

			policy on the system. For example, select random transactions (e.g., quotation, new products, endorsed policy, refusals) of operators to conduct a document review / internal review of the work.	hệ thống Ví dụ: chọn các giao dịch ngẫu nhiên (ví dụ: chào phí, sản phẩm mới, hợp đồng sửa đổi bổ sung, lời từ chối) của khai thác viên để tiến hành đánh giá hồ sơ / đánh giá nội bộ về công việc.					
		388	The system allows full management of payment deadlines to followers or claim from leaders for co-insurance policies.	Hệ thống cho phép quản lý đầy đủ về thời hạn thanh toán tới các nhà follower hoặc thu đòi từ các nhà leader đối với đơn đồng bảo hiểm	M	0.5			
		389	The system allows the management of policy for which liability has not yet arisen and the corresponding pre-received revenue	Hệ thống cho phép quản lý các Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm và doanh thu nhận trước tương ứng	M	0.5			
	2.2. Policy Forms Management/ Quản lý biểu mẫu Hợp đồng bảo hiểm		Establish form management	Thiết lập quản lý mẫu biểu					
		390	The system allows authorized users to design templates for documents used to send/receive between BIC and customers/partners/BIC's branches. Templates are managed per product. Users can design templates independently without IT support or intervention. Templates are used for printing documents related to insurance policies and products, including but not limited to: - Insurance request form/Risk assessment questionnaire - Proposal - Quotation - Insurance contract/Insurance policy/Certificate of insurance - Appendix of endorsement /Cancellation of policy - List of insured subjects - Premium collection notice/debt reminder - Invitation for renewal - Claim form: collection of loss information, claim records, compensation notices, etc. - Premium transfer notice, premium payment notice, etc. - Policy cancellation request from the Customer, Policy Cancellation Report, Policy Cancellation Notice to the customer - ...	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền tự thiết kế các mẫu biểu cho các tài liệu dùng để gửi/nhận giữa BIC và khách hàng/đối tác/các CTTV của BIC. Các mẫu biểu được quản lý theo từng sản phẩm. Người dùng có thể tự thiết kế mẫu biểu mà không cần sự hỗ trợ/can thiệp của cán bộ CNTT. Các mẫu biểu dùng để in các tài liệu liên quan đến đơn bảo hiểm, sản phẩm bao gồm nhưng không giới hạn: - Giấy yêu cầu bảo hiểm/Bản câu hỏi đánh giá rủi ro - Tờ trình - Bản chào phí - Hợp đồng bảo hiểm/Đơn bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm - Phụ lục sửa đổi bổ sung/Hủy đơn - Danh sách đối tượng được bảo hiểm - Thông báo thu phí/nhắc nợ - Thư mời tái tục - Mẫu giấy yêu cầu bồi thường: thu thập thông tin tổn thất, hồ sơ khiếu nại, thông báo bồi thường... - Thông báo chuyển phí, thông báo trả phí... - Yêu cầu hủy đơn từ khách hàng, Tờ trình Hủy đơn, Thông báo hủy đơn tới khách hàng - ...	M	3			
		391	The system supports digital signatures on digital documents created from customer forms	Hệ thống hỗ trợ ký số trên các bản tài liệu số được tạo ra từ các mẫu biểu với khách hàng	M				

			<p>after communicate with customer The system allows additional mechanisms such as generating QR Code, authentication URL, etc., to allow users to check the authenticity of documents printed from forms. For example: + When creating an digital Insurance Certificate, the system digitally signs the content of the Insurance Certificate + When printing the Insurance Certificate on paper and sending it to the customer, the system generates a QR Code or authentication URL, allowing users to scan the QR or access via the authentication URL to view information about the Certificate of Insurance confirmed by BIC</p>	<p>Hệ thống cho phép bổ sung các cơ chế như sinh QRCode, URL xác thực.. để cho phép người dùng kiểm tra lại tính xác thực của các bản tài liệu được in từ các mẫu biểu. Ví dụ: + Khi tạo Giấy chứng nhận bảo hiểm điện tử, hệ thống thực hiện ký số trên nội dung Giấy chứng nhận bảo hiểm + Khi in Giấy chứng nhận bảo hiểm ra giấy gửi khách hàng, hệ thống thực hiện sinh QRCode hoặc URL xác thực.. cho phép người dùng có thể scan QR hoặc truy cập của qua URL xác thực để xem được thông tin về Giấy chứng nhận bảo hiểm được BIC xác nhận</p>				
	392	The system allows authorized users to Create, Edit, Delete, Copy, Search templates by product code or template type	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền Tạo mới, Chỉnh sửa, Xóa, Sao chép, Tìm kiếm mẫu biểu theo từng mã sản phẩm hoặc theo loại mẫu biểu	M				
	393	The system allows managing versions of each template when there are changes, including but not limited to: update time, updated officer, updated content ...	Hệ thống cho phép quản lý phiên bản của từng biểu mẫu khi có thay đổi, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: thời gian thay đổi, cán bộ điều chỉnh, nội dung điều chỉnh...	O	0.5			
	394	The system allows creating and managing forms in many languages or text formats For example: - For the same Insurance Certificate template, the system needs to manage Vietnamese, English versions, word, excel, pdf formats so users can choose	Hệ thống cho phép tạo lập và quản lý biểu mẫu theo nhiều ngôn ngữ hoặc định dạng văn bản Ví dụ: - cùng một mẫu Giấy chứng nhận bảo hiểm, hệ thống cần quản lý được phiên bản tiếng Việt, tiếng Anh, định dạng word, excel, pdf để người dùng có thể lựa chọn	M	0.5			
	395	The system allows printing forms and automatically filling in information for each operation from the system into the form For example: - When printing the insurance contract/ Certificate of Insurance, the system will automatically retrieve information from the policy such as customer full name, terms and conditions, insured subjects, beneficiaries, etc., to fill in the fields on the insurance policy/certificate of insurance form - When printing an Insurance Policy from the quotation management function and the insurance policy management function, it is	Hệ thống cho phép in biểu mẫu và tự động điền các thông tin theo từng nghiệp vụ từ hệ thống vào biểu mẫu Ví dụ: - Khi in hợp đồng bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm, hệ thống sẽ tự động lấy thông tin từ đơn như họ tên khách hàng, điều kiện điều khoản, đối tượng được bảo hiểm, đối tượng hưởng.. để từ đơn để điền vào các trường trong mẫu hợp đồng bảo hiểm/giấy chứng nhận bảo hiểm - Khi in Hợp đồng bảo hiểm từ chức năng quản lý chào phí và chức năng quản lý hợp đồng bảo hiểm, cho phép in kèm cả nội dung của các điều	M	0.5			

			allowed to print the content of Endorsement, Endorsement limits, etc., included in the insurance policy/contract, quotation.	khoản sửa đổi bổ sung, các giới hạn sửa đổi bổ sung... đã có trong đơn/hợp đồng bảo hiểm, bản chào phí					
	396	The system allows uploading form files in many different formats (word, excel, etc.) and has a mechanism that allows marking on the form file information fields that will be taken from data according to each specific operation to automatically fill in information in the form when printing For example: - When printing the Insurance Contract/ Insurance Certificate, the system allows uploading sample files of the Insurance Contract/ Insurance Certificate in word/ excel format. These files allow users to mark the required information fields, and the system will automatically retrieve information from the policy such as customer's full name, terms and conditions, insured subjects, beneficiaries, etc., to fill in the marked fields.	Hệ thống cho phép upload file mẫu biểu theo nhiều định dạng khác nhau (word, excel...) và có cơ chế cho phép đánh dấu trên file mẫu biểu các trường thông tin sẽ lấy từ dữ liệu theo từng nghiệp vụ cụ thể để tự động điền các thông tin vào mẫu biểu khi in Ví dụ: - Khi in Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm, hệ thống cho phép upload các file mẫu Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm dạng word/excel , trong các file này cho phép người dùng đánh dấu các trường thông tin, hệ thống sẽ tự động lấy thông tin từ đơn như họ tên khách hàng, điều kiện điều khoản, đối tượng được bảo hiểm, đối tượng hưởng.. để điền vào các trường đã được đánh dấu	M	2				
	397	The system has the capability to create, edit, and delete templates for each product. All version of the templates are to be maintained in the system with their current status and can be reused. The system should have capability to assign the templates to a set of product , individual products	Hệ thống có khả năng tạo, chỉnh sửa và xóa biểu mẫu theo từng sản phẩm. Tất cả các phiên bản của biểu mẫu phải được duy trì trong hệ thống và NSD có thể được sử dụng lại phiên bản cũ. Hệ thống phải có khả năng gán biểu mẫu cho một tập hợp sản phẩm hoặc từng sản phẩm	M					
	398	The system must support users in creating templates for the notification of co-insurance premium transfer, requests for co-insurance premium payment according to each payment period on each insurance policy	Hệ thống phải hỗ trợ NSD tạo mẫu biểu về về thông báo chuyển phí đồng, đề nghị thanh toán phí đồng bảo hiểm theo từng kỳ thanh toán trên từng đơn bảo hiểm	O	1				
		Document Management	Quản lý tài liệu						
	399	The system allows downloading documents for each process + Set of documents for each insurance policy + General documents for each product + Documents in the compensation process + Documents in the Reinsurance process: • Outward reinsurance • Inward reinsurance • Outward reinsurance compensation	Hệ thống cho phép tải tài liệu đi theo từng quy trình + Bộ hồ sơ theo từng đơn bảo hiểm + Tài liệu chung theo từng sản phẩm + Tài liệu trong quy trình bồi thường + Tài liệu trong quy trình Tái bảo hiểm: • Nhượng tái • Nhận tái • Bồi thường nhượng tái	M	1				

			<ul style="list-style-type: none"> Inward reinsurance compensation + ... 	<ul style="list-style-type: none"> Bồi thường nhận tái + ... 					
	400	The system allows Downloading / Uploading document types in the predefined whitelist configuration (file type, format, file name, capacity, etc.) at each step in the processes.	Hệ thống cho phép Download / Upload các loại tài liệu nằm trong cấu hình whitelist được định nghĩa trước (loại file, định dạng, tên file, dung lượng...) tại từng bước trong các quy trình	M					
	401	The system allows defining documents to be uploaded, and allows multiple files to be uploaded at once	Hệ thống cho phép định nghĩa các tài liệu sẽ tải lên, cho phép upload nhiều file một lần	M					
	402	The system allows grouping documents into large professional groups (Property – Engineering, Non-marine, Marine), then into small groups (motor vehicles, Health care, etc. - under the non-marine group).	Hệ thống cho phép phân nhóm tài liệu theo từng nhóm nghiệp vụ lớn (TSKT, PHH, HH), sau đó tới nhóm nhỏ (XCG, Con người...- thuộc PHH)	M	1.5				
	403	When processing claims, the system has the capability for document storage, including but not limited to: - Storing documents by individual claim files - Storing documents by steps of the claim file (e.g., Reserving, Payment, Assessment, etc.) ...	Khi xử lý yêu cầu bồi thường, hệ thống có tính năng lưu trữ tài liệu bao gồm nhưng không giới hạn: - lưu tài liệu theo từng hồ sơ khiếu nại - lưu tài liệu theo các bước của hồ sơ khiếu nại. (ví dụ: Lập dự phòng, thanh toán, giám định...) ...	M					
	404	the system provides features to authorise users/Managers to Search/ Download/ Upload/ Delete (edit) documents.	Có tính năng phân quyền cho Người sử dụng/ Cấp quản lý có thể Tìm kiếm/ Download /Upload/ Delete (sửa) tài liệu	M					
	405	The system allows users to search and stored documents, for all documents created by the system or uploaded by the user against each type of transaction . The system should use meta data and not limited to such as policy number (Policy ID) , claim number (Claim ID) to tag these documents for search	Hệ thống cho phép người dùng tìm kiếm và lưu trữ tài liệu, bao gồm tất cả các tài liệu do hệ thống tạo ra hoặc do người dùng tải lên theo từng loại giao dịch. Hệ thống cho phép lưu trữ thông tin chi tiết liên quan cho từng tài liệu bao gồm và không giới hạn các thông tin như mã đơn bảo hiểm (Policy ID), mã yêu cầu bồi thường (Claim ID) để phục tìm kiếm tài liệu	M					
	406	The system must have the capability to provide information about claim documents for customers to view through the claim query feature on the mobile app or website	Hệ thống có khả năng cung cấp thông tin về các tài liệu trong hồ sơ bồi thường cho khách hàng xem qua tính năng truy vấn/tra cứu thông tin bồi thường trên app Mobile, website	M					
	407	The system allows keeping history of document updates and the validity of documents	Hệ thống cho phép lưu lịch sử cập nhật tài liệu và hiệu lực của tài liệu	O					
	408	The system allows saving the history of document versions according to creation/editing times	Hệ thống cho phép lưu lịch sử các phiên bản của tài liệu theo các lần tạo mới/chỉnh sửa	M					
	409	The system allows storing, editing and updating documents related to the business processing	Hệ thống cho phép lưu trữ, chỉnh sửa và cập nhật các tài liệu liên quan đến quá trình xử lý	M	0.5				

			process (contracts, reports, quotations, certifications, etc.)	ng nghiệp vụ (hợp đồng, tờ trình, bản chào, chứng thực..)					
	410	The system can directly monitor the process of a user processing work on the system + Supervise the processing from the quotation/policy + Supervise user's activities	Hệ thống có thể theo dõi trực tiếp quá trình một NSD đang xử lý công việc trên hệ thống + Giám sát quá trình xử lý từ bản chào phí/ đơn + Giám sát hoạt động của NSD	M	0.5				
	411	The system allows at one step in the process to have multiple authorized users/user groups approve before moving on to the next step. The system allows users to proactively choose users/user groups to handle the next step in the process. The system supports the ability to automatically select users/user groups to be processed in the next step in following forms including but not limited to: <ul style="list-style-type: none"> • Round-robin rotation • Automatically balance the tasks that need to be processed • List of priorities 	Hệ thống cho phép tại một bước trong quy trình có thể có nhiều người dùng/nhóm người dùng được phân quyền cùng phê duyệt trước khi chuyển sang bước tiếp theo. Hệ thống cho phép người dùng có thể chủ động tùy chọn người dùng/nhóm người dùng xử lý bước tiếp theo trong quy trình. Hệ thống hỗ trợ khả năng tự động chọn người dùng/nhóm người dùng xử lý ở bước tiếp theo theo các hình thức bao gồm không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> • Xoay vòng Round-robin • Tự động cân bằng các công việc đang cần xử lý • Danh sách thứ tự ưu tiên 	M	0.5				
	412	The system allows users to proactively design, customize, deploy and manage processes: Including but not limited to: <ul style="list-style-type: none"> • Application process for each product • Underwriting process for each product • Claim process for each product • Process for preparing and approving payment requests • Approval process to confirm revenue recognition The system allows full-text search for jobs that need to be processed according to input information, for example: users can enter the string "vehicle claim" to search and limit jobs needs to be done/processed because the process name, job name, information fields in the job processing screen, content inside documents currently in the processing stream contain this string	Hệ thống cho phép NSD tự chủ động thiết kế, tùy chỉnh, triển khai áp dụng, quản lý các quy trình: Bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> • Quy trình cấp đơn cho từng sản phẩm • Quy trình thẩm định đánh giá rủi ro (underwriting) cho từng sản phẩm • Quy trình giám định bồi thường cho từng sản phẩm • Quy trình lập và phê duyệt đề nghị thanh toán • Quy trình phê duyệt xác nhận ghi nhận doanh thu Hệ thống cho phép tìm kiếm kiểu full-text search cho các công việc cần xử lý theo các thông tin đầu vào, ví dụ: người dùng có thể nhập chuỗi "bồi thường xe cơ giới" để tìm kiếm và giới hạn các công việc cần làm/đã xử lý do tên quy trình, tên công việc, các trường thông tin trong màn hình xử lý công việc, nội dung bên trong các tài liệu đang có trong luồng xử lý có chứa chuỗi này	M	1				

		413	The system allows version management of processes, with the ability to roll back to use old process versions	Hệ thống cho phép quản lý phiên bản các quy trình, có khả năng quay lại sử dụng các phiên bản quy trình cũ	M				
		414	The system allows managing business rules, applying business rules to each processing step in the process.	Hệ thống cho phép quản lý các quy tắc nghiệp vụ, áp dụng các quy tắc nghiệp vụ cho từng bước xử lý trong quy trình	M	0.5			
		415	The system allows viewing the user's audit log	Hệ thống cho phép xem audit log của người dùng	M	0.5			
		416	The system allows tracking process management information for each specific thread, including but not limited to the following information: - At what step the thread is stopped - Who is responsible for processing, - the time it takes to complete the processing of each step - Actual time to complete processing of each step	Hệ thống cho phép theo dõi được các thông tin về quản lý quy trình đối với từng luồng xử lý cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - luồng xử lý đang dừng ở bước nào - ai đang chịu trách nhiệm xử lý, - thời gian cần hoàn thành xử lý của từng bước - thời gian thực tế hoàn thành xử lý của từng bước	M	0.5			
		417	The system needs to have an explanation of reasons/unresolved difficulties for each step, issues that still need to be reviewed so that managers can grasp preliminary information.	Hệ thống cần có thêm phần giải trình lý do/khó khăn chưa xử lý được của từng bước, các vấn đề còn cần xem lại để người quản lý có thể nắm bắt được thông tin sơ bộ	M				
		418	The system allows tracking work efficiency, including but not limited to the following information: - Total number of threads per process - Total number of completed threads, - Total number of threads stopped waiting for processing - Total number of threads that have been and are waiting to be executed by 1 user - Total number of threads performed by 1 user - Total number of threads still waiting to be executed by 1 user - Maximum/minimum time to process a step in a specific process	Hệ thống cho phép theo dõi về hiệu quả công việc, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - Tổng số luồng xử lý theo từng quy trình - Tổng số luồng xử lý đã hoàn thành, - Tổng số luồng xử lý đang dừng chờ xử lý - Tổng số luồng xử lý đã và đang chờ thực hiện của 1 NSD - Tổng số luồng xử lý đã thực hiện của 1 NSD - Tổng số luồng xử lý còn đang chờ thực hiện của 1 NSD - Thời tối đa/tối thiểu để xử lý 1 bước trong 1 quy trình cụ thể	M				
		419	Set up warnings and notifications associated with the business process, so that there are warnings when users do things incorrectly.	Thiết lập các cảnh báo, thông báo liên kết với phần quy trình nghiệp vụ, để có những cảnh báo khi người dùng thực hiện không đúng	M				
		420	The system allows access of rights according to user groups and approval limits	Hệ thống cho phép phân quyền theo nhóm người dùng và hạn mức phê duyệt	M	0.5			
		421	The system need to be notified to relevant individuals/departments in all Processing flows	Các luồng xử lý cần được thông báo tới các cá nhân/ bộ phận liên quan:	M	0.5			

			For example: warning emails, job acceptance notices, performance results to relevant individuals and departments	Ví dụ: e-mail cảnh báo, thông báo tiếp nhận công việc, kết quả thực hiện tới các cá nhân và bộ phận liên quan					
2.4. Premium Audit Management/ Quản lý Kiểm toán phí bảo hiểm	422	The system provides out-of-the-box features that allow BIC to perform premium audits or provides integration mechanisms so that BIC can perform premium audits through premium audit processor systems other than core	Hệ thống cung cấp tính năng sẵn có (out-of-the box) cho phép BIC thực hiện kiểm toán phí bảo hiểm hoặc cung cấp các cơ chế tích hợp để BIC có thể thực hiện kiểm toán phí bảo hiểm thông qua các quy trình hoặc hệ thống kiểm toán phí bảo hiểm khác ngoài core	O	0.5				
	423	The system allows setting up rules to determine when a premium audit will need to be performed For example: - If Company A buys product X with insurance premiums > 500 million VND, there will be a warning so that BIC can consider auditing the premium to reassess risks, adjust premiums, terms, conditions, and benefits to ensure BIC's rights. The system allows Straight Through Processing (STP) of insurance premium audit flow through integrated mechanisms	Hệ thống cho phép thiết lập các quy tắc để xác định khi nào sẽ cần thực hiện kiểm toán phí Ví dụ: - Công ty A mua sản phẩm X với phí bảo hiểm > 500 triệu thì sẽ có cảnh báo để BIC có thể xem xét kiểm toán phí nhằm đánh giá lại các rủi ro, điều chỉnh lại phí, các điều khoản, điều kiện, quyền lợi để đảm bảo quyền lợi cho BIC. Hệ thống cho phép xử lý tự động (STP Straight Through Processing) luồng kiểm toán phí bảo hiểm thông qua các cơ chế tích hợp	O	0.5				
	424	The system allows automatically starting a premium audit process periodically/according to rules that determine the need to perform an audit or allows users to proactively initiate a premium audit process. For example: - the system automatically starts the premium audit process when the policy expires - the user starts an premium audit process when the customer notifies to suspend/cancel the policy - the system automatically starts the annual premium audit process at the beginning of the year for policies belonging to a certain product - the user starts an premium audit process when an alert occurs during the quotation or policy process .. The system needs to allow support for communication with customers via email, phone, online exchanges (zalo, zoom, teams, etc.) or directly when performing premium	Hệ thống cho phép tự động bắt đầu một quy trình kiểm toán phí bảo hiểm định kỳ/theo quy tắc xác định sự cần thiết thực hiện kiểm toán hoặc cho phép người dùng chủ động bắt đầu một quy trình kiểm toán phí bảo hiểm. Ví dụ: - hệ thống tự động bắt đầu quy trình kiểm toán phí bảo hiểm khi đơn bảo hiểm hết hạn - người dùng bắt đầu một quy trình kiểm toán phí bảo hiểm khi khách hàng thông báo dừng/hủy hợp đồng - hệ thống tự động bắt đầu quy trình kiểm toán phí bảo hiểm hàng năm vào đầu năm cho các đơn thuộc một sản phẩm nào đó - người dùng bắt đầu một quy trình kiểm toán phí bảo hiểm khi có cảnh báo trong quá trình chào phí, cấp đơn .. Hệ thống cần cho phép hỗ trợ các hình thức trao đổi với khách hàng thông qua email, điện thoại, các hình thức trao đổi online (zalo, zoom, teams..) hoặc trực tiếp khi thực hiện kiểm toán	O	0.5				

			audits. The system needs to allow customers to continue or complete these communications through the customer service portal system	phí bảo hiểm Hệ thống cần cho phép khách hàng có thể tiếp tục hoặc hoàn thành các trao đổi này thông qua hệ thống portal phục vụ khách hàng					
		425	The system allows setting up rules to determine whether premium audits will be done internally or outsourced (for example, whether it is necessary to hire an inspection company).	Hệ thống cho phép thiết lập các quy tắc để xác định việc kiểm toán phí bảo hiểm sẽ làm nội bộ hay thuê ngoài (ví dụ có cần thuê công ty giám định không)	O	0.5			
		426	The system allows receiving/attaching reports from surveyors or inspection companies in the premium audit process	Hệ thống cho phép nhận/đính kèm báo cáo từ cán bộ giám định hoặc công ty giám định trong quy trình kiểm toán phí bảo hiểm	O	0.5			
		427	The system allows users to set up a list of documents to collect when performing premium audits, define report forms and documents related to premium audits.	Hệ thống cho phép người dùng thiết lập danh mục các hồ sơ tài liệu cần thu thập khi thực hiện kiểm toán phí bảo hiểm, định nghĩa các biểu mẫu báo cáo, tài liệu liên quan đến kiểm toán phí bảo hiểm	O	0.5			
		428	The system allows storing, searching, and tracking communication history and communication documents throughout the premium audit process.	Hệ thống cho phép lưu trữ, tìm kiếm, theo dõi lịch sử trao đổi và tài liệu trao đổi trong suốt quy trình kiểm toán phí bảo hiểm	O	0.5			
		429	<p>The system allows setting steps in the premium audit process (who processes or approves the steps), which can include steps such as:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Start auditing - Collect information - Assess the condition - Submit for approval of audit results/ conclusions - Approve audit results/conclusions - Cancel audit <p>...</p> <p>The system allows selecting to submit to a higher level for approval/selecting reviewers/ groups of reviewers/ allows managers with higher authority to approve immediately without going through lower levels of authority.</p> <p>The system allows setting up follow-up instructions, procedures for canceling the audit process, and procedures for handling overdue premium audit reports to ensure that all relevant departments and subjects can track them.</p> <p>The system provides alerts for any violations detected at each audit checkpoint.</p>	<p>Hệ thống cho phép thiết lập các bước trong quy trình kiểm toán phí (các bước do ai xử lý hoặc ai là người phê duyệt) có thể bao gồm các bước như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt đầu kiểm toán - Thu thập các thông tin - Đánh giá tình trạng - Trình duyệt kết quả/kết luận kiểm toán - Phê duyệt kết quả/kết luận kiểm toán - Hủy bỏ kiểm toán <p>...</p> <p>Hệ thống cho phép lựa chọn trình duyệt vượt cấp/ lựa chọn người duyệt/nhóm người duyệt / cho phép người quản lý có thẩm quyền cao hơn phê duyệt ngay mà không cần qua các cấp có thẩm quyền thấp hơn.</p> <p>Hệ thống cho phép thiết lập các hướng dẫn tiếp theo, thủ tục hủy bỏ quy trình kiểm toán, quy trình xử lý các báo cáo kiểm toán phí bảo hiểm đã quá hạn đảm bảo mọi bộ phận, đối tượng có liên quan đều có thể theo dõi được.</p> <p>Hệ thống có cảnh báo cho các trường hợp sai phạm tại từng bước kiểm toán</p>	O	0.5			

		430	The system allows setting up content that does not need to be audited in the premium audit process, ensuring all relevant departments and subjects (inspection companies) can monitor it.	Hệ thống cho phép thiết lập các nội dung được bỏ qua không cần thực hiện kiểm toán trong quy trình kiểm toán phí bảo hiểm, đảm bảo mọi bộ phận, đối tượng có liên quan (công ty giám định) đều có thể theo dõi được	O	0.5			
		431	The system allows providing reports on key performance indicators of performed and ongoing premium audit processes including but not limited to: - Number of premium audit processes performed/in progress - number of steps in the process that are pending - Which step in which process is pending? - average processing time (SLA) of each step - quantity and content of premium audit results/conclusions provided ..	Hệ thống cho phép cung cấp báo cáo về hiệu quả hoạt động (key performance indicators) của các quy trình kiểm toán phí bảo hiểm đã, đang thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn: - số quy trình kiểm toán phí bảo hiểm đã thực hiện/đang thực hiện - số lượng các bước trong quy trình đang bị pending - bước nào trong quy trình nào đang bị pending - thời gian xử lý trung bình (SLA) của từng bước - số lượng, nội dung các kết quả/kết luận kiểm toán phí bảo hiểm đã được đưa ra ..	O	0.5			
		432	When an premium audit process for a policy is in progress but the policy is canceled, the system allows stopping this process. The system allows the process to start again if the policy is reinstated	Khi một quy trình kiểm toán phí bảo hiểm đối với một hợp đồng/đơn bảo hiểm đang trong quá trình thực hiện nhưng hợp đồng/đơn bảo hiểm bị hủy bỏ, hệ thống cho phép dừng quy trình này. Hệ thống cho phép quy trình này bắt đầu lại nếu hợp đồng/đơn bảo hiểm được khôi phục	O	0.5			
		433	The system allows applying premium adjustments (increasing/decreasing premiums, changing terms/ conditions, etc.) to that policy based on the results/conclusions of the premium audit as well as recording the reason for adjusting the policy according to the results/ conclusions of the premium audit process.	Hệ thống cho phép áp dụng các điều chỉnh về phí bảo hiểm (tăng/giảm phí, thay đổi điều khoản/điều kiện..) cho hợp đồng/đơn bảo hiểm đó dựa trên kết quả/kết luận kiểm toán phí bảo hiểm cũng như ghi nhận nguyên nhân cho việc điều chỉnh hợp đồng/ đơn bảo hiểm đó là theo kết quả/ kết luận của quy trình kiểm toán phí bảo hiểm	O	0.5			
3. Underwriting / Thẩm định	3.1. Underwriting & Rules/ Thẩm định Bảo hiểm và Các quy tắc		Establish rules	Thiết lập nguyên tắc					
			Establish general rules	Thiết lập các nguyên tắc chung					
		434	the system provides features to conduct straight through processing (automated underwriting without manual intervention) for all policy lifecycle transactions.- Please explain how you have helped your clients implement automated underwriting (straight through processing without manual intervention) using your solution.- Please provide an example of how	Hệ thống phải cung cấp khả năng tiến hành xử lý tự động (thẩm định tự động mà không cần can thiệp thủ công) cho tất cả các giao dịch trong vòng đời hợp đồng.- Vui lòng giải thích cách nhà thầu đã giúp khách hàng triển khai thẩm định tự động (xử lý trực tiếp mà không cần can thiệp thủ công) bằng giải pháp đã được đề xuất.- Vui lòng cung cấp ví dụ về cách nhà	M	0.5			Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp

			you improved renewal processing (preferably a commercial lines example)	thầu cải thiện quy trình tái tục (đặc biệt là về đồng sản phẩm thương mại)					
	435	The system allows authorized users to configure the waiting time from the issue of an insurance policy (Insurance policy/policy status is Processing) for each product. If the configured date has passed, the system will automatically issue a policy on the insurance policy/policy issuance management function (Insurance policy status is Policy issued) without intervention from IT staff.	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền cấu hình thời gian chờ kể từ khi phát hành đơn/hợp đồng bảo hiểm (Trạng thái đơn/hợp đồng bảo hiểm là Đang xử lý) theo từng sản phẩm, nếu quá ngày đã cấu hình hệ thống sẽ tự động cấp đơn trên chức năng Quản lý đơn/hợp đồng bảo hiểm (Trạng thái đơn/hợp đồng bảo hiểm là Đã cấp đơn) mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT	M	2.5				
	436	The system allows authorized users to configure the quotation period for each product without intervention from IT staff and allows submitting for approval of the quotation from the beginning if the established quotation period is exceeded. For example: Quotation period: in case the quotation is approved internally and the Customer has not confirmed participation and if it is more than 30 days (Quotation period), the quotation status will be changed from Quotation Approved to Create a New Quotation.	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền cấu hình thời hạn bán chào phí theo từng sản phẩm mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT và cho phép trình duyệt bán chào lại từ đầu nếu quá thời hạn chào phí đã thiết lập VD: Thời hạn bán chào phí: trong trường hợp bán chào được phê duyệt nội bộ và khách hàng chưa xác nhận tham gia và nếu quá 30 ngày (thời hạn bán chào) thì bán chào đang từ trạng thái Đã duyệt bán chào phí xong sẽ chuyển về trạng thái Tạo mới.	M					
	437	The system allows users to configure rules for determining commission limits and support limits corresponding to each agent, each product, and each coverage section within a policy. These rules can be customized according to user requirements without the need for IT intervention. For example: The commission rate or support rate entered on the policy must comply with the following rules: Level 1 \geq Level 2 \geq Level 3 \geq x (the commission rate or support rate entered on the policy). If x exceeds Level 1, the system will display an alert and prevent users from entering a value beyond this limit. If Level 1 \geq x > Level 3, the system will display a warning and route the request for approval by the authorized approver.	Hệ thống cho phép người dùng thiết lập quy tắc xác định hạn mức hoa hồng, hạn mức hỗ trợ tương ứng với từng đại lý, sản phẩm và từng phạm vi bảo hiểm trong đơn, tùy chỉnh theo nhu cầu người dùng mà không cần can thiệp từ cán bộ CNTT VD: Tỷ lệ hoa hồng, tỷ lệ hỗ trợ nhập trên đơn phải nằm trong quy tắc sau: Mức 1 \geq Mức 2 \geq Mức 3 \geq x (tỷ lệ hoa hồng hoặc tỷ lệ hỗ trợ nhập trên đơn). Nếu vượt quá mức 1 hệ thống sẽ hiện cảnh báo không cho nhập giá trị vượt quá này. Nếu Mức 1 \geq x > Mức 3, hệ thống cảnh báo và trình cấp thẩm quyền phê duyệt	M					

		438	<p>The System shall allow users to establish rules for insurance policies underwritten through agents.</p> <p>For example:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. If an insurance policy is underwritten through a bidding process, participation of agents shall not be permitted. 2. If an insurance agent has not executed an agency agreement and has not been granted an agency certificate, issuance of an insurance policy shall not be permitted (the effective date of the insurance policy must be subsequent to the date of the agency certificate and the agency agreement). 	<p>Hệ thống cho phép người dùng thiết lập các quy tắc cho đơn bảo hiểm khai thác qua đại lý.</p> <p>Ví dụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nếu đơn bảo hiểm được khai thác thông qua hình thức đấu thầu thì không cho phép có sự tham gia của đại lý. 2. Nếu đại lý bảo hiểm chưa ký hợp đồng, chưa có chứng chỉ đại lý thì không được phép cấp đơn bảo hiểm (ngày hiệu lực đơn bảo hiểm phải sau ngày chứng chỉ và hợp đồng đại lý) 	M				
		439	<p>The system automatically warns errors and does not allow the issuance of new products when the product information does not satisfy the rules according to established ISO standards.</p>	<p>Hệ thống tự động cảnh báo lỗi không cho phép ban hành sản phẩm mới khi các thông tin của sản phẩm không thỏa mãn các quy tắc theo tiêu chuẩn ISO đã thiết lập</p>	M				
		440	<p>The system allows users to configure premium control rules based on the officially issued tariff, the minimum tariff of the Subsidiary/Member Company, the minimum tariff of BIC, and the minimum tariff required by State authorities.</p> <p>Example:</p> <ul style="list-style-type: none"> + The minimum tariff regulated by the Ministry of Finance: 0.5% + The tariff applied to Subsidiaries/Member Companies (CTTV): 1% + The tariff defined by BIC: 1.5% + The rule configuration includes: <ul style="list-style-type: none"> - If the premium rate entered by the user is greater than 1.5% or falls within the range of 1% → 1.5%, the system allows submission for approval according to the standard approval hierarchy. - If the premium rate entered falls within the range of 0.5% → 1%, the system routes the submission for escalated approval to the authorized higher-level approver. - If the premium rate entered is $\leq 0.5\%$, the system also routes the submission for 	<p>Hệ thống cho phép thiết lập các quy tắc kiểm soát phí bảo hiểm dựa trên biểu phí ban hành, phí tối thiểu của CTTV, phí tối thiểu của BIC, phí tối thiểu của cơ quan Nhà nước.</p> <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biểu phí sàn do Bộ Tài Chính quy định là 0.5% + Biểu phí dành cho CTTV là 1% + Biểu phí do BIC quy định là 1.5% <p>Rule thiết lập quy tắc bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu phí bảo hiểm mà NSD nhập trên hệ thống lớn hơn 1.5% hoặc nằm trong khoảng 1% → 1.5% thì hệ thống cho phép trình duyệt theo đúng thẩm quyền phê duyệt - Nếu phí bảo hiểm mà NSD nhập trên hệ thống nằm trong khoảng 0.5% → 1% thì hệ thống cho phép trình duyệt vượt cấp đến cấp có thẩm quyền phê duyệt - Nếu phí bảo hiểm mà NSD nhập trên hệ thống $\leq 0.5\%$ thì hệ thống cho phép trình duyệt vượt cấp đến cấp có thẩm quyền phê duyệt -... 	M	2			

			escalated approval to the authorized higher-level approver....						
		441	The system allows setting up rules to determine whether a product service requires treaty reinsurance or not, according to each product based on the treaty reinsurance policy(refer to the Reinsurance function).	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc để xác định một dịch vụ sản phẩm có phải tái bảo hiểm cố định hay không theo từng sản phẩm dựa trên hợp đồng tái cố định (tham chiếu chức năng Tái bảo hiểm)	M	1.5			
		442	The system must allow setting rules to determine whether a product service is subject to facultative reinsurance or not, according to each product For example: + If the Sum Insured of each product exceeds the retention limit and the product is not part of a treaty reinsurance contract, facultative reinsurance is required. + If the Sum Insured of each product exceeds the retention limit and the product is under a treaty reinsurance contract, the excess of the treaty reinsurance policy(if any) will have to be facultatively reinsured. + ...	Hệ thống phải cho phép thiết lập các quy tắc để xác định một dịch vụ sản phẩm có phải tái bảo hiểm tạm thời hay không theo từng sản phẩm. VD: + Nếu Số tiền bảo hiểm của từng sản phẩm vượt hạn mức giữ lại và sản phẩm không thuộc hợp đồng tái bảo hiểm cố định thì cần phải tái bảo hiểm tạm thời + Nếu Số tiền bảo hiểm của từng sản phẩm vượt hạn mức giữ lại và sản phẩm thuộc hợp đồng tái bảo hiểm cố định thì phần vượt mức hợp đồng tái bảo hiểm cố định (nếu có) sẽ phải tái bảo hiểm tạm thời + ...	M				
	3.2. Rating & scoring/ Tỷ lệ phí và cách tính		Establish principles for premium rate adjustments	Thiết lập các nguyên tắc điều chỉnh biểu phí					
		443	The system allows authorized users to set rules and conditions to apply premiums, premium reductions automatically for each product based on including but not limited to information: + Product information: Product name, terms and conditions, benefits, list of issued premium schedules (refer to the function of Category management, List of premium schedules), etc. + Customer information: Name, age, gender, Customer relationship, etc. + Customer historical information: Compensation rate... For example: - When making a premium quotation/issuing a policy, the user enters the input information: insurance buyer, insured vehicle information, insurance plan, terms and conditions, deduction, insurance period, etc., the system automatically displays the applicable premium	Hệ thống cho phép người dùng có thẩm quyền thiết lập quy tắc, điều kiện để áp dụng phí bảo hiểm, mức giảm phí...tự động theo từng sản phẩm dựa trên bao gồm nhưng không giới hạn thông tin: + Thông tin sản phẩm: Tên sản phẩm, điều kiện điều khoản, quyền lợi, danh mục biểu phí ban hành (tham chiếu chức năng Quản lý danh mục, Danh mục biểu phí)... + Thông tin khách hàng: Tên, tuổi, giới tính, mối quan hệ của khách hàng... + Thông tin lịch sử của khách hàng: Tỷ lệ bồi thường... VD: - Khi thực hiện chào phí/cấp đơn, NSD nhập các thông tin đầu vào: bên mua bảo hiểm, thông tin xe tham gia bảo hiểm, phương án bảo hiểm, Điều kiện điều khoản, khấu trừ, thời hạn bảo hiểm..., hệ thống tự động hiển thị tỷ lệ phí, mức	M	2			

		<p>rate, premium level, Sum Insured according to the issued premium schedule</p> <p>- Set up rules for calculating premium reductions for VVIP Customer of health and personal accident products including the following conditions:</p> <p>++ The insured is the themselves customer</p> <p>++ The Insured participating in insurance for the first time or renewing with a compensation rate <35% ++ Business costs are 0</p> <p>++...</p> <p>=> If the above conditions are met, the premium reduction applied to VVIP Customer of the above product is 35% and this premium reduction will be automatically displayed on the quotation.</p> <p>The system must allow authorized users to override calculated premiums in exceptional cases, with mandatory reason capture and automatic routing for higher-level approval. The system is able to integrate with internal and external data sources (e.g., claims database, scoring providers, ...) to automatically pull rating factors.</p>	<p>phí, Số tiền bảo hiểm...cần áp dụng theo biểu phí ban hành</p> <p>- Thiết lập quy tắc tính toán mức giảm phí đối với khách hàng VVIP của sản phẩm sức khỏe và tai nạn cá nhân bao gồm các điều kiện :</p> <p>++ Người được bảo hiểm là bản thân khách hàng</p> <p>++ Người được bảo hiểm tham gia bảo hiểm lần đầu hoặc tái tục có tỷ lệ bồi thường <35%</p> <p>++ Chi phí kinh doanh bằng 0</p> <p>++...</p> <p>=> Nếu thỏa mãn các điều kiện trên thì mức giảm phí áp dụng với khách hàng VVIP của sản phẩm trên là 35% và hiển thị tự động mức giảm phí này trên bản chào phí.</p> <p>Hệ thống phải cho phép người dùng được ủy quyền ghi đè mức phí đã được tính toán trong các trường hợp ngoại lệ, đồng thời bắt buộc ghi lại lý do và tự động chuyển yêu cầu đến cấp phê duyệt cao hơn.</p> <p>Hệ thống có khả năng kết nối với nguồn dữ liệu nội bộ hoặc nguồn bên ngoài (ví dụ: dữ liệu về bồi thường, hệ thống chấm điểm, ..) giúp hệ thống tự động lấy các yếu tố định phí một cách tự động.</p>					
	444	The system automatically applies the established pricing rules when the information on the quotation meets the conditions in the rules.	Hệ thống tự động áp dụng theo quy tắc đã thiết lập định phí khi thông tin trên bản chào thỏa mãn các điều kiện trong quy tắc	M				
	445	The system allows authorized users to add/ edit/ delete established rules (e.g., algorithms, parameters, etc.)	Hệ thống cho phép NSD có thẩm quyền thêm mới/chỉnh sửa/xóa các quy tắc đã thiết lập (ví dụ: thuật toán, thông số...)	M				
	446	The system must provide the ability to connect customer evaluation/quotation functions with external comparative evaluation tools.	Hệ thống phải cung cấp khả năng kết nối chức năng đánh giá / chào giá khách hàng với các công cụ đánh giá so sánh bên ngoài	M				
		Set up rules based on customer scoring	Thiết lập các nguyên tắc dựa trên chấm điểm khách hàng					
	447	The system allows setting up rules, evaluation formulas, and scoring customer based on information from customer records. For example: With guarantee products, set up rules to evaluate and classify customer based on	Hệ thống cho phép thiết lập bộ quy tắc, công thức đánh giá, chấm điểm khách hàng dựa trên các thông tin từ hồ sơ khách hàng VD: Với sản phẩm bảo lãnh, thiết lập quy tắc đánh giá xếp loại khách hàng dựa vào báo cáo	M	2			

			financial statements, customer are classified: A+: 100-200 points, A: 150-199 points, etc.	tài chính, khách hàng được xếp loại: A+: 100-200 điểm, A: 150-199 điểm...					
		448	The system must provide reporting on premium rate distribution, applied discounts, approval requests, and exceptions for monitoring compliance with pricing policies.	Hệ thống phải cung cấp báo cáo về phân bố của tỷ phí bảo hiểm, các khoản giảm phí đã áp dụng, các yêu cầu phê duyệt và các trường hợp ngoại lệ để phục vụ việc giám sát tuân thủ các chính sách định phí.	O				
		449	The system allows to automatically evaluate and score customer over the years according to a set of established rules	Hệ thống cho phép tự động đánh giá, chấm điểm khách hàng qua các năm theo bộ quy tắc được thiết lập	M				
	3.3. Risk & Loss Control/ Kiểm soát rủi ro và tổn thất		Establish cumulative risk management	Thiết lập quản lý rủi ro tích tụ					
		450	The system provides features to manage cumulative risks by geographical location, product line, risk type, etc. The bidder is required to describe in detail how the system manages cumulative risks for each arising business	Hệ thống phải cung cấp khả năng quản lý rủi ro tích tụ theo vị trí địa lý, dòng sản phẩm, loại rủi ro... Nhà thầu mô tả chi tiết cách thức hệ thống quản lý rủi ro tích tụ với từng nghiệp vụ phát sinh	M	7			
		451	The system allows managing cumulative risks according to the coordinates of the insured object For example: - Insured risks will be managed cumulatively based on the coordinates and specific location of the insured property attached to the real map. - The system needs to be able to attach the location of risks on the real map so that the system can manage and know how many assets are insured at a location/area. In case a loss event occurs, the system can know what the maximum loss is. - The system needs to display the Total Sum Insured, total premium or other parameters (optional) according to each specific geographical region and shown on the map. - The system needs to provide a distance measurement tool on the map similar to the functions on Google Earth and Google maps - The system allows linking to data with meteorological agencies or similar agencies, providing and displaying major natural disaster events and the location of those natural disasters on the cumulative risk management system so users can check regularly	Hệ thống cho phép quản lý rủi ro tích tụ theo vị trí tọa độ của đối tượng bảo hiểm VD: - Các rủi ro đã bảo hiểm sẽ được quản lý tích tụ theo phương thức dựa trên tọa độ, vị trí cụ thể của tài sản được bảo hiểm gắn liền trên bản đồ thực. - Hệ thống cần đáp ứng được về việc gắn liền vị trí các rủi ro trên map thực tế để từ đó hệ thống có thể quản lý và biết được tại 1 địa điểm/ một khu vực đã bảo hiểm cho bao nhiêu tài sản. Trong trường hợp có 1 sự kiện tổn thất xảy ra sẽ phải chịu tổn thất tối đa bao nhiêu - Hệ thống cần hiển thị được Tổng Số tiền bảo hiểm, tổng phí bảo hiểm hay các tham số khác (theo tùy chọn) theo từng phân vùng địa lý cụ thể và thể hiện trên bản đồ - Hệ thống cần cung cấp công cụ đo khoảng cách trên bản đồ tương tự như chức năng trên Google Earth, Google maps - Hệ thống cho phép liên kết đến dữ liệu với các cơ quan khí tượng hay cơ quan tương tự, cung cấp và thể hiện được các sự kiện lớn về thiên tai và vị trí của các thiên tai đó trên hệ thống quản lý tích tụ rủi ro để NSD có thể kiểm tra thường xuyên	O				

		452	The system allows managing risk accumulation for each individual insurance location in case an insurance policy has multiple insurance locations.	Hệ thống cho phép quản lý tích tụ rủi ro theo từng địa điểm bảo hiểm riêng rẽ trong trường hợp 1 đơn bảo hiểm có nhiều địa điểm bảo hiểm	M				
		453	The system provides a warning/reminding feature to relevant parties if policies have cumulative risks.	Hệ thống cung cấp tính năng cảnh báo/nhắc nhở các bên liên quan nếu các đơn bảo hiểm có rủi ro tích tụ.	M	3			
		454	The bidder presents/proposes a solution to handle the requirement: at the time of risk accumulation, the system automatically calculates and provides a suggested reinsurance structure for all policies within the area where risk accumulation has occurred. The bidder should propose methods for calculating the suggested reinsurance structure, but at least it must ensure that: the re-suggestion structure is the same for all policies.	Nhà thầu trình bày/đề xuất giải pháp để xử lý yêu cầu: tại thời điểm có tích tụ rủi ro xảy ra, hệ thống tự động tính toán và đưa ra cơ cấu tái gọi ý cho tất cả các đơn bảo hiểm thuộc vùng có xảy ra tích tụ rủi ro. Nhà thầu có thể đưa ra các phương pháp tính toán cơ cấu tái gọi ý, tuy nhiên tối thiểu phải đáp ứng được: cơ cấu tái gọi ý giống nhau cho tất cả các đơn	M				Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
		455	The bidder presents/proposes a solution to handle the requirement: allowing users to apply the suggested reinsurance structure (calculated at ID 454) to all insurance policies, or to specific policies within the area where risk accumulation has occurred	Nhà thầu trình bày/đề xuất giải pháp để xử lý yêu cầu: cho phép người dùng chọn áp dụng cơ cấu tái gọi ý (đã được tính toán tại ID 454) cho tất cả các đơn bảo hiểm, hoặc 1 số đơn bảo hiểm cụ thể thuộc vùng có xảy ra tích tụ rủi ro	M				Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
		456	The system provides a feature that allows users to manually edit the reinsurance structure based on the suggested reinsurance structure if risk accumulation occurs.	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng sửa thủ công cơ cấu tái dựa trên cơ cấu tái gọi ý nếu có tích tụ rủi ro xảy ra	M				
		457	The system calculates the total sum insured for services with cumulative risks, and allows the separation of small-scale components related to reinsurance (For example, the physical parts of the vehicle are covered by a treaty reinsurance policy, but the accident of the driver, driver assistant and passengers are not covered by the treaty reinsurance policy. Cases not covered by a treaty reinsurance policy, users with authority to arrange reinsurance should be alerted)	Hệ thống tính toán được tổng Số tiền bảo hiểm của dịch vụ có tích tụ rủi ro, cho phép tách từng cấu phần phạm vi nhỏ liên quan đến tái bảo hiểm (ví dụ vật chất xe thuộc hợp đồng tái bảo hiểm cố định nhưng tai nạn lái xe phụ xe và người ngồi trên xe không thuộc hợp đồng tái bảo hiểm cố định, trường hợp không thuộc hợp đồng tái bảo hiểm cố định thì cần cảnh báo đến người dùng có thẩm quyền thu xếp tái)	M	1			
		458	The system supports the management of accumulation risk for Marine insurance. For example: Multiple cargo insurance policies transported on the same vessel within a defined period (identified by the same vessel name, IMO number, etc.).	Hệ thống cho phép quản lý rủi ro tích tụ của nghiệp vụ Hàng hải. VD: Nhiều đơn bảo hiểm hàng hóa cùng chở trên 1 tàu xác định trong thời gian nhất định ((có cùng tên tàu, hoặc cùng số IMO...))	M				

4. Reinsurance/ Tái bảo hiểm	4.1. Resinsurance/ Tái bảo hiểm		Outward reinsurance	Nhượng tái bảo hiểm					
			Outward treaty reinsurance	Nhượng tái bảo hiểm cố định					
			Management of outward treaty reinsurance contracts (for both proportional and non-proportional contracts)	Quản lý hợp đồng nhượng tái cố định (cho cả hợp đồng tỷ lệ và phi tỷ lệ)					
		459	The system provides features that allow users to create/edit/delete/clone/submit for approval of information about outward treaty reinsurance contracts, including but not limited to the following information - Contract year: Year on the outward reinsurance contract - Contract name/contract number: Name on the outward reinsurance contract - Method/form of reinsurance: proportional or non-proportional (quota share, surplus, XOL) - Broker: Allow choosing one or more Broker Names (get from the partner table), brokerage commission depending on each broker - Reinsurers: It is possible for many reinsurers to participate in the same contract. Details should be shown in the table: reinsurer name, participation rate, commission, address, bank account number, product group, product, etc. - Product group: Allow selecting multiple product groups (get from product group table) - Product: Allow selecting multiple products belonging to the product group selected above (get from product table) - Risk group: Allow selecting multiple risk groups, (get from risk table) - Risk type: get from risk table - Limit: Limit of the outward insurance contract (influencing factors: insurance product, risk group, risk type, coinsurance rate, type of underwriting (original insurance or inward reinsurance), sum insured, retention limit + line number (with surplus contract) - BIC retention limit (for proportional reinsurance): divided by risk group (risk type) - Cash call /loss advice limit - Retained loss (applies to XOL) - Reinsurance rate (quota share/surplus)	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng tạo mới/sửa/xóa/clone/ trình duyệt thông tin về hợp đồng nhượng tái cố định, bao gồm không giới hạn các thông tin sau - Năm hợp đồng: Năm trên hợp đồng Nhượng tái bảo hiểm - Tên hợp đồng/mã HĐ: Tên trên hợp đồng Nhượng tái bảo hiểm - Phương thức/ hình thức TBH: tỉ lệ hay phi tỉ lệ (quota share, surplus, XOL) - Môi giới: Cho phép chọn một hoặc nhiều Tên nhà môi giới (lấy theo danh mục quản lý đối tác), môi giới phí theo từng môi giới - Nhà tái tham gia: Có thể nhiều nhà tái cùng tham gia 1 hợp đồng, cần chi tiết theo bảng: tên nhà tái, tỉ lệ tham gia, hoa hồng, địa chỉ, số tài khoản, nhóm sản phẩm, sản phẩm,... - Nhóm sản phẩm: Cho phép chọn nhiều nhóm sản phẩm (lấy theo danh mục nhóm sản phẩm) - Sản phẩm: Cho phép chọn nhiều sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm đã chọn ở trên (lấy theo danh mục sản phẩm theo nhóm) - Nhóm rủi ro: Cho phép chọn nhiều nhóm rủi ro, (Lấy theo danh mục rủi ro) - Loại rủi ro: Lấy danh mục các rủi ro - Hạn mức: Hạn mức của hợp đồng nhượng TBH (những yếu tố ảnh hưởng: sản phẩm BH, nhóm rủi ro, loại rủi ro, tỷ lệ đồng bảo hiểm, hình thức khai thác (bảo hiểm khai thác gốc hoặc nhận tái), số tiền bảo hiểm, hạn mức giữ lại + số line (với HĐ surplus) - Hạn mức giữ lại BIC (cho tái tỉ lệ): chia theo nhóm rủi ro (loại rủi ro) Hạn mức giữ lại - Hạn mức cash call/ loss advice - Tồn thất giữ lại (áp dụng cho XOL) - Tỷ lệ tái BH (quota share/surplus)	M	5			

			<ul style="list-style-type: none"> - Reinsurance commission: will vary by product group or product (automatically calculated based on the number entered in the reinsurers) - Exclusion conditions: Details of exclusion conditions get from the product (find in the group Terms and Conditions of treaty and BIC's terms and conditions) - Extension conditions: Details of extension conditions: name of extension condition, limit (maximum, within, etc.), unit of measurement (find in the group Terms and Conditions of treaty and BIC's terms and conditions) ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoa hồng tái: sẽ khác nhau theo nhóm sản phẩm hoặc sản phẩm (tự động tính dựa trên số đã nhập ở phần nhà tái tham gia) - Các điều kiện loại trừ: Chi tiết các điều kiện loại trừ lấy từ sản phẩm (tìm trong nhóm Điều kiện điều khoản của treaty và điều kiện điều khoản của BIC) - Các điều kiện mở rộng: Chi tiết các điều kiện mở rộng: tên điều kiện mở rộng, hạn mức (tối đa, trong khoảng, ...), đơn vị tính (tìm trong nhóm Điều kiện điều khoản của treaty và điều kiện điều khoản của BIC) ... 					
		460	The System shall provide a function enabling the configuration of sliding scale reinsurance commissions for each reinsurance treaty, according to each participating reinsurer. At the same time, the System shall include a function to issue alerts on the settlement date and to notify when the loss ratio reaches the downward sliding threshold of the commission, falling below the provisional commission	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép cấu hình hoa hồng trượt (sliding scale RI commission) cho mỗi hợp đồng TBH cố định, theo từng nhà Tái bảo hiểm tham gia. Đồng thời, hệ thống có chức năng cảnh báo thời điểm quyết toán và cảnh báo khi tỷ lệ tổn thất chạm mốc trượt xuống của hoa hồng thấp hơn hoa hồng Provision	M				
		461	The System shall allow the establishment of time-based alerts for the settlement of Loss Participation and Profit Commission clauses. The System shall also provide alerts when the loss ratio reaches the threshold that activates the Loss Participation clause	Hệ thống cho phép Thiết lập cảnh báo mốc thời gian cho việc quy toán các điều khoản Loss participation/ Profit commission. Cảnh báo mốc tỷ lệ tổn thất kích hoạt điều khoản Loss participation	M				
		462	The System shall allow users to establish and configure the calculation methods applicable to Loss Participation and Profit Commission clauses for each annual reinsurance treaty	Hệ thống cho phép thiết lập cách tính toán của các điều khoản Loss participation/ Profit commission theo từng treaty hàng năm	M				
		463	The System shall allow the establishment of customized rules for ceding reinsurance premiums under different reinsurance contract codes. For example: with an original premium of 10 units, and two reinsurance contracts both having a ceding rate of 10%, the ceded premium under Contract A may be 0.8 units, while the ceded premium under Contract B may be 1 unit, depending on the user's configuration	<p>Cho phép thiết lập quy tắc nhượng phí TBH tùy chỉnh theo từng mã Hợp đồng Tái khác nhau</p> <p>Ví dụ: Phí gốc 10 đồng, 2 hợp đồng Tái cùng có tỷ lệ nhượng là 10%, nhưng phí nhượng Hợp đồng A chỉ có 0.8 đồng; phí nhượng hợp đồng B là 1 đồng (tùy theo cách người dùng thiết lập/cấu hình)</p>	O				

		464	With XOL contract information: the system allows create annual XOL contract information including but not limited to: Contract number, contract name, type of operation (Marine or Non Marine), contract duration (e.g., January 1, 2023 - December 31, 2023), estimated GNPI, protection level by layer, currency, premium rate, XOL premium type (MDP, ADJ), REBATE, CIT, commissions and other related revenues/expenses (if any), premium amounts corresponding to each type of premium and each payment period, the rate of each broker, information about the broker, etc. After entering contract information, the system has the function of approving contract information. During the year, if there are changes related to the XOL contract, the system allows entering and approving additions/changes to information.	Với thông tin hợp đồng XOL: hệ thống cho phép nhập thông tin hợp đồng XOL hàng năm bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: Số hợp đồng, tên hợp đồng, loại nghiệp vụ (Marine hay Non Marine), thời hạn hợp đồng (ví dụ 01/01/2023-31/12/2023), GNPI ước tính, mức bảo vệ theo từng lớp (layer), loại tiền, tỷ lệ phí, loại phí XOL (MDP, ADJ), REBATE, CIT, hoa hồng và các khoản thu/chi khác liên quan (nếu có), số phí tương ứng với từng loại phí và từng kỳ thanh toán, tỷ lệ của từng nhà tái, thông tin về nhà môi giới.... Sau khi nhập các thông tin hợp đồng, hệ thống có chức năng duyệt thông tin hợp đồng. Trong năm nếu có các thay đổi liên quan đến hợp đồng XOL, hệ thống cho phép nhập và duyệt bổ sung/thay đổi thông tin.	M				
		465	The system provides a feature that allows users to edit/delete information on the outward treaty reinsurance contract in case of approval	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng sửa/ xóa thông tin hợp đồng nhượng tái cố định trong trường hợp được phê duyệt	M				
		466	The system provides a feature that allows users to establish a hierarchy of authority for submission for approval	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng thiết lập phân cấp thẩm quyền trình duyệt	M				
		467	The system allows cloning a new contract from an old contract: the system copies all information on the old contract, leaving some fields blank such as: Year of operation, contract name/contract number, etc.	Hệ thống cho phép sao chép (clone) hợp đồng mới từ một hợp đồng cũ: hệ thống sao chép tất cả các thông tin trên hợp đồng cũ, bỏ trống một số trường như: Năm khai thác, tên hợp đồng/mã HĐ, ...	M				
		468	The system allows displaying a list of outward treaty reinsurance contracts according to a number of criteria such as: year of operation, product type, risk type, etc.	Hệ thống cho phép hiển thị danh sách các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm cố định theo một số tiêu chí như: năm khai thác, loại sản phẩm, loại rủi ro,...	M				
		469	Periodically, the system allows recording MDP premiums, ADJ premiums, REBATE premiums, commissions and other estimated revenues/expenditures of outward treaty reinsurance contracts when SOA arises into the accounting system for each contract, each reinsurer, each type of outward reinsurance premium, each branch, each operation, etc.	Định kỳ hệ thống cho phép ghi nhận phí MDP, phí ADJ, REBATE, hoa hồng và các khoản thu/chi khác ước tính của hợp đồng Tái bảo hiểm cố định khi phát sinh SOA vào hệ thống kế toán theo từng hợp đồng, từng nhà tái, từng loại phí nhượng tái, từng Công ty thành viên, từng nghiệp vụ....	M				

		470	The system supports the calculation/allocation of outward reinsurance premiums (MDP, ADJ), REBATE, commissions, other revenues/ expenditures (if any) for each insurance policy protected by an XOL contract according to the retained premium of those insurance policies	Hệ thống hỗ trợ tính toán/phân bổ phí nhượng tái (MDP, ADJ), REBATE, hoa hồng, thu/chi khác (nếu có) cho từng đơn bảo hiểm được bảo vệ bởi hợp đồng XOL theo phí bảo hiểm giữ lại của các đơn bảo hiểm đó	M				
		471	The system allows the issuance of SOAs to pay MDP/ADJ/REBATE/COMMISSION premiums with reinsurers/reinsurance brokers according to each type, each period, etc.	Hệ thống cho phép phát hành các SOA để thanh toán phí MDP/ADJ/REBATE/HOA HỒNG với các nhà tái/môi giới tái theo từng loại, từng kỳ...	M				
		472	The system allows the issuance of SOAs related to outward treaty reinsurance contracts	Hệ thống cho phép phát hành các SOA liên quan đến hợp đồng nhượng tái bảo hiểm cố định	M				
		473	The system provides features for managing renewal of outward treaty reinsurance contracts	Hệ thống cung cấp tính năng quản lý tái tục hợp đồng nhượng tái bảo hiểm cố định	M				
			Requirements to link to premium quotation function of the original insurance policy	Yêu cầu liên kết với chức năng chào phí đơn bảo hiểm gốc					
		474	<p>- The information declared in the treaty slip will act as a set of principles. All insurance premium quotation slips are issued in the year of operation, if the conditions of the outward treaty reinsurance contracts are met (if defined, the system will automatically calculate a reinsurance structure plan (a reinsurance structure plan includes following information, but not limited to: reinsurer's name, participation rate, commission, address, account number, product group, product, etc.)). The principles work as follows:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Comparative information corresponding to each product group, product name, type of risk, form of exploitation, coinsurance rate, inward reinsurance rate. • Compare the insurance amount in the quotation slip with BIC's retention limit. • Compare the insurance amount in the quotation slip with the limit in the treaty slip. • Compare the terms and conditions in the quotation slip with the inclusion conditions and exclusion conditions: both the exclusion conditions and the inclusion conditions must be within the terms and conditions, including the limit (if any). 	<p>- Những thông tin khai báo ở hợp đồng nhượng tái cố định sẽ hoạt động như một bộ nguyên tắc. Tất cả các bản chào phí bảo hiểm được cấp ra thuộc năm khai thác, nếu có thỏa mãn các điều kiện của hợp đồng nhượng tái cố định (đã được định nghĩa thì hệ thống sẽ tự động tính toán phương án cấu trúc tái (cấu trúc tái gồm các thông tin không giới hạn như: tên nhà tái, tỉ lệ tham gia, hoa hồng, địa chỉ, số tài khoản, nhóm sản phẩm, sản phẩm,...)). Phương thức hoạt động của nguyên tắc sẽ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các thông tin so sánh tương ứng với nhau nhóm sản phẩm, tên sản phẩm, Loại rủi ro, hình thức khai thác, tỷ lệ đồng bảo hiểm, Tỷ lệ Nhận Tái bảo hiểm • So sánh số tiền BH ở bản chào với hạn mức giữ lại của BIC • So sánh số tiền BH ở bản chào với hạn mức ở hợp đồng Tái bảo hiểm cố định • So sánh điều kiện điều khoản ở bản chào với điều kiện mở rộng và điều kiện loại trừ: cả điều kiện loại trừ và điều kiện mở rộng đều phải nằm trong điều kiện điều khoản bao gồm cả hạn mức (nếu có) • ... 	M	3.5			

			• ...					
		475	The system allows defining the priority of applying fixed reinsurance contracts when an insurance policy/insurance service meets the conditions of multiple fixed reinsurance contracts simultaneously.	Hệ thống cho phép định nghĩa việc ưu tiên áp dụng của các hợp đồng tái bảo hiểm cố định trong trường hợp đơn bảo hiểm/dịch vụ bảo hiểm thỏa mãn điều kiện của nhiều hợp đồng tái bảo hiểm cố định cùng lúc.	M			
		476	<p>- The system automatically identifies incases need to arrange outward facultative reinsurance to the Reinsurance department users when receiving a request to approve a proposal/quotation slip, including the following cases:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Case 1: Sum Insured exceeding the retention level (net retention of BIC or gross retention of BIC covered by XOL Treaty) • Case 2: Sum Insured exceeding BIC's retention limit + total limit of Treaties that met the conditions of policy (if no treaty met the conditions of policy, it will be case 1). • Case 3: Sum Insured of insurance policies with accumulated risks match the above 2 cases. • Case 4: An insurance policy has inclusion clauses with sub-limits exceeding Treaty regulations and/or high-risk policy that require partial risk dispersion according to professional assessment. 	<p>- Hệ thống tự động nhận diện các trường hợp cần thu xếp nhượng TBH tạm thời cho ban nghiệp vụ khi nhận yêu cầu phê duyệt tờ trình/bản chào gồm các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • TH1: STBH (Số tiền bảo hiểm) vượt mức giữ lại (giữ lại thuần của BIC hoặc giữ lại gộp của BIC được bảo vệ bởi XOL Treaty) • TH2: STBH vượt mức giữ lại của BIC + tổng hạn mức các Treaty được thỏa mãn điều kiện phạm vi bảo hiểm (nếu không có treaty nào được thỏa mãn điều kiện phạm vi bảo hiểm sẽ là trường hợp 1) • TH3: Tổng STBH các đơn bảo hiểm bị tích tụ rủi ro rơi vào 2 trường hợp trên • TH4: Đơn bảo hiểm có các điều khoản mở rộng có hạn mức phụ vượt quy định Treaty và/hoặc dịch vụ có rủi ro cao cần phân tán rủi ro một phần theo đánh giá của nghiệp vụ 	M			
		477	In the above cases, the system has the function to allow users to transfer requests for arrangement of outward facultative reinsurance (if necessary). When transferring requests to authorized users, it is required to include information about the quotation, co-insurance rate, reinsurance rate, competitor information, loss history information, folder to store files about risk information/policies to be arranged (with tool to upload files when needed)	Khi rơi vào các trường hợp trên, hệ thống có chức năng cho người dùng chuyển yêu cầu thu xếp nhượng TBH tạm thời (nếu cần), khi chuyển yêu cầu sang người dùng có thẩm quyền phải có các thông tin về bản chào phí, tỷ lệ đồng BH, tỷ lệ cần thu xếp tái bảo hiểm, thông tin đối thủ cạnh tranh, thông tin lịch sử tổn thất, thư mục lưu trữ các file về thông tin rủi ro/dịch vụ cần thu xếp (có công cụ upload file khi cần dùng)	M			
			Requirements to link to the function of issuing insurance policies	Yêu cầu liên kết với chức năng Cấp đơn bảo hiểm				
		478	- If the final premium quotation is not approved, the system will save the file.	- Nếu bản chào phí bảo hiểm cuối cùng không được duyệt, hệ thống lưu hồ sơ.	M	3		
		479	- If the final premium quotation is approved, the system will issue a policy and automatically	- Nếu bản chào phí bảo hiểm cuối cùng được duyệt, hệ thống cấp đơn và tự động tạo cấu trúc	M			

			create a reinsurance structure (according to the outward reinsurance proposal calculated in the premium quotation module).	Tái bảo hiểm (theo phương án cấu trúc nhượng Tái đã tính toán ở phần chào phí).				
	480		<p>- The system allows users to define and classify insurance policies after issuing them</p> <p>+ Policies that automatically transfer to users with accounting authority</p> <p>+ Policies that do not automatically transfer to users with accounting authority but require manual confirmation by the user .</p> <p>The system has a function for users to quickly access original insurance policy information, including approved statements and signed original insurance policies.</p>	<p>- Hệ thống cho phép người dùng định nghĩa, phân loại các đơn bảo hiểm sau khi cấp đơn</p> <p>+ Các loại đơn sẽ tự động chuyển người dùng có thẩm quyền kế toán</p> <p>+ Các đơn không tự động chuyển người dùng có thẩm quyền kế toán mà cần người dùng xác nhận thủ công.</p> <p>Hệ thống có chức năng để người dùng truy cập nhanh thông tin đơn bảo hiểm gốc gồm cả tờ trình nghiệp vụ được phê duyệt và hợp đồng bảo hiểm gốc đã ký</p>	M			
	481		<p>- The system records incurred expenses including, but not limited to, the following information:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Original revenue • Outward reinsurance premium • Outward reinsurance commission • ... 	<p>- Hệ thống ghi nhận các chi phí phát sinh bao gồm không giới hạn các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu gốc • Phí bảo hiểm nhượng Tái BH • Hoa hồng nhượng tái • ... 	M			
	482		- The system provides a screen displaying the reinsurance structure and allows users to enter the reinsurance structure manually or edit the reinsurance structure for non-automatic cases.	- Hệ thống cung cấp màn hình hiển thị cấu trúc tái và cho phép cán bộ có thể nhập cấu trúc tái thủ công hoặc chỉnh sửa cấu trúc tái đối với các trường hợp không thuộc tự động	M			
			Outward facultative reinsurance	Nhượng Tái bảo hiểm tạm thời				
			Quotation of outward facultative reinsurance	Chào nhượng tái bảo hiểm tạm thời				
	483		- In case the system identifies the need to arrange outward facultative reinsurance, the system allows Reinsurance Department user to retrieve and use all records/documents of the insurance contract/policy.	- Trường hợp hệ thống nhận diện cần thu xếp nhượng tái tạm thời, hệ thống cho phép cán bộ Ban Tái bảo hiểm truy xuất và sử dụng toàn bộ các hồ sơ/tài liệu của hợp đồng/đơn bảo hiểm.	M	4		
	484		The system has a function to manage the process of seeking special acceptance for treaties (SA arrangements) and temporary reinsurance arrangements for each insurance policy/insurance service, and for each reinsurance company/broker	Hệ thống có chức năng quản lý quá trình xin chấp nhận đặc biệt của treaty (thu xếp SA) và thu xếp nhượng TBH tạm thời theo từng đơn bảo hiểm/dịch vụ bảo hiểm, từng nhà tái bảo hiểm/môi giới TBH	M			
	485		- In case of using insurance brokers, it is required to have an additional field to enter and	- Với trường hợp dùng môi giới TBH cần có thêm trường nhập và quản lý thông tin các nhà	M			

			manage information of reinsurers through each broker. The system has the function to support reminding (after every certain number of hours as specified in the process) & updating each partner's feedback in log form.	tái bảo hiểm tham gia qua từng nhà môi giới. Hệ thống có chức năng hỗ trợ nhắc (sau mỗi số giờ nhất định theo quy định trong quy trình) & cập nhật phản hồi của từng đối tác dưới dạng nhật ký.				
		486	The System shall allow the establishment of customized rules for ceding reinsurance premiums under different reinsurance contract codes. For example: with an original premium of 10 units, and two reinsurance contracts both having a ceding rate of 10%, the ceded premium under Contract A may be 0.8 units, while the ceded premium under Contract B may be 1 unit, depending on the user's configuration	Cho phép thiết lập quy tắc nhượng phí TBH tùy chỉnh theo từng mã Hợp đồng Tái khác nhau Ví dụ: Phí gốc 10 đồng, 2 hợp đồng Tái cùng có tỷ lệ nhượng là 10%, nhưng phí nhượng Hợp đồng A chỉ có 0.8 đồng; phí nhượng hợp đồng B là 1 đồng (tùy theo cách người dùng thiết lập/cấu hình)	O			
		487	The system allows managing the statuses of reinsurance quotes, including but not limited to the following statuses: - New: The user creates a new reinsurance quote. - Processing: The reinsurance quote is being sent to reinsurance partners. - Unsuccessful: The reinsurance quote is unsuccessful due to the reinsurance partner's rejection. - Successful (binding): The reinsurance quote is accepted by the partner and accepted by BIC internal/customer. - Successful (no policy issued): The reinsurance quote is accepted by the partner, but rejected by BIC internal/customer	Hệ thống cho phép quản lý các trạng thái của bản chào nhượng Tái bảo hiểm bao gồm nhưng không giới hạn các trạng thái sau: - Mới: NSD tạo mới bản chào nhượng tái bảo hiểm - Đang xử lý: Bản chào nhượng tái bảo hiểm đang được gửi cho các đối tác Tái bảo hiểm - Không thành công: Bản chào nhượng Tái không thành công do đối tác Tái bảo hiểm từ chối - Thành công (binding): Bản chào nhượng Tái bảo hiểm được đối tác chấp nhận và nội bộ BIC/ khách hàng chấp nhận - Thành công (không cấp đơn): Bản chào nhượng Tái bảo hiểm được đối tác chấp nhận và nội bộ BIC/ khách hàng không chấp nhận ...	M			
		488	Direct reinsurance quotation of reinsurer: - The system allows the user to create a Reinsurance Quotation based on the original quotation of the underwriter, add unlimited information such as: name of reinsurer, reinsurance rate, reinsurance commission, reinsurance premium (may be different from original premium), etc.	Chào nhượng tái trực tiếp nhà tái: - Hệ thống cho phép Ban Tái bảo hiểm tạo bản chào Tái bảo hiểm dựa trên bản chào gốc của nghiệp vụ hoặc đơn vị khai thác, bổ sung thêm các thông tin không giới hạn như: tên nhà tái, tỷ lệ tái, hoa hồng tái, phí tái (có thể khác phí gốc), ... - Hệ thống cho phép tạo một hoặc nhiều bản chào nhượng Tái cho 1 bản chào phí bảo hiểm gốc.	M			

			<ul style="list-style-type: none">- The system allows creating one or more outward reinsurance quotations for 1 original insurance premium quotation.- The information on the re-insurer (the reinsurance company) is defined in the partner table.	<ul style="list-style-type: none">- Thông tin nhà tái (công ty nhận Tái BH) được định nghĩa ở tính năng quản lý đối tác.				
	489	<p>Outward reinsurance quotation via a broker:</p> <ul style="list-style-type: none">- The system allows user to create a Reinsurance quotation based on the original quotation of the underwriter, and add unlimited information such as: broker name, reinsurance rate, reinsurance commission, reinsurance premium (may be different from original premium), etc.- The system allows creating one or more outward reinsurance quotations for 1 original insurance premium quotation.- Information about the reinsurer of the reinsurance broker (the insurance company) is defined in the reinsurance partner table.- The system provides the feature of updating the broker's reinsurers (Reinsurer names are get from the Reinsurance partner table), arranging and providing information about: reinsurer name, reinsurance rate, reinsurance commissions, reinsurance premium, etc.	<p>Chào nhượng tái qua môi giới:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hệ thống cho phép Ban Tái bảo hiểm tạo bản chào Tái bảo hiểm dựa trên bản chào gốc của nghiệp vụ hoặc đơn vị khai thác, bổ sung thêm các thông tin không giới hạn như: tên môi giới, tỷ lệ tái, hoa hồng tái, phí tái (có thể khác phí gốc), ...- Hệ thống cho phép tạo một hoặc nhiều bản chào nhượng Tái cho 1 bản chào phí bảo hiểm gốc.- Thông tin nhà tái đứng sau môi giới Tái (công ty nhận Tái BH) được định nghĩa ở tính năng quản lý đối Tái bảo hiểm.- Hệ thống cung cấp tính năng cập nhật các nhà nhận tái đứng sau của môi giới (Tên nhà nhận tái lấy từ tính năng quản lý đối tác Tái bảo hiểm) thu xếp và thông tin về: tên nhà tái, tỷ lệ tái, hoa hồng, phí tái, ...	M				
	490	After the outward reinsurance quotation is confirmed and agreed by the reinsurers, the system provides features that allow Reinsurance user to submit the reinsurance proposal of the original quotation (including: the direct (original) quotation, treaty reinsurance plan, facultative reinsurance plan (of reinsurers or of reinsurance brokers))	Sau khi bản chào nhượng tái bảo hiểm được các đơn vị nhận tái xác nhận và đồng ý, hệ thống cung cấp tính năng cho phép cán bộ ban Tái bảo hiểm trình phương án tái online của bản chào gốc (bao gồm: bản chào trực tiếp (gốc), phương án cấu trúc Tái cố định, phương án cấu trúc tái tạm thời (của nhà tái trực tiếp hoặc nhà tái qua môi giới))	M				
	491	Transfer according to authority hierarchy: the system provides features for users to self-define the hierarchy of approval authority according to: inward/outward reinsurance, treaty or facultative reinsurance, position, etc.	Trình theo phân cấp thẩm quyền: hệ thống cung cấp tính năng cho cán bộ tự định nghĩa phân cấp các thẩm quyền duyệt theo: nhận/nhượng tái, tái cố định hay tạm thời, chức vụ,...	M				
	492	The system provides the function of notifying/ updating the results of reinsurance proposal approval, arranging operations to approve premium quotations until the premium	Hệ thống cung cấp chức năng thông báo/cập nhật kết quả trình duyệt phương án Tái bảo hiểm thu xếp sang nghiệp vụ để duyệt chào phí cho đến khi bản chào phí được khách hàng chấp	M				

			quotation is accepted by the customer. The final reinsurance proposal is approved at the same time that the final premium quotation is accepted by the customer.	nhận. Phương án TBH cuối cùng được phê duyệt tương ứng cùng thời điểm bản chào phí cuối cùng được khách hàng chấp nhận.					
		493	The system has the function of automatically comparing and saving the difference in terms and conditions between the approved final reinsurance plan and the final reinsurance premium quotation accepted by the customer. The system provides the feature of displaying comparative content in underwriter quotation to be approved online before issuing insurance policies, when looking up policies and warning when settling claim.	Hệ thống có chức năng tự động so sánh và lưu lại các điều khoản điều kiện chênh lệch giữa phương án TBH cuối cùng được phê duyệt và bản chào phí bảo hiểm cuối cùng được khách hàng chấp nhận. Hệ thống cung cấp tính năng hiển thị nội dung so sánh trong tờ trình nghiệp vụ để trình duyệt online trước khi cấp đơn bảo hiểm, khi tra cứu đơn và cảnh báo khi giải quyết bồi thường.	M				
		494	If the outward reinsurance plan is not approved, the status of the outward reinsurance premium quotation slip is “Failed”. + The system has the function to notify users to withdraw the outward reinsurance premium quotation and close the arrangement document. + The system has the function of notifying the original underwriter user about the failed arrangement	Nếu phương án nhượng tái bảo hiểm không được duyệt thì trạng thái của bản chào phí nhượng tái bảo hiểm là “Không thành công”. + Hệ thống có chức năng để thông báo người dùng rút bản chào nhượng TBH, đóng hồ sơ thu xếp. + Hệ thống có chức năng thông báo cho người dùng nghiệp vụ hoặc khai thác gốc về việc không thu xếp thành công	M				
		495	If the outward reinsurance plan is approved but the insurance premium quotation is not approved/the customer does not accept it, the system automatically saves the file and changes the status of the outward reinsurance premium quotation to Binding (no policy issued)	Nếu phương án nhượng tái bảo hiểm được duyệt nhưng bản chào phí bảo hiểm không được duyệt/ khách hàng không chấp nhận thì hệ thống tự động lưu hồ sơ và chuyển trạng thái của bản chào phí nhượng tái bảo hiểm là Thành công (không cấp đơn)	M				
		496	The system provides the feature of sending emails to partners (reinsurers) when BIC approves the Facultative reinsurance proposal	Hệ thống cung cấp tính năng gửi email cho đối tác (các nhà nhận tái) khi BIC duyệt phương án Tái tạm thời	M				
			Requirement to link to the function of Issuing insurance policies	Yêu cầu liên kết với chức năng Cấp đơn bảo hiểm					
		497	After the outward reinsurance plan is approved and the original insurance quotation slip is agreed by the customer - The system changes the status of the outward reinsurance quotation to Binding. - The system automatically-generates a reinsurance structure according to the approved Reinsurance proposal when the original insurance policy is issued (including both	Sau khi phương án nhượng tái được duyệt và bản chào bảo hiểm gốc được khách hàng đồng ý - Hệ thống chuyển trạng thái của bản chào phí nhượng tái bảo hiểm là Thành công (binding) - Hệ thống tự sinh cấu trúc tái bảo hiểm theo phương án Tái được duyệt khi đơn bảo hiểm gốc được cấp (bao gồm cả nhượng Tái cố định và nhượng Tái tạm thời)	M	5			

		<p>outward treaty reinsurance and outward facultative reinsurance)</p> <ul style="list-style-type: none"> - The system allows displaying the reinsurance structure for each insurance policy including treaty reinsurance and facultative reinsurance, according to the rate and XOL methods. The information includes outward reinsurance premium rate, outward reinsurance premium, outward reinsurance commission rate, outward reinsurance commissions, other expenses related to reinsurance such as: CIT, leading fee, Engineering fee, etc. - The system supports identifying and looking up groups of policies with accumulative risks and the same reinsurance structure - Support to automatically update the reinsurance structure, support cases where the reinsurance premium is different from the original premium, the reinsurance premium payment term is different from the original premium, the deduction level of the reinsurance is different from the original policy, the quantity and/or sub-limit of the inclusion terms of reinsurance is different from the original policy, and have the function of checking the reinsurance structure for cases that need to be controlled (defined by Underwriter) before transferring to accounting, the system supports the issuance of a set of an outward Reinsurance Slip & Statement of Account. - Transfer recognition of original revenue, outward reinsurance premium, outward reinsurance commissions, etc., (automatic transfer or click transfer is defined by the user for each type of product or amount, etc.) - The system also sends an email to partners (reinsurers) confirming the successful issuance of the insurance policy. The system has the function of supporting sending a set of an outward reinsurance slip and Statement of account that have been signed by competent authorities to partners via email. - The system has the function to remind and 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống cho phép hiển thị cấu trúc tái bảo hiểm cho từng đơn bảo hiểm bao gồm cả TBH cố định và TBH tạm thời, theo phương pháp tỷ lệ và XOL, thông tin gồm tỷ lệ phí nhượng tái, phí nhượng tái, tỷ lệ hoa hồng nhượng tái, hoa hồng nhượng tái, các chi phí khác liên quan đến TBH như: CIT, leading fee, Engineering fee, ... - Hệ thống hỗ trợ nhận diện, tra cứu nhóm các đơn tích tụ rủi ro có cùng cấu trúc TBH - Hỗ trợ tự động cập nhật cấu trúc TBH, hỗ trợ trường hợp phí tái khác phí gốc, thời hạn thanh toán phí tái khác phí gốc, mức khấu trừ của TBH khác đơn gốc, số lượng và/hoặc hạn mức phụ các điều khoản mở rộng của TBH khác đơn gốc, có chức năng kiểm tra cấu trúc TBH đối với các trường hợp cần kiểm soát (nghịệp vụ/TBH định nghĩa) trước khi chuyển sang kế toán, hệ thống hỗ trợ phát hành bộ hợp đồng nhượng TBH tạm thời (Reinsurance Slip & Statement of Account) - Chuyển ghi nhận doanh thu gốc, phí nhượng, hoa hồng nhượng tái, ... (việc chuyển ghi nhận tự động hay có thao tác bấm chuyên là do người dùng tự định nghĩa với từng loại sản phẩm hoặc số tiền, ...) - Hệ thống đồng thời gửi email cho đối tác (các nhà nhận tái) xác nhận việc đã cấp đơn bảo hiểm thành công. Hệ thống có chức năng hỗ trợ gửi bộ hợp đồng nhượng TBH tạm thời đã được cấp thẩm quyền ký cho các đối tác qua email. - Hệ thống có chức năng nhắc và cập nhật trạng thái các bộ hợp đồng nhượng TBH gửi đối tác cho đến khi nhận được đầy đủ chữ ký và chứng từ xác nhận từ đối tác - Hệ thống hỗ trợ phát hành hợp đồng nhượng TBH tạm thời cho từng đơn riêng lẻ và/hoặc gộp nhiều đơn bảo hiểm, các hồ sơ nhượng TBH tạm thời có thể trình ký điện tử/lưu trữ/in và/hoặc in ra ký tay), hợp đồng Tái tạm thời bao gồm không giới hạn các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công ty Nhượng tái bảo hiểm: BIC + Môi giới TBH/Công ty nhận TBH + Người được BH 					
--	--	---	---	--	--	--	--	--

		<p>update the status of sets of outward reinsurance slips and Statements of account sent to partners until full signatures and confirmation documents are received from the partner.</p> <p>- The system supports issuing outward reinsurance slips for each individual policy and/or combining multiple insurance policies. The set of outward reinsurance slip and Statement of account can be electronically signed/stored/printed and/or printed and signed by hand). A facultative reinsurance slip includes but is not limited to the following information:</p> <p>+ Ceding company: BIC</p> <p>+ Reinsurance broker/Reinsurer</p> <p>+ The insured person</p> <p>+ The insured subject</p> <p>+ Insurance location/insurance route</p> <p>+ Insurance period</p> <p>+ Sum Insured</p> <p>+ Deduction</p> <p>+ Insurance terms and conditions</p> <p>+ Insurance premium</p> <p>+ Original premium payment terms</p> <p>+ Payment method</p> <p>+ Reinsurance rate</p> <p>+ Reinsurance commission/other fees</p> <p>+ Other notes (if any)</p> <p>+ ...</p>	<p>+ Đối tượng được BH</p> <p>+ Địa điểm bảo hiểm/ tuyến đường bảo hiểm</p> <p>+ Thời hạn BH</p> <p>+ Số tiền bảo hiểm</p> <p>+ Mức khấu trừ</p> <p>+ Điều khoản, điều kiện BH</p> <p>+ Phí BH</p> <p>+ Điều khoản thanh toán phí gốc</p> <p>+ Hình thức thanh toán</p> <p>+ Tỷ lệ TBH</p> <p>+ Hoa hồng TBH/các khoản phí khác</p> <p>+ Các lưu ý khác (nếu có)</p> <p>+ ...</p>						
	498	Allows tracking reinsurance premium payment schedule information	Cho phép theo dõi thông tin lịch thanh toán phí tái bảo hiểm	M					
	499	When receiving the premium for the primary insurance policy, the system automatically creates accounting entries for revenue, expenses, and accounts payable corresponding to the information on reinsurance premiums, reinsurance commissions, and other income/expenses related to the insurance policy	Khi thu được phí bảo hiểm của đơn bảo hiểm gốc, hệ thống tự động tạo các bút toán về doanh thu - chi phí - công nợ tương ứng phát sinh từ thông tin phí nhượng tái bảo hiểm - hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - các khoản thu/chi khác trên đơn bảo hiểm	M					
	500	The system allows tracking, managing and reporting reinsurance liabilities (per policy) with unlimited reporting information fields: insurance policy number, reinsurance company code/name, insured subject, type, currency	Hệ thống cho phép theo dõi, quản lý và kết xuất báo cáo công nợ tái bảo hiểm (Theo đơn) không giới hạn trường thông tin báo cáo: số đơn bảo hiểm, mã/tên công ty tái bảo hiểm, đối tượng được bảo hiểm, loại hình, loại tiền,	M					

		501	The system sets up warnings for insurance policies with outward reinsurance premiums is greater than original premiums, and only allows closing the Reinsurance structure when approved by the competent authority.	Hệ thống thiết lập cảnh báo với đơn bảo hiểm có phí nhượng tái > phí gốc, và chỉ cho phép đóng cấu trúc Tái khi cấp thẩm quyền phê duyệt	M				
		502	The system allows approval of cases where outward reinsurance premium is greater than original premium is based on authority decentralization	Hệ thống cho phép phê duyệt các trường hợp phí nhượng tái > phí gốc dựa theo phân cấp thẩm quyền	M				
		503	The system allows integration with the electronic signing system at BIC, and allows electronic signing to issue Reinsurance slip simultaneously with SOA	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống ký điện tử tại BIC, cho phép ký điện tử để phát hành hợp đồng đồng thời với SOA	M				
		504	The system allows the simultaneous issuance of a Reinsurance slip and a Statement of Account (SOA) to the reinsurance company with the available information fields entered and the contractor tax field added (allow adjustment of tax rates according to regulations of the State of Vietnam from time to time). Once issued, the SOA is automatically emailed to the reinsurance company	Hệ thống cho phép phát hành đồng thời hợp đồng Tái bảo hiểm và Bản xác nhận thanh toán (Statement of Account - SOA) cho công ty nhận tái bảo hiểm với các trường thông tin sẵn có đã nhập và bổ sung trường thuế nhà thầu (cho phép điều chỉnh thuế suất theo quy định của Nhà nước Việt Nam theo từng thời kỳ). SOA sau khi được phát hành được gửi email tự động đến công ty nhận tái bảo hiểm	M				
			Fronting outward reinsurance	Nhượng tái chỉ định					
		505	The system provides a feature to differentiate the quotation of the insurance policy with Fronting outward reinsurance, and allows viewing detailed information about the Fronting reinsurer	Hệ thống cung cấp tính năng phân biệt bản chào đơn bảo hiểm có nhượng tái chỉ định. Cho phép xem chi tiết thông tin nhà tái được chỉ định.	M	1			
		506	In case the Fronting reinsurer does not exist in the partner list, the system allows users to add it right on the detailed information screen.	Trường hợp nhà tái chỉ định chưa tồn tại ở danh sách đối tác, hệ thống cho phép người dùng thêm ngay trên màn hình chi tiết thông tin	M				
		507	the system provides features to notify users of the Fronting outward reinsurance policies after the quotation of the original insurance policy is approved	Hệ thống cung cấp tính năng thông báo người dùng có đơn nhượng tái chỉ định sau khi bản chào đơn bảo hiểm gốc được duyệt	M				
		508	The system automatically generates the reinsurance structure according to the approved Reinsurance proposal (arrangement statement), a set of outward reinsurance contracts based on the information entered on the policy.	Hệ thống tự động sinh cấu trúc tái bảo hiểm theo phương án Tái bảo hiểm được duyệt (tờ trình nghiệp vụ thu xếp), bộ hợp đồng nhượng tái bảo hiểm dựa trên các thông tin đã nhập trên đơn	M				
			BIC's outward reinsurance on behalf of the co-insurer	BIC nhượng tái hộ Đồng bảo hiểm					

		509	the system provides features to distinguish insurance policies with outward reinsurance of co-insurer	Hệ thống cung cấp tính năng phân biệt đơn bảo hiểm có nhượng tái đồng bảo hiểm	M	1			
		510	The system provides a function that allows importing Reinsurance structures including but not limited to the following information: + BIC's co-insurance liability + Responsibilities of the co-insurer	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép nhập cấu trúc Tái bảo hiểm bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: + Trách nhiệm đồng bảo hiểm của BIC + Trách nhiệm của nhà đồng bảo hiểm	M				
			Co-insurer's outward reinsurance on behalf of BIC	Nhà đồng BH nhượng tái hộ BIC					
		511	The system provides features to differentiate insurance policies with co-insurer's outward reinsurance on behalf of BIC	Hệ thống cung cấp tính năng phân biệt đơn bảo hiểm có Nhà đồng BH nhượng tái hộ BIC	M	1			
		512	The system provides features to allow entering reinsurance structures according to the liability portion of BIC	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép nhập cấu trúc tái bảo hiểm theo phần trách nhiệm của BIC tham gia	M				
			Handle when there are endorsement	Xử lý khi có sửa đổi bổ sung					
		513	The system automatically calculates and updates the Reinsurance structure when there are a endorsement related to the original insurance policy/inward reinsurance policy: + Change insurance term + Change insurance value + Increase or decrease insurance premiums + Change Coinsurance rate + Change inward reinsurance rate + ...	Hệ thống tự động tính toán và cập nhật cấu trúc Tái bảo hiểm khi có sửa đổi bổ sung liên quan đơn bảo hiểm gốc/đơn nhận tái bảo hiểm: + Thay đổi thời hạn bảo hiểm + Thay đổi giá trị bảo hiểm + Tăng giảm phí bảo hiểm + Thay đổi tỷ lệ Đồng bảo hiểm + Thay đổi tỷ lệ nhận Tái bảo hiểm + ...	M	5			
		514	The system allows editing when there are no endorsement to the original insurance policy/inward reinsurance policy: editing due to user errors, etc. The system provides a feature to distinguish amendments with endorsement	Hệ thống cho phép sửa đổi khi không có sửa đổi bổ sung của đơn bảo hiểm gốc/đơn nhận tái bảo hiểm: sửa đổi do sai sót người dùng, ... Hệ thống cung cấp tính năng phân biệt với sửa đổi có endorsement	M				
		515	The system allows for adjustment of reinsurance structure according to phases for any reason (increasing or decreasing premium, changing insurance terms, etc.). For example, the insurance policy has a term: January 1 - December 31, the reinsurance structure of the periods: January 1 - March 31 and April 1 - December 31 is different.	Hệ thống cho phép điều chỉnh cấu trúc tái theo giai đoạn bởi bất cứ lý do nào (tăng giảm phí, thay đổi thời hạn bảo hiểm, ...). Ví dụ đơn bảo hiểm có thời hạn: 1/1-31/12, cấu trúc tái giai đoạn: 1/1 -31/3 và 01/4-31/12 khác nhau.	M				

		516	The system allows automatic/manual adjustment of reinsurance structure when risk accumulation is detected (clarified in the acumulative risk management module)	Hệ thống cho phép tự động/thủ công điều chỉnh cấu trúc tái khi phát hiện có tích tụ rủi ro. (được làm rõ ở module Quản lý rủi ro tích tụ)	M				
		517	The system automatically generates appendices of endorsement of the facultative reinsurance contract and SOA (if any)	Hệ thống tự động sinh ra các phụ lục sửa đổi bổ sung của hợp đồng Tái tạm thời và SOA (nếu có) khi có sửa đổi bổ sung	M				
		518	The system must save log for all change related to the reinsurance structure	Hệ thống phải lưu lịch sử việc sửa đổi bổ sung có liên quan tới cấu trúc tái	M				
			Inward reinsurance	Nhận tái bảo hiểm					
			Inward treaty reinsurance	Nhận tái cố định					
			Management of inward treaty reinsurance contracts	Quản lý hợp đồng nhận tái cố định					
		519	The system allows users to define product codes for inward treaty reinsurance	Hệ thống cho phép người dùng tự định nghĩa mã sản phẩm cho nhận tái bảo hiểm cố định	M	2			
		520	The system provides features for processing quotation and transactions (logging) with reinsurance cedents	Hệ thống cung cấp tính năng xử lý bản chào và giao dịch (ghi nhật ký) với bên nhượng tái bảo hiểm	M				
		521	The system allows propose for approval of the inward treaty reinsurance quotation slip including: inward reinsurance and outward reinsurance plan (if there is retrocession)	Hệ thống cho phép trình duyệt bản chào nhận tái cố định bao gồm: phương án nhận tái bảo hiểm, nhượng tái bảo hiểm (nếu có retrocession)	M				
		522	When the final quotation is approved and the cedent reissues the inward reinsurance contract, the system provides a feature that allows the user to update the inward treaty reinsurance policy (product code defined above). The system automatically creates reinsurance structures and issues outward reinsurance contracts (if any).	Khi bản chào cuối cùng được duyệt và nhà nhượng tái phát hành hợp đồng nhận TBH, hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng cập nhật đơn nhận tái bảo hiểm cố định (mã sản phẩm đã định nghĩa ở trên). Hệ thống tự động tạo cấu trúc tái bảo hiểm và phát hành hợp đồng nhượng tái bảo hiểm (nếu có)	M				
		523	The system provides the feature for users to record changes in inward treaty reinsurance contracts when the ceding company has requests for endorsement, adjustment of the reinsurance structure, or settlement of claim according to the steps as the original insurance policy. However, some information fields can be customized.	Hệ thống cung cấp tính năng cán bộ ghi nhận những thay đổi của hợp đồng nhận tái BH cố định khi bên công ty nhượng tái bảo hiểm có những yêu cầu sửa đổi bổ sung, điều chỉnh cấu trúc tái bảo hiểm, giải quyết bồi thường theo các bước như đơn bảo hiểm khai thác gốc. Tuy nhiên có tùy chỉnh một số trường thông tin.	M				
		524	The system manages the renewal of inward treaty reinsurance contracts and supports providing data statistics	Hệ thống quản lý tái tục hợp đồng nhận tái bảo hiểm cố định, hỗ trợ cung cấp thống kê số liệu	M				

		Implementation of treaty reinsurance contracts	Thực hiện hợp đồng TBH cố định					
525	Receive electronic SOA/SOL automatically from insurance companies/brokers or upload files manually to the system, and allow to propose for approval of competent authorities.	Nhận SOA/SOL điện tử tự động từ công ty/ môi giới bảo hiểm hoặc upload file thủ công vào hệ thống, cho phép trình duyệt các cấp thẩm quyền	M	2				
526	After the Statement of Acceptance (SOA) / Statement of Liability (SOL) for fixed reinsurance is approved, the system allows for creating, updating, or adjusting reinsurance policies based on the information in the SOA/SOL from the reinsurance company, including but not limited to: + Name of the reinsurer and the ceding company + Product name + Participation rate + Commission rate + Reporting period + Fees, commissions, and other expenses, if any + Reserve for claims + Claims payments	Sau khi SOA/SOL nhận Tái bảo hiểm cố định được duyệt, hệ thống cho phép tạo/cập nhật/ điều chỉnh bổ sung đơn bảo hiểm nhận tái dựa theo thông tin trên SOA,SOL của công ty nhượng tái bảo hiểm bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: + Tên nhà nhận, nhà nhượng + Tên sản phẩm + Tỷ lệ tham gia + Tỷ lệ Hoa hồng + Kỳ báo cáo + Phí, hoa hồng, các chi phí khác nếu có + Dự phòng bồi thường + Thanh toán bồi thường + ...	M					
527	If the reinsurance policy exceeds BIC's capacity and requires reinsurance cession, the system will apply the reinsurance process as it does for a regular insurance policy	Nếu Đơn bảo hiểm nhận tái vượt quá năng lực của BIC và cần nhượng tái bảo hiểm, hệ thống sẽ áp dụng quy trình nhượng tái bảo hiểm như một đơn bảo hiểm thông thường	M					
528	The system allows the issuance of SOA (statement of account)/ SOL (statement of loss) including Reinsurance premiums, commissions, brokerage fees, compensation, XOL recovery fees, etc., on the system.	Hệ thống cho phép phát hành SOA (statement of account)/ SOL (statement of loss) bao gồm phí Tái bảo hiểm, hoa hồng, môi giới phí, bồi thường, phí phục hồi XOL,... trên hệ thống.	M					
		Inward facultative reinsurance	Nhận tái tạm thời					
529	The system allows Reinsurance users to self-define products for inward facultative reinsurance based on the original insurance product.	Hệ thống cho phép cán bộ Tái bảo hiểm tự định nghĩa sản phẩm cho nhận tái bảo hiểm tạm thời dựa trên sản phẩm bảo hiểm gốc	M	3				
530	The system provides features to input information on the reinsurance quotation and import the reinsurance quotation file, creating reports based on the quotation and saving related records for management on the system. Information in the quotation that needs to be	Hệ thống cung cấp tính năng nhập thông tin bán chào Tái bảo hiểm và import file bán chào Tái bảo hiểm, tạo tờ trình dựa trên bán chào và lưu hồ sơ liên quan lên để quản lý trên hệ thống. Thông tin trong bán chào cần ghi nhận bao gồm không giới hạn các thông tin sau:	M					

			recorded includes, but is not limited to, the following information: - Name of the insured person - Insurance location - Business activities - Insurance amount, deduction level, insurance premium - Scope and conditions of insurance - Duration of insurance - Reinsurance quotation rate - Reinsurance commission - Risk information (risk assessment minutes) - Historical loss information - Other information -.....	- Tên người được bảo hiểm - Địa điểm bảo hiểm - Ngành nghề kinh doanh - Số tiền bảo hiểm, mức khấu trừ, phí bảo hiểm - Phạm vi, điều kiện bảo hiểm - Thời hạn bảo hiểm - Tỷ lệ chào TBH - Hoa hồng TBH - Thông tin về rủi ro (biên bản đánh giá rủi ro) - Thông tin về tổn thất quá khứ - Các thông tin khác -...					
		531	The system allows users to edit unlimited information received in the quotation/proposal	Hệ thống cho phép cán bộ sửa không giới hạn các thông tin nhận được ở bản chào/ tờ trình	M				
		532	The system allows users to save the status of the quotation in the following cases: + BIC agrees with the quotation slip + BIC rejects the quotation slip + Customer withdraws quotation slip + ..	Hệ thống cho phép cán bộ lưu trạng thái bản chào theo các trường hợp như sau: + BIC đồng ý với bản chào + BIC từ chối bản chào + Khách hàng rút bản chào + ..	M				
		533	The system manages the processing of quotation and transactions with partners in logging form	Hệ thống quản lý quá trình xử lý của bản chào và giao dịch với đối tác dưới dạng nhật ký	M				
		534	The system provides a warning feature if the sum insured of liability is greater than BIC's capacity. The Insurance user will arrange temporary for the excess liability retained according to the following optional options: + Outward treaty reinsurance + Outward facultative reinsurance + Combination of outward treaty reinsurance and outward facultative reinsurance (Compare according to the same principles as the original quotation described in the outward reinsurance section)	Hệ thống cung cấp tính năng cảnh báo nếu số tiền bảo hiểm thuộc trách nhiệm TBH lớn hơn năng lực của BIC. Ban TBH sẽ thu xếp TBH tạm thời tiếp đối với phần trách nhiệm vượt mức giữ lại theo các phương án tùy chọn như sau: + Nhượng tái cố định + Nhượng tái tạm thời + Kết hợp cả nhượng tái cố định và nhượng tái tạm thời (Đối chiếu theo nguyên tắc giống như bản chào gốc đã mô tả ở phần nhượng tái bảo hiểm)	M				
		535	The system provides features that allow checking and warning when the quotation is duplicated products and names of insurance objects with others	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép kiểm tra và cảnh báo khi bản chào bị trùng sản phẩm, tên đối tượng bảo hiểm.	M				

		536	The system provides features to create a temporary re-acceptance proposal and submit it to the competent authority for approval (with the function to decentralize approval authority), proposal includes but not limited to the following information: + Propose the rate of receiving compensation, commission for receiving compensation and terms and conditions of receiving compensation + Plan to arrange capacity to receive insurance + Economic efficiency analysis (this report is compiled by the user externally, the support system is attached for browser) + Reason for proposing the plan to receive compensation + Validity period of the confirmation + ...	Hệ thống cung cấp tính năng lập tờ trình nhận tái tạm thời và trình cấp thẩm quyền phê duyệt (có chức năng đề phân cấp thẩm quyền phê duyệt), tờ trình bao gồm không giới hạn các thông tin như sau: + Đề xuất tỉ lệ nhận TBH, hoa hồng nhận TBH và điều khoản, điều kiện nhận TBH + Phương án thu xếp năng lực nhận TBH + Phân tích hiệu quả kinh tế (báo cáo này do NSD tự soạn bên ngoài, hệ thống hỗ trợ đính kèm để trình duyệt) + Lý do đề xuất phương án nhận TBH + Thời hạn hiệu lực của bản xác nhận + ...	M				
		537	The system has the feature to manage the status of confirmed BIC quotation according to the validity period of the confirmation	Hệ thống có tính năng quản lý trạng thái các bản chào BIC đã xác nhận theo thời hạn hiệu lực của bản xác nhận	M				
		538	When rejecting a quotation: the system provides the feature to record the reason for rejection and save the file	Khi từ chối bản chào: hệ thống cung cấp tính năng ghi lại lý do từ chối và lưu hồ sơ	M				
		539	When accepting the quotation: The system automatically transfers information to the inward reinsurance policy issuance section. The inward reinsurance policy information will be the same as the original underwriting screen (some fields can be customized). The system provides the feature to distinguish the inward facultative reinsurance policy. The system allows to look up/view information about the ceding company, BIC's participation rate, commissions, premium, etc.	Khi đồng ý bản chào: Hệ thống tự động chuyển thông tin tới phần cấp đơn bảo hiểm nhận tái. Thông tin đơn bảo hiểm nhận tái sẽ giống màn hình khai thác gốc (có thể tùy chỉnh một số trường). Hệ thống cung cấp tính năng phân biệt đơn nhận tái tạm thời. Hệ thống cho phép tra cứu/ xem thông tin về công ty nhượng tái, tỉ lệ tham gia của BIC, hoa hồng, phí, ...	M				
		540	The system allows tracking, managing and reporting approved insurance policies on the system with unlimited information fields: insurance policy number, insured person information, insurance type, payment schedule, insurance term, managed object code, managed object name, currency, insurance amount, insurance premium, reinsurance premium, etc.	Hệ thống cho phép theo dõi, quản lý và kết xuất báo cáo đơn bảo hiểm đã được phê duyệt trên hệ thống không giới hạn các trường thông tin: số đơn bảo hiểm, thông tin người được bảo hiểm, loại hình bảo hiểm, lịch thanh toán, thời hạn bảo hiểm, mã đối tượng quản lý, tên đối tượng quản lý, loại tiền, số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm, phí tái bảo hiểm,...	M				

	541	The system allows adding unlimited financial information fields: inward reinsurance premium- inward reinsurance commission – inward reinsurance broker commission (in case the inward reinsurance policy is performed through a broker) - technical fee - evaluation fee risks before granting a policy	Hệ thống cho phép bổ sung và không giới hạn các trường thông tin tài chính: phí nhận - hoa hồng nhận - hoa hồng môi giới nhận tái (trường hợp đơn nhận tái khai thác qua môi giới) - phí kỹ thuật - phí đánh giá rủi ro trước khi cấp đơn	M				
	542	The system allows integration with the electronic signing system at BIC to allow electronic signing of SOA and insurance contracts	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống ký điện tử tại BIC cho phép ký điện tử SOA, hợp đồng bảo hiểm	M				
	543	The system must manage the status of the Statement of Account (SOA) including but not limited to different statuses: + Not yet issued + Issued, sent to partners + Waiting for partner's confirmation + Confirmed + ...	Hệ thống phải quản lý được trạng thái các bản xác nhận thanh toán (SOA) bao gồm không giới hạn các trạng thái khác nhau: + chưa phát hành + đã phát hành, đã gửi đối tác + Chờ đối tác xác nhận + Đã xác nhận + ...	M				
	544	The system must be able to manage policy statuses including but not limited to: premium collected, premium not yet collected, etc.	Hệ thống phải quản lý được các trạng thái của đơn bao gồm nhưng không giới hạn: đã thu phí, chưa thu phí, ...	M				
	545	The system allows the issuance of a Statement of Account (SOA) to the ceding company with available information fields of the insurance policy entered and the contractor tax fields added (allowing for adjustment of tax rates according to regulations of the State of Vietnam from time to time). Once issued, the SOA is automatically emailed to the ceding company	Hệ thống cho phép phát hành Bản xác nhận thanh toán (Statement of Account - SOA) cho công ty nhượng tái bảo hiểm với các trường thông tin sẵn có của đơn bảo hiểm đã nhập và bổ sung trường thuế nhà thầu (cho phép điều chỉnh thuế suất theo quy định của Nhà nước Việt Nam theo từng thời kỳ). SOA sau khi phát hành được gửi email tự động đến công ty nhượng tái bảo hiểm	M				
	546	The system manages and monitors debt age based on the payment schedule of inward reinsurance policies, provides SOA issuance warnings and payment warnings for insurance policies that are about to/have reached the payment period.	Hệ thống quản lý, theo dõi tuổi nợ căn cứ theo lịch thanh toán của đơn nhận tái bảo hiểm, đưa ra cảnh báo phát hành SOA và thanh toán đối với các đơn bảo hiểm sắp/đã đến kỳ thanh toán	M				
	547	The system sets up a warning when an inward reinsurance policy has an insurance term that is not in the same year as the current fiscal year.	Hệ thống thiết lập cảnh báo khi đơn nhận tái bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm phát sinh không cùng năm với năm tài chính hiện tại	M				
	548	The system allows storing unlimited documents for each service: SOA, reinsurance quotation	Hệ thống cho phép lưu trữ tài liệu không giới hạn tài liệu theo từng dịch vụ: SOA, bản chào	M				

		slip, report, communication emails, etc., of inward reinsurance policies.	tái, tờ trình, email trao đổi ... của đơn nhận tái bảo hiểm					
		Claim inward reinsurance policy	Xử lý bồi thường nhận TBH					
		Claim Inward treaty reinsurance	Bồi thường nhận TBH cố định					
	549	with a loss smaller than the limit specified in the inward treaty reinsurance contract for immediate claim - cash loss: The system allows to receive Claim Bordereaux from outside (created or imported) and offset with inward reinsurance premium and inward reinsurance commission	với tổn thất nhỏ hơn hạn mức quy định của hợp đồng nhận TBH cố định về bồi thường trả ngay - cash loss: Hệ thống cho phép nhận bảng kê yêu cầu bồi thường từ bên ngoài (nhập thay hoặc import lên) và thanh toán đối trừ với phí nhận TBH và hoa hồng nhận TBH	M	2			
	550	with a loss greater than the limit specified in the inward treaty reinsurance contract for immediate compensation - cash loss: The system allows to receive Claim Bordereaux from outside (filled on behalf of or imported) and remind the reinsurance user about the need to collect additional related documents to submit to competent authorities for approval	với tổn thất lớn hơn hạn mức quy định của hợp đồng nhận TBH cố định về bồi thường trả ngay - cash loss: Hệ thống cho phép nhận bảng kê yêu cầu bồi thường từ bên ngoài (nhập thay hoặc import lên) và nhắc nhở cán bộ TBH về việc cần phải thu thập thêm các chứng từ liên quan để trình cấp thẩm quyền phê duyệt	M				
		Claim Processing	Lập hồ sơ khiếu nại					
	551	The system allows users to create claims based on receiving loss information	Hệ thống cho phép cán bộ lập hồ sơ khiếu nại dựa trên tiếp nhận thông tin tổn thất	M	3			
	552	The system automatically generates compensation file numbers. The Reinsurance claim file number is defined by the user to distinguish it from the facultative reinsurance claim file and the original claim record (normal claim). Distinguish between periodic claim and cashcall claim	Hệ thống tự sinh số hồ sơ bồi thường. Số hồ sơ khiếu nại của Tái bảo hiểm được người dùng tự định nghĩa để phân biệt với hồ sơ bồi thường nhận tái tạm thời và hồ sơ bồi thường gốc. Phân biệt bồi thường theo định kỳ và bồi thường theo cashcall	M				
	553	The system allows to book reserve	Hệ thống cho phép lập dự phòng bồi thường	M				
	554	The system allows importing a Statement of Account (SOA) along with periodic Claim Bordereaux from the ceding company.	Hệ thống cho phép nhập chứng từ thu đòi bồi thường (SOA) cùng bảng kê bồi thường định kỳ từ công ty nhượng TBH	M				
	555	The system automatically calculates the amount of compensation receivable according to the reinsurance structure declared in the treaty slip (in case of retrocession).	Hệ thống tự động tính toán số tiền bồi thường phải thu đòi theo cấu trúc TBH đã được kê khai tại hợp đồng TBH cố định (trường hợp có retrocession)	M				
	556	The system warns if the compensation amount exceeds the specified limit of the terms	Hệ thống nhắc nhở nếu số tiền bồi thường vượt quá mức quy định của điều khoản	M				
		Propose for claim reserve and settlement	Trình duyệt dự phòng bồi thường và phương án giải quyết					

		557	The system supports creating proposal at all levels. The proposal information includes: + Propose for claim reserve and settlement + Claim Bordereaux + Confirmation for SOA	Hệ thống hỗ trợ tạo tờ trình các cấp, thông tin tờ trình bao gồm: + Tờ trình dự phòng bồi thường, phương án giải quyết (soạn theo mẫu TBH gửi) + Bảng kê bồi thường định kỳ của từng năm khai thác + Xác nhận bồi thường của công ty nhận TBH	M	1			
		558	The system provides the ability to propose for approval of authority levels: users themselves define the approval authority level	Hệ thống cung cấp khả năng trình duyệt các cấp thẩm quyền: người dùng tự định nghĩa cấp thẩm quyền phê duyệt	M				
		559	After the proposal is approved, the system allows reinsurance users to issue a Statement of Loss (SOL), or integrate it into the same SOA if there are reinsurance premiums or reinsurance commissions. The system allows automatic email sending to the ceding companies and reinsurance brokers	Sau khi tờ trình được duyệt, hệ thống cho phép cán bộ TBH phát hành chứng từ xác nhận bồi thường (SOL), hoặc tích hợp trong cùng 1 SOA nếu có phát sinh phí TBH, hoa hồng TBH. Hệ thống cho phép gửi email tự động đến công ty nhượng tái bảo hiểm và môi giới Tái bảo hiểm	M				
		560	The system allows submitting SOA and SOL to competent authorities to be electronically signed	Hệ thống cho phép trình ký SOA, SOL điện tử tới các cấp thẩm quyền	M				
		561	After electronically signing, the system automatically sends emails or supports printing/exporting files to send to the ceding company or reinsurance broker.	Sau khi ký điện tử, hệ thống tự động gửi thư điện tử hoặc hỗ trợ in file/ xuất file gửi cho bên nhượng TBH hoặc môi giới Tái bảo hiểm	M				
		562	The system has reminders for users in case of retrocession to urge the retrocession reinsurance company to issue and return SOL to BIC.	Hệ thống có nhắc nhở cho người dùng trong trường hợp có retrocession phải đốc thúc công ty nhận TBH retrocession phát hành và gửi lại chứng từ xác nhận bồi thường cho BIC	M				
		Claim Inward facultative reinsurance		Bồi thường nhận TBH tạm thời					
		563	The system allows users to enter loss information received from the ceding company	Hệ thống cho phép người dùng nhập thông tin tổn thất tiếp nhận được từ công ty nhượng tái bảo hiểm	M	3			
		564	The system allows to propose the received loss information to the leader for approval	Hệ thống cho phép trình duyệt cấp lãnh đạo thông tin tổn thất tiếp nhận	M				
		565	The system allows creating claim records from the received loss information	Hệ thống cho phép tạo hồ sơ khiếu nại từ thông tin tổn thất tiếp nhận	M				
		566	The system automatically calculates the amount to be compensated based on the reinsurance structure on the inward facultative reinsurance policy	Hệ thống tự động tính toán số tiền cần phải bồi thường dựa trên cấu trúc tái trên đơn bảo hiểm nhận TBH tạm thời	M				
		567	The system automatically checks the reinsurance structure corresponding to the time the loss occurs	Hệ thống tự động kiểm tra cấu trúc tái tương ứng với thời gian phát sinh tổn thất	M				

		568	The system provides features that allow users to send for approval of compensation provisions and compensation plans	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép NSD trình duyệt dự phòng bồi thường, phương án bồi thường	M	3			
		569	The system allows automatic accounting and recording of corresponding provisions - expenses after the claim reserve is approved	Hệ thống cho phép hạch toán tự động ghi nhận dự phòng - chi phí tương ứng sau khi khoản dự phòng bồi thường được phê duyệt	M				
		570	After the proposal is approved, the system allows users to issue a Statement of Loss (SOL), or integrate it into the same SOA if there are reinsurance premiums or reinsurance commissions. The system allows automatic email sending to the ceding company	Sau khi tờ trình được duyệt, hệ thống cho phép người dùng phát hành chứng từ xác nhận bồi thường (SOL), hoặc tích hợp trong cùng 1 SOA nếu có phát sinh phí TBH, hoa hồng TBH. Hệ thống cho phép gửi email tự động đến công ty nhượng tái bảo hiểm	M				
		571	The system allows integrating the electronic signing system at BIC to submit SOA and SOL to competent authorities to be electronically signed.	Hệ thống cho phép tích hợp hệ thống ký điện tử ở BIC để trình ký SOA, SOL điện tử tới các cấp thẩm quyền	M				
		572	After electronically signing, the system automatically sends an email or supports printing/ exporting files to send to the ceding company.	Sau khi ký điện tử, hệ thống tự động gửi thư điện tử hoặc hỗ trợ in file/ xuất file gửi cho bên nhượng TBH	M				
		573	Management system, tracks debt age based on payment approval date, issues SOL issuance warnings for compensation documents after approval	Hệ thống quản lý, theo dõi tuổi nợ căn cứ theo ngày phê duyệt thanh toán, đưa ra cảnh báo phát hành SOL đối với các hồ sơ bồi thường sau khi được phê duyệt	M				
			Claim for original policy/inward reinsurance policy with retrocession	Bồi thường đơn gốc/đơn nhận tái phát sinh nhượng tái bảo hiểm					
		574	The system allows unlimited attachments of documents including: statements, email, etc., of inward reinsurance claim documents.	Hệ thống cho phép đính kèm không giới hạn tài liệu bao gồm: tờ trình, email trao đổi, ... của hồ sơ bồi thường nhận tái bảo hiểm	M				
		575	The system allows tracking information on document generation date, sending date, and reinsurance payment approval date	Hệ thống cho phép theo dõi thông tin ngày phát sinh chứng từ, ngày gửi, ngày phê duyệt thanh toán tái bảo hiểm	M				
		576	Monitor, manage and produce reinsurance debt reports (According to compensation document /insurance policy) with unlimited reporting information fields: claim document number, insurance policy number, company code/reinsurer name, insured subjects, type, currency	Theo dõi quản lý và kết xuất báo cáo công nợ tái bảo hiểm (Theo HSBT/đơn bảo hiểm) không giới hạn trường thông tin báo cáo: số Hồ sơ bồi thường (HSBT), số đơn bảo hiểm, mã/tên công ty tái bảo hiểm, đối tượng được bảo hiểm, loại hình, loại tiền,	M				
		577	Allow the issuance of a Statement of Loss (SOL) to the reinsurer with the available information fields entered when the claim document is approved for payment.	Cho phép phát hành Bản xác nhận thanh toán (Statement of Loss - SOL) cho công ty nhận tái bảo hiểm với các trường thông tin sẵn có đã nhập khi HSBT được phê duyệt thanh toán.	M				

		578	The system allows integration with the electronic signing system at BIC. After the SOA is electronically signed, the system automatically creates accounting entries and transfers debt management according to the application at the branch issuing the application to debt management according to the application. SOA at Headquarters	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống ký điện tử tại BIC , sau khi SOA được ký điện tử hệ thống tự động tạo bút toán kế toán và chuyển quản lý công nợ Theo đơn tại chi nhánh cấp đơn sang quản lý công nợ Theo SOA tại Trụ sở chính	M				
		579	The system manages and tracks debt age based on payment approval date, and issues SOL issuance warnings for compensation documents after approval.	Hệ thống quản lý, theo dõi tuổi nợ căn cứ theo ngày phê duyệt thanh toán, đưa ra cảnh báo phát hành SOL đối với các hồ sơ bồi thường sau khi được phê duyệt	M				
		580	The system allows tracking and managing the debt collection after reinsurance claim according to each reinsurance company behind in the case of BIC ceding through a broker + The system automatically updates the total claim collection through the broker, supports the issuance and payment of SOL according to the broker + The system automatically updates the detailed claim collection of each reinsurance company through the broker, manages and generates tracking reports when requested	Hệ thống cho phép theo dõi và quản lý công nợ thu đòi sau bồi thường nhượng tái theo từng công ty nhận tái bảo hiểm đứng sau đối với trường hợp BIC nhượng tái qua môi giới + Hệ thống tự động cập nhật thu đòi bồi thường tổng qua công ty môi giới, hỗ trợ phát hành và thanh toán SOL theo công ty môi giới + Hệ thống tự động cập nhật thu đòi bồi thường chi tiết từng công ty nhận tái bảo hiểm qua môi giới, quản lý và kết xuất báo cáo theo dõi khi có yêu cầu	M				
		581	The system allows monitoring and management of claim debts for cases where BIC reinsure for the co-insurer, including: + The system automatically calculates the amount of claim collected from the reinsurer, allowing the issuance of SOL for the BIC's part of the liability to the reinsurer + The system supports payment of claim amounts for BIC reinstates to the co-insurer, integrated with the claim record	Hệ thống cho phép theo dõi và quản lý công nợ bồi thường đối với trường hợp BIC tái hộ công ty đồng bảo hiểm bao gồm: + Hệ thống tự động tính toán số tiền thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm từ công ty nhận tái bảo hiểm, cho phép phát hành SOL phân trách nhiệm của BIC cho công ty nhận tái bảo hiểm + Hệ thống hỗ trợ thanh toán số tiền bồi thường BIC tái hộ cho nhà đồng bảo hiểm tích hợp với bồi thường đơn gốc	M				
			Management of outward reinsurance compensation recovery	Quản lý thu đòi bồi thường nhượng Tái bảo hiểm					
		582	The system automatically calculates the amount that needs to be recovered from each Reinsurer according to the reinsurance structure at the time the loss occurred.	Hệ thống tự động tính toán số tiền cần phải thu đòi từng nhà Tái Bảo hiểm theo cấu trúc tái bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất	M	2.5			
		583	the system provides features to update the Claim settlement process (related documents) in case the insurance policy has outward	Hệ thống cung cấp chức năng cập nhật quá trình giải quyết bồi thường (hồ sơ liên quan) trong trường hợp đơn bảo hiểm có Nhượng tái	M				

			facultative reinsurance, Cash Call or XOL or all three.	bảo hiểm tạm thời hoặc Cash Call hoặc XOL hoặc cả ba					
		584	The system allows recording the communication process among relevant parties during reinsurance claims collection and provides a function to confirm that all documents for ceded claim recovery have been received from the relevant parties.	Hệ thống cho phép ghi nhận quá trình trao đổi giữa các Bên liên quan trong quá trình thu đòi TBH, có chức năng cho phép xác nhận đã nhận đủ hồ sơ thu đòi bồi thường nhượng tái từ các bên liên quan	M				
		585	the system provides features to update the compensation settlement process (related documents) in case the insurance policy has XOL collection (XOL recovery fee, estimated premium payment and actual payment).	Hệ thống cung cấp chức năng cập nhật quá trình giải quyết bồi thường (hồ sơ liên quan) trong trường hợp đơn bảo hiểm có thu đòi XOL (phí phục hồi XOL, dự trả phí và thực trả)	M				
		586	The system allows the issuance of SOAs to collect from reinsurance/brokerage companies (periodically for outward treaty reinsurance contracts, issued immediately for outward facultative reinsurance contracts/ cashcall/ XOL).	Hệ thống cho phép phát hành các SOA để thu đòi công ty nhận tái bảo hiểm/ môi giới (theo định kỳ đối với hợp đồng nhượng tái cố định, phát hành ngay đối với hợp đồng nhượng tái tạm thời/ cashcall/ XOL)	M				
		587	For inward treaty reinsurance claim (with retrocession), the system automatically generates SOA integrating premiums, commissions, and compensation (if any).	Trường hợp bồi thường nhận tái cố định (có retrocession), hệ thống tự động phát sinh SOA tích hợp cả phí, hoa hồng, bồi thường (nếu có)	M				
		588	The system allows automatic accounting of related SOAs	Hệ thống cho phép tự động hạch toán các SOA liên quan	M				
			Recovery management of XOL treaty reinsurance contract	Quản lý thu đòi hợp đồng tái bảo hiểm cố định XOL					
			For XOL Recovery: per risk	Đối với các tổn thất thu đòi XOL riêng lẻ (per risk):					
		589	The system allows to identify which XOL contract a loss belongs to, which year it is based on the date the loss occurred. The system automatically calculates the recovery amount and XOL recovery fee according to the data on the original claim document.	Hệ thống cho phép nhận diện tổn thất có thuộc hợp đồng XOL nào, theo năm nào căn cứ vào ngày xảy ra tổn thất. Hệ thống tự động tính toán số tiền thu đòi và phí phục hồi XOL theo số liệu trên hồ sơ bồi thường gốc.	M	3			
		590	The system allows automatic accounting and recording of recovery amounts and XOL recovery fees when the claim proposal is approved and the SOL is issued.	Hệ thống cho phép tự động hạch toán ghi nhận số tiền thu đòi và phí phục hồi XOL khi phương án bồi thường được phê duyệt và phát hành SOL	M				
		591	The system allows issuing SOAs to collect XOL and pay XOL recovery fees with reinsurers/reinsurance brokers.	Hệ thống cho phép phát hành các SOA để thu đòi XOL và thanh toán phí phục hồi XOL với các nhà tái/môi giới tái	M				

		592	The system allows automatic accounting of SOAs related to XOL collection, allowing payment of all SOA or partial SOA	Hệ thống cho phép tự động hạch toán các SOA liên quan đến thu đòi XOL, cho phép thanh toán toàn bộ SOA hoặc từng phần SOA	M				
			For XOL recovery losses per event:	Đối với các tổn thất thu đòi XOL theo sự kiện (per event):					
		593	The system allows calculating and recording the recovery amount and XOL recovery fee when the claim proposal is approved for each claim document belonging to the same event and for each claim document.	Hệ thống cho phép tính toán và ghi nhận số tiền thu đòi và phí phục hồi XOL khi phương án bồi thường được phê duyệt các từng hồ sơ bồi thường thuộc cùng 1 sự kiện và cho từng hồ sơ bồi thường	M	3			
		594	The system allows recording and notifying users of recovery amounts and XOL recovery fees when recording original claim data (both claim reserve status and claim payment status) for both events and for each claim documents, and create detailed lists with information in the original claim and inward reinsurance claim documents	Hệ thống cho phép ghi nhận và thông báo tới người dùng số tiền thu đòi và phí phục hồi XOL khi ghi nhận số liệu bồi thường gốc (cả trạng thái dự phòng bồi thường và thanh toán bồi thường) cho cả sự kiện và cho từng hồ sơ bồi thường và tạo danh sách chi tiết với các thông tin trong hồ sơ bồi thường gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm	M				
		595	The system has the function of issuing SOA to recovery claim for XOL contracts and pay XOL recovery fees with reinsurers/reinsurance brokers per event (attach a detailed list)	Hệ thống có chức năng phát hành SOA để thu đòi bồi thường cho các hợp đồng XOL và thanh toán phí phục hồi XOL với các nhà tái/môi giới tái theo sự kiện (đính kèm thêm danh sách chi tiết)	M				
		596	The system allows automatic accounting of recovery -related SOAs for XOL contracts, allowing payment of all SOA or partial SOA	Hệ thống cho phép tự động hạch toán các SOA liên quan đến thu đòi cho các hợp đồng XOL, cho phép thanh toán toàn bộ SOA hoặc từng phần SOA	M				
			Management of SOA, SOL	Quản lý SOA, SOL					
		597	The system provides features that allow identification of SOA and SOL for Vietnamese and foreign partners: + Determine which country the partner is based on the company address in the reinsurance company management section + For foreign partners: The system automatically manages additional CIT tax information	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép nhận diện SOA, SOL cho đối tác Việt Nam và nước ngoài: + Xác định đối tác nước nào dựa trên địa chỉ công ty tại phần quản lý công ty tái bảo hiểm + Với đối tác nước ngoài: Hệ thống tự động quản lý thêm thông tin thuế CIT	M	1			
			Function of supporting to prepare Reinsurance payment statements	Chức năng hỗ trợ lập bảng kê thanh toán Tái bảo hiểm					
		598	The system supports synthesizing information on outward reinsurance premiums and outward reinsurance commissions for each subject/ reinsurance contract to support the automatic	Hệ thống hỗ trợ tổng hợp các thông tin phí bảo hiểm nhượng tái, hoa hồng nhượng tái theo từng đối tượng/ hợp đồng nhượng tái bảo hiểm để hỗ trợ việc tự động gửi/xuất bảng kê thanh	M	3			

			<p>sending/exporting of periodic payment statements according to BIC's needs. Payment statement information includes, without limitation, the following information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Contract name/Contract number - Insurance policies: list of insurance policies arising during the period - Insurance premiums - Outward reinsurance premium - Payment method - ... 	<p>toán định kỳ theo nhu cầu BIC. Thông tin bảng kê thanh toán bao gồm không giới hạn các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên hợp đồng/mã hợp đồng - Đơn bảo hiểm: danh sách các đơn bảo hiểm có phát sinh trong kỳ - Phí bảo hiểm - Hoa đồng nhượng tái bảo hiểm - Hình thức thanh toán - ... 					
		599	The system provides features that allow looking up inward reinsurance/outward reinsurance/compensation transactions based on unlimited information about partners, products, forms of exploitation, etc.	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép tra cứu các giao dịch nhận/ nhượng/ bồi thường theo các thông tin không giới hạn đối tác, sản phẩm, hình thức khai thác, ...	M	1			
		600	If the contractor has another solution for the Reinsurance system, the contractor is requested to present in detail the functions in the solution.	Nếu nhà thầu có giải pháp khác cho phân hệ Tái bảo hiểm, đề nghị nhà thầu trình bày chi tiết các chức năng trong giải pháp.	O	5			Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
5. Sale Management/ Quản lý kinh doanh	5.1. Sales & Distribution/ Kinh doanh và phân phối		BROKER INFORMATION MANAGEMENT	Quản lý thông tin môi giới					
			Establish principles according to enacted laws	Thiết lập các nguyên tắc theo luật ban hành					
		601	<p>The system must allow the setting of commission rate limits for brokers in comply with government regulations (refer to the definition of Level 1 limit at ID 132):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Maximum commission rate - Effective period - Source reference for the regulation 	<p>Hệ thống phải cho phép thiết lập hạn mức tỷ lệ phí hoa hồng cho môi giới theo quy định của nhà nước (tham chiếu định nghĩa hạn mức cấp 1 tại ID 132)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức tỷ lệ phí tối đa - Thời gian hiệu lực - Trích dẫn nguồn quy định 	M	1.5			
		602	<p>The system must allow setting the deadline for payment of commission fees to brokers according to state regulations</p> <ul style="list-style-type: none"> - Maximum number of days from the date of receipt of insurance premium - Effective time - Cite regulatory sources ... 	<p>Hệ thống phải cho phép thiết lập thời hạn thanh toán phí hoa hồng cho môi giới theo quy định của nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số ngày tối đa kể từ ngày nhận được phí bảo hiểm - Thời gian hiệu lực - Trích dẫn nguồn quy định ... 	M	0.5			
		603	The system saves information about editing history and versions of setting rules	Hệ thống lưu thông tin thông tin lịch sử chỉnh sửa, phiên bản các nguyên tắc thiết lập	M	0.5			
			The system allows management of broker information	Hệ thống cho phép quản lý thông tin môi giới					

		604	<p>The system allows to search/ view/ add/ edit/ delete broker information including but not limited to:</p> <ul style="list-style-type: none">- Broker code: Automatically generated in accordance with the rules established by BIC.- Vietnamese name, English name, abbreviation name, transaction name- Head office: Address, Province/City- Legal form (for example: Two-member limited liability company)- Area of operation- Business license: number, license term (start date, end date) - file attachment allowed- Phone number- Representative information: Representative name, gender, etc.- Economic information: tax code, account number, bank, bank address- Contact information: Contact name, Contact address, Landline, Mobile, Email address- Display order <p>(*) The system provides features to standardize broker lists, use tax code information for identification, and warn when entering duplicates.</p> <p>For example, automatically write in uppercase or capitalize each word of the broker's name</p>	<p>Hệ thống cho phép tìm kiếm/ xem/ thêm mới/ sửa/ xóa thông tin môi giới bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mã môi giới: tự sinh theo quy tắc của BIC đặt ra- Tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, tên viết tắt, tên giao dịch- Trụ sở chính: Địa chỉ, Tỉnh/ Thành phố- Hình thức pháp lý (ví dụ: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên)- Địa bàn hoạt động- Giấy phép kinh doanh: số, hạn giấy phép (ngày bắt đầu, ngày kết thúc) - cho phép đính kèm file- Điện thoại- Thông tin đại diện: Tên người đại diện, giới tính, ...- Thông tin kinh tế: mã số thuế, số tài khoản, Ngân hàng, Địa chỉ ngân hàng- Thông tin liên hệ: Tên người liên hệ, Địa chỉ liên hệ, Điện thoại cố định, Điện thoại di động, Địa chỉ email- Thứ tự hiển thị <p>(*) Hệ thống cung cấp tính năng chuẩn hóa danh sách nhà môi giới, sử dụng thông tin mã số thuế để định danh, cảnh báo khi nhập trùng lặp.</p> <p>Ví dụ: tự động viết in hoa toàn bộ hoặc in hoa các kí tự đầu của tên môi giới</p>	M	2			
		605	<p>The system allows searching and viewing information on reports and agreements related to brokers</p> <p>(*) A broker can have many brokerage agreements</p>	<p>Hệ thống cho phép tra cứu và xem thông tin các tờ trình, thỏa thuận liên quan đến môi giới.</p> <p>(*) Một môi giới có thể có nhiều thỏa thuận môi giới</p>	M				
		606	<p>The system allows viewing and looking up the list of insurance contracts/policies operated through brokers according to the selected time. Displayed information includes but is not limited to:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Policynumber, Insurance product, Operator, Policy date, etc.+ Currency+ premium information: premium,	<p>Hệ thống cho phép xem và tra cứu danh sách các hợp đồng/ đơn bảo hiểm khai thác qua môi giới theo thời gian lựa chọn, thông tin hiển thị bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Số hợp đồng, Sản phẩm bảo hiểm, Khai thác viên, Ngày cấp đơn, ...+ Đơn vị tiền tệ+ Thông tin phí bảo hiểm: Phí bảo hiểm, VAT(%), Phí bảo hiểm có VAT, Tổng tiền	M				

			VAT(%),premium inclusive of VAT, Total amount paid by customers, Total amount not paid by customers, etc. + Commission information: Commission rate, Commission amount, VAT(%), Total commission inclusive of VAT, etc. + ...	khách hàng đã thanh toán, Tổng tiền khách hàng chưa thanh toán, ... + Thông tin về hoa hồng: Tỷ lệ hoa hồng, Thành tiền hoa hồng, VAT(%), Tổng tiền hoa hồng có VAT, ... + ...					
	607	The system allows storing/viewing and looking up historical information for the entire process of creating/updating broker information including but not limited to: - Operation - Update time - Operator	Hệ thống cho phép lưu trữ/ xem và tra cứu thông tin lịch sử toàn bộ quá trình tạo mới/ cập nhật thông tin môi giới bao gồm nhưng không giới hạn: - Thao tác - Thời gian cập nhật - Người thao tác	M					
		The system allows management of brokerage agreements	Hệ thống cho phép quản lý thỏa thuận môi giới						
	608	The system allows to manage (search/ view/ add /edit/ delete) information on cooperation agreements with brokers, including but not limited to the following information: - Agreement number - Broker information: Broker code, broker name, etc. - Signing date - Type of broker: origin broker/origin broker and reinsurance broker - Agreement validity - Regulations on commission rates (level 2 limit-refer to ID 134): allow entering specific rates or selecting "Regulate according to each insurance policy to meet state regulations" - Information about allowing fee deductions - Files attached - Payment schedule ...	Hệ thống cho phép quản lý (tìm kiếm/ xem/ thêm mới/ sửa/ xóa) thông tin thỏa thuận hợp tác với môi giới bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - Số thỏa thuận - Thông tin môi giới: Mã môi giới, tên môi giới,... - Ngày ký kết - Loại môi giới: môi giới gốc/ môi giới gốc và môi giới tái bảo hiểm - Hiệu lực thỏa thuận - Quy định tỷ lệ hoa hồng (hạn mức cấp 2- tham chiếu định nghĩa tại ID 134): cho phép nhập tỷ lệ cụ thể hoặc chọn "Quy định theo từng hợp đồng bảo hiểm đáp ứng tuân thủ quy định nhà nước" - Thông tin về việc cho phép đối trừ phí - Đính kèm file - Lịch thanh toán ...	M	1				
	609	The system issues a warning and prevents saving when the following cases occur: - Regulations on commission rates exceeding the commission rate limit for brokers according to established government regulations (refer to level 1 limit ID 132). - Regulations on the maximum number of days	Hệ thống cảnh báo và không cho lưu khi xảy ra các trường hợp: - Quy định về tỷ lệ hoa hồng vượt hạn mức tỷ lệ phí hoa hồng cho môi giới theo quy định của nhà nước (tham chiếu định nghĩa hạn mức cấp 1 tại ID 132) được thiết lập - Quy định về số ngày tối đa kể từ ngày nhận	M					

			from the date of receipt of insurance premium according to established government regulations.	được phí bảo hiểm theo quy định nhà nước được thiết lập					
			Submit for approval of brokerage agreement	Trình duyệt thỏa thuận môi giới					
		610	The system allows configuration of authority hierarchy to submit/approve/reject brokerage agreements	Hệ thống cho phép cấu hình phân cấp thẩm quyền trình/ duyệt/ từ chối thỏa thuận môi giới	O	1			
		611	The system allows submitting/ approving/ rejecting brokerage agreements according to authority hierarchy settings	Hệ thống cho phép trình/ duyệt/ từ chối thỏa thuận môi giới theo thiết lập phân cấp thẩm quyền	O				
		612	The system allows the integration of electronic signing of brokerage agreements on the system	Hệ thống cho phép tích hợp kí điện tử thỏa thuận môi giới trên hệ thống	O				
		613	The system allows storing/viewing and looking up historical information for the entire process of creating/submitting/approving brokerage agreements including but not limited to: - Operation - Update time - Operator, etc.	Hệ thống cho phép lưu trữ/ xem và tra cứu thông tin lịch sử toàn bộ quá trình tạo mới/ trình duyệt thỏa thuận môi giới bao gồm nhưng không giới hạn: - Thao tác - Thời gian cập nhật - Người thao tác ...	O				
		614	The system warns that the brokerage agreement violates the established principles under the law when the established principles under the law change (even if the established law has not yet come into effect). Warning information is sent to the creator, submitter/approver of the brokerage agreement. For example: The brokerage agreement is effective from August 22, 2023 to August 22, 2028 and does not violate the current law but violates the new law (the new law has an effective date of October 22, 2023). The system needs to provide a warning so that users can prepare a plan to sign a new agreement	Hệ thống thực hiện cảnh báo thỏa thuận môi giới vi phạm thiết lập nguyên tắc theo luật khi các thiết lập nguyên tắc theo luật ban hành có thay đổi (ngay cả khi luật thiết lập chưa đến thời gian hiệu lực). Thông tin cảnh báo được gửi đến người tạo, người trình/ duyệt thỏa thuận môi giới. Ví dụ: Thỏa thuận môi giới có hiệu lực từ ngày 22/08/2023 đến 22/08/2028 và không vi phạm luật hiện hành nhưng vi phạm luật mới (luật mới có thời gian hiệu lực ngày 22/10/2023). Hệ thống cần đưa ra cảnh báo để người dùng có thể chuẩn bị phương án ký thỏa thuận mới	O				
		615	The system allows preventing the use of brokers and issues specific notices in the following cases: - The effective date of the brokerage agreement has not yet arrived - The brokerage agreement has terminated - The brokerage agreement is in effect but violates the principles established by law	Hệ thống cho phép ngăn chặn việc sử dụng môi giới và đưa ra thông báo cụ thể với các trường hợp: - Chưa đến ngày hiệu lực của thỏa thuận môi giới - Thỏa thuận môi giới đã chấm dứt - Thỏa thuận môi giới đang trong thời gian hiệu lực nhưng vi phạm các nguyên tắc theo luật thiết lập	M	1			

		616	The system displays a list of brokers arranged in alpha beta order and searches on functions that refer to the broker directory	Hệ thống hiển thị danh sách môi giới sắp xếp theo thứ tự alpha beta và tìm kiếm trên các chức năng tham chiếu đến danh mục môi giới,	M	0.5			
		617	The system must provide APIs or web services for external parties to present comparative rates for independent agency channels. (e.g. to an Agency Management system).	Hệ thống phải cung cấp các API hoặc dịch vụ web cho bên thứ ba để đưa ra so sánh mức giá cho các kênh đại lý độc lập. (ví dụ: đối với hệ thống Quản lý đại lý).	M	1			
	5.2. Producer Administration / Quản lý Đại lý	618	The System shall allow integration with BIC's Agency Management System, specifically: - Allowing the Core System to retrieve information on commission limits and agency support for each product; - Allowing the Core System to retrieve aggregated information on each agency as required by BIC.	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống Quản lý đại lý của BIC. - Cho phép Core truy xuất các thông tin về hạn mức hoa hồng, hỗ trợ đại lý cho từng sản phẩm - Cho phép Core truy xuất thông tin tổng hợp của từng đại lý theo yêu cầu của BIC.	M	1			
		619	Manage notifications to agents: The system allows configuring notification forms to agents (Add/edit/delete templates) via email, SMS, Zalo, etc., when policies are issued/introduced by agents: due renewal, premium due date, promotional policies, private policies, etc.	Quản lý thông báo tới đại lý: Hệ thống cho phép cấu hình mẫu biểu thông báo tới đại lý, cán bộ KD (Thêm mới/ chỉnh sửa/ xóa template) qua các kênh email, tin nhắn SMS, Zalo, ... khi các đơn được đại lý/cán bộ KD cấp/ giới thiệu: đến hạn tái tục, đến hạn đóng phí, chính sách khuyến mãi, chính sách riêng,	O	1			
6. Customer management/ Quản lý khách hàng	6.1. Customer Management/ Quản lý khách hàng		Customer information management: The system provides a number of basic customer relationship management functions and interfaces.	Quản lý thông tin khách hàng: Hệ thống cung cấp một số chức năng, giao diện về quản trị quan hệ khách hàng cơ bản.					
			Setting	Thiết lập					
		620	The system allows setting (Add, update, store, delete) warning conditions that the customer already exists based on the customer's stored information in addition to unique and consistent identification information in real time for all BIC customer information lookup and creation channels For example, the cases can be set such as + Full name and date of birth are the same + Full name and address are the same + ...	Hệ thống cho phép thiết lập (Thêm mới, cập nhật, lưu trữ, xóa) điều kiện cảnh báo khách hàng đã tồn tại dựa trên bộ thông tin lưu trữ của khách hàng ngoài các thông tin định danh duy nhất và đồng nhất theo thời gian thực cho tất cả các kênh tra cứu và tạo lập thông tin khách hàng của BIC. Ví dụ: các trường hợp có thể thiết lập như + Họ tên và Ngày tháng năm sinh trùng + Họ tên và Địa chỉ trùng + ...	M	1			
		621	The System shall allow integration with BIC's Customer Management System, specifically: - Allowing the Core System to retrieve customer information;	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống Quản lý khách hàng của BIC. - Cho phép Core truy xuất các thông tin về khách hàng	M	1			

			<div>- Allowing the Core System to access and display customer evaluation reports</div>	<div>- Cho phép Core khai thác và hiển thị báo cáo đánh giá về khách hàng</div>				
	622	<div>The system allows setting (Add, update, store, delete) customer classification rules based on including but not limited to the following criteria:</div> <div><div>- Customer classification name</div><div>- Evaluation cycle</div><div>- Evaluation schedule</div><div>- Individual customer, organizational customer, etc.</div><div>- Revenue: total revenue, revenue by insurance operations, etc.</div><div>- Compensation rate: by product, by general operation, etc.</div><div>- Identification subjects: for example: individual customer in the high-end segment as identified by BIDV, officers holding the position of deputy director or higher in the BIDV/BIC system, and individuals with great influence to BIC's operations, etc.</div><div>- Policy issuance status</div><div>- Purchase status</div><div>...</div><div>For example:</div><div>- Potential customer: are customer who have registered to buy on EB channels or have quotation information but have never made payment/ been issued a policy.</div><div>- Walk-in customer: are customer who have registered accounts on EB channels but have never registered to buy or have never received quotation information.</div><div>- Individual VIP customer: are customer who meet the quantitative criteria of revenue $\geq 20,000,000$ VND and compensation rate $\leq 20\%$</div><div>- Organizational VIP customer: are customer with compensation rate $\leq 20\%$ and total revenue generated meets one of the following criteria:</div><div><div>+ Cargo insurance from 300,000,000 VND or more</div></div></div>	<div>Hệ thống cho phép thiết lập (Thêm mới, cập nhật, lưu trữ, xóa) quy tắc phân loại khách hàng dựa trên bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí:</div> <div><div>- Tên phân loại khách hàng</div><div>- Chu kỳ đánh giá</div><div>- Lịch đánh giá</div><div>- Khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, ..</div><div>- Doanh thu: tổng doanh thu, doanh thu theo nghiệp vụ bảo hiểm, trong thời gian cụ thể</div><div>- Tỷ lệ bồi thường: theo sản phẩm, theo nghiệp vụ chung,... trong thời gian cụ thể</div><div>- Đối tượng nhận diện: ví dụ: là khách hàng cá nhân thuộc phân khúc cao cấp theo nhận diện của BIDV, cán bộ giữ chức vụ phó giám đốc trở lên thuộc hệ thống BIDV/BIC, là cá nhân có tầm ảnh hưởng lớn đến hoạt động của BIC...</div><div>- Tình trạng cấp đơn</div><div>- Tình trạng mua hàng</div><div>...</div><div>Ví dụ:</div><div>- Khách hàng tiềm năng: là khách hàng có đăng ký mua trên kênh EB hoặc có thông tin bán chào phí nhưng chưa từng thực hiện thanh toán/ cấp đơn thành công</div><div>- Khách hàng vắng lai: là khách hàng có đăng ký tài khoản trên các kênh EB mà chưa từng đăng ký mua hay chưa từng có thông tin bán chào phí</div><div>- Khách hàng VIP cá nhân: là các khách hàng đáp ứng được tiêu chí định lượng về doanh thu $\geq 20,000,000$ VNĐ và tỷ lệ bồi thường $\leq 20\%$</div><div>- Khách hàng VIP tổ chức: là các khách hàng có tỷ lệ bồi thường $\leq 20\%$ và tổng doanh thu phát sinh đạt được một trong những tiêu chí như sau:</div><div><div>+ Bảo hiểm hàng hóa từ 300.000.000 VNĐ trở lên</div><div>+ Bảo hiểm tàu từ 200,000,000 VNĐ trở lên</div><div>+ Bảo hiểm xe cơ giới từ 100,000,000 VNĐ trở lên</div></div></div>	M	1			

			<ul style="list-style-type: none"> + Ship insurance from 200,000,000 VND or more + Motor vehicle insurance from 100,000,000 VND or more + Property insurance from 500,000,000 VND or more + Engineering insurance: from 100,000,000 VND or more + Health care insurance: from 100,000,000 VND or more <p>- General customer: are customer who have purchased insurance from BIC and do not meet the criteria to become a VIP or VVIP customer. ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Bảo hiểm tài sản từ 500,000,000 VNĐ trở lên + Bảo hiểm kỹ thuật: từ 100,000,000 VNĐ trở lên + Bảo hiểm con người: từ 100,000,000 VNĐ trở lên <p>- Khách hàng phổ thông: là khách hàng đã mua bảo hiểm của BIC và không đạt các tiêu chí để trở thành khách hàng VIP, VVIP ...</p>					
	623	<p>The system allows setting (Add, update, archive, delete) at-risk customer identification rules, including but not limited to the following information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Warning level name - Evaluation cycle - Evaluation schedule - List of identification criteria: compensation rate, compensation rate according to insurance operations, etc. <p>For example: Level 1 warning customer: is a customer whose compensation rate is based on each operation</p> <ul style="list-style-type: none"> + Property insurance: 50% or more + Engineering insurance: 50% or more ... 	<p>Hệ thống cho thiết lập (Thêm mới, cập nhật, lưu trữ, xóa) quy tắc nhận diện khách hàng cảnh báo bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên cấp độ cảnh báo - Chu kỳ đánh giá - Lịch đánh giá - Danh sách tiêu chí nhận diện: tỷ lệ bồi thường, tỷ lệ bồi thường theo nghiệp vụ bảo hiểm, ... <p>Ví dụ: Khách hàng cảnh báo cấp độ 1: là khách hàng có tỷ lệ bồi thường dựa trên từng nghiệp vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảo hiểm tài sản: 50% trở lên + Bảo hiểm kỹ thuật: 50% trở lên ... 	M	1				
		Creation of customer information	Khởi tạo thông tin khách hàng						
	624	<p>The system allows users to add, edit, and store customer information.</p> <p>The system allows classifying customer information entry according to customer classification from the input screen (Information requirements to be updated for each customer classification are different)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Individual customer - Organizational customer - Other customer 	<p>Hệ thống cho người quản trị thiết lập (tạo, chỉnh sửa, xóa, thiết lập quy tắc ký tự) cho các trường thông tin của khách hàng.</p> <p>Hệ thống cho phép phân loại việc nhập thông tin khách hàng theo phân loại khách hàng từ màn hình nhập (Yêu cầu thông tin cần cập nhật với mỗi phân loại khách hàng là khác nhau)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khách hàng cá nhân - Khách hàng tổ chức - Khách hàng khác 	M	2				

		<p>The system allows managing comprehensive information about customer, decentralizing customer information including:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Customer code - Information distinguishing individual customer, organizational customer, and others - Distinguishing information for customer who have a relationship with BIC (BIDV employees, BIC employees, etc.) and other customer - Customer identification information: basic information about customer <p>(1) Individual customer:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Basic information: Name, gender, date of birth, nationality, address (Country/ province/ city/ etc.), phone, email, fax, etc. + Identification information: Tax code, ID card, Citizen ID card, electronic identification code, Passport, etc. + Contact information: Name, address, phone number, email <p>(2) Organizational customer:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Basic information: Vietnamese Name, English name, abbreviation, establishment date, address (Country/province/city/etc.), phone, email, fax, etc. + Identification information: tax code, business registration license information (License number, registration date, etc.) + Representative information: Name, position, etc. + Contact information: Name, position, address, phone number, email, etc. <ul style="list-style-type: none"> - Information about customer relations - Information about customer classification: - Information about at-risk customer identification - Customer information about insurance fraud - Information about the customer account: account number, bank, bank address, etc., according to tax registration information - Information about business activities - Source of customer information: 	<p>Hệ thống cho phép quản lý các thông tin toàn diện về khách hàng, phân cấp thông tin khách hàng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã khách hàng - Thông tin phân biệt khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức, khác - Thông tin phân biệt với khách hàng có mối liên hệ với BIC (nhân viên BIDV, nhân viên BIC, ...) và khách hàng khác - Thông tin nhận diện khách hàng: thông tin cơ bản về khách hàng <p>(1) Khách hàng cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin cơ bản: Tên, giới tính, ngày sinh, quốc tịch, địa chỉ (Quốc gia/ tỉnh/ thành phố/ ...), điện thoại, email, fax..., + Các thông tin định danh: MST, CMND, CCCD, Mã định danh điện tử, Hộ chiếu, ... + Thông tin liên lạc: Tên, địa chỉ, số điện thoại, email <p>(2) Khách hàng tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin cơ bản: Tên, tên tiếng anh, tên viết tắt, ngày thành lập, địa chỉ (Quốc gia/ tỉnh/ thành phố/ ...), điện thoại, email, fax..., + Các thông tin định danh: mã số thuế, thông tin giấy phép đăng ký kinh doanh (Số giấy phép, ngày đăng ký, ...) + Thông tin người đại diện: Tên, chức vụ, ... + Thông tin liên lạc: Tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, email... <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về quan hệ khách hàng - Thông tin về phân loại khách hàng: - Thông tin về nhận diện khách hàng cảnh báo - Thông tin khách hàng gian lận bảo hiểm - Thông tin về tài khoản của khách hàng: số tài khoản, ngân hàng, địa chỉ ngân hàng, ... theo thông tin đăng ký với thuế - Thông tin về ngành nghề kinh doanh - Nguồn thông tin khách hàng: <ul style="list-style-type: none"> + Trực tiếp: chi nhánh BIC, cán bộ BIC trực tiếp quản lý + Showroom, gara, đại lý, ... + Kênh EB ... với khách hàng được đồng bộ thông tin từ kênh tương ứng 					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			<ul style="list-style-type: none"> + Direct: BIC branch, BIC staff directly managing the customer + Showroom, garage, dealers, etc. + EB channel, etc., with customers\ synchronized with information from the corresponding channel <p>- Notes</p> <p>(*) The system supports binding and standardization of input data fields (for example: only allowing numbers to be entered with phone number fields, etc.)</p> <p>(*) The system allows exporting customer management data (e.g., premium revenue, Loss history, etc.) in different formats such as Excel, PDF, etc.</p>	<p>- Ghi chú</p> <p>(*) Hệ thống hỗ trợ ràng buộc và chuẩn hóa các trường dữ liệu nhập vào (ví dụ: chỉ cho nhập số với trường số điện thoại, ...)</p> <p>(*) Hệ thống cho phép xuất dữ liệu quản lý khách hàng (vd: Doanh thu phí, Lịch sử tổn thất,...) dưới các định dạng khác nhau như: excel, PDF...</p>					
		625	The System shall allow integration with the OCR system for data extraction and collection of the extracted information.	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống OCR để trích xuất và thu thập thông tin sau trích xuất	O				
		626	The System shall provide the capability of flexible integration with other applications for the purposes of querying and utilizing data	Hệ thống cho phép khả năng linh hoạt kết nối truy vấn đến các ứng dụng khác để truy vấn và khai thác dữ liệu	O				
		627	The system needs to store information fields separately from identification information: customer's electronic identification code, ID card, Citizen ID card, passport, business license, tax code, etc., and it is required to enter at least 1 piece of information, and multiple pieces of information can be stored at the same time, it is not required to enter all of them to correctly identify and avoid duplicates on the customer list; At the same time, it allows uploading/viewing/storing/deleting information files related to identification such as: ID card, Citizen ID card, Business registration license	Hệ thống cần lưu trữ các trường thông tin tách biệt các thông tin định danh: Mã định danh điện tử, CMND, CCCD, Hộ chiếu của khách hàng, Giấy phép kinh doanh, mã số thuế, ... và bắt buộc nhập ít nhất 1 thông tin, có thể lưu trữ cùng lúc nhiều thông tin, không bắt buộc nhập tất cả để nhận diện đúng, không bị trùng trên danh sách khách hàng; đồng thời cho phép tải lên/ xem/ lưu trữ/ xóa các file thông tin liên quan đến định danh như: CMND, CCCD, Giấy phép đăng ký kinh doanh	M				
		628	The system must provide a customer relationship management function and store customer relationship information with one Customer or another group of customers. For example: - Customer is an employee of Company A (in case the Company buys insurance for its employees).	Hệ thống phải cung cấp chức năng quản lý quan hệ khách hàng và lưu thông tin quan hệ khách hàng với một hoặc một nhóm khách hàng khác. Ví dụ: - Khách hàng là nhân viên của Công ty A trường hợp Công ty mua bảo hiểm cho cán bộ) - Quan hệ gia đình: bố mua bảo hiểm cho con	M	1			

			- Family relationship: father buys insurance for his child						
	629	The system prevents users from creating new customer information when detecting that a customer with the same identification information exists.	Hệ thống ngăn người dùng không thực hiện khởi tạo thông tin khách hàng mới khi phát hiện đã tồn tại khách hàng trùng một trong các thông tin định danh	M	1.5				
	630	The system warns users in case customer information may already exist based on established rules and displays at-risk customer list information that may be duplicated. (*) Warning but still allowing to add a new user	Hệ thống thực hiện cảnh báo người dùng trường hợp có thể thông tin khách hàng đã tồn tại dựa trên các quy tắc đã được Người quản trị thiết lập và hiển thị thông tin danh sách khách hàng cảnh báo có thể trùng lặp (*) Cảnh báo nhưng vẫn cho thêm mới	M					
	631	The system allows updating information about customer committing insurance fraud, and allows allowing notes and file attachments	Hệ thống cho phép cập nhật thông tin khách hàng gian lận bảo hiểm, cho phép ghi chú và đính kèm file	M					
	632	The system automatically updates customer classification information, and at-risk customer identification information according to established rules.	Hệ thống tự động cập nhật các thông tin phân loại khách hàng, thông tin nhận diện khách hàng cảnh báo theo quy tắc đã được thiết lập	M					
	633	The system allows deleting customer information (customer created a new account but have not registered an account or product or service, etc.)	Hệ thống cho phép xóa thông tin khách hàng (khách hàng tạo mới nhưng chưa đăng ký tài khoản hoặc sản phẩm dịch vụ, ...)	M					
	634	The system allows looking up customer information and updating consistent information in real time for all BIC customer information lookup channels according to authority hierarchy (Allowing users to configure approval authority levels.). Customer information includes but is not limited to: - Customer information + Customer code, Customer name, Phone number, Email, gender, age, classification, grouping, etc. + Identification information such as tax code, etc. - Policy issuance history information: Policy number, product, premium, etc. - Compensated loss history information: Policy number, compensation amount, etc.	Hệ thống cho phép tra cứu thông tin khách hàng, cập nhật thông tin đồng nhất theo thời gian thực cho tất cả các kênh tra cứu thông tin khách hàng của BIC theo phân cấp thẩm quyền (Cho phép NSD tự cài đặt các cấp thẩm quyền phê duyệt) Thông tin khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn: - Thông tin khách hàng + Mã khách hàng, Tên khách hàng, Số điện thoại, Email, giới tính, độ tuổi, phân loại, phân nhóm, ... + Các thông tin định danh như mã số thuế, ... - Thông tin lịch sử cấp đơn: Số đơn, sản phẩm, phí bảo hiểm, - Thông tin lịch sử tổn thất bồi thường: Số đơn, số tiền bồi thường, ..."	M	1				
	635	The system allows logging changes and provides an interface to look up customer	Hệ thống cho phép ghi log thay đổi và cung cấp giao diện cho phép tra cứu lịch sử thay đổi	M	0.5				

		information change history including but not limited to: - Operation - Execution time - Operator - Old value, new value	thông tin khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn: - Thao tác - Thời gian thực hiện - Người thao tác - Giá trị cũ, giá trị mới					
	636	The system allows looking up unresolved information related to customers including: - Proposal/ quotation/ policy - Premium payment - Loss receipt form - Claim documents Including the most recent update time and the person handling the above information	Hệ thống cho phép tra cứu các thông tin đang chưa được giải quyết liên quan đến khách hàng bao gồm: - Tờ trình/ bản chào phí/ đơn bảo hiểm - Thanh toán phí - Phiếu tiếp nhận tổn thất - Hồ sơ bồi thường kèm thời gian cập nhật gần nhất, người đang xử lý của các thông tin trên	M	0.5			
	637	Manage (create/ update/ save/ delete) information about customer documents including but not limited to: - Financial reports over the years - Non-financial reporting - Legal documents	Quản lý thông tin (Tạo mới/cập nhật/ lưu/ xóa) hồ sơ khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn: - Báo cáo tài chính qua các năm - Báo cáo phí tài chính - Hồ sơ pháp lý	O	1			
	638	The System shall provide the System Administrator with the capability to customize the user interface and functions that allow adding/ updating/ deleting customer's financial reports over the years including but not limited to the following information: - Customer Information: Customer code and name selected from the customer list declared in the system - Accounting year - Reporting period: whole year/ first 6 months of the year/ etc. - Currency: VND/USD/ etc. - Information to distinguish whether data has been audited or not - Detailed report data divided by headings Balance Sheet/ Income Statement/ Indirect Cash Flow Statement/ Direct Cash Flow Statement + Items + Report number	Hệ thống cung cấp khả năng cho Người quản trị tùy biến giao diện, chức năng cho phép thêm mới/ cập nhật/ xóa Báo cáo tài chính qua các năm của khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - Thông tin Khách hàng: Mã, tên khách hàng chọn từ danh mục khách hàng đã được khai báo trong hệ thống - Năm kế toán - Kỳ báo cáo: cả năm/ 6 tháng đầu năm/ ... - Đơn vị tiền tệ: VND/USD/ ... - Thông tin phân biệt dữ liệu đã thực hiện kiểm toán hay chưa - Số liệu báo cáo chi tiết phân theo đầu mục Cân đối kế toán/ Kết quả kinh doanh/ luân chuyển tiền tệ gián tiếp/ luân chuyển tiền tệ trực tiếp + Tiêu chí + Số báo cáo	O				

		639	The System shall provide the System Administrator with the capability to customize the user interface that allows setting (adding/ editing/ deleting) items in the detailed report data divided by headings: Balance Sheet/ Income Statement/ Indirect Cash Flow Statement/ Direct Cash Flow Statement, and allows constraining data entry or setting up automatic calculation formulas for items (For example, the item “Long-term financial investments” has a value equal to the total value of items “Investment in branches”, “Investment in affiliated companies, joint ventures”, etc.)	Hệ thống cung cấp khả năng cho Người quản trị tùy biến giao diện cho phép thiết lập (thêm mới/ chỉnh sửa/ xóa) các tiêu chí trong số liệu báo cáo chi tiết phân theo đầu mục Cân đối kế toán/ Kết quả kinh doanh/ luân chuyển tiền tệ gián tiếp/ luân chuyển tiền tệ trực tiếp và cho phép ràng buộc nhập dữ liệu hay thiết lập công thức tính toán tự động cho các tiêu chí (Ví dụ: tiêu chí "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn" có giá trị bằng tổng giá trị các tiêu chí "Đầu tư vào công ty con", "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh", ...)	O				
		640	The system provides the functionality to import detailed financial report data from Excel files	Hệ thống cung cấp chức năng import số liệu báo cáo tài chính chi tiết từ file excel	O				
		641	The system stores historical information on financial report edits, including but not limited to: - Update time - Updated user	Hệ thống lưu trữ thông tin lịch sử chỉnh sửa báo cáo tài chính bao gồm nhưng không giới hạn: - Thời gian cập nhật - Người cập nhật	O				
		642	The System shall provide the System Administrator with the capability to customize the user interface and functions that allow creating/ updating/ deleting non-financial reports and customer size over the years including but not limited to the following information: - Customer Information: Customer code and name selected from the customer list declared in the system - Equity, currency - Revenue, number of employees - Outstanding balance - Number of years of operation of the customer - Development prospects - Transaction relationships with BIC and BIDV - Number of competitors: - Guarantee history - Guarantee fee payment history - Level of profit growth - Revenue growth in the last 3 years - Provide enough information and meet BIC's requirements	Hệ thống cung cấp khả năng cho Người quản trị tùy biến giao diện, chức năng cho phép tạo mới/ cập nhật/ xóa Báo cáo phi tài chính và qui mô khách hàng qua các năm bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: - Thông tin Khách hàng: Mã, tên khách hàng chọn từ danh mục khách hàng đã được khai báo trong hệ thống - Vốn chủ sở hữu, đơn vị tiền tệ - Doanh thu, số lao động - Dư nợ ngân hàng - Số năm hoạt động của khách hàng - Triển vọng phát triển - Quan hệ giao dịch với BIC và BIDV - Số lượng đối thủ cạnh tranh: - Lịch sử bảo lãnh - Lịch sử thanh toán phí bảo lãnh - Mức độ tăng trưởng lợi nhuận - Tăng trưởng doanh thu 3 năm gần nhất - Cung cấp đủ thông tin và đúng yêu cầu của BIC - Danh sách hợp đồng lớn đã tham gia	O				

			<ul style="list-style-type: none">- List of major contracts participated- Update time- Files attached	<ul style="list-style-type: none">- Thời gian cập nhật- Đính kèm file				
	643	Allow configuring (adding/editing/deleting) categories: <ul style="list-style-type: none">- Number of years of operation of the customer- Development prospects- Transaction relationships with BIC and BIDV- Number of competitors- Guarantee history- Guarantee fee payment history- Level of profit growth- Revenue growth in the last 3 years- Provide enough information and meet BIC's requirements	Cho phép cấu hình (thêm mới/ sửa/ xóa) các danh mục: <ul style="list-style-type: none">- Số năm hoạt động của khách hàng- Triển vọng phát triển- Quan hệ giao dịch với BIC và BIDV- Số lượng đối thủ cạnh tranh- Lịch sử bảo lãnh- Lịch sử thanh toán phí bảo lãnh- Mức độ tăng trưởng lợi nhuận- Tăng trưởng doanh thu 3 năm gần nhất- Cung cấp đủ thông tin và đúng yêu cầu của BIC	O				
	644	The system stores historical information on non-financial report edits, including but not limited to: <ul style="list-style-type: none">- Update time- Updated user	Hệ thống lưu trữ thông tin lịch sử chỉnh sửa của báo cáo phi tài chính bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none">- Thời gian cập nhật- Người cập nhật	O				
	645	The system provides interfaces and functions that allow creating/ updating/ saving/ deleting customer legal documents including but not limited to the following information: <ul style="list-style-type: none">- Customer Information: Customer code and name selected from the customer list declared in the system- Attached information includes:<ul style="list-style-type: none">+ File description+ Attached files+ Update date	Hệ thống cung cấp giao diện, chức năng cho phép tạo mới/ cập nhật/ lưu/ xóa Hồ sơ pháp lý khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: <ul style="list-style-type: none">- Thông tin Khách hàng: Mã, tên khách hàng chọn từ danh mục khách hàng đã được khai báo trong hệ thống- Thông tin đính kèm bao gồm:<ul style="list-style-type: none">+ Mô tả file+ File đính kèm+ Ngày cập nhật	O				
	646	The system stores historical information about editing customer legal documents including but not limited to: <ul style="list-style-type: none">- Update time- Updater	Hệ thống lưu trữ thông tin lịch sử chỉnh sửa hồ sơ pháp lý của khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none">- Thời gian cập nhật- Người cập nhật	O				
	647	The system allows viewing/editing part or all of customer information based on authority hierarchy For example: The system allows configuration of permissions to access the customer's sensitive information fields <ul style="list-style-type: none">- Customer information fields	Hệ thống cho phép xem/ chỉnh sửa một phần hoặc toàn bộ thông tin khách hàng dựa theo phân cấp thẩm quyền Ví dụ: Hệ thống cho phép cấu hình thiết lập phân quyền các truy cập các trường thông tin nhạy cảm của khách hàng <ul style="list-style-type: none">- Các trường thông tin khách hàng	M	1			

		<ul style="list-style-type: none"> - Access/lookup permissions: <ul style="list-style-type: none"> + Everyone + Only users of the customer exploitation channel recorded under the corresponding insurance policy(users of the exploitation channel, BIC Officer in charge of the exploitation channel, Officer at the head office. For example: users of the Agents can only access customer information exploited by that agent; BIC officers can access customer information of agents for which they are the focal point in charge; officers at the head office can access all customer information) + Only people on a selected specific list. For example, only users specified in the list can access customer information as specified. - Editing rights <ul style="list-style-type: none"> + The System shall allow customers to make modifications through the channel and synchronize such modifications with the Core System. + Only people in the customer exploitation channel recorded under the corresponding insurance policy(users of the exploitation channel, BIC Officer in charge of the exploitation channel, Officer at the head office) + Only people on a selected specific list 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền truy cập/ tra cứu: <ul style="list-style-type: none"> + Mọi người + Chỉ người dùng thuộc kênh khai thác khách hàng ghi nhận theo hợp đồng bảo hiểm tương ứng (người dùng của kênh khai thác, Cán bộ BIC phụ trách kênh khai thác, Cán bộ tại trụ sở chính. ví dụ: người dùng của đại lý chi tiếp cận được thông tin khách hàng do đại lý đó khai thác, Cán bộ BIC tiếp cận được thông tin khách hàng của đại lý mà mình là đầu mối phụ trách, Cán bộ tại trụ sở chính tiếp cận được toàn bộ thông tin của khách hàng) + Chỉ người thuộc danh sách cụ thể được chọn. Ví dụ: chỉ người dùng được chỉ định trong danh sách được truy cập các thông tin của khách hàng theo chỉ định - Quyền chỉnh sửa <ul style="list-style-type: none"> + Cho phép khách hàng tự chỉnh sửa trên kênh và đồng bộ về Core + Chỉ người thuộc kênh khai thác khách hàng ghi nhận theo hợp đồng bảo hiểm tương ứng (người dùng của kênh khai thác, Cán bộ BIC phụ trách kênh khai thác, Cán bộ tại trụ sở chính) + Chỉ người thuộc danh sách cụ thể được chọn 					
		Feature to send notifications to customers	Tính năng gửi thông báo tới khách hàng					
	648	The system allows users to configure (Create/edit/delete) notification templates used to send customers via email/ SMS/ zalo/ facebook/ etc., reminders for renewals, payment due dates, thanks for using the service, receipt of claim documents, receipt of guarantee documents, notification of claim settlement plans/guarantee plans, addition of documents to claim documents, happy birthday, promotional policies/private policies, etc.	Hệ thống cho phép người dùng cấu hình (Tạo/ chỉnh sửa/ xóa) template thông báo dùng gửi khách hàng qua các kênh email/ tin nhắn SMS/ zalo/ facebook/ nhắc tái tục, đến hạn đóng phí, cảm ơn sử dụng dịch vụ, tiếp nhận hồ sơ bồi thường, tiếp nhận hồ sơ bảo lãnh, thông báo phương án giải quyết bồi thường/ phương án bảo lãnh, bổ sung chứng từ cho hồ sơ bồi thường, chúc mừng sinh nhật, chính sách khuyến mại/ chính sách riêng...	O	1			
	649	The System shall provide the capability to encrypt personal data, allowing the System Administrator to customize the encryption of one or multiple fields of personal information (such as Full Name, ID, Date of Birth, etc.) in	Hệ thống cung cấp khả năng mã hóa dữ liệu cá nhân, cho phép Người quản trị được tùy biến mã hóa một hoặc nhiều trường dữ liệu thông tin của cá nhân (ví dụ như Họ và Tên, ID, BOD..) cho tất cả các báo cáo có sử dụng dữ liệu cá	O	1			

			all reports utilizing personal data, in compliance with the Personal Data Protection Law. - The encryption may include, but shall not be limited to: + Encrypting the entire data field in accordance with AES 256 standards or other equivalent standards; + Masking the entire data field or partially masking the data (for example, only the day and month in the Date of Birth, or the last five characters of the ID).	nhân theo tiêu chuẩn của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân - Việc mã hóa có thể bao gồm nhưng không giới hạn: + Mã hóa toàn bộ dữ liệu tại 1 trường theo chuẩn ASE 256 hoặc các chuẩn khác tương tự. + Mask toàn bộ dữ liệu hay chỉ mask một phần dữ liệu (ví dụ chỉ ngày và tháng trong BOD hoặc 5 ký tự cuối trong ID)					
		650	The system provides ability to integrate with globally standard CRM and CDP platforms.	Hệ thống cung cấp khả năng sẵn sàng tích hợp với chương trình CRM, CDP tiêu chuẩn trên thế giới	M	2			
7. Payment & Billing/ Thanh toán	7.1. Core Billing & Transactional Processing/ Thanh toán và xử lý giao dịch		Debt management by each subject	Quản lý công nợ theo từng đối tượng					
		651	The system provides features for synthesizing and tracking debts for each subject: + Customers + Agent + Broker + Reinsurer + Coinsurer + Garage, Hospital + ...	Hệ thống cung cấp tính năng tổng hợp và theo dõi công nợ theo từng đối tượng: + Khách hàng + Đại lý + Môi giới + Nhà tái bảo hiểm + Nhà đồng bảo hiểm + Gara, Bệnh viện + ...	M	6			
		652	The System shall automatically record the payment log on each account corresponding to the receivable/payable object, with details down to each insurance policy.	Hệ thống tự động ghi nhận nhật ký thanh toán trên từng tài khoản tương ứng đối tượng công nợ chi tiết đến từng đơn bảo hiểm	M				
		653	The system automatically calculates the account balance when user view the debt summary	Hệ thống tự động tính toán số dư tài khoản tại thời điểm xem bảng tổng hợp công nợ	M				
		654	Hệ thống tự động tính toán tuổi nợ với từng khoản phải thu/phải trả theo điều kiện định sẵn với từng đối tượng chi tiết đến từng đơn bảo hiểm	Hệ thống tự động tính toán tuổi nợ với từng khoản phải thu/phải trả theo điều kiện định sẵn với từng đối tượng chi tiết đến từng đơn bảo hiểm	M				
		655	The System shall provide the capability to automatically calculate provisions for receivables and payables that meet the conditions to be classified as overdue	Hệ thống cung cấp khả năng tự động tính dự phòng đối với các khoản công nợ đã đủ điều kiện xác định là nợ quá hạn	M				
		656	The system provides reminder/collection of debt due monthly/quarterly for debt of original policy to authorized users.	Hệ thống cung cấp công cụ nhắc nợ/ tổng hợp công nợ đến hạn thanh toán định kỳ tháng/quý	M				

			đối với công nợ bảo hiểm gốc đến người dùng có thẩm quyền					
657	The system provides a manual payment confirmation feature that allows users to confirm the payment status of accounts receivable and payable of one or more insurance policies for each specific subject.	Hệ thống cung cấp tính năng Xác nhận kết quả thanh toán thủ công cho phép người dùng xác nhận tình trạng thanh toán của các khoản phải thu phải trả của một hoặc nhiều đơn bảo hiểm theo từng đối tượng cụ thể	M					
658	The system must integrate with external payment systems and allow to - Automatically confirm that the subject's receivables have been actually received - Automatically confirm that the payables of the subject has successfully transferred	Hệ thống phải có tính năng tích hợp với hệ thống thanh toán bên ngoài và cho phép - Xác nhận tự động khoản phải thu của đối tượng đã được thực thu - Xác nhận tự động các khoản phải trả của đối tượng đã chuyển tiền đi thành công	M					
General payment rules		Quy tắc chung thanh toán						
659	The system allows integration with BIC's payment system to retrieve payment-limit information for each line of business, corresponding to each authorized user. For example: - Within allowed limitation: The system automatically connects to the fast money transfer system - Outside the allowed limitation: The system sends a request to the user (in accounting department) for processing and allows setting up a payment method based on the amount (defined by the authorized user). For example: - Amounts <500 million can be integrated with the fast money transfer system. The system integrates with the fast money transfer system and automatically updates the status: unpaid/paid/failed/... - For amounts > 500 million, users will transfer the money in the banking system. The system provides features for users to update the transferred status	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống thanh toán tại BIC truy xuất các thông tin về hạn mức thanh toán đối với từng nghiệp vụ tương ứng với từng người dùng cụ thể. Ví dụ: - Trong hạn mức cho phép: Hệ thống tự động kết nối với hệ thống chuyển tiền nhanh - Ngoài hạn mức cho phép: Hệ thống gửi yêu cầu tới bộ phận Kế toán xử lý và cho phép thiết lập phương thức thanh toán dựa trên số tiền (do người dùng có thẩm quyền tự định nghĩa). Ví dụ: - Số tiền <500 triệu thì tích hợp với hệ thống chuyển tiền nhanh. Hệ thống tích hợp với hệ thống chuyển tiền nhanh và tự động cập nhật trạng thái chưa thanh toán/ đã thanh toán/ thất bại/ ... - Số tiền >500 triệu thì cán bộ tự chuyển tiền ở hệ thống ngân hàng. Hệ thống cung cấp tính năng cho cán bộ cập nhật trạng thái đã chuyển	M	6				
660	The system allows setting up rules for creating automatic payment requests for receivables/payables that are eligible for payment.	Hệ thống cho phép thiết lập quy tắc tạo đề nghị thanh toán tự động cho những khoản phải thu/ phải trả đủ điều kiện thanh toán	M					

		661	<p>The system allows making payment requests for payables and managing the status of payment requests including but not limited to:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Drafting: User creates + waiting for approval: User is submitting for approval + Approved: Authorized user has approved + Transferred to accountant: User clicks to transfer to accountant + Transferring money by Money transfer system: Accountants choose to transfer money quickly through the fast money transfer system + Successful Fast payment: The status is automatically updated when money transfer successful + Failed Fast payment: The status is automatically updated when the fast money transfer system fails and is checked by the accountant + Transferring money by ibank: Accountants transfer money through the banking system + Successful ibank payment + Failed ibank payment + ... 	<p>Hệ thống cho phép lập đề nghị thanh toán cho các khoản phải trả và quản lý trạng thái của đề nghị thanh toán bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đang soạn thảo: NSD khởi tạo + chờ phê duyệt: NSD đang trình duyệt + Đã phê duyệt: NSD có thẩm quyền đã phê duyệt + Đã chuyển kế toán: NSD bấm chuyển kế toán + Đang chuyển tiền nhanh 247: Kế toán viên chọn chuyển tiền nhanh qua hệ thống chuyển tiền nhanh + Thanh toán nhanh thành công: trạng thái được cập nhật tự động khi hệ thống chuyển tiền nhanh chuyển thành công + Thanh toán nhanh thất bại: trạng thái được cập nhật tự động khi hệ thống chuyển tiền nhanh chuyển thất bại và có đối soát của kế toán viên + Đang chuyển tiền ibank: Kế toán viên thực hiện chuyển tiền qua hệ thống ngân hàng + Thanh toán ibank thành công + Thanh toán ibank thất bại + ... 	M				
		662	The system automatically clear payable upon successful money transfer, with the accounting date following the transfer date	Hệ thống tự động hạch toán giảm công nợ phải thu khi chuyển tiền thành công, ngày hạch toán theo ngày chuyển tiền	M				
		663	The system allows making payment statements/ payment requests for one or more receivables/ payables according to debt subjects.	Hệ thống cho phép lập bảng kê thanh toán/ đề nghị thanh toán cho một hoặc nhiều khoản phải thu/ phải trả theo các đối tượng công nợ	M				
		664	The system does not allow making 2 statements and requesting payments for 1 receivable/ payable account	Hệ thống không cho phép lập bảng kê và đề nghị thanh toán 2 lần cho 1 khoản phải thu/ phải trả	M				
		665	<p>The system allows managing the status of statements including but not limited to:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Drafting: Added/edited by the user or automatically created by the system according to settings - Waiting for confirmation: the statement has been sent to the partner and waiting for the partner to confirm - Reject: partner requests to edit statement information 	<p>Hệ thống cho phép quản lý trạng thái của bảng kê bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đang soạn thảo: người dùng thêm mới/ chỉnh sửa hoặc do hệ thống tạo tự động theo thiết lập - Chờ xác nhận: bảng kê đã được gửi cho đối tác và chờ đối tác xác nhận - Từ chối: đối tác yêu cầu chỉnh sửa thông tin bảng kê - Đã xác nhận: bảng kê đã được đối tác xác nhận 	M				

			- Confirmed: the statement has been confirmed by the partner						
	666	The system only allows recreate a statement/ payment request for amounts that have not been successfully paid by the fast money transfer system.	Hệ thống chỉ cho phép lập lại bảng kê/đề nghị thanh toán cho những khoản chưa được thanh toán thành công bởi hệ thống chuyển tiền nhanh.	M					
	667	The system allows setting acceptable odd numbers for each currency or type of bussiness, automatically handling odd differences within the set range.	Hệ thống cho phép thiết lập số lẻ có thể chấp nhận được theo từng loại tiền tệ hoặc loại nghiệp vụ, tự động xử lý chênh lệch lẻ trong phạm vi được thiết lập	M					
	668	The system must provide the ability to automatically generate payment logs. + Date of transfer to approval competent levels or relevant parties + Date of successful payment + ...	Hệ thống phải cung cấp khả năng tạo tự động nhật ký thanh toán. + Ngày chuyển các cấp thẩm quyền phê duyệt hoặc các bên liên quan + Ngày thực hiện thanh toán thành công + ...	M					
		Accounts receivable (AR)	Các khoản phải thu (AR)						
		Insurance premiums, advance payments, deposits	Phí bảo hiểm, khoản nhận trước, ký quỹ						
	669	the system provides features to confirm the payment status of receivables (insurance premiums, RI claim recovery, claim coinsurer, claim third party, etc.) of one or more insurance policies.	Hệ thống có chức năng để người dùng thực hiện xác nhận tình trạng thanh toán các khoản phải thu (phí bảo hiểm, thu đòi nhà tái, nhà đồng, thu đòi bên thứ 3, ...) của một hoặc nhiều đơn bảo hiểm	M	6				
	670	the system provides features to allow recognition of the premium payment status of insurance policies so that the system automatically updates the premium payment status according to the properties of the insurance policy.	Hệ thống có chức năng cho phép thiết lập việc nhận biết tình trạng thanh toán phí của các đơn bảo hiểm để hệ thống tự động cập nhật tình trạng thanh toán phí theo tính chất của đơn bảo hiểm	M					
	671	The system allows integration with BIC's current Premium Collection System to record and reconcile insurance premium receivables: - Provide information: reference code, premium receivable amount, customer name, etc. - Receive information: reference code, premium amount collected from the customer.	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống thu phí hiện tại ở BIC để xử lý ghi nhận các khoản phải thu khách hàng: -cung cấp thông tin: mã tham chiếu, số phí phải thu, tên khách hàng.... -tiếp nhận thông tin: mã tham chiếu, số phí đã thu của hách hàng	M					
	672	The system reminds when insurance policies are due for payment, for 2nd, 3rd period policy ..., it is allowed to send debt reminder emails	Hệ thống nhắc nhở nhưng đơn bảo hiểm đến hạn thanh toán, đối với đơn kỳ 2, 3, ... cho phép gửi email nhắc nợ	M					
	673	The system warns if receive premium for overdue receivable	Hệ thống cảnh báo các trường hợp thu phí của đơn quá hạn thanh toán	M					

		674	The system allows recording premium collection journal entries in accordance with the configured conditions. For example: - Policy becomes effective and is within the premium payment deadline: - Policy has not yet become effective: - Policy becomes effective but the premium payment is overdue:	Hệ thống cho phép thực hiện ghi nhận bút toán thu phí tương ứng với các điều kiện thiết lập. Ví dụ: - Phát sinh hiệu lực, trong thời hạn thanh toán: - Chưa phát sinh hiệu lực: - Phát sinh hiệu lực, quá hạn thanh toán	M				
		675	The system allows the offsetting of premium receivables and payables for the same customer.	Hệ thống cho phép đối trừ công nợ phí phải thu và phải trả của cùng một đối tượng khách hàng	M				
		676	The system allows setting up and managing receivables of partners/ payment channels, allowing offset according to the reconciliation table set up on the system.	Hệ thống cho phép thiết lập quản lý công nợ phải thu của các đối tác/ kênh thanh toán, cho phép tắt toán theo bảng đối soát đã thiết lập trên hệ thống	M				
		677	The system records the accounting entries corresponding to insurance premium collections.	Hệ thống hạch toán bút toán tương ứng với khoản thu phí bảo hiểm	M				
		678	The system provides functionality to record accounting entries by premium installment and premium amount for each case of premium adjustment (increase/decrease)	Hệ thống có chức năng cho phép hạch toán theo từng kỳ thu phí, số tiền thu phí đối với từng trường hợp tăng/giảm phí	M				
		679	The system provides features for recording and accounting prepayments of open policy, automatically allocating/ accounting premium according to each insurance policy arising under the corresponding open policy.	Hệ thống cung cấp tính năng ghi nhận và hạch toán các khoản trả trước của hợp đồng bao, tự động phân bổ/ hạch toán phí theo từng đơn bảo hiểm phát sinh của hợp đồng bao tương ứng	M				
		680	The system provides functionality to automatically calculate the aging of receivables (based on BIC's internal rules and in compliance with the Ministry of Finance's regulations). It also provides payment history information and identifies whether payments are made on time or overdue	Hệ thống cung cấp chức năng tự động tính tuổi nợ của các khoản phải thu (dựa trên quy tắc của BIC và theo quy định của Bộ Tài chính). Cung cấp thông tin lịch sử thanh toán và nhận biết thanh toán đúng hạn hay không	M				
		681	The system is capable of integrating with payment intermediaries to record premium information corresponding to each insurance policy issued through external policy issuance systems outside the core system. - For policies issued directly from external systems (outside the core system): - The system retrieves accounting information from third-party gateways to determine which	Hệ thống có khả năng kết nối với các trung gian thanh toán để ghi nhận thông tin món phí tương ứng với từng đơn bảo hiểm phục vụ cho các đơn bảo hiểm phát sinh qua các hệ thống cấp đơn trực tiếp từ bên ngoài core - Hệ thống cấp đơn trực tiếp từ bên ngoài hệ thống core - Lấy thông tin ghi nhận hạch toán từ các cổng của bên thứ 3 để biết đơn nào đã được thu phí	M				

			policies have been collected, the premium amounts received, their accounting status, and periodically updates these policies upon actual receipt of funds.	bao nhiêu, trạng thái hạch toán và cập nhật định kì với các đơn này khi tiền về (thực thu)				
	682	The system must provide the functionality to manage and account for deposits, deposit interest, deposit refunds and deposit interest according to the guarantee profile (refer to the requirements in the Guarantee Profile Management section, 2.1. Policy Administration Lifecycle) For example: - The guarantee insurance policy includes the following parties: the Guaranteed Party, the Insurance Company and the Guarantee Recipient. - When signing the guarantee insurance policy, the Guaranteed Party must pay the insurance premium and make a deposit at the insurance company. In case the Guaranteed Party violates the performance commitment with the Guarantee Recipient, the insurance company will pay the violations to the Guarantee Recipient according to the signed contract and based on the deposit of the Guaranteed Party. In case the Guaranteed Party does not violate the performance commitment with the Guarantee Recipient according to the signed guarantee contract, the insurance company will refund the deposit amount and deposit interest.	Hệ thống phải cung cấp chức năng quản lý và hạch toán các khoản ký quỹ, lãi suất ký quỹ, hoàn trả ký quỹ và lãi ký quỹ theo hồ sơ bảo lãnh (tham chiếu yêu cầu tại mục Quản lý hồ sơ bảo lãnh, 2.1. Policy Administration Lifecycle (Quản lý Vòng đời hợp đồng bảo hiểm)) VD: - Đơn bảo hiểm bảo lãnh bao gồm các bên: Bên được bảo lãnh, Công ty bảo hiểm và Bên nhận bảo lãnh. - Khi ký kết đơn bảo hiểm bảo lãnh, Bên được bảo lãnh phải thực hiện chi trả phí bảo hiểm và thực hiện ký quỹ tại công ty bảo hiểm. Trường hợp Bên được bảo lãnh vi phạm cam kết thực hiện với Bên nhận bảo lãnh thì công ty bảo hiểm sẽ thực hiện chi trả các khoản vi phạm với Bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng đã ký và dựa trên số ký quỹ của Bên được bảo lãnh. Trường hợp Bên được bảo lãnh không vi phạm cam kết thực hiện với Bên nhận bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh đã ký thì công ty bảo hiểm sẽ thực hiện hoàn trả lại số tiền ký quỹ và lãi ký quỹ.	M				
		Third party Claim Recovery	Thu đòi bên thứ 3					
	683	The system allows defining the amount of receivables receive from third parties according to different criteria (authorize users define the criteria). The system automatically calculates the third party's liability according to each claim record, related to each insurance policy, Submit the recovery plan / no-recovery proposal online, and export proposal for storage	Hệ thống cho phép định nghĩa số tiền phải thu đòi bên thứ 3 theo các tiêu chí khác nhau (người dùng có thẩm quyền định nghĩa các tiêu chí) Hệ thống tự động tính toán trách nhiệm của bên thứ ba theo từng hồ sơ khiếu nại, gắn với từng đơn bảo hiểm, trình phương án thu đòi/ không thu đòi online, kết xuất tờ trình online để lưu trữ	M	3			
	684	The system allows automatic calculation of debt age from the time the expected collection plan is established	Hệ thống cho phép tính toán tuổi nợ tự động từ khi phương án thu đòi dự kiến được lập	M				

		685	The system automatically accounts for receivables when the proposal is accepted (money has been collected).	Hệ thống tự động hạch toán khoản phải thu khi phương án thu đòi được chấp nhận (đã thu đòi được tiền)	M				
		686	The system is capable of connecting with payment intermediaries to capture information on third-party collections that have been settled, and subsequently automatically post the actual receipt.	Hệ thống có khả năng kết nối với các trung gian thanh toán để ghi nhận thông tin về khoản thu đòi bên thứ 3 đã được thanh toán. Sau đó tự động hạch toán thực thu	M				
		687	In case the accepted compensation plan is to recover materials, the system allows generating transactions when completing the liquidation of recovered materials.	Trường hợp phương án bồi thường được chấp nhận là thu hồi vật tư, hệ thống cho phép hạch toán khi hoàn tất việc thanh lý vật tư thu hồi	M				
			Coinsurance payment	Thanh toán/đổi trừ đồng bảo hiểm					
		688	the system provides features to create payment requests according to the coinsurance confirmation table for one or more detailed insurance policies according to accounts receivable/payable: + Insurance premium + Insurance commission + Compensation + ...	Hệ thống có chức năng tạo đề nghị thanh toán theo bảng xác nhận đồng bảo hiểm một hoặc nhiều đơn bảo hiểm chi tiết theo các khoản phải thu/phải trả: + Phí bảo hiểm + Hoa hồng bảo hiểm + Bồi thường + ...	M	5			
		689	The system needs to support payment in case BIC pays in full or pays according to co-insurance liability	Hệ hống cần hỗ trợ thanh toán trong trường hợp BIC thanh toán toàn bộ hoặc thanh toán theo trách nhiệm đồng bảo hiểm	M				
		690	The system accounts for liabilities corresponding to coinsurance payments	Hệ thống hạch toán các khoản công nợ tương ứng với việc thanh toán đồng bảo hiểm	M				
		691	The system allows the issuance of coinsurance note on the system for unlimited display of: management expenses, commissions, loss reserve, insurance policy information, coinsurance rates, coinsurer information..., for one or more insurance policies	Hệ thống cho phép phát hành thông báo đồng bảo hiểm trên hệ thống hiển thị không giới hạn: các khoản phí quản lý, hoa hồng/ môi giới, chi phí đề phòng hạn chế tổn thất, thông tin đơn bảo hiểm, tỷ lệ đồng bảo hiểm, thông tin nhà đồng bảo hiểm...., cho một hoặc nhiều đơn bảo hiểm	M				
		692	The system allows for electronic signing of coinsurance notices and sending emails to relevant people. Allow unlimited document attachments: co-insurance note from the co-insurer.	Hệ thống cho phép kí điện tử thông báo đồng bảo hiểm và gửi email phát hành đến người liên quan. Cho phép đính kèm tài liệu không giới hạn: bản thông báo đồng bảo hiểm của nhà đồng bảo hiểm.	M				
		693	The system allows automatic recording of co-insurance receivables/payable at the same time as recording original premium revenue in case	Hệ thống cho phép ghi nhận tự động các khoản phải thu phải trả đồng bảo hiểm cùng lúc với ghi nhận doanh thu phí gốc trong trường hợp BIC là leader và hạch toán bút toán tương ứng	M				

			BIC is the leader and accounting entries accordingly.						
	694	The system records accounting entries for impairment provisions on co-insurance claim receivables that are classified as overdue.	Hệ thống thực hiện hạch toán sổ liệu dự phòng công nợ phải thu bồi thường đồng bảo hiểm đối với các khoản nợ đủ điều kiện xác định nợ quá hạn	M					
		Reinsurance payments (for reinsurance companies and reinsurance brokers)	Thanh toán/đối trừ tái bảo hiểm (cho công ty bảo hiểm và môi giới tái bảo hiểm)						
	695	The system allows managing Payment confirmations (SOA/SOL - premium/compensation) of both Inward reinsurance and outward reinsurance activities according to the following amounts: - Payment of premiums, commissions - outward reinsurance - Payment of claim - outward reinsurance - Collection of premiums, commissions – Inward reinsurance - Payment of claim - Inward reinsurance	Hệ thống cho phép quản lý các Bản xác nhận thanh toán (SOA/SOL - phí/bồi thường) của cả hoạt động nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm theo các khoản: - Thanh toán phí, hoa hồng - nhượng tái - Thanh toán bồi thường - nhượng tái - Thu phí, hoa hồng - nhận tái - Thanh toán bồi thường - nhận tái	M	5				
	696	The system provides a feature to generate Statements of Account (SOA) related to ceded premiums, ceded commissions, and claims for one or multiple insurance policies, based on the list of original policies with collected premiums (facultative reinsurance), or to update the status of original premium collection for issued SOAs (treaty reinsurance).	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép tạo lập SOA liên quan tới phí bảo hiểm nhượng tái, hoa hồng nhượng tái, bồi thường của một hoặc nhiều đơn bảo hiểm dựa trên danh sách những đơn bảo hiểm đã thu phí gốc (tái FAC) hoặc cập nhật tình trạng thu phí gốc cho các SOA đã phát hành (tái treaty)	M					
	697	The system allows management of Payment Statements (SOA/SOL – premium/claim) for both inward and outward reinsurance activities according to the following statuses: + Newly created SOA/SOL: initiated by staff but not yet approved • Allows creation of SOAs for all settlement periods at the time of approving the reinsurance structure. + SOA pending approval: submitted for approval but not yet approved + SOA pending reinsurer's confirmation (SOA approved by BIC) + SOA/SOL pending settlement: including SOA/SOL that have been electronically signed; the system controls the sending of SOA to	Hệ thống cho phép quản lý các Bản xác nhận thanh toán (SOA/SOL - phí/bồi thường) của cả hoạt động nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm theo các trạng thái: + SOA/SOL mới tạo: cán bộ khởi tạo và chưa duyệt • cho phép khởi tạo SOA cho tất cả các kỳ thanh toán tại thời điểm duyệt cơ cấu tái. + SOA chờ duyệt : đã trình duyệt nhưng chưa duyệt + SOA chờ xác nhận của nhà tái (SOA đã duyệt của BIC) + SOA/SOL Chờ thanh toán: bao gồm SOA/SOL đã được ký điện tử, hệ thống kiểm soát việc gửi SOA cho nhà tái thông qua email	M					

		<p>reinsurers via automatic email if the insurance policy meets the conditions for becoming effective</p> <ul style="list-style-type: none"> For single-installment policies or the first installment: automatically sent upon SOA approval For the second installment onwards: automatically sent once the original policy premium has been collected <p>+ SOA/SOL confirmed by the ceding/reinsurer: including SOA/SOL electronically signed and attached with the confirmation SOA/SOL from the ceding/reinsurer, but the premium has not yet been collected from the client or from the ceding company</p> <p>+ SOA/SOL eligible for settlement: must meet both of the following conditions</p> <ul style="list-style-type: none"> SOA/SOL has been confirmed by the ceding/reinsurer SOA: premium has been collected from the client; or SOL (claim inward): the reinsurance recovery has been collected from the reinsurer <p>+ SOA/SOL settled</p>	<p>tự động nếu đơn bảo hiểm đủ điều kiện phát sinh hiệu lực</p> <ul style="list-style-type: none"> đơn 1 kỳ hoặc kỳ 1 thì tự động gửi khi duyệt SOA đơn kỳ 2 trở đi thì tự động gửi khi đã thu được phí bảo hiểm của đơn gốc <p>+ SOA/SOL đã có xác nhận của công ty nhận/nhượng tái bảo hiểm: bao gồm SOA/SOL đã ký điện tử và đính kèm SOA/SOL xác nhận của công ty nhận/nhượng tái bảo hiểm nhưng chưa thu được phí bảo hiểm của khách hàng hoặc của công ty nhượng TBH</p> <p>+ SOA/SOL đủ điều kiện thanh toán: đáp ứng đủ 2 điều kiện bao gồm</p> <ul style="list-style-type: none"> SOA/SOL đã có xác nhận của công ty nhận/nhượng tái bảo hiểm SOA đã thu được phí bảo hiểm từ khách hàng hoặc SOL bồi thường nhận đã thu phí nhận TBH được từ công ty tái bảo hiểm <p>+ SOA/SOL đã thanh toán</p>					
	698	The system provide feature to clarify between SOA that BIC issues to the ceding company and SOA that confirms payment to the ceding company.	Hệ thống cung cấp tính năng phân biệt SOA mà BIC phát hành gửi công ty nhượng tái và SOA xác nhận thanh toán công ty nhượng tái.	M				
	699	The system allows users to create SOA feedback/ confirmation of receivables/ payables, in which the Ref. field is the SOA code sent by the Reinsurance company	Hệ thống cho phép người dùng tạo lập SOA phản hồi/ xác nhận các khoản phải thu/ phải trả, trong đó chi tiết trường Ref. là mã số của SOA công ty Tái bảo hiểm gửi	M				
	700	The system sets up alerts for SOA/SOL payments that are due or past due, and sends reminder emails to users, Attach a list of insurance policies/ claim files that have not yet had an SOA issued, along with the overdue deadlines	Hệ thống thiết lập cảnh báo các SOA/SOL đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán, gửi email nhắc đến cán bộ quản lý, đính kèm danh sách các đơn bảo hiểm/ hồ sơ bồi thường chưa lập SOA và thời hạn quá hạn	M				
	701	The system allows making payment requests to reinsurers based on the reinsurer's list of SOA/SOLs eligible for payment. The system allows making payment requests on 1 or more	Hệ thống cho phép lập đề nghị thanh toán cho công ty tái bảo hiểm trên cơ sở danh sách SOA/SOL đủ điều kiện thanh toán của nhà tái. Hệ thống cho phép lập đề nghị thanh toán trên	M				

			SOA/SOL and allows offset on payment requests.	1 hoặc nhiều SOA/SOL và cho phép đối trừ trên đề nghị thanh toán.					
		702	The system allows linking with bank payment software to transfer money according to payment requests created by reinsurance officers.	Hệ thống cho phép liên kết với phần mềm thanh toán ngân hàng để làm thủ tục thanh toán theo đề nghị thanh toán cán bộ tái bảo hiểm tạo	M				
		703	The system allow to manage, search, track and export debt reports according to SOA/SOL is not limited to search and reporting information fields (by SOA/SOL number, Reinsurance Company, FAC/TREATY, SOA/SOL status, ...)	Hệ thống quản lý, tra cứu, theo dõi và kết xuất báo cáo công nợ theo SOA/SOL không giới hạn các trường thông tin tìm kiếm và lên báo cáo (theo số SOA/SOL, Công ty tái bảo hiểm, FAC/TREATY, trạng thái SOA/SOL, ...)	M				
		704	The system allows automatic updating of SOA/SOL status + After the insurance policy has collected the original premium, the system automatically updates the SOA status of the ceding premium to collected Reinsurance accepted premium. + Compensation SOL is received after collection from the reinsurance company, the system automatically updates the compensation SOL status to collected original premium + SOA/SOL is automatically accounted for and debts are settled according to the approved payment request, the system updates the paid SOA/SOL status	Hệ thống cho phép tự động cập nhật tình trạng SOA/SOL + Đơn bảo hiểm sau khi thu được phí gốc, hệ thống tự động cập nhật trạng thái SOA phí nhượng thành đã thu được phí gốc + SOL bồi thường nhận: sau khi thu đòi được từ công ty tái bảo hiểm, hệ thống tự động cập nhật trạng thái SOL bồi thường nhận thành đã thu được phí nhận tái bảo hiểm + SOA/SOL được tự động hạch toán và tất toán công nợ theo đề nghị thanh toán được duyệt, hệ thống cập nhật trạng thái SOA/SOL đã thanh toán	M				
		705	The system allows unlimited attachment of payment confirmation (SOA/SOL) of the reinsurer, reinsurance/reinsurance ceding contract.	Hệ thống cho phép đính kèm không giới hạn bản xác nhận thanh toán (SOA/SOL) của nhà tái, hợp đồng nhận/nhượng tái bảo hiểm	M				
		706	The system allows setting up debt age tracking for all insurance policies with treaty reinsurance according to the treaty reinsurance	Hệ thống cho phép thiết lập theo dõi tuổi nợ đối với toàn bộ các đơn bảo hiểm có nhượng tái cố định theo hợp đồng nhượng tái cố định đã thỏa thuận	M				
		707	The system allows tracking the aging of temporary reinsurance for each insurance policy with temporary ceded reinsurance, based on the deadline agreed in the reinsurance contract or upon receipt of confirmation from the reinsurer	Hệ thống cho phép thiết lập theo dõi tuổi nợ đối với Tái tạm thời theo từng đơn bảo hiểm có nhượng tái tạm thời theo thời hạn đã thỏa thuận trên hợp đồng hoặc sau khi nhận được xác nhận của công ty TBH	M				
		708	The system allows calculating debt age (ageing of reinsurance balances) by different methods, including but not limited to:	Hệ thống cho phép tính tuổi nợ (là tuổi của công nợ Tái bảo hiểm) theo các phương thức khác nhau, không giới hạn bao gồm:	M				

			<div>+ Debt age for unissued SOA insurance policies: Debt age is calculated according to treaty/ facultative reinsurance contracts. In case the reinsurance contract does not stipulate, it shall be calculated according to the payment term of the original insurance policy contract</div> <div>+ Debt age for insurance policies (Offsetting receivables and payables) that have issued SOA but have not yet been confirmed by the reinsurance company: Debt age is calculated according to treaty/ facultative reinsurance contracts. In case the reinsurance contract does not stipulate, it shall be calculated from the time of issuance of the SOA</div> <div>+ Debt age for insurance policies (Offsetting receivables and payables) that have issued SOA and have been confirmed by the reinsurance company: calculated from the time of agreement in the contract, if the contract does not mention it, then from the date of final confirmation between the two companies.</div>	<div>+ Tuổi nợ với các đơn bảo hiểm chưa phát hành SOA: Tuổi nợ tính theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định/tạm thời. Trường hợp hợp đồng tái bảo hiểm không quy định thì tính theo thời hạn thanh toán hợp đồng đơn bảo hiểm gốc</div> <div>+ Tuổi nợ (đối trừ các khoản phải thu phải trả) với các đơn bảo hiểm đã phát hành SOA nhưng chưa có xác nhận của công ty tái bảo hiểm: Tuổi nợ tính theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định/ tạm thời. Trường hợp hợp đồng tái bảo hiểm không quy định thì tính từ thời điểm phát hành SOA</div> <div>+ Tuổi nợ (đối trừ các khoản phải thu phải trả) với các đơn bảo hiểm đã phát hành SOA và có xác nhận của công ty tái bảo hiểm: tính từ thời điểm thỏa thuận trong hợp đồng tái, nếu hợp đồng không nhắc tới thì tính từ ngày xác nhận cuối cùng giữa 2 công ty</div>				
	709	The system automatically reminds the issuance of SOA (as set by the authorized user) each period (with treaty) or each insurance policy (facultative).	Hệ thống tự động nhắc nhở việc phát hành SOA (theo thiết lập của người dùng có thẩm quyền) theo từng kỳ (với treaty) hoặc từng đơn bảo hiểm (tái tạm thời)	M				
	710	The system allows automatic accounting of reinsurance receivables/payables settlement after detecting that the reinsurance payment request has been successfully transferred to the reinsurer or that BIC has received funds from the reinsurer.	Hệ thống cho phép tự động hạch toán tất toán công nợ Tái bảo hiểm sau khi đã nhận biết đề nghị thanh toán Tái bảo hiểm đã được chuyển tiền thành công cho đối tác Tái bảo hiểm hoặc BIC đã thu được tiền từ đối tác	M				
		Claim payment	Thanh toán bồi thường					
	711	<div>The system allows making compensation payment requests and detailing each payable item including but not limited to the following:</div> <div><div>- Payment of compensation</div><div>- Payment of survey fee</div><div>- Payment of lawyer fees</div><div>- Payment of the cost of copying documents (police records, medical records, etc.)</div><div>- Payment of administrative costs (paid to Hospitals for guarantee)</div><div>- Payment of court fees and arbitration fees</div></div>	<div>Hệ thống cho phép lập đề nghị thanh toán bồi thường và chi tiết tới từng khoản phải trả bao gồm nhưng không giới hạn như sau:</div> <div><div>- Thanh toán bồi thường</div><div>- Thanh toán phí giám định</div><div>- Thanh toán phí thuê luật sư</div><div>- Thanh toán chi phí chi phí sao chụp hồ sơ (hồ sơ công an, bệnh án...)</div><div>- Thanh toán chi phí hành chính (trả cho các Bệnh viện phục vụ công tác bảo lãnh)</div><div>- Thanh toán án phí, phí trọng tài</div></div>	M	5			

			<ul style="list-style-type: none"> - Payment of expert fees - Payment of valuation fees - Payment of other costs related to compensation survey (for example, annual IPA for emergency medical assistance abroad...) - Payment of commercial compensation costs - Management of compensation payment information of Follower insurance company when BIC is the Leader and only paying BIC's responsibility - Management of TPA payment information (in case BIC deploys premium health insurance and hires TPA from abroad) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán phí chuyên gia - Thanh toán phí thẩm định giá - Thanh toán chi phí khác liên quan đến giám định bồi thường (ví dụ thường niên IPA hỗ trợ y tế khẩn cấp ở nước ngoài...) - Thanh toán chi phí bồi thường thương mại - Quản lý thông tin thanh toán bồi thường của công ty bảo hiểm Follower khi BIC là Leader và chỉ thanh toán phần trách nhiệm của BIC - Quản lý thông tin thanh toán chi phí TPA (trong trường hợp BIC triển khai bảo hiểm Sức khỏe cao cấp và thuê TPA từ nước ngoài) 					
		712	The system displays a warning when create a payment request for claims for which the original insurance policy has not yet paid the premium or settle overdue premiums after the due date	Hệ thống hiển thị cảnh báo khi lập đề nghị thanh toán cho những hồ sơ khiếu nại mà đơn bảo hiểm gốc chưa thanh toán phí hoặc thanh toán phí sau thời hạn cho nợ phí	M				
		713	the system provides features to transfer request to authorized user, supporting the automatic payment for some small value claim records (defined in the general rules section).	Hệ thống cung cấp tính năng trình duyệt thanh toán online trên Hệ thống, hỗ trợ tính năng tự động thanh toán đối với một số hồ sơ có giá trị nhỏ (được định nghĩa ở phần quy tắc chung)	M				
		714	The system allows integration with other system to receive result about payment request. For example: declare losses and approve compensation costs systems and sales channels outside the core	Hệ thống cho phép tích hợp kết quả, quá trình trình duyệt thanh toán online ngoài hệ thống core. Ví dụ: khai báo tổn thất và trình duyệt chi phí bồi thường ở các hệ thống, kênh bán ngoài core	M				
		715	Support create payment requests for 1 or more claim records at the same time. Information on payment request includes, without limitation, the following: + Number + claim records (*) + Subject of loss + Customer + Business code + Business group + Type of loss + Beneficiary + Account number + Bank name + Form + Currency type	Hỗ trợ lập Đề nghị thanh toán cho 1 hoặc nhiều hồ sơ khiếu nại cùng một lúc. Thông tin trình duyệt thanh toán bao gồm không giới hạn như sau: + Số thứ tự + Hồ sơ bồi thường (*) + Đối tượng tổn thất + Khách hàng + Mã nghiệp vụ + Nhóm nghiệp vụ + Loại hình tổn thất + Đối tượng thụ hưởng + Số tài khoản + Tên ngân hàng + Hình thức + Loại tiền	M				

			+ Amount + Tax amount + Total amount + Payment content + ... (*) required information	+ Số tiền + Tiền thuế + Tổng tiền + Nội dung thanh toán + ... (*): thông tin bắt buộc				
		716	The system supports claim payments in batches for approved payment requests	Hệ thống hỗ trợ thanh toán bồi thường theo lô đối với những đề nghị thanh toán đã được duyệt	M			
		717	The system allows automatic accounting for payment request (already pay), according to each entry arising from the claim: + Payment of survey costs + Payment of compensation + Payment of advance + Payment of lawyer fees + Payment of other expenses: Copying documents, police, medical records, etc. +...	Hệ thống cho phép tự động hạch toán đối với bảng kê bồi thường đã được thanh toán, theo từng bút toán phát sinh theo khiếu nại: + Thanh toán chi phí giám định + Thanh toán bồi thường + Thanh toán tạm ứng + Thanh toán phí luật sư + Thanh toán các chi phí khác: sao chụp hồ sơ, công an, hồ sơ bệnh án, ... +...	M			
		718	The system must support integration with the electronic invoice system to synthesize information about payment invoices for partners, including: claim costs, taxes, fees, and related charges.	Hệ thống phải hỗ trợ tích hợp với hệ thống hóa đơn điện tử để tổng hợp các thông tin về hóa đơn thanh toán cho đối tác bao gồm: chi phí bồi thường tổn thất, thuế, phí, các lệ phí liên quan.	M			
		719	The system provides integration with payment gateways to automatically confirm which claims have been paid and record payment dates.	Hệ thống cung cấp khả năng tích hợp với các cổng thanh toán để tự động xác nhận thông tin bồi thường cho khiếu nại nào đã được thanh toán và ghi nhận ngày thanh toán	M			
	7.2. Self-service Enablement/ Hỗ trợ khả năng tự phục vụ	720	The system must provide multi language capability for all self service, portal, online billing functions and communications.	Hệ thống phải cung cấp đa ngôn ngữ cho tất cả các chức năng tự phục vụ, cổng thông tin, thanh toán trực tuyến và truyền thông.	M	0.5		
	7.3. Commissions & Producer Management/ Quản lý Hoa hồng và đại lý		Payment of partner/sales channel	Thanh toán/đối trừ phí đối tác/ kênh bán				
		721	The system allows setting up schedules to create premium payment statements for partners/sales channels automatically	Hệ thống cho phép thiết lập lịch tạo bảng kê thanh toán phí cho đối tác/ kênh bán tự động	M	0.5		
		722	The system provides functionality that allows users to manage (search/ view/ add/ receive and store/ edit/ delete) payment statements for partners/ sales channels.	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép người dùng quản lý (tra cứu/ xem/ thêm mới/ tiếp nhận và lưu trữ/ chỉnh sửa/ xóa) bảng kê thanh toán cho đối tác/ kênh bán	M			
			Create payment statements for partners/sales channels	Tạo bảng kê thanh toán cho đối tác/ kênh bán				

		723	The system allows receiving and storing payment statements sent from partners/sales channels/external payment systems.	Hệ thống cho phép tiếp nhận và lưu trữ bảng kê thanh toán được gửi từ đối tác/ kênh bán/ hệ thống thanh toán bên ngoài	M	0.5			
		724	The system allows automatically creating payment statements for partners/sales channels according to setting rules	Hệ thống cho phép tự động tạo bảng kê thanh toán cho đối tác/ kênh bán theo các quy tắc đã được thiết lập	M				
		725	The system allows selecting criteria to create premium payment statements for partners/sales channels manually	Hệ thống cho phép lựa chọn tiêu chí để lập bảng kê thanh toán phí cho đối tác/ kênh bán thủ công	M				
		726	The system allows recording other payments into the payment statements for partners/sales channels, updating invoice and receipt information, and uploading files of invoices/receipts/statements submitted by the partner or sales channel corresponding to the partner/sales channel payment statement.	Hệ thống cho phép ghi nhận vào bảng kê thanh toán cho đối tác/ kênh bán các khoản chi trả khác, cập nhật thông tin hóa đơn và chứng từ thu/ bảng kê do kênh bán gửi, upload file hóa đơn/chứng từ thu/ bảng kê do đối tác/ kênh bán gửi tương ứng với bảng kê thanh toán đối tác/ kênh bán	M				
		727	The system allows users to update the statement confirmation status for partners/sales channels manually	Hệ thống cho phép người dùng cập nhật tình trạng xác nhận bảng kê cho đối tác/ kênh bán thủ công	M				
			Create payment requests to partners/sales channels	Lập đề nghị thanh toán cho đối tác/ kênh bán					
		728	The system allows automatically making payment requests to partners/sales channels and transferring to the payment system	Hệ thống cho phép tự động lập đề nghị thanh toán cho đối tác/ kênh bán và chuyển hệ thống thanh toán với các bảng kê phải trả (BIC phải trả cho đối tác/ kênh bán) đã được xác nhận	M	1			
		729	The system allows automatic transfer to accountants with confirmed receivable statements (BIC receivable from partners/sales channels).	Hệ thống cho phép tự động chuyển kế toán với các bảng kê phải thu (BIC phải thu từ đối tác/ kênh bán) đã được xác nhận	M				
		730	The system performs insurance premium collection reminders in case partners/sales channels are authorized to collect premiums if the insurance premium payment is due but has not been paid. (*) Information on premium collection is get from the service contract with the partner/sales channel	Hệ thống thực hiện nhắc nhở thu phí bảo hiểm trường hợp các đối tác/ kênh bán có ủy quyền thu phí nếu đến hạn thanh toán thanh toán phí bảo hiểm mà chưa thanh toán (*) Thông tin về ủy quyền thu phí lấy từ hợp đồng dịch vụ với đối tác/ kênh bán	M				
		731	The system allows offset debts when the statement has been paid.	Hệ thống cho phép hạch toán tất toán các khoản công nợ với đối tác/ kênh bán khi đã nhận biết bảng kê đã được thanh toán	M				
			Payment for agent	Thanh toán/đối trừ hoa hồng đại lý					

		732	The system allows setting rules to create a statement of commissions payment, and other payments to agents including but not limited to: - Agent's operating status - Premium payment status of the insurance policy For example: The agent is open, premium have been collected; commissions, support cost have not been paid,...	Hệ thống cho phép thiết lập điều kiện để lập bảng kê thanh toán hoa hồng, hỗ trợ và các khoản chi trả khác cho đại lý bao gồm nhưng không giới hạn: - Tình trạng hoạt động của đại lý - Tình trạng thanh toán phí của đơn bảo hiểm Ví dụ: Đại lý đang hoạt động, các đơn đã thực thu, chưa thanh toán hoa hồng, hỗ trợ, ...	M	1			
		733	The system allows setting up a schedule to create and send confirmation of payment statements for commission, support and other payments to agents periodically/each time with specific agents and conditions (amount of payment, effective period of insurance policy, ...)	Hệ thống cho phép thiết lập lịch tạo và gửi xác nhận bảng kê thanh toán hoa hồng, hỗ trợ và các khoản chi trả khác cho đại lý theo định kỳ/từng lần với các đối tượng đại lý, điều kiện cụ thể (số tiền thanh toán, thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm, ...)	M				
		734	The system provides functions that allow users to manage (search/add/edit/delete) lists of commissions, support cost and other payments to agents.	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép người dùng quản lý (tra cứu/ thêm mới/ chỉnh sửa/ xóa) bảng kê hoa hồng, hỗ trợ và các khoản chi trả khác cho đại lý	M				
		Create payment statements for agents		Tạo bảng kê thanh toán cho đại lý					
		735	The system allows automatic generation of payment statements for agents based on predefined rules, conditions, and schedules, with electronic signatures applied to the statements.	Hệ thống cho phép tự động tạo bảng kê thanh toán cho đại lý theo các quy tắc điều kiện và lịch đã được thiết lập và ký số trên bảng kê	M	1			
		736	The system allows selection of agents, effective period of insurance policy/contract, insurance policy/contract to create manual payment statements for agents.	Hệ thống cho phép lựa chọn đại lý, thời gian hiệu lực của đơn/ hợp đồng bảo hiểm, đơn/ hợp đồng bảo hiểm để lập bảng kê thanh toán cho đại lý thủ công	M				
		737	The system prevents creating payment statements for agents with insurance policies/contracts, agents, etc. that do not meet the conditions for creating agent payment statements as pre-defined.	Hệ thống ngăn không cho tạo bảng kê thanh toán cho đại lý với các đơn/ hợp đồng bảo hiểm, đại lý, ... không đáp ứng các điều kiện lập bảng kê thanh toán đại lý theo thiết lập	M				
		738	The system automatically uploads data for the statement according to the user's choices, the content of the statement includes unlimited information: - Statement number - Statement creator, date of statement - Agent information: agent code, agent name, tax code, agent's bank account information,...	Hệ thống tự động lên dữ liệu cho bảng kê theo các lựa chọn của người dùng, nội dung bảng kê bao gồm không giới hạn các thông tin: - Số bảng kê - Người lập bảng kê, ngày lập bảng kê - Thông tin đại lý: mã đại lý, tên đại lý, MST, thông tin tài khoản ngân hàng của đại lý, ...	M				

		<p>- Details</p> <p>(1) with the Institutional Agent</p> <ul style="list-style-type: none"> + Invoice number + Insurance policy/contract number + Payment schedule + Currency unit, Exchange rate + Paid insurance premium does not include VAT (1), Conversion of insurance premium does not include VAT (1), Sum Insured (3) (= (1)+(2)) + Agency commission rate (4), Commission excluding VAT (5) (= (4)*(3)), VAT1 (%) (6), Commission including VAT (7) (= (5) + (5)*(6)) + Support rate (8), Support amount excluding VAT (9) (= (8)*(5)), VAT2 (%) (10), Support amount including VAT (11) (= (9) + (9)*(10)) + Amount of remaining receivable/ payable on the insurance policy/contract (12) = Total insurance premium (3) - Commission including VAT (7) - Support amount including VAT (11) <p>Total debt on the entire statement/ amount actually paid = Total remaining receivable/ payable on insurance policies/ contracts</p> <p>(2) with an Individual Agent</p> <ul style="list-style-type: none"> + Invoice number + Insurance policy/contract number + Payment schedule + Currency unit, Exchange rate + Insurance premium paid (1) + Agent commission rate (2), Commission (3) (= (1)*(2)) + Support rate (4), Support amount (5) (= (3)*(4)) + Amount of remaining receivable/ payable on the insurance policy/contract (6) = Insurance premium (1) - Commission (3) - Support amount (5) + Personal income tax rate (%) (7), Personal income tax (8) 	<p>- Thông tin chi tiết</p> <p>(1) với Đại lý tổ chức</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số hóa đơn + Số đơn/ hợp đồng bảo hiểm + Lịch thanh toán + Đơn vị tiền tệ, Tỷ giá + Phí bảo hiểm đã thanh toán chưa bao gồm VAT (1), Quy đổi phí bảo hiểm chưa bao gồm VAT (1), Tổng phí bảo hiểm (3) (= (1)+(2)) + Tỷ lệ hoa hồng đại lý (4), hoa hồng chưa bao gồm VAT (5) (= (4)*(3)), VAT1 (%) (6), hoa hồng bao gồm VAT (7) (= (5) + (5)*(6)) + Tỷ lệ hỗ trợ (8), Số tiền hỗ trợ chưa bao gồm VAT (9) (= (8)*(5)), VAT2 (%) (10), Số tiền hỗ trợ bao gồm VAT (11) (= (9) + (9)*(10)) + Số phí còn phải thu/ phải trả trên đơn/ hợp đồng bảo hiểm (12) = Tổng phí bảo hiểm (3) - hoa hồng bao gồm VAT (7) - Số tiền hỗ trợ bao gồm VAT (11) <p>Tổng công nợ trên toàn bảng kê/ số tiền thực trả = Tổng số phí còn phải thu/ phải trả trên các đơn/ hợp đồng bảo hiểm</p> <p>(2) với Đại lý cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số hóa đơn + Số đơn/ hợp đồng bảo hiểm + Lịch thanh toán + Đơn vị tiền tệ, Tỷ giá + Phí bảo hiểm đã thanh toán (1) + Tỷ lệ hoa hồng đại lý (2), hoa hồng (3) (= (1)*(2)) + Tỷ lệ hỗ trợ (4), Số tiền hỗ trợ (5) (= (3)*(4)) + Số phí còn phải thu/ phải trả trên đơn/ hợp đồng bảo hiểm (6) = Phí bảo hiểm (1) - hoa hồng (3) - Số tiền hỗ trợ (5) + Tỷ lệ thuế thu nhập cá nhân (%) (7), Tiền thuế TNCN (8) <p>Tổng công nợ trên toàn bảng kê/ số tiền thực trả = Tổng số phí còn phải thu/ phải trả</p>					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			<p>Total debt on the entire statement/ amount actually paid = Total remaining receivable/ payable on insurance policies/ contracts - Personal income tax (8)</p> <p>(*) Commission rate, support rate is taken from insurance contracts</p> <p>(**) VAT information is taken from the Tax Rates category and only applies to Institutional Agents</p> <p>(***) Personal income tax rate is applicable only to individual agents taken from the tax rate list. Personal income tax is automatically calculated based on the taxable amount of commission and support</p> <p>(****) The statement allows displaying receivable/payable debts on the policy in cases leading to an increase/decrease/refund of insurance premiums; in case the term of the insurance policy/contract has been paid; in case the policy has actual collection arising at the time the agency contract has expired without liquidating the insurance contract, ...</p>	<p>trên các đơn/ hợp đồng bảo hiểm - Tiền thuế TNCN (8)</p> <p>(*) Tỷ lệ hoa hồng, hỗ trợ lấy thông tin từ hợp đồng bảo hiểm</p> <p>(**) Thông tin VAT được lấy từ danh mục Thuế suất và chỉ áp dụng cho Đại lý tổ chức</p> <p>(***) Tỷ lệ thuế TNCN chỉ áp dụng với đại lý cá nhân được lấy từ danh mục thuế suất. Tiền thuế TNCN tự động tính toán dựa trên số tiền hoa hồng, hỗ trợ chịu thuế</p> <p>(****) Bảng kê cho phép hiển thị công nợ phải thu/ phải trả trên đơn trong các trường hợp dẫn đến tăng/ giảm/ hoàn phí bảo hiểm; trường hợp kỳ của đơn/ hợp đồng bảo hiểm đã thanh toán; trường hợp đơn có khoản thực thu phát sinh tại thời gian hợp đồng đại lý đã hết hiệu lực mà không thanh lý hợp đồng bảo hiểm, ...</p>				
	739	<p>The system warns of insurance policies having actual collection when the agency contract is no longer effective, allowing users to view detailed information including:</p> <ul style="list-style-type: none">- Insurance policy- Actual collection when the contract expires- Time of actual collection arising- Effective period of agency contract- Information on liquidation of insurance contracts when the agency contract expires as specified in the agency contract	<p>Hệ thống thực hiện cảnh báo các đơn bảo hiểm có thực thu khi hợp đồng đại lý không còn hiệu lực, cho phép người dùng xem thông tin chi tiết bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn bảo hiểm- Khoản thực thu khi hợp đồng hết hiệu lực- Thời gian phát sinh khoản thực thu- Thời gian hiệu lực hợp đồng đại lý- Thông tin thanh lý hợp đồng bảo hiểm khi hợp đồng đại lý hết hiệu lực quy định từ hợp đồng đại lý	M				
	740	<p>The system allows users to edit information on the statement and enter the reason for editing, allows recording commissions and other payments in the statement, updating/ uploading invoice files/collection documents for agent commission payment statement</p>	<p>Hệ thống cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin trên bảng kê và nhập lý do chỉnh sửa, cho phép ghi nhận vào bảng kê các khoản thưởng hoa hồng, các khoản chi trả khác, cập nhật/upload file hóa đơn/chứng từ thu cho bảng kê thanh toán phí đại lý</p>	M				
	741	<p>The system allows to look up and view detailed statement information. Information includes but is not limited to the following criteria:</p> <ul style="list-style-type: none">- Statement number	<p>Hệ thống cho phép tra cứu và xem chi tiết thông tin bảng kê. Thông tin tra cứu theo bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none">- Số bảng kê	M				

		<ul style="list-style-type: none"> - Time of statement preparation - Statement preparer - Agent name - Statement status - Payment request number 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian lập bảng kê - Người lập bảng kê - Tên đại lý - Trạng thái bảng kê - Số đề nghị thanh toán 					
	742	The system allows users to delete statements in the Drafting status	Hệ thống cho phép người dùng xóa bảng kê ở trạng thái Đang soạn thảo	M				
		Compare/confirm payment statements for agents	Đối chiếu/ xác nhận bảng kê thanh toán cho đại lý					
	743	<p>The system provides features to allows users to set up a process to compare/confirm statements according to authority</p> <p>For example:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Users at a branch act on statements made by the users themselves + Confirm the statement + Send a request to confirm the statement to the agent contact + Receive requests to edit statements from agent contacts - Agent contact acts on the agent's own statement + View and send requests to edit statements + Confirm the statement 	<p>Hệ thống cung cấp chức năng cho phép người dùng thiết lập quy trình đối chiếu/ xác nhận bảng kê theo thẩm quyền</p> <p>ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người dùng ở 1 đơn vị thực hiện trên các bảng kê do chính người dùng lập + Xác nhận bảng kê + Gửi yêu cầu xác nhận bảng kê đến đầu mỗi đại lý + Tiếp nhận các yêu cầu chỉnh sửa bảng kê từ đầu mỗi đại lý - Đầu mỗi đại lý thực hiện trên bảng kê của chính đại lý + Xem và gửi yêu cầu chỉnh sửa bảng kê + Xác nhận bảng kê 	M	1			
	744	The system provides features to allows users to compare/confirm statements according to established procedures	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép người dùng thực hiện thực hiện đối chiếu/ xác nhận bảng kê theo quy trình được thiết lập	M				
	745	The system allows automatically sending payment statements to agents according to established conditions, schedules, and authority level.	Hệ thống cho phép tự động gửi bảng kê thanh toán cho đại lý theo các quy tắc điều kiện, lịch được thiết lập và phân cấp thẩm quyền	M				
		Update payment statement status for agents	Cập nhật trạng thái bảng kê thanh toán cho đại lý					
	746	The system allows updating the statement confirmation status in case the agent confirms via online channel/email/...	Hệ thống cho phép cập nhật trạng thái xác nhận bảng kê trường hợp đại lý xác nhận qua kênh trực tuyến/ email/ ...	M	0.5			
	747	The system allows users to update the statement confirmation status for agents manually	Hệ thống cho phép người dùng cập nhật trạng thái xác nhận bảng kê cho đại lý thủ công	M				
	748	The system allows automatically making payment requests to agents with payable statements (BIC paid to agents) that have been confirmed by both sides (BIC confirmed and	Hệ thống cho phép tự động lập đề nghị thanh toán cho đại lý với các bảng kê phải trả (BIC trả cho đại lý) đã được xác nhận hai chiều (BIC xác nhận và Đại lý xác nhận) và chuyển kế toán	M				

			Agent confirmed) and transferring to accountant.						
	749	The system allows storing/ viewing and looking up historical information for the entire process of creating/ updating/ sending confirmation/ rejecting/ approving/... statements and requesting payments to agents. Information includes but is not limited to: - Operation - Update time - The operator ...	Hệ thống cho phép lưu/ xem và tra cứu thông tin lịch sử toàn bộ quá trình tạo mới/ cập nhật/ gửi xác nhận/ từ chối/ duyệt/ ... bảng kê, đề nghị thanh toán cho đại lý. Thông tin bao gồm nhưng không giới hạn: - Thao tác - Thời gian cập nhật - Người thao tác ...	M					
	750	The system allows settlement accounting of agent commission/agency support debts once the statement has been identified as paid.	Hệ thống cho phép hạch toán tất toán các khoản công nợ hoa hồng đại lý/hỗ trợ đại lý khi đã nhận biết bảng kê đã được thanh toán	M					
		Payment for broker	Thanh toán/đổi trừ phí môi giới						
	751	The system allows setting up a schedule to create and send confirmation about commission for broker (periodically/each time with rules, conditions, brokerage subjects,...)	Hệ thống cho phép thiết lập lịch tạo và gửi xác nhận bảng kê thanh toán phí môi giới theo định kỳ/ từng lần với các quy tắc, điều kiện, đối tượng môi giới, ...	O	1				
	752	the system provides features to allow users to manage (look up/ view/ add new/ edit/ delete) commission statements for brokers.	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép người dùng quản lý (tra cứu/ xem/ thêm mới/ chỉnh sửa/ xóa) bảng kê cho môi giới	M					
		Create payment statements for brokers	Tạo bảng kê thanh toán cho môi giới						
	753	The system allows automatically creating payment statements for agents according to predefined schedule and condition rules	Hệ thống cho phép tự động tạo bảng kê thanh toán cho môi giới theo các quy tắc điều kiện và lịch định sẵn	O	0.5				
	754	The system allows manual selection of broker criteria to prepare payment statements for brokers including but not limited to: - Effective period of the insurance policy - Insurance policy/contract - Underwriter	Hệ thống cho phép lựa chọn môi giới tiêu chí để lập bảng kê thanh toán cho môi giới thủ công bao gồm nhưng không giới hạn: - Thời gian hiệu lực của đơn bảo hiểm - Đơn/ hợp đồng bảo hiểm - Khai thác viên	M					
	755	The system automatically uploads data for the statement according to the user's choices, the content of the statement includes but is not limited to: - Statement number - Preparer, date of preparation - Brokerage company information: broker code, tax code, broker's bank account information,... - Details:	Hệ thống tự động lên dữ liệu cho bảng kê theo các lựa chọn của người dùng, nội dung bảng kê bao gồm nhưng không giới hạn: - Số bảng kê - Người lập, ngày lập - Thông tin công ty môi giới: mã môi giới, MST, thông tin tài khoản ngân hàng của môi giới, ... - Thông tin chi tiết:	M					

		<ul style="list-style-type: none"> + Insurance policy/contract number, Endorsement code + Currency unit, Exchange rate + Insurance premium excluding VAT (1), Conversion of insurance premium excluding VAT (1), Total insurance premium (3) (= (1)+(2)) + Brokerage commission rate (4), Commission excluding VAT (5) (= (4)*(3)), VAT (%) (6), Commission including VAT (7) (= (5) + (5)*(6)) + Amount of remaining receivable/payable on the insurance policy/contract - Total debt on the entire statement ... (*) VAT information is taken from the Tax Rates category (**) The remaining fee receivable on the insurance policy/contract is automatically calculated based on: <ul style="list-style-type: none"> - The contract does not allow offset: Amount of remaining payable on insurance policy/contract = 0 - The contract allows offset: Amount of remaining payable on the insurance policy/contract = Total insurance premium (3) - Commission including VAT (7) In particular, information offset or not is get from the regulations on the brokerage agreement (***) The statement allows displaying debts receivable/payable on the policy in cases increase/decrease/refund of insurance premiums, periods of paid insurance policies/contracts 	<ul style="list-style-type: none"> + Số đơn/ hợp đồng bảo hiểm, Mã số sửa đổi bổ sung + Đơn vị tiền tệ, Tỷ giá + Phí bảo hiểm chưa bao gồm VAT (1), Quy đổi phí bảo hiểm chưa bao gồm VAT (1), Tổng phí bảo hiểm (3) (= (1)+(2)) + Tỷ lệ hoa hồng môi giới (4), hoa hồng chưa bao gồm VAT (5) (= (4)*(3)), VAT (%) (6), hoa hồng bao gồm VAT (7) (= (5) + (5)*(6)) + Số phí còn phải thu/ phải trả trên đơn/ hợp đồng bảo hiểm - Tổng công nợ trên toàn bảng kê ... (*) Thông tin VAT được lấy từ danh mục Thuế suất (**) Số phí còn phải thu trên đơn/ hợp đồng bảo hiểm được tự động tính toán dựa theo: <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng không cho phép đối trừ: Số phí còn phải thu trên đơn/ hợp đồng bảo hiểm = 0 - Hợp đồng cho phép đối trừ: Số phí còn phải thu trên đơn/ hợp đồng bảo hiểm = Tổng phí bảo hiểm (3) - hoa hồng bao gồm VAT (7) Trong đó, thông tin cho phép đối trừ phí được lấy từ quy định trên thỏa thuận môi giới (***) Bảng kê cho phép hiển thị công nợ phải thu/ phải trả trên đơn trong các trường hợp dẫn đến tăng/ giảm/ hoàn phí bảo hiểm, kỳ của đơn/ hợp đồng bảo hiểm đã thanh toán 					
	756	<p>The system allows editing information on the statement and entering the reason for the edit, allowing recording of commission bonuses in the payment statement for brokers, updating invoice information and receipt documents/ statements sent by broker, uploading invoice file/ receipt documents/ statements sent by</p>	<p>Hệ thống cho phép chỉnh sửa thông tin trên bảng kê và nhập lý do chỉnh sửa, cho phép ghi nhận vào bảng kê thanh toán cho môi giới các khoản thưởng hoa hồng, cập nhật thông tin hóa đơn và chứng từ thu/ bảng kê do môi giới gửi, upload file hóa đơn/chứng từ thu/ bảng kê do môi giới gửi tương ứng với bảng kê thanh toán phí môi giới</p>	M				

			broker corresponding to brokerage commission payment statement						
	757	The system allows to look up and view detailed statement information. Information includes but is not limited to the following criteria: - Statement number - Time of statement preparation - Statement preparer - Broker name - Statement status - Payment request number	Hệ thống cho phép tra cứu và xem chi tiết thông tin bảng kê. Thông tin tra cứu theo bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí: - Số bảng kê - Thời gian lập bảng kê - Người lập bảng kê - Tên môi giới - Trạng thái bảng kê - Số đề nghị thanh toán	M					
	758	The system allows users to delete statements in the Drafting state	Hệ thống cho phép người dùng xóa bảng kê ở trạng thái Đang soạn thảo	M					
		Compare/confirm payment statements for broker	Đối chiếu/ xác nhận bảng kê thanh toán cho môi giới						
		Send confirmation of payment statement to broker	Gửi xác nhận bảng kê thanh toán cho môi giới						
	759	The system allows users to send and request confirmation of statements to brokers via online channels/email/...	Hệ thống cho phép người dùng gửi và yêu cầu xác nhận bảng kê đến môi giới qua các kênh trực tuyến/ email/ ...	M	0.5				
	760	The system allows automatically sending payment statements to brokers according to established schedule and condition rules	Hệ thống cho phép tự động gửi bảng kê thanh toán cho môi giới theo các quy tắc điều kiện và lịch đã được thiết lập	O					
	761	The system allows updating the statement confirmation status in case the broker confirms via online channel/email/...	Hệ thống cho phép cập nhật trạng thái xác nhận bảng kê trường hợp môi giới xác nhận qua kênh trực tuyến/ email/ ...	M					
	762	The system allows users to update the statement confirmation status for broker manually	Hệ thống cho phép người dùng cập nhật trạng thái xác nhận bảng kê cho môi giới thủ công	M					
		Make payment requests to broker	Lập đề nghị thanh toán cho môi giới						
	763	The system allows automatically making payment requests to brokers and sending payable statements (BIC paid to brokers) that have been confirmed by both sides (BIC confirmed and broker confirmed) to the accountant.	Hệ thống cho phép tự động lập đề nghị thanh toán cho môi giới và chuyển kế toán với các bảng kê phải trả (BIC phải trả cho môi giới) đã được xác nhận từ hai phía (BIC xác nhận và môi giới xác nhận)	M	0.5				
	764	The system allows digital signatures on payment requests to broker	Hệ thống cho phép ký số trên đề nghị thanh toán thanh toán cho môi giới	O					
	765	The system warns of insurance policies and corresponding commission that BIC has not yet collected the insurance premiums mentioned in the payment request.	Hệ thống thực hiện cảnh báo các đơn bảo hiểm và khoản phí tương ứng mà BIC chưa thu được phí bảo hiểm được đề cập trong đề nghị thanh toán	M					

		766	The system performs brokerage fee payment reminders if the brokerage fee is due but has not been paid according to established state regulations.	Hệ thống thực hiện nhắc nhở thanh toán phí môi giới nếu đến hạn thanh toán thanh toán phí môi giới mà chưa thanh toán theo quy định nhà nước được thiết lập	M				
		767	The system allows settlement accounting of debts with brokers once the statement has been paid.	Hệ thống cho phép hạch toán tất toán các khoản công nợ với môi giới khi đã nhận biết bảng kê đã được thanh toán	M				
	7.4. Premium Refund/ Hoàn phí bảo hiểm		Refund premium	Thanh toán hoàn phí bảo hiểm					
		768	The system allows users to create payment requests for partial or full premium refunds of an insurance policy, including both collected premiums and advance premiums.	Hệ thống cho phép lập đề nghị thanh toán hoàn trả một phần hoặc toàn bộ các khoản phí đã thu của đơn bảo hiểm: khoản phí bảo hiểm đã thực thu và phí bảo hiểm nhận trước	M	3			
		769	The system accounts correspondingly for refunds paid according to the properties of the refunds (refunds: accounting for premium debt/insurance refunds; paying premium received: reducing customer advance)	Hệ thống hạch toán tương ứng khoản hoàn phí đã chi trả phù hợp với tính chất của các khoản hoàn trả (hoàn phí: hạch toán công nợ phí/ hoàn phí bảo hiểm; trả phí nhận được: giảm khoản mục khách hàng trả trước)	M				
		770	The system must provide the ability to schedule premium refunds according to different criteria	Hệ thống phải cung cấp khả năng cho phép lập lịch hoàn trả phí bảo hiểm theo các tiêu chí khác nhau	M				
		771	The system connects with the fast payment program to process premium refunds to customers and automatically posts refund transactions based on the authorized approved amounts.	Hệ thống kết nối với chương trình thanh toán nhanh để thực hiện chi trả hoàn phí cho khách hàng và tự động hạch toán nghiệp vụ hoàn phí theo số tiền đã được cấp thẩm quyền duyệt	M				
		772	The system automatically updates the refund status for each insurance policy: processing, waiting for money transfer, successful money transfer, failed money transfer, ...	Hệ thống tự động cập nhật trạng thái hoàn phí cho từng đơn bảo hiểm: đang xử lý, chờ chuyển tiền, chuyển tiền thành công, thất bại, ...	M				
8. Claims Management/ Quản lý bồi thường	8.1. Core Claim Processing/ Xử lý Bồi thường		First Notice of Loss (FNOL) Processes	Tiếp nhận thông tin tổn thất					
		773	The new core system allows officers to receive: - Receiving information can record multiple insurance policies related to the loss of an insured. - The screen allows declaring multiple losses of an insured (for example: If the loss of the same car occurs on many different days, the system allows user to declare the loss of this car for each loss: 1st time - broken mirror, 2nd time - deformed car,...). In a specific loss, the system provides a feature that allows entering details of related insurance policies/insurance certificates.	Hệ thống core mới cho phép người dùng tiếp nhận: - Thông tin tiếp nhận có thể ghi nhận được nhiều đơn bảo hiểm liên quan tới tổn thất của một đối tượng bảo hiểm. - Màn hình cho phép khai báo nhiều tổn thất của một đối tượng bảo hiểm (ví dụ: tổn thất cho cùng 1 ô tô nhưng xảy ra nhiều ngày khác nhau thì hệ thống cho phép cán bộ có thể khai báo tổn thất của chiếc ô tô này theo từng lần tổn thất: lần 1 – gãy gương, lần 2 – móp méo xe,...). Trong 1 tổn thất cụ thể, hệ thống cung	M	1			

			cấp tính năng cho phép nhập chi tiết những đơn bảo hiểm/GCN bảo hiểm liên quan.					
774	the system provides features to allow defining a list of claims documents that need to declare gross losses.	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép định nghĩa danh sách các hồ sơ bồi thường cần khai báo tổn thất gộp.	M					
775	The system provides the question/answer setting feature for receiving loss information for some types of products.	Hệ thống cung cấp tính năng thiết lập câu hỏi/câu trả lời cho phần tiếp nhận thông tin tổn thất với 1 số loại sản phẩm	M					
	FNOL of vehicle	Tiếp nhận thông tin tổn thất xe cơ giới						
776	The system allows adding newvehicle loss information, including but not limited to the following information: - Insurance policy information: + Certificate number: Allows manual input or selection from the list on the system + Insurance policy number: Allows manual entry or autofill when entering the certificate number + Effective date/expiration date: - Claim handling unit: + Processing unit: displayed according to branch category information - Loss information: + Date of loss: + Date of loss notification: + Driver's full name: + Cause of loss: according to the cause of loss + Location where the loss occurred + Loss evolution + Estimated level of loss - Information of notifier: + Full name + phone number + Email + other information + ...	Hệ thống cho phép thêm mới thông tin tổn thất xe cơ giới bao gồm không giới hạn các thông tin như sau: - Thông tin đơn bảo hiểm: + Số GCN: cho phép nhập tay hoặc chọn từ danh mục trên hệ thống + Đơn bảo hiểm số: cho phép nhập tay hoặc tự động điền khi nhập số GCN + Ngày hiệu lực/ngày hết hạn: - Đơn vị xử lý bồi thường: + Đơn vị giải quyết: hiển thị theo thông tin danh mục công ty thành viên" - Thông tin tổn thất: + Ngày tổn thất: + Ngày thông báo tổn thất: + Họ và tên lái xe: + Nguyên nhân tổn thất: theo nguyên nhân tổn thất đã xảy dựng + Địa điểm xảy ra TT + Diễn biến tổn thất + Mức độ thiệt hại ước tính - Thông tin người thông báo tổn thất: + Họ và tên + số điện thoại + Email + thông tin khác + ...	M	1				
777	The system provides features that allows viewing a list of vehicle loss information filtered by an unlimited number of fields as follows: + Branch + Policy number + Vehicle license plate/frame number/engine	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép xem danh sách thông tin tổn thất xe cơ giới lọc theo một số trường không giới hạn như sau: + đơn vị + Số đơn + Biển xe/số khung/số máy + GCN số	M					

			number: + Certificate No + Classification of information receiving channels: Received from bancass/ mybic.vn/ BIConline/ guarantee system/... + Status of loss information includes: Processing/ Accepted/ Rejected + Reception code + ...	+ Phân loại kênh tiếp nhận thông tin: tiếp nhận từ bancass/ mybic.vn/ BIConline/phần mềm bảo lãnh/... + Trạng thái thông tin tổn thất bao gồm: Đang xử lý/ Chấp thuận/ Từ chối + Mã tiếp nhận + ...						
		778	The system allows to edit a part or whole of loss information	Hệ thống cho phép sửa một phần hoặc toàn bộ các thông tin tổn thất	M					
		779	The system does not allow editing of claim receipt when the status is accepted and moved to claims form	Hệ thống không cho phép sửa tiếp nhận yêu cầu khi trạng thái là chấp nhận chuyển sang lập hồ sơ bồi thường	M					
		780	The system allows deleting loss information when the loss status is Processing, not allowing deletion for other status.	Hệ thống cho phép xóa thông tin tổn thất khi trạng thái của tổn thất là Đang xử lý, không cho phép xóa đối với các trạng thái khác	M					
		781	The system allows collecting information from external systems (biconline, mybic) and synchronizing them to the core system	Hệ thống cho phép thu thập thông tin từ hệ thống bên ngoài (biconline, mybic) và đồng bộ vào hệ thống core	M					
		782	The system allows creating new receptions by copying existing receptions: You can copy a part or copy the whole reception	Hệ thống cho phép tạo tiếp nhận mới bằng việc sao chép tiếp nhận đã có: có thể sao chép 1 phần hoặc sao chép toàn bộ	M					
		FNOL of healthcare		Tiếp nhận thông tin tổn thất con người						
		783	The system allows receiving loss information from external systems (biconline, my bic, hospital fee guarantee system, BIDV app) and synchronizing them to the core system.	Hệ thống cho phép tiếp nhận thông tin tổn thất từ hệ thống bên ngoài (biconline, my bic, hệ thống blvp, app của BIDV) và đồng bộ vào hệ thống core	M	1				
		784	The system allows entering healthcare loss information, including but not limited to the following information: - Insurance policy information: + Insurance policy number: + Insurance period from/to: auto display following insurance policy + Full name of the insured: This will display insurance policy information + Passport/ID card/citizen ID card: This will display insurance policy information + Date of birth: This will display insurance policy information + Processing branch + Policy issuing branch	Hệ thống cho phép nhập thông tin tổn thất con người bao gồm không giới hạn các thông tin sau: - Thông tin đơn bảo hiểm + Đơn bảo hiểm số + Thời hạn bảo hiểm từ/đến: thông tin này sẽ hiển thị thông tin đơn bảo hiểm + Họ tên người được bảo hiểm: thông tin này sẽ hiển thị thông tin đơn bảo hiểm + Hộ chiếu/ CMND/CCCD: thông tin này sẽ hiển thị thông tin đơn bảo hiểm + Ngày sinh: thông tin này sẽ hiển thị thông tin đơn bảo hiểm + Đơn vị giải quyết + Đơn vị cấp đơn	M					

			<div>-Insurance event information<ul style="list-style-type: none">+ Type of insurance event: display list of types of insurance events provided+ Hospital, Healthcare facility+ Announcement date+ Date of accident or risk event+ Hospital admission date+ Hospital discharge date+ Diagnosis: Disease code (according to ICD10 the established system code set)+ Amount requested+ Payment method+ Account number: The system supports account authentication+ Bank+ attached file of loss images- Information of notifier:<ul style="list-style-type: none">+ Legal binding on the insured:+ Relationship with the insured person+ Full name+ Phone number+ Email: Allows importing multiple emails+ Passport/ID card/Citizen ID card</div>	<div>-Thông tin sự kiện bảo hiểm<ul style="list-style-type: none">+ Loại hình sự kiện bảo hiểm: lấy từ danh sách loại hình sự kiện bảo hiểm do ban GĐBT cung cấp+ Bệnh viện, cơ sở y tế+ Ngày thông báo+ Ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm+ Ngày nhập viện+ Ngày ra viện+ Chẩn đoán: mã bệnh (theo bộ mã ICD10 hệ thống đã xây dựng)+ Số tiền yêu cầu+ Phương thức chi trả+ Số tài khoản: hệ thống hỗ trợ xác thực tài khoản+ Ngân hàng+ file đính kèm về hình ảnh tổn thất- Thông tin người thông báo:<ul style="list-style-type: none">+ Ràng buộc pháp luật với người được bảo hiểm+ Quan hệ với người được bảo hiểm+ Họ và tên+ Số điện thoại+ Email: cho phép nhập nhiều email+ Hộ chiếu/CCCD</div>						
	785	The system allows searching by unlimited information as follows: <ul style="list-style-type: none">+ Unit+ Policy number+ Reception officer+ Source of declaration+ ID card/Citizen ID card+ Name of the insured person+ Request status: Waiting for approval classification /Processing/ Approved/ Refused compensation/ Refused to receive+ Reception code:+...	Hệ thống cho phép tìm kiếm theo không giới hạn các thông tin như sau: <ul style="list-style-type: none">+ Đơn vị+ Số đơn+ Cán bộ tiếp nhận+ Nguồn khai báo+ Số CMND/CCCD+ Tên người được bảo hiểm+ Trạng thái yêu cầu: Đang chờ phân cấp duyệt/ Đang xử lý/ Chấp thuận/ Từ chối bồi thường/ Từ chối tiếp nhận+ Mã tiếp nhận:+...	M						
	786	The system allows editing a part or whole of loss information	Hệ thống cho phép sửa một phần hoặc toàn bộ các thông tin tổn thất	M						
	787	The system does not allow editing when the status is accepted and moved to claims form	Hệ thống không cho phép sửa khi trạng thái là đã chấp nhận chuyển sang lập hồ sơ bồi thường	M						

		788	The system allows deleting human loss information when the loss status is Processing, not allowing deletion for other status.	Hệ thống cho phép xóa thông tin tổn thất con người khi trạng thái của tổn thất là Đang xử lý, không cho phép xóa đối với các trạng thái khác	M				
		789	The system automatically detects and warns of duplicate records when entering a new record for an insured that already exists in the system with the same insurance policy number, the same admission/discharge date, or within the intersection range.	Hệ thống tự động phát hiện và cảnh báo trùng khi nhập hồ sơ mới cho 1 đối tượng bảo hiểm mà trong hệ thống đã tồn tại cùng số đơn bảo hiểm, cùng ngày nhập viện/ngày ra viện hoặc nằm trong khoảng giao nhau	M				
		790	The system allows creating new receptions by copying existing receptions: You can copy a part or copy the whole reception	Hệ thống cho phép tạo tiếp nhận mới bằng việc sao chép tiếp nhận đã có: có thể sao chép 1 phần hoặc sao chép toàn bộ	M				
			Receive information about network security loss	Tiếp nhận thông tin tổn thất An ninh mạng					
		791	The system allows receiving network security losses from bicOnline, my bic and synchronizing to the core system	Hệ thống có cho phép tiếp nhận tổn thất an ninh mạng từ bicOnline, my bic và đồng bộ vào hệ thống core	M	1			
		792	The system allows receiving network security loss, including but not limited to the following information: - Insurance policy information: + Insurance policy number: + Insurance period from/to: + Full name of the insured person + Passport/ID card/Citizen ID card + Date of birth + Settlement unit + Legal binding on the Insured Person: yourself/guardian/heir/authorized person + Relationship with the insured person + Type of loss: according to the established list + Cause of loss: according to the established list + Date the loss occurred + Insured card number + Card type + Location where the loss occurred + Notes + Amount requested + Payment method + Account number + Bank + Account name	Hệ thống cho phép tiếp nhận tổn thất an ninh mạng bao gồm không giới hạn các thông tin sau: - Thông tin Đơn bảo hiểm: + Đơn bảo hiểm số: + Thời hạn bảo hiểm từ/đến: + Họ tên người được bảo hiểm + Hộ chiếu/CMND/CCCD + Ngày sinh + Đơn vị giải quyết + Ràng buộc pháp luật với Người được bảo hiểm: bản thân/người giám hộ/người thừa kế/người được ủy quyền + Quan hệ với người được bảo hiểm + Loại hình tổn thất: theo danh mục đã được xây dựng + Nguyên nhân tổn thất: theo danh mục đã được xây dựng + Ngày xảy ra tổn thất + Số thẻ được bảo hiểm + Loại thẻ + Địa điểm xảy ra tổn thất + Ghi chú + Số tiền yêu cầu + Phương thức chi trả + Số tài khoản	M				

			<ul style="list-style-type: none"> - Notifier information+ Full name + Email + Phone number + Passport/ID card/Citizen ID card +... 	<ul style="list-style-type: none"> + Ngân hàng + Tên tài khoản - Thông tin người thông báo + Họ và tên + Email + Số điện thoại + Hộ chiếu/CMND/CCCD +... 				
	793	The system allows searching for network security loss information based on unlimited information as follows: + Reception code + Card number + ID card number +...	Hệ thống cho phép tìm kiếm thông tin tổn thất an ninh mạng theo không giới hạn các thông tin như sau: + Mã tiếp nhận + Số thẻ + Số CMND +...	M				
	794	The system allows editing a part or whole of loss information	Hệ thống cho phép sửa một phần hoặc toàn bộ các thông tin tổn thất	M				
	795	The system does not allow editing when the status is accepted and moved to compensation filing	Hệ thống không cho phép sửa khi trạng thái là đã chấp nhận chuyển sang lập hồ sơ bồi thường	M				
	796	The system allows deleting loss information when the loss status is Processing, not allowing deletion for other status.	Hệ thống cho phép xóa thông tin tổn thất khi trạng thái của tổn thất là Đang xử lý, không cho phép xóa đối với các trạng thái khác	M				
	797	The system allows deleting loss information when the loss status is Processing, not allowing deletion for other status.	Hệ thống cho phép tạo tiếp nhận mới bằng việc sao chép tiếp nhận đã có: có thể sao chép 1 phần hoặc sao chép toàn bộ	M				
		FNOL of Property – Engineering	Tiếp nhận tổn thất các nghiệp vụ Tài sản kỹ thuật					
	798	The system allows the intake of claims for other lines of business from BIC's external systems, or allows users to enter the claims directly into the Core system, including the following unlimited information: - Insurance policy information + Operational group: Property – Engineering + Product group: Product groups display customization according to business groups + Insurance certificate + Insurance policy no + Insured + Insurance effective date + Insurance expiration date + Policy issuing unit	Hệ thống cho phép tiếp nhận tổn thất các nghiệp vụ khác từ các hệ thống của BIC hoặc cho phép nhập trực tiếp trên Core, bao gồm các thông tin không giới hạn sau: - Thông tin đơn bảo hiểm + Nhóm nghiệp vụ: Tài sản/kỹ thuật + Nhóm sản phẩm: nhóm sản phẩm hiển thị tùy biến theo nhóm nghiệp vụ + GCN bảo hiểm + Đơn bảo hiểm số + Người được bảo hiểm + Ngày hiệu lực bảo hiểm + Ngày hết hạn BH + Đơn vị cấp đơn - Đơn vị xử lý bồi thường	M	1			

		<ul style="list-style-type: none"> - Claims handling unit - Loss information: <ul style="list-style-type: none"> + Date of loss + Date of notification of loss + Subject of loss + Location where the loss occurred + Cause of loss: according to the defined category + Loss evolution + Estimated level of loss + What the Insured person has done, is doing and plans to do next + How does the recipient instructs the insured person? - Information of notifier <ul style="list-style-type: none"> + Full name + Email + Phone number + Relationship with the insured person + Other information + ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin tổn thất: <ul style="list-style-type: none"> + Ngày tổn thất + Ngày thông báo tổn thất + Đối tượng tổn thất + Địa điểm xảy ra tổn thất + Nguyên nhân tổn thất: theo danh mục đã định nghĩa + Diễn biến tổn thất + Mức độ thiệt hại ước tính + NĐBH đã, đang và dự kiến sẽ làm gì tiếp theo + Người tiếp nhận hướng dẫn NĐBH ntn?: - Thông tin người thông báo tổn thất <ul style="list-style-type: none"> + Họ và tên + Email + Số điện thoại + Quan hệ với NĐBH + Thông tin khác + ... 					
	799	The system allows searching for loss information based on unlimited information as follows: <ul style="list-style-type: none"> + Reception code + Unit + Certificate no + Policy number + Subject of insurance + Customer name +... 	Hệ thống cho phép tìm kiếm thông tin tổn thất theo không giới hạn các thông tin như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Mã tiếp nhận + Đơn vị + GCN số + Số đơn + Đối tượng bảo hiểm + Tên khách hàng +... 	M				
	800	The system allows editing a part or whole of loss information	Hệ thống cho phép sửa một phần hoặc toàn bộ các thông tin tổn thất	M				
	801	The system does not allow editing when the status is accepted and moved to claims form	Hệ thống không cho phép sửa khi trạng thái là đã chấp nhận chuyển sang lập hồ sơ bồi thường	M				
	802	The system allows deleting loss information when the loss status is Processing, not allowing deletion for other status.	Hệ thống cho phép xóa thông tin tổn thất khi trạng thái của tổn thất là Đang xử lý, không cho phép xóa đối với các trạng thái khác	M				
	803	The system allows creating new receptions by copying existing receptions: You can copy a part or copy the whole reception	Hệ thống cho phép tạo tiếp nhận mới bằng việc sao chép tiếp nhận đã có: có thể sao chép 1 phần hoặc sao chép toàn bộ	M				
		FNOL of Marine	Tiếp nhận tổn thất các nghiệp vụ Hàng hải					

		804	<p>The system allows the intake of Marine claims from BIC's systems, or allows users to enter the claims directly into the Core system, including the following unlimited information:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Reception code:(autogenous system) - Insurance policy information + Bussiness line: Cargo/Marine+ Type group: Product groups display customization according to business line + Insurance certificate + Insurance policy no + Insured person + Insurance effective date + Insurance expiration date + Policy issuing unit + Name of means of transport + Bill of lading + Bill of lading date + Journey route - Claim handling unit - Loss information: + Cause of loss: according to predefined categories + Supervision date + Date of loss + Date of loss notification + Subject of loss + Location where the loss occurred + Loss evolution + Estimated level of loss - Information of notifier + Full name + Email + Phone number + Position + Other information +... 	<p>Hệ thống cho phép tiếp nhận tổn thất các nghiệp vụ hàng hải từ các hệ thống của BIC hoặc cho phép nhập trực tiếp trên Core, bao gồm các thông tin không giới hạn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số tiếp nhận:(hệ thống tự sinh) - Thông tin đơn bảo hiểm + Nhóm nghiệp vụ: hàng hóa/tàu thủy + Nhóm loại hình: nhóm sản phẩm hiển thị tùy biến theo nhóm nghiệp vụ + GCN bảo hiểm + Đơn bảo hiểm số + Người được bảo hiểm + Ngày hiệu lực bảo hiểm + Ngày hết hạn bảo hiểm + Đơn vị cấp đơn + Tên phương tiện vận chuyển + Vận đơn + Ngày vận đơn + Tuyến hành trình - Đơn vị xử lý bồi thường - Thông tin tổn thất: + Nguyên nhân tổn thất: theo danh mục định nghĩa sẵn + Ngày giám sát + Ngày tổn thất + Ngày thông báo tổn thất + Đối tượng tổn thất + Địa điểm xảy ra tổn thất + Diễn biến tổn thất + Mức độ thiệt hại ước tính - Thông tin người thông báo tổn thất + Họ và tên + Email + Số điện thoại + Chức vụ + Thông tin khác +... 	M	1			
		805	<p>The system allows searching for loss information based on unlimited information as follows:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Reception code + Unit + Certificate no 	<p>Hệ thống cho phép tìm kiếm thông tin tổn thất theo không giới hạn các thông tin như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mã tiếp nhận + Đơn vị + GCN số + Số đơn 	M				

			+ Policy number + Subject of insurance + Customer name +...	+ Đối tượng bảo hiểm + Tên khách hàng +...					
	806	The system allows editing a part or whole of loss information	Hệ thống cho phép sửa một phần hoặc toàn bộ các thông tin tổn thất	M					
	807	The system does not allow editing when the status is accepted and moved to claims form	Hệ thống không cho phép sửa khi trạng thái là đã chấp nhận chuyển sang lập hồ sơ bồi thường	M					
	808	The system allows deleting loss information when the loss status is Processing, not allowing deletion for other status.	Hệ thống cho phép xóa thông tin tổn thất khi trạng thái của tổn thất là Đang xử lý, không cho phép xóa đối với các trạng thái khác	M					
	809	The system allows creating new receptions by copying existing receptions: copy a part or copy the whole reception	Hệ thống cho phép tạo tiếp nhận mới bằng việc sao chép tiếp nhận đã có: có thể sao chép 1 phần hoặc sao chép toàn bộ	M					
		FNOL of liability/Mixed	Tiếp nhận tổn thất các nghiệp vụ Trách nhiệm/hỗ trợ						
	810	The system allows the intake of Liability/Combined claims from BIC's systems, or allows users to enter the claims directly into the Core system, including the following unlimited information: - Insurance policy information + Bussiness group: liability/mixed + Product group: Product groups display customization according to business groups + Insurance certificate + Insurance policy no + Insured person + Insurance effective date + Insurance expiration date + Policy issuing unit - Claim handling unit - Loss information: + Cause of loss: according to system categories + Date of loss + Date of loss notification + Subject of loss + Location where the loss occurred + Loss evolution + Estimated level of loss - Information of notifier + Full name + Email	Hệ thống cho phép tiếp nhận tổn thất các nghiệp vụ trách nhiệm/hỗ trợ từ các hệ thống của BIC hoặc cho phép nhập trực tiếp trên Core, bao gồm các thông tin không giới hạn sau: - Thông tin đơn bảo hiểm + Nhóm nghiệp vụ: trách nhiệm/hỗ trợ + Nhóm sản phẩm: nhóm sản phẩm hiển thị tùy biến theo nhóm nghiệp vụ + GCN bảo hiểm + Đơn bảo hiểm số + Người được bảo hiểm + Ngày hiệu lực bảo hiểm + Ngày hết hạn BH + Đơn vị cấp đơn - Đơn vị xử lý bồi thường - Thông tin tổn thất: + Nguyên nhân tổn thất: theo danh mục hệ thống + Ngày tổn thất + Ngày thông báo tổn thất + Đối tượng tổn thất + Địa điểm xảy ra tổn thất + Diễn biến tổn thất + Mức độ thiệt hại ước tính - Thông tin người thông báo tổn thất + Họ và tên	M	1				

			+ Phone number + Other information +...	+ Email + Số điện thoại + Thông tin khác +...				
	811	The system allows receiving losses from channels such as: mybic, biconline, bidv app, ...	Hệ thống có cho phép tiếp nhận tổn thất từ các kênh như: mybic, biconline, bidv app, ...	M				
	812	The system allows searching for loss information based on unlimited information as follows: + Reception code + Unit + Certificate no + Policy number + Subject of insurance + Customer name +...	Hệ thống cho phép tìm kiếm thông tin tổn thất theo không giới hạn các thông tin như sau: + Mã tiếp nhận + Đơn vị + GCN số + Số đơn + Đối tượng bảo hiểm + Tên khách hàng +...	M				
	813	The system allows editing a part or whole of loss information	Hệ thống cho phép sửa một phần hoặc toàn bộ các thông tin tổn thất	M				
	814	The system does not allow editing when the status is accepted and moved to claims form	Hệ thống không cho phép sửa khi trạng thái là đã chấp nhận chuyển sang lập hồ sơ bồi thường	M				
	815	The system allows deleting loss information when the loss status is Processing, not allowing deletion for other status.	Hệ thống cho phép xóa thông tin tổn thất khi trạng thái của tổn thất là Đang xử lý, không cho phép xóa đối với các trạng thái khác	M				
	816	The system allows creating new receptions by copying existing receptions: copy a part or copy the whole reception	Hệ thống cho phép tạo tiếp nhận mới bằng việc sao chép tiếp nhận đã có: có thể sao chép 1 phần hoặc sao chép toàn bộ	M				
		Claim Processing	Xử lý thông tin tổn thất và mở hồ sơ khiếu nại					
	817	the system provides features that allows users to create Claims form based on loss information	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng tạo hồ sơ bồi thường dựa trên thông tin tổn thất đã thu thập	M	8			
	818	The system only allows create claims form for policy that have been approved and the date of loss is within the validity period	Hệ thống chỉ cho phép lập hồ sơ khiếu nại với những đơn đã được duyệt cấp đơn và ngày tổn thất nằm trong thời gian hiệu lực của đơn bảo hiểm	M				
	819	The support system support to Create a claim form to handle many different operations arising in the same loss incident (for example, a car loss case with many operations arising: vehicle material, compulsory third party civil liability, civil liability for goods carried in the	Hệ thống hỗ trợ được tính năng mở một khiếu nại để xử lý cho nhiều nghiệp vụ khác nhau phát sinh trong cùng một vụ tổn thất (ví dụ Vụ tổn thất ô tô nhưng phát sinh nhiều nghiệp vụ: vật chất xe, TNDS bắt buộc bên thứ ba, TNDS đối với hàng hóa chở trên xe, TNDS tự nguyện bên thứ ba, lái phụ xe và người ngồi trên xe...)	M				

			vehicle, voluntary third party civil liability, co-driver and passengers...)						
	820	The system provides features that allow users to set up/automatically/manually accept/reject loss reception	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng thiết lập/ cài đặt việc tự động/thủ công chấp nhận/từ chối tiếp nhận tổn thất	M					
	821	The support system automatically pushes information from the loss reception screen to claim form	Hệ thống hỗ trợ tự động đẩy thông tin từ màn hình tiếp nhận tổn thất sang thông tin khiếu nại	M					
	822	When user accept loss information, the system will automatically create claim form based on the loss information.	Khi cán bộ chấp nhận thông tin tổn thất, hệ thống sẽ tự động tạo hồ sơ dựa trên các thông tin tổn thất đã thu thập	M					
	823	The system allows user to refuse to loss, the system provides a screen to enter reasons for refusal or additional requests.	Hệ thống cho phép cán bộ từ chối tiếp nhận tổn thất, hệ thống cung cấp màn hình nhập lý do từ chối hoặc yêu cầu bổ sung	M					
	824	The system allows creating claim form based on loss information and allows editing of this information if information is added later.	Hệ thống cho phép tạo hồ sơ khiếu nại dựa trên thông tin tổn thất đã tiếp nhận và cho phép chỉnh sửa những thông tin này nếu thông tin được bổ sung sau đó	M					
	825	The system allows claims form to be configurable with more information than the lossFNOL information	Hệ thống cho phép hồ sơ bồi thường có thể cấu hình nhiều thông tin hơn so với thông tin tổn thất đã tiếp nhận	M					
	826	The system provides features that allow querying insurance policy information: allow displaying insurance policy information related to claim records, information displayed attached to the related insurance policy includes but is not limited to the following information: + Insurance policy number: + Insurance certificate number + Insurance period from/to + Type of insurance + Customer + Form of Underwriting + Currency type + Customer + Customer classification: general customers, VIP customers, VVIP (the customer classification list) + ...	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép truy vấn thông tin đơn bảo hiểm: cho phép hiển thị thông tin đơn bảo hiểm liên quan tới hồ sơ khiếu nại, các thông tin hiển thị đính kèm đơn bảo hiểm liên quan bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: + Đơn bảo hiểm số: + Số GCN bảo hiểm + Thời hạn từ/đến + Loại hình bảo hiểm + Khách hàng + Hình thức khai thác + Loại tiền tệ + Khách hàng + Phân loại khách hàng: khách hàng phổ thông, khách hàng VIP, VVIP (lấy từ danh mục phân loại khách hàng) + ...	M					
	827	The system provides information fields (query from policies) to determine compensation payment options such as offset/paying premium before compensate, etc.	Hệ thống cung cấp trường thông tin (lấy từ đơn bảo hiểm) để xác định được phương án thanh toán bồi thường như đối trừ/ nộp phí vào mới giải quyết thanh toán, ...	M					

			Claim settlement on behalf (of other branch) Example: Mr.A has buy a certificate for his car on BIC Hanoi. But the accident occur on Ho Chi Minh city. BIC Ho Chi Minh will be on behalf BIC Ha Noi claim settlement on behalf.	Giải quyết tổn thất hộ					
	828	The system provides features to define processing on behalf costs for each job (settling on behalf/ surveying/ surveying on site on behalf/ collecting from third parties on behalf in marine insurance (before claim - cashcall)/ collecting claims from third parties in marine insurance (after claim) and according to different evaluation criteria. For example: loss value, survey,....	Hệ thống cung cấp tính năng định nghĩa chi phí xử lý hộ theo từng đầu công việc (giải quyết hộ/ giám định hộ/ giám định hiện trường hộ/ Thu đòi người thứ ba hộ trong BH hàng hải (trước bồi thường-đòi nóng)/ Thu đòi người thứ ba hộ trong BH hàng hải (sau bồi thường-đòi nguội) và theo tiêu chí đánh giá khác nhau. Ví dụ: giá trị tổn thất, giám định,....	M	2				
	829	The system provides features to settle losses on behalf: Allow user to enter claim settlement information, including but not limited to the following information: + Cases of settlement of settling losses on behalf: The system allows selection of loss settlement on behalf tasks including: settling on behalf/surveying/ surveying on site on behalf/ collecting from third parties on behalf in marine insurance (before claim - cash call)/collecting claims from third parties in marine insurance (after claim) + Branch on behalf: The system allows selection of Branch settlement on behalf + Costs settlement on behalf: The system allows to automatically calculate this cost based on the regulations and calculation of BIC + Confirmation status: The system allows the Branch to confirm accept/ reject of loss settlement on behalf + Update/confirmation date: The system allows displaying the date the Branch confirms accept/ reject of loss settlement on behalf + The system supports the feature of automatically sending emails notifying of request/ accept/ reject of loss settlement on behalf	Hệ thống cung cấp tính năng xử lý các trường hợp giải quyết tổn thất hộ: cho phép cán bộ nhập các thông tin giải quyết bồi thường hộ bao gồm không giới hạn các thông tin như sau: + Các trường hợp giải quyết tổn thất hộ: Hệ thống cho phép lựa chọn các công việc giải quyết tổn thất hộ gồm: giải quyết hộ/giám định hộ/giám định hiện trường hộ/Thu đòi người thứ ba hộ trong BH hàng hải (trước bồi thường-đòi nóng)/Thu đòi người thứ ba hộ trong BH hàng hải (sau bồi thường-đòi nguội) + CTTV thực hiện: Hệ thống cho phép lựa chọn CTTV thực hiện công việc giải quyết tổn thất hộ + Chi phí xử lý hộ: Hệ thống cho phép tự động tính toán ra chi phí này dựa trên các quy định, tiêu chí tính toán được đưa vào Hệ thống + Trạng thái xác nhận: Hệ thống cho phép Đơn vị thực hiện xác nhận chấp thuận/từ chối việc giải quyết tổn thất hộ + Ngày cập nhật/xác nhận: Hệ thống cho phép hiển thị ngày Đơn vị thực hiện xác nhận chấp thuận/từ chối việc giải quyết tổn thất hộ + Hệ thống hỗ trợ tính năng tự động gửi Email thông báo nhờ/chấp thuận/từ chối giải quyết tổn thất hộ-	M					

		830	The system allows a branch to create claim form for others, and at The same time set up corresponding accounting entries to ensure compensation cost information for branches. The system allows the assisting claims-handling unit to view the complete claims history, including all claim files that have been handled on behalf of the customer.	- Hệ thống cho phép một công ty thành viên tạo hồ sơ bồi thường hộ một công ty thành viên khác, đồng thời thiết lập bút toán hạch toán tương ứng để đảm bảo vẫn ghi nhận được các thông tin chi phí bồi thường cho công ty thành viên được tạo hồ sơ bồi thường hộ. Hệ thống cho phép đơn vị giải quyết hộ xem được toàn bộ lịch sử bồi thường, tất cả các hồ sơ khiếu nại của khách hàng được giải quyết hộ	M				
		831	The system allows displaying (in query form) the insurance policy premium payment status: display includes, but is not limited to, the following information: + Payment period + Payment due date + Amount to be paid + Expiration date + Premium payment document number + Insurance premium payment date: When will the fee payment date be updated? + Amount of insurance premium paid: Amount of insurance premium paid + ...	Hệ thống cho phép hiển thị (dưới dạng truy vấn) tình trạng thanh toán phí đơn bảo hiểm: Hiển thị lên màn hình bao gồm không giới hạn các thông tin như sau: + Kỳ thanh toán + Ngày đến hạn thanh toán + Số tiền cần thanh toán + Ngày quá hạn + Số chứng từ thanh toán phí + Ngày thanh toán phí bảo hiểm: Ngày thanh toán phí sẽ cập nhật khi nào + Số tiền đã thanh toán phí bảo hiểm: Số tiền đã thanh toán phí bảo hiểm + ..	M				
		832	The system allows users to configure and customize templates for different lines of business, print these templates, and send them to customers via email. For example: with vehicles: + Solution plan proposal + Confirmation of insurance premium payment + Notice of settlement of losss under 20 million (no vehicle guarantee) + Notice of settlement of losss under 20 million (vehicle guarantee) + Notice of settlement of losss over 20 million + Vehicle's reasonable cost calculation table + Commitment letter to pay vehicle repair costs + Print all + ...	Cho phép thiết lập và in tùy chỉnh các mẫu biểu theo các nghiệp vụ khác nhau và cho phép gửi email cho khách hàng Ví dụ: với xe cơ giới: + Tờ trình phương án giải quyết + Bản xác nhận nộp phí bảo hiểm + Thông báo giải quyết tổn thất dưới 20 triệu(không bảo lãnh xe) + Thông báo giải quyết tổn thất dưới 20 triệu (bảo lãnh xe) + Thông báo giải quyết tổn thất trên 20 triệu + Bảng tính toán chi phí hợp lý XCG + Giấy cam kết thanh toán chi phí sửa chữa XCG + In tất cả + ...	M				
			Calculate coverage	Tính toán phạm vi bảo hiểm					
		833	The system provides features to calculate and display insurance coverage (automatically/	Hệ thống cung cấp tính năng tính toán và hiển thị phạm vi bảo hiểm (tự động/ thủ công), rủi ro	M	5			

			manually), insurance risks related to each insurance policy in the claim record, including but not limited to the following information: + Insurance coverage: terms and conditions according to each insurance policy at the time of the loss + Insurance amount + Premium (%) + Insurance premium +... There is a total line for all items covered by insurance and the deductible according to each insurance policy (if any).	bảo hiểm liên quan từng đơn bảo hiểm thuộc hồ sơ khiếu nại, bao gồm không giới hạn các thông tin: + Phạm vi bảo hiểm: các điều kiện điều khoản theo từng đơn bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất + Số tiền bảo hiểm + Phí (%) + Phí bảo hiểm +... Có dòng cộng tổng cho tất cả những mục thuộc phạm vi bảo hiểm và mức miễn thường theo từng đơn bảo hiểm (nếu có)					
		834	The system supports automatic claim processing according to pre-established principles but shall ensure that all required information is still recorded according to the claim process. The contractor please describe the response solution	Hệ thống hỗ trợ xử lý tự động bồi thường theo các nguyên tắc được thiết lập trước nhưng phải đảm bảo vẫn ghi nhận đầy đủ các thông tin cần có theo quy trình bồi thường. Nhà thầu vui lòng mô tả giải pháp đáp ứng	M				Yêu cầu nhà thầu đưa giải pháp
		835	The system provides features that allow users to set up formulas to calculate costs and compensation amounts according to each condition/ benefit/ extended condition of the insurance policy in the claim based on information received from the customer according to each specific business	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép NSD thiết lập công thức tính toán chi phí, số tiền bồi thường theo từng điều kiện/quyền lợi/điều kiện mở rộng của đơn bảo hiểm thuộc khiếu nại bảo hiểm dựa trên thông tin nhận được từ khách hàng theo từng nghiệp vụ cụ thể	M				
		836	The system allows users to select causes from a predetermined list of causes + If the selected cause has terms and conditions set up, the system will only display the terms and conditions corresponding to the product. + If the selected cause does not set the accompanying terms and conditions, the system displays all the terms and conditions on the insurance policy.	Hệ thống cho phép NSD chọn nguyên nhân bảo hiểm từ danh mục nguyên nhân đã được định sẵn (danh mục hệ thống). + Nếu nguyên nhân có thiết lập điều kiện điều khoản đi kèm thì hệ thống chỉ hiển thị điều kiện điều khoản tương ứng với sản phẩm + Nếu nguyên nhân không thiết lập điều kiện điều khoản đi kèm thì hệ thống hiển thị toàn bộ điều kiện điều khoản trên đơn bảo hiểm	M				
		837	The system supports setting up rules for reducing the amount of insurance payments for a loss according to the predetermined conditions of each business and product. For example:	Hệ thống hỗ trợ thiết lập các quy tắc giảm trừ số tiền chi trả bảo hiểm cho một tổn thất theo những điều kiện định sẵn của từng nghiệp vụ, sản phẩm. Ví dụ:	M				

			If the date of notification of loss exceeds N days, only 80% Insurance amount will be paid.	Nếu ngày thông báo tổn thất quá N ngày thì chỉ chi trả 80%					
	838	The system allows detailed display of Coinsurance information (BIC is leader or BIC is follower), displayed information includes but is not limited to the following: + Co-insurance Company + Coinsurance rate + BIC Net (compensation amount under BIC's responsibility) (after co-insurance) + ...	Hệ thống cho phép hiển thị chi tiết thông tin Đồng bảo hiểm (BIC là leader hay BIC follower), thông tin hiển thị bao gồm không giới hạn như sau: + Công ty Đồng bảo hiểm + Tỷ lệ Đồng bảo hiểm + BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC) (sau đồng) + ...	M					
	839	The system allows displaying the Reinsurance Structure for each contract. The system automatically calculates the reinsurance claim amount, calculation and display information includes but is not limited to the following information: + Reinsurance contract/Reinsurance structure + Name of Reinsurance Company + Reinsurance form + Reinsurance rate + Total + BIC Net (compensation amount under BIC's responsibility) (after reinsurance)	Hệ thống cho phép hiển thị Cấu trúc tái bảo hiểm theo từng hợp đồng. Hệ thống tự động tính toán số tiền thu đòi Tái bảo hiểm, các thông tin tính toán và hiển thị bao gồm không giới hạn các thông tin: + Hợp đồng tái/Cấu trúc tái + Tên Công ty Tái bảo hiểm + Hình thức tái + Tỷ lệ tái + Trên Tổng số + BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC) (sau tái)	M					
	840	- The system needs to support detailed information about coinsurance-leaders/coinsurance-followers	- Hệ thống cần hỗ trợ chi tiết thông tin về đồng leader/ đồng follower	M					
	841	- The system needs to be able to link information about compensation payments, co-insurance debts and co-insurer's accounting and payments.	- Hệ thống cần link được thông tin về thanh toán khâu bồi thường, công nợ đồng bảo hiểm và thanh toán hạch toán của nhà đồng	M					
	842	The system allows users to manually correct the reinsurance structure when surveying & claim for each insurance claim and automatically synchronizing the new reinsurance structure according to the insurance policy when has endorsement	Hệ thống cho phép cán bộ sửa cơ cấu tái thủ công khi giám định bồi thường với từng khiếu nại bảo hiểm và có tính năng tự đồng bộ cơ cấu tái mới theo đơn bảo hiểm	M					
	843	The system sends reminder information to relevant user groups (For example: Claim survey officer and reinsurance officer) when there is a claim record based on the insurance policy related to reinsurance	Hệ thống gửi thông tin nhắc nhở cho nhóm người dùng có liên quan (Ví dụ: Cán bộ Giám định Bồi thường và cán bộ Tái bảo hiểm) khi có hồ sơ khiếu nại được lập dựa trên đơn bảo hiểm có liên quan Tái bảo hiểm	M					

		844	The system provides functionality that allows users to update the claim processing for user groups related to Reinsurance. The system allows setting response reminder times for Reinsurance user groups	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép người dùng cập nhật quá trình xử lý bồi thường cho nhóm người dùng liên quan Tái bảo hiểm. Hệ thống cho phép cài đặt thời gian nhắc nhở phản hồi cho nhóm người dùng Tái bảo hiểm	M				
			Calculate coverage of Healthcare:	Tính toán phạm vi bảo hiểm Nghiệp vụ con người:					
		845	The system allows users to calculate the payment amount corresponding to each insurance benefit according to the information provided by the customer, including but not limited to: <ul style="list-style-type: none"> • Date of treatment from, to date: on medical documents • Number of days: is the period from the first day of treatment to the last day of treatment • Health facilities: Users choose from a list of medical facilities • Type of disease: Based on medical records, choose the type of disease that the customer is treating • Benefit: User selects the group of insurance benefits corresponding to the type of event the customer suffers. • Limit: Automatically display the corresponding limit when selecting benefits • Amount requested: Get from the total payment amount on the invoice sent by the customer from the input invoice system (ubot) • Amount within the range: is the amount calculated after considering the reasonableness and validity of the record, based on the terms and conditions of the Insurance policy. • Deductible • Deduction rate: is the rate at which BIC reduces the insurance amount due to a number of reasons such as late notification of insurance events compared to regulations... • Payment amount: is the amount BIC pays to customers 	Hệ thống cho phép NSD tính toán số tiền chi trả tương ứng với từng quyền lợi bảo hiểm theo các thông tin khách hàng cung cấp bao gồm không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> • Ngày điều trị từ, đến ngày: NSD căn cứ vào chứng từ y tế để nhập • Số ngày: là khoảng thời gian từ ngày điều trị đầu tiên đến ngày điều trị cuối cùng • Cơ sở y tế: NSD chọn từ danh mục cơ sở y tế • Loại bệnh : căn cứ vào hồ sơ y tế lựa chọn loại bệnh mà khách hàng điều trị • Quyền lợi: NSD lựa chọn nhóm Quyền lợi bảo hiểm tương ứng với loại sự kiện khách hàng gánh chịu. • Hạn mức: Tự động hiển thị hạn mức tương ứng khi chọn quyền lợi • Số tiền yêu cầu: Lấy từ tổng số tiền thanh toán trên hóa đơn do khách hàng gửi đọc từ hệ thống hóa đơn đầu vào (ubot) • Số tiền thuộc phạm vi: là số tiền tính toán sau khi xem xét tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, căn cứ vào điều kiện, điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm. • Mức miễn thường • Tỷ lệ giảm trừ: là tỷ lệ BIC giảm trừ số tiền bảo hiểm do một số nguyên nhân như thông báo sự kiện bảo hiểm chậm so với quy định ... • Số tiền thanh toán: là số tiền BIC chi trả cho khách hàng 	M	2			
			Calculate coverage of Vehicle:	Tính toán phạm vi bảo hiểm Nghiệp vụ Xe cơ giới:					

		846	The system allows users to select insurance causes from a predetermined list of causes	Hệ thống cho phép NSD chọn nguyên nhân bảo hiểm từ danh mục nguyên nhân đã được định sẵn (danh mục hệ thống)	M	2			
		847	The system allows users to calculate the amount of repair costs based on the repair garage's quote, detailed list of items requiring cost approval (replacement materials, bending costs, painting costs)	Hệ thống cho phép NSD tính toán số tiền chi phí sửa chữa dựa trên báo giá của gara sửa chữa, Bảng kê chi tiết hạng mục cần trình duyệt chi phí (vật tư thay thế, chi phí gò nắn, chi phí sơn)	M				
		848	the system provides features to refer repair price in the Price Bank section, giving warnings when users enter repair costs that exceed the average cost. For repair items that have not been defined in the Price Bank, the system provides the feature to update to the Price Bank when users declare costs.	Hệ thống cung cấp tính năng tham khảo giá sửa chữa tại phần Ngân giá, đưa ra các cảnh báo khi người dùng nhập chi phí sửa chữa vượt quá chi phí bình quân. Với những hạng mục sửa chữa chưa được định nghĩa trong Ngân hàng giá, hệ thống cung cấp tính năng để cập nhật bổ sung vào ngân hàng giá khi người dùng khai báo chi phí	M				
		849	After entering the cost items for approval, the system automatically submits the costs for approval, the system provides features/screens to pre-configure the approval authority level. Or in cases of selection beyond the level of authority, allow users to choose manually	Sau khi nhập xong các Hạng mục trình duyệt chi phí thì hệ thống tự động trình duyệt chi phí, hệ thống cung cấp tính năng/màn hình để cấu hình sẵn cấp thẩm quyền phê duyệt. Hoặc với những trường hợp chọn vượt cấp thẩm quyền thì cho phép cán bộ tự chọn thủ công	M				
		850	The system allows to suggest prices of materials/spare parts (based on the available Price Bank function): + Vehicle price bank will store historical data on materials/spare parts prices according to each vehicle type and repair area arising through claims submitted on the System. + When submitting costs for approval on the System, the System will automatically suggest Min, Max, and average prices for similar categories of materials/spare parts	Hệ thống cho phép đưa ra gợi ý giá cả của vật tư/phụ tùng (dựa trên chức năng Ngân hàng giá đã có sẵn): + Ngân hàng giá XCG sẽ lưu dữ liệu lịch sử giá cả vật tư/phụ tùng theo từng loại xe và địa bàn sửa chữa phát sinh qua các khiếu nại được trình duyệt trên Hệ thống. + Khi trình duyệt chi phí trên Hệ thống, Hệ thống sẽ tự động đưa ra gợi ý giá Min, Max, giá bình quân đối với các hạng mục vật tư/phụ tùng đã phát sinh tương tự.	M				
		851	The system allows to control vehicle paint and repair costs (based on the existing Price Bank feature): + The system will allow to update car paint and repair costs according to the average price in each area. When there is a request for approval of costs for paint items, the system will support control and not allow submission/approval outside of Barem's price range.	Hệ thống cho phép kiểm soát chi phí sơn sửa xe (dựa trên tính năng Ngân hàng giá đã có sẵn): + Hệ thống sẽ cho phép cập nhật vào Hệ thống các barem chi phí sơn sửa xe theo mặt bằng giá bình quân phát sinh theo từng địa bàn. + Khi phát sinh trình duyệt chi phí các hạng mục sơn thì Hệ thống sẽ hỗ trợ kiểm soát không cho phép trình/duyet mức giá của Barem.	M				

			Calculate coverage of Property – Engineering	Tính toán phạm vi bảo hiểm: Nghiệp vụ Tài sản kỹ thuật					
	852	The system allows users to set up formulas to calculate compensation amounts and costs for conditions under the original insurance policy from collected information including but not limited to the following: + Subject of loss + Loss evolution + ...	Hệ thống cho phép NSD thiết lập công thức tính toán số tiền, chi phí bồi thường cho các điều kiện điều khoản theo đơn bảo hiểm gốc từ những thông tin thu thập bao gồm nhưng không giới hạn như sau: + Đối tượng tổn thất + Diễn biến tổn thất + ...	M	2				
			Calculate coverage of Marine	Tính toán phạm vi bảo hiểm: Nghiệp vụ Hàng hải					
	853	the system provides features to set up loss calculation formula including the amount of loss or claim according to ship liability, insurance liability based on the following unlimited information: + Type of goods + Unloading port + Timelines: ship arrival date, unloading completion date, final report issuance date, Date of claim note,... + Insurance conditions: Draught Delivery, Scale delivery + Missing goods: rate of goods missing above the Draught, volume of goods missing above the Draught, rate of goods missing above the scale, volume missing above the scale, + Loss of product quality: Volume of quality loss goods, market price of goods at destination, purchase price of loss goods, trade deduction rate, volume of loss goods after trade deduction	Hệ thống cung cấp tính năng thiết lập công thức tính toán tổn thất bao gồm số tiền tổn thất hoặc khiếu nại theo trách nhiệm tàu, trách nhiệm bảo hiểm dựa trên các thông tin không giới hạn sau: + Loại hàng hóa + Cảng dỡ + Các mốc thời gian: ngày tàu đến, ngày kết thúc dỡ hàng, ngày phát hành báo cáo cuối cùng, Ngày của thư khiếu nại, ... + Điều kiện bảo hiểm: Giao hàng qua mớn, giao hàng qua cân + Tổn thất thiếu hàng: tỷ lệ thiếu hàng qua mớn, khối lượng hàng thiếu qua mớn, tỷ lệ thiếu hàng qua cân, khối lượng thiếu qua cân, + Tổn thất chất lượng hàng: Khối lượng hàng tổn thất chất lượng, giá thị trường hàng tốt tại nơi đến, giá thu mua hàng tổn thất, tỷ lệ giảm giảm trừ thương mại, khối lượng hàng tổn thất sau giảm giảm trừ thương mại	M	2				
	854	the system provides features to set up a formula to calculate import tax losses based on import tax specified on each insurance policy.	Hệ thống cung cấp tính năng thiết lập công thức tính toán tổn thất thuế nhập khẩu dựa trên thuế nhập khẩu quy định trên từng đơn bảo hiểm	M					
	855	The system allows setting up a formula to calculate the total proposed compensation amount based on goods claim costs, survey costs and other costs (lawyer fees, court fees, appraisal fees, ...)	Hệ thống cho phép thiết lập công thức tính toán tổng số tiền đề xuất bồi thường dựa trên chi phí bồi thường hàng, chi phí giám định và các chi phí khác (phí luật sư, án phí, phí thẩm định, ...)	M					

		856	The system provides features that allow users to set up manual or automatic submission of costs and compensation for approval	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người dùng cài đặt việc trình duyệt thủ công hoặc tự động chi phí, bồi thường	M				
			Calculate coverage of Liability/mixed	Tính toán phạm vi bảo hiểm Nghiệp vụ trách nhiệm/hỗ trợ					
		857	The system allows users to calculate compensation amounts and costs for each condition based on information collected from customers.	Hệ thống cho phép NSD tính toán số tiền, chi phí bồi thường cho từng điều kiện điều khoản dựa trên các thông tin thu thập từ khách hàng	M	2			
			Calculate coverage of Network Security	Tính toán phạm vi bảo hiểm: Nghiệp vụ An ninh mạng					
		858	The system allows users to calculate compensation amounts and costs for each condition and term based on information collected from customers.	Hệ thống cho phép NSD tính toán số tiền, chi phí bồi thường cho từng điều kiện điều khoản dựa trên các thông tin thu thập từ khách hàng	M	2			
			Survey	Giám định					
			Manage the survey process	Quản lý quá trình giám định					
		859	The system should support survey tracking according to: + Survey method: onsite survey/off-site survey + Unit performing the survey: BIC or outsources	Hệ thống cung cấp tính năng theo dõi giám định theo: + Phương thức giám định: giám định hiện trường/ giám định không tại hiện trường + Đơn vị thực hiện giám định: BIC thực hiện giám định hay thuê ngoài	M	2			
		860	The system should support manage Survey log	Hệ thống quản lý theo dõi nhật ký giám định.	M				
		861	Request of survey, Monitoring and loss limitation reserves + The system should support to allow submission for approval to designate surveys at all levels and allow printing of survey request papers after approval. + The system provides the feature of submitting designation of supervision requests at all levels and allows printing the supervision request form after approval.	Trình chỉ định Giám định, Giám sát và dự phòng hạn chế tổn thất + Hệ thống cung cấp tính năng cho phép trình duyệt chỉ định giám định các cấp và cho phép in giấy yêu cầu giám định sau khi được chấp thuận. + Hệ thống cung cấp tính năng trình chỉ định giám sát các cấp và cho phép in giấy yêu cầu giám sát sau khi được chấp thuận.	M				
		862	Request to hire Lawyers/experts/Authorities + The system supports allow submission/approval of hiring designations. + After being approved by the competent level, the System allows to automatically attach the approved Proposal to the System and allows to export the Service Request to send to Partners. + The system allows to export report	Trình chỉ định thuê Luật sư/chuyên gia/Cơ quan chức năng + Hệ thống hỗ trợ tính năng cho phép trình/duyet online chỉ định thuê. + Sau khi được Cấp có thẩm quyền phê duyệt online thì Hệ thống cho phép tự động đính kèm Tờ trình được phê duyệt lên Hệ thống và cho phép kết xuất Giấy yêu cầu dịch vụ để gửi Đối	M				

			tác. + Hệ thống cho phép kết xuất báo cáo theo dõi về công tác trình duyệt					
		Create survey report	Lập báo cáo giám định					
863	the system provides features to create survey reports on the core system including unlimited information: + Loss information + By stage + Estimated reserve +...	Hệ thống cung cấp khả năng tạo báo cáo giám định trên hệ thống core bao gồm không giới hạn các thông tin: + Thông tin tổn thất + Theo giai đoạn + Ước tính dự phòng +...	M	1				
864	the system provides features to advances suggestion on the core system including unlimited information: + Loss information + By stage + Estimated reserve + Advance amount +...	Hệ thống cung cấp khả năng đề xuất tạm ứng trên hệ thống core bao gồm không giới hạn các thông tin: + Thông tin tổn thất + Theo giai đoạn + Ước tính dự phòng + Số tiền tạm ứng +...	M					
865	the system provides features to compile final survey reports on the core system including unlimited information: + Loss information + By stage + proposed final compensation amount +...	Hệ thống cung cấp khả năng soạn báo cáo giám định cuối cùng trên hệ thống core bao gồm không giới hạn các thông tin: + Thông tin tổn thất + Theo giai đoạn + đề xuất số tiền bồi thường cuối cùng +...	M					
866	The system allows user to customize one or more types of reports as listed above	Hệ thống cho phép tùy biến cán bộ lập một hoặc nhiều loại báo cáo như đã liệt kê ở trên	M					
867	The system allows providing functionality that allows users to attach reports received externally.	Hệ thống cho phép cung cấp chức năng cho phép cán bộ đính kèm các báo cáo nhận bên ngoài.	M					
		Reserves	Lập dự phòng					
868	The system support to set up Claims Reserve /survey fees/other expense reserves corresponding to each condition of related insurance benefits, includes, without limitation, the following information: + List of insurance coverage items: name and corresponding amount + List of related reinsurance contracts: Contract name, rate, total, amount (with a line adding total amount and BIC Net	Hệ thống cung cấp tính năng lập dự phòng bồi thường/phí giám định/dự phòng chi phí khác nhập số tiền dự phòng tương ứng với từng điều kiện, điều khoản quyền lợi bảo hiểm liên quan bao gồm không giới hạn các thông tin: + Danh sách các mục phạm vi bảo hiểm: tên, số tiền trích lập tương ứng + Danh sách các hợp đồng Tái liên quan: tên hợp đồng, tỷ lệ, trên tổng số, số tiền (có dòng cộng tổng số tiền và BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC))	M	3				

			(compensation amount under BIC's responsibility))						
	869	the system provides features to automatically set up lossreserves immediately after costs/claim plans/guarantee plans are approved according to: + Products + Insurance amount + Claim processing time from the date of creation	Hệ thống cung cấp tính năng thiết lập tự động trích lập dự phòng tổn thất ngay sau khi chi phí/ phương án bồi thường/ phương án bảo lãnh được duyệt theo: + Sản phẩm + Số tiền bảo hiểm + Thời gian xử lý hồ sơ khiếu nại kể từ ngày lập	M					
	870	For claims that are settled and paid within N days and do not fall under the automatic reserve-booking conditions, the system will not require a reserve to be established (this typically applies to claims that arise and are settled within the same month). N is user-defined, and the system must allow storing the change history of the N-day parameter	Đối với các khiếu nại được giải quyết và thực hiện thanh toán trong vòng N ngày mà không thuộc trường hợp trích lập dự phòng tự động thì không cần phải trích lập dự phòng trên hệ thống (trường hợp này xảy ra với các khiếu nại phát sinh và giải quyết trong tháng). N do người dùng tự định nghĩa và cho phép lưu lại lịch sử chỉnh sửa của N	M					
	871	The system must allow manual make reserves, including claims beyond the unit's authority	Hệ thống phải cho phép trích lập dự phòng thủ công, kê cả khiếu nại vượt thẩm quyền của đơn vị	M					
	872	The system allows the reversal of reserves (claim reserve/ survey reserve/ other reserve) + Automatic reversal: When there is a payment/advance/survey fee/lawyer fee, etc. When the record is closed, the entire remaining reserve of the claim record on the system will automatically be reversed to 0. + Manual reversal: When users realize that the estimated loss is lower than the initial reserve.	Hệ thống cho phép hoàn nhập dự phòng (dự phòng bồi thường/ dự phòng phí giám định/ dự phòng chi phí khác) + Hoàn nhập tự động: Khi phát sinh thanh toán/tạm ứng/phí giám định/phí luật sư,... Khi hồ sơ đóng, toàn bộ dự phòng còn lại của hồ sơ khiếu nại trên hệ thống sẽ tự động hoàn nhập về bằng 0. + Hoàn nhập thủ công: Khi cán bộ nhận thấy tổn thất ước tính thấp hơn dự phòng ban đầu.	M					
	873	The system allows automatic reserve adjustments to increase or decrease depending on the adjustment cost. For example: + On September 2, make a claim reserve of 10 million --> The system generates a line of compensation reserve of 10 million + On September 3, the user submitted the cost/compensation correction for approval, resulting in the compensation reserve calculated by the system being only 8 million --> The system automatically generates 1 more line for the compensation reserve of -2 million.	Hệ thống cho phép điều chỉnh dự phòng tự động tăng lên hay giảm đi tùy thuộc chi phí điều chỉnh. Ví dụ: + Ngày 2/9 lập dự phòng bồi thường 10 triệu --> Hệ thống sinh 1 dòng dự phòng bồi thường 10 triệu + Ngày 3/9 cán bộ trình duyệt sửa chi phí/bồi thường, dẫn tới mức dự phòng bồi thường hệ thống tính toán chỉ còn 8 triệu --> Hệ thống tự động sinh thêm 1 dòng cho dự phòng bồi thường là -2 triệu. Ngược lại với trường hợp tăng lên 15 triệu thì	M					

			On the contrary, in the case of an increase of 15 million, the system generates an additional line for the claim reserve of 5 million.	hệ thống sinh thêm 1 dòng cho dự phòng bồi thường là 5 triệu					
			Proposal of cost, reserve, compensation	Trình duyệt chi phí, dự phòng, bồi thường					
		874	After transfer Proposal, the system will automatically send email to the information recipient and relevant departments	Sau khi trình duyệt thì hệ thống sẽ tự động gửi email Thông tin trình duyệt đến Người nhận thông tin và các bộ phận liên quan	M	1			
		875	The system shall have reminder information for the approver, detailed reminder information includes, but is not limited to, the following information: claim ID, policy ID, amount, date of approval, time of approval, Proposal user,...	Hệ thống phải có thông tin nhắc nhở cho người duyệt, thông tin nhắc nhở hiển thị chi tiết bao gồm không giới hạn các thông tin: số khiếu nại, số đơn, số tiền, ngày trình duyệt, lần trình duyệt, cán bộ trình duyệt, ...	M				
		876	the system provides features to allow the approver to approved/reject with reasons	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép người duyệt đồng ý/từ chối cùng với lý do	M				
		877	The system allows setting up automatic booking reserve after expenses are approved for some products. The reserve will automatically be adjusted up/down when additional approved costs increase/decrease. The System allows manual transfer reserve for approval (in cases not automatic booking reserve) and allows manual transfer reserve for approval in batches (multiple reserves in 1 Proposal/approval).	Hệ thống cho phép thiết lập trích lập dự phòng tự động sau khi chi phí được duyệt đối với 1 số sản phẩm. Dự phòng sẽ tự động điều chỉnh tăng/giảm khi chi phí được duyệt bổ sung tăng thêm/giảm đi. Ngoài việc trích lập DP tự động thì Hệ thống cho phép trình duyệt dự phòng thủ công (đối với các trường hợp không thuộc diện trích lập dự phòng tự động) và cho phép trình duyệt dự phòng thủ công theo lô (nhiều dự phòng trong 1 lần trình/duyệt).	M				
		878	The system automatically creates plans for submitting costs, reserve, and compensation for approval based on calculated, the calculated amounts for hospital admission guarantee, reserves, and claims payments	Hệ thống tự động tạo phương án trình duyệt chi phí, trình duyệt bảo lãnh viện phí, dự phòng, bồi thường dựa trên chi phí, số tiền bảo lãnh viện phí, dự phòng, bồi thường đã tính toán	M				
		879	The system allows users to set up an automatic approval after entering cost, reserve, and compensation for certain products.	Hệ thống cho phép người dùng thiết lập trình duyệt tự động sau khi nhập xong chi phí, dự phòng, bồi thường đối với 1 số sản phẩm nhất định	M				
		880	The system allows users to set up manual approval in batches	Hệ thống cho phép người dùng thiết lập trình duyệt thủ công theo lô	M				
			Notification of expense/compensation approval	Thông báo phương án phê duyệt chi phí/bồi thường					
		881	When the Proposal is approved, the support system automatically sends email notifications to relevant parties: processing officer, customers, ...	Khi phương án được duyệt, hệ thống hỗ trợ tự động gửi email thông báo cho các bên liên quan: cán bộ xử lý, khách hàng, ...	M	0.5			

		882	The system supports exporting/printing notification forms to send to relevant parties, in case re-confirmation from the customer is required.	Hệ thống hỗ trợ kết xuất/in ra các mẫu thông báo gửi các bên liên quan, trong trường hợp cần phải có sự xác nhận lại của khách hàng	M				
			Close/Re-Open Claim record	Đóng/Mở hồ sơ khiếu nại đã đóng/đã thanh toán					
		883	The system automatically closes the claim record after compensation has been paid after N days. (N is user-defined) or according to some previously defined rules. Or closed manually (in cases where the system fails to auto-close due to errors)	Hệ thống tự động đóng hồ sơ khiếu nại sau khi đã thanh toán bồi thường sau N ngày. (N do người dùng tự định nghĩa) hoặc theo một số quy tắc định nghĩa trước đó. Hoặc đóng thủ công (vì nhiều trường hợp hệ thống lỗi không tự động đóng được)	M	1			
		884	The system prevents and does not allow editing for claims in closed status	Hệ thống chặn không cho phép sửa đổi với những hồ sơ bồi thường ở trạng thái đóng	M				
		885	The system allows the request for approval to reopen the claim record for: + Reversal of compensation amount + Correct some missing information such as: VAT tax, ...	Hệ thống cho phép trình duyệt mở lại hồ sơ khiếu nại để + Hoàn nhập khoản đã bồi thường + Sửa đổi một số thông tin thiếu như: thuế VAT, ...	M				
			Audit trail Claim processing	Lịch sử xử lý hồ sơ bồi thường					
		886	The system allows recording actions of users with claim records	Hệ thống cho phép ghi lại những thao tác của cán bộ với hồ sơ khiếu nại	M	1.5			
		887	The system allows following the operational process at each step (including processing time), manipulating and managing the processing process (day/month/year) at each step, information about the steps includes but without limitation as follows: + Wait for customers to supplement claim record + Present a solution plan + Wait for the customer to sign to confirm the compensation notice + Wait for the decision of the jurisdiction (court, arbitration) + Claim BIC as a follower co-insurer + Documents waiting for signature of P&I association + Records of third party claiming BIC + Goods records being monitored + Wait for general loss allocation + Third party liability compensation records in the Technical Assets and Liability peration	Hệ thống cho phép theo quá trình tác nghiệp tại từng bước (bao gồm cả thời gian xử lý), thao tác và quản lý quá trình xử lý (ngày/tháng/năm) ở từng bước, thông tin về các bước bao gồm nhưng không giới hạn như sau: + Chờ khách hàng bổ sung hồ sơ khiếu nại + Đang trình phương án giải quyết + Đang chờ khách hàng ký xác nhận thông báo bồi thường + Chờ phán quyết của cơ quan tài phán (tòa án, trọng tài) + Khiếu nại BIC là nhà đồng bảo hiểm theo sau (follower) + Hồ sơ chờ ký kiến của hội P&I + Hồ sơ bên thứ ba đòi BIC + Hồ sơ hàng hóa đang tiến hàng giám sát + Chờ phân bổ tổn thất chung + Hồ sơ bồi thường trách nhiệm bên thứ ba thuộc nghiệp vụ Tài sản kỹ thuật, trách nhiệm + Hồ sơ bồi thường có điều khoản Cut Through giữa BIC với nhà TBH	M				

			<ul style="list-style-type: none"> + Compensation records with a Cut Through clause between BIC and the reinsurer + Ship records with a status of waiting for repairs for loss located underwater + The customer does not agree with the solution + Documents have been transferred to the accounting department for compensation payment + Completed compensation for customers, waiting for co-insurance collection +... 	<ul style="list-style-type: none"> + Hồ sơ tàu có trạng thái chờ lễ đã sửa chữa đối với phần thiệt hại nằm dưới nước + Khách hàng không đồng ý phương án giải quyết + Đã chuyển hồ sơ để bộ phận kế toán thanh toán bồi thường + Đã hoàn tất bồi thường cho KH, chờ thu đòi đồng bảo hiểm +... 					
			Vehicle price bank	Ngân hàng giá XCG					
		888	<p>The system allows to add/ edit/ delete/ view the vehicle price bank including unlimited categories:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Traffic rescue price list + Refer to the price list of genuine spare parts + Refer to the genuine copper paint cost table + Scale of the repair unit's motor vehicle paint cost + Configure replacement materials according to: brand, model,... + ... 	<p>Hệ thống cho phép thiết lập thêm/sửa/xóa/ xem Ngân hàng giá xe cơ giới bao gồm không giới hạn các danh mục:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảng giá cứu hộ giao thông + Thao khảo bảng giá phụ tùng chính hãng + Tham khảo bảng chi phí đồng sơn chính hãng + Barem chi phí sơn XCG của đơn vị sửa chữa + Cấu hình vật tư thay thế theo: hãng xe, đời xe,... + ... 	M	1			
		889	The system allows uploading files (names of spare parts and materials are uniformly encoded) or adding new ones from the system's input screen.	Hệ thống cho phép upload file (tên vật tư phụ tùng được mã hóa thống nhất) hoặc thêm mới từ màn hình nhập của hệ thống	M				
		890	The system allows only users at the Head Office to add/edit/delete, branches only have the right to view	Hệ thống cho phép chỉ người dùng tại Hội sở chính mới được thêm/sửa/xóa, CTTV chỉ có quyền xem	M				
			Search	Tra cứu bồi thường					
		891	<p>the system provides features to allow search claim record according to unlimited parameters as follows:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Clam ID - Policy ID - Certificate ID - License plate/ Frame number/ Engine ID - Unit - Type - Customer name 	<p>Hệ thống cung cấp chức năng cho phép tra cứu bồi thường theo các tham số không giới hạn như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số hồ sơ - Số đơn - Giấy CN số - BKS/SK/SM - Đơn vị - Loại hình - Tên khách hàng 	M	1.5			

			- Ship name/ Vehicle owner's name - ...	- Tên tàu/ Tên chủ xe - ...					
		892	The system displays the following lookup list including but not limited to the following information: + No. + Claim ID + Policy ID + Customer name + ClassID: Product groups + Date of receipt of loss + Date of loss + Money unit + BIC Net payment amount (compensation amount is BIC's responsibility) + Processing user + ...	Hệ thống hiển thị danh sách sau tra cứu bao gồm không giới hạn các thông tin: + STT + Hồ sơ + Số đơn + Tên khách hàng + ClassID: nhóm sản phẩm + Ngày tiếp nhận tổn thất + Ngày tổn thất + Đơn vị tiền + Số tiền thanh toán BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC) + Cán bộ thụ lý + ...	M				
		893	The system allows viewing detailed information for each policy on the list	Hệ thống cho phép xem thông tin chi tiết từng đơn trên danh sách	M				
		894	The system allows looking up the audit trail of claims (for customers or management to review)	Hệ thống cho phép tra cứu tiến trình xử lý của hồ sơ khiếu nại (để khách hàng hoặc cấp lãnh đạo xem xét)	M				
		895	The system allows the system to share claim processing information for external systems such as my BIC, BIC online	Hệ thống cho phép hệ thống cho phép các hệ thống bên ngoài như my BIC, BIC online truy vấn thông tin đơn bồi thường và quá trình xử lý khiếu nại bồi thường	M				
	8.2. Special Investigations Unit (SIU)/ Đơn vị điều tra trực lợi		Special Investigations	Điều tra gian lận/ trực lợi bảo hiểm					
		896	The system provides features that allow the definition and identification of behaviors considered to be insurance fraud/profitteering (users will build definitions/identification of these behaviors).	Hệ thống cung cấp tính năng cho phép định nghĩa, nhận diện các hành vi được cho là gian lận/trực lợi bảo hiểm (người dùng sẽ xây dựng các định nghĩa/nhận diện hành vi này).	M	2			
		897	The system will identify insurance fraud customers/ warning customers and provide information support to the entire system/ related departments to manage and prevent risks (if necessary).	Hệ thống sẽ nhận diện khách hàng gian lận bảo hiểm/khách hàng cảnh báo và hỗ trợ thông tin tới toàn hệ thống/ bộ phận liên quan nhằm quản trị và phòng tránh rủi ro (nếu cần).	M				
		898	During the process of processing a claim, the system will warn and remind if an insurance policy violates insurance rules.	Trong quá trình xử lý đơn bồi thường, hệ thống sẽ cảnh báo, nhắc nhở nếu có đơn bảo hiểm vi phạm quy tắc bảo hiểm.	M				
		899	The system provides features for users to record if there is insurance fraud	Hệ thống cung cấp tính năng để cán bộ ghi nhận nếu có trực lợi bảo hiểm	M				
			Litigation management	Quản lý tố tụng					

	8.3. Litigation Management/ Quản lý Tố tụng	900	The system provides features for users to manage claims with litigation arising.	Hệ thống cung cấp tính năng để người dùng quản lý các khiếu nại có phát sinh tố tụng.	M	1.5			
		901	The system allows displaying a list of claims/insurance policies with litigation arising: claims associated with litigation (mediation/ arbitration/ court)	Hệ thống cho phép hiển thị danh sách khiếu nại/ đơn bảo hiểm có phát sinh tố tụng: đơn khiếu nại gắn với hình thức tố tụng (hòa giải/ trọng tài/ tòa án)	M				
		902	The system allows tracking: add/edit/delete list of jurisdictions handling lawsuits: arbitration or court	Hệ thống cho phép theo dõi: thêm/sửa/xóa danh sách các cơ quan tài phán xử lý vụ kiện: trọng tài hay là tòa án	M				
		903	The system provide feature to track logs of litigation processing timelines	Hệ thống cung cấp chức năng theo dõi nhật ký các mốc thời gian xử lý tố tụng	O				
		904	The system provide feature to claim management and mediation, dispute resolution and arbitration functionality	Hệ thống cung cấp chức năng quản lý yêu cầu và hòa giải, giải quyết tranh chấp và trọng tài	O				
		905	the system provides features for timeline warning according to type of business. For example: For import goods operations, the time limit for filing a lawsuit is 1 year, for logistics transportation, the time limit is 9 months (of which within 14 days from the date of unloading the goods, the documents must be sent to the logistics unit),...	Hệ thống cung cấp chức năng cảnh báo các mốc thời gian theo loại hình nghiệp vụ. Ví dụ: nghiệp vụ hàng nhập khẩu thì thời hạn khởi kiện là 1 năm, Vận tải logistic thời hạn là 9 tháng (trong đó trong vòng 14 ngày kể từ ngày dỡ xong hàng phải gửi hồ sơ cho đơn vị logistic),...	O				
		906	The system allows the submission for approval at all levels to approve plans/ forms of litigation	Hệ thống cho phép trình duyệt các cấp chấp thuận phương án/ hình thức tố tụng	O				
		907	The system provides integration with the systems of external litigation agencies (e.g. courts, lawyers, etc.)	Hệ thống cung cấp khả năng tích hợp với hệ thống của các cơ quan xử lý tố tụng bên ngoài (ví dụ: tòa án, luật sư, v.v.)	O				
	8.4. Recovery-Subro, Salvage, Deductibles, SIU recovery/ Thu hồi - Thẻ quyền, Tài sản thu hồi, Khấu trừ, Thu hồi SIU		Pursue the recovery	Theo dõi sau bồi thường		4			
			Pursue the recovery: reinsurers	Theo dõi thu hồi Tái bảo hiểm					
			Pursue the recovery: XOL reinsurers	Theo dõi, thu hồi sự kiện có Tái XOL:					
		908	The system needs to track the process of claim XOL reinsurance when an event occurs (storm, flood, fire).	Hệ thống cần theo dõi được quá trình thu hồi Tái XOL khi có xảy ra 1 sự kiện (bão, lũ, cháy).	M				
		909	The system allows defining a list of events that occur and provides an information field that allows users to mark insurance policies related to that event.	Hệ thống cho phép định nghĩa danh sách các sự kiện diễn ra và cung cấp trường thông tin cho phép người dùng đánh dấu những đơn bảo hiểm có liên quan tới sự kiện đó.	M				
		910	The system provides a reminder feature when there is a compensation amount that needs to be recovered from the house (for example, Net fee reserve > 300,000 USD, for example)	Hệ thống cung cấp tính năng nhắc nhở khi có khoản bồi thường cần phải thu hồi nhà tái XOL (ví dụ dự phòng phí Net > 300000 USD chẳng hạn)	M				

		911	<p>The system provides features that allow calculating the amount receivable from the XOL reinsurer and automatically allocate/offset the portion collected/paid to the XOL reinsurer, including unlimited information: event, insurance policy affected by the event, reserve level/total/net payment (corresponding to each record)</p> <p>For example: Storm A affects area B, in this area</p> <p>+ January: BIC assessed 5 insurance policies under the XOL reinsurance contract, the total net reserve (BIC Net (compensation amount under BIC's responsibility)) of 5 insurance policies = 500,000 USD (>300,000 USD). The Claim Survey Committee sends the Reinsurance Committee to arrange to collect 200,000 USD. After collection is completed, the system automatically calculates the remaining total reserve = 300. Allocate 200 to 5 insurance policies according to the proportional principle: $200 * (\text{BIC Net (compensation amount under BIC's responsibility) each policy} / \text{BIC Net (compensation amount under BIC's responsibility) total of 5 policies})$ to reduce the reserve accordingly for each policy.</p> <p>+ February: BIC assessed 2 more insurance policies affected by storm A and related to the XOL reinsurance contract. The system will add the net reserve of these two policies to the BIC Net portion (compensation amount under BIC's responsibility) at the end of January. And proceed to allocate to 7 contracts similar to January if BIC Net (compensation amount under BIC's responsibility) > 300,000 USD</p>	<p>Hệ thống cung cấp tính năng cho phép tính toán khoản còn phải thu từ nhà tái XOL và tự động phân bổ/đối trừ phần đã thu/trả cho nhà Tái XOL, bao gồm các thông tin không giới hạn: sự kiện, đơn bảo hiểm ảnh hưởng bởi sự kiện, mức dự phòng/thanh toán tổng/net (tương ứng từng hồ sơ)</p> <p>Ví dụ: Con bão A ảnh hưởng tới vùng B, tại vùng này</p> <p>+ Tháng 1: BIC giám định được 5 đơn bảo hiểm thuộc hợp đồng tái XOL, tổng dự phòng net (BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC)) của 5 đơn bảo hiểm = 500000 USD (>300000 USD). Ban GĐBT gửi Ban Tái để thu xếp thu đòi 200000 USD. Sau khi thu đòi xong, hệ thống tự động tính toán mức còn lại tổng dự phòng = 300. Phân bổ phần 200 cho 5 đơn bảo hiểm theo nguyên tắc tỉ lệ: $200 * (\text{BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC) từng đơn} / \text{BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC) tổng 5 đơn})$ để làm giảm dự phòng tương ứng cho từng đơn.</p> <p>+ Tháng 2: BIC giám định được thêm 2 đơn bảo hiểm có bị ảnh hưởng bởi cơn bão A và có liên quan tới hợp đồng tái XOL. Hệ thống sẽ cộng thêm dự phòng net của 2 đơn này vào phần BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC) cuối tháng 1. Và tiến hành phân bổ cho 7 hợp đồng tương tự như tháng 1 nếu BIC Net (số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm của BIC) > 300000 USD</p>	M				
		912	<p>The system allows providing XOL collection reports for each event including but not limited to the following information: amount paid for each record (insurance policy ID, total/net payment amount of each record, (at the top of the report there is a line totaling all))</p>	<p>Hệ thống cho phép cung cấp báo cáo thu đòi XOL theo từng sự kiện bao gồm không giới hạn các thông tin: số tiền đã thanh toán của từng hồ sơ (số đơn bảo hiểm, số tiền thanh toán tổng/net của từng hồ sơ, (trên cùng báo cáo có 1 dòng cộng tổng tất cả))</p>	M				
		913	<p>Monitor and claim Cash Call Reinsurance: The system allows tracking Cash Call (need to be</p>	<p>Theo dõi, thu đòi Tái bảo hiểm Cash Call: Hệ thống cho phép theo dõi các khoản thu đòi Cash</p>	M				

			reported to the reinsurer to arrange payment immediately after establishing claim reserves, not requiring survey)	Call (thu đòi cần phải báo nhà Tái để thu xếp thanh toán ngay khi lập dự phòng bồi thường chứ chưa cần giám định bồi thường)					
			Pursue the recovery: coinsurance claims	Theo dõi thu đòi Đồng bảo hiểm					
	914	The system allows displaying a list of claims/insurance policies that need to be claimed, which are tracked to each co-insurer.	Hệ thống cho phép hiển thị danh sách các đơn khiếu nại/ đơn bảo hiểm cần thu đòi Đồng bảo hiểm theo dõi đến từng nhà đồng bảo hiểm	M	2				
	915	The system allows users to update the log to monitor collection/ payment of Co-insurance: date, details (document/ email sent, phone call/ how much was collected,...)	Hệ thống cho phép cán bộ cập nhật nhật ký theo dõi công tác thu đòi/ thanh toán Đồng bảo hiểm: ngày tháng, chi tiết (đã gửi văn bản sang/ đã gửi mail, gọi điện/ thu đòi được bao nhiêu,...)	M					
	916	The system allows displaying a list of coinsurance payables (according to each co-insurer), so that users can track co-insurance debt. Parallel tracking of insurance receivables and payables by each coinsurer. + Compensation payable reserve (for records that have not yet approved for compensation) + Payment of coinsurance liability (for approved records)	Hệ thống cho phép hiển thị danh sách phải trả đồng bảo hiểm (theo từng nhà đồng bảo hiểm), để người dùng theo dõi công nợ đồng bảo hiểm. Theo dõi song song phải thu và phải trả đồng bảo hiểm theo từng nhà đồng. + Dự phòng bồi thường phải trả (đối với hồ sơ chưa duyệt bồi thường) + Thanh toán trách nhiệm đồng bảo hiểm (đối với hồ sơ đã duyệt bồi thường)	M					
			Pursue the recovery: third party	Theo dõi thu đòi bên thứ ba					
	917	The system allows to retrieve loss information data from claim records to synthesize statistical data of claiming third parties according to: Ship nationality, cargo shortage rate, P&I Club, unloading port, ...	Hệ thống cho phép lấy dữ liệu thông tin tổn thất từ các hồ sơ khiếu nại để tổng hợp dữ liệu thống kê đòi bên thứ ba theo: Quốc tịch tàu, tỷ lệ thiếu hàng, Hội PNI, cảng dỡ, ...	M	2				
	918	The system allows reminders of the statute of limitations for third-party claims. For example: For goods, it is 1 year from the date of unloading, accidents/collisions with a transportation contract of 3 years from the date of loss, etc.	Hệ thống cho phép nhắc nhở thời hiệu khiếu nại bên thứ ba. Ví dụ: Hàng hóa là 1 năm kể từ ngày dỡ hàng, các vụ tai nạn/đâm va mà có hợp đồng vận chuyển là 3 năm kể từ ngày xảy ra tổn thất, ...	M					
	919	The system allows recording collection logs: For example: Date of transfer of collection records, third party information, negotiation process with third parties, ...	Hệ thống cho phép ghi nhận nhật ký thu đòi: Ví dụ: Ngày chuyển hồ sơ thu đòi, thông tin bên thứ ba, quá trình đàm phán với bên thứ ba, ...	M					
	920	The system allows storage of collection records and regulates archived documents according to a list of each operation	Hệ thống cho phép lưu trữ hồ sơ thu đòi, quy định các tài liệu lưu trữ theo danh sách từng nghiệp vụ	M					
	921	The system allows reporting collection results, statistics on collection status to synthesize historical data from which to make regulations	Hệ thống cho phép kết xuất báo cáo kết quả thu đòi, thống kê tình trạng thu đòi để tổng hợp dữ liệu lịch sử từ đó quy định về việc có tiếp tục	M					

			on whether to continue collecting from third parties or not. For example: Records of small losses under 50 million will not be collected, records of goods with the result of unloading less than 0.5% of draft will not be collected, records of goods in which the ship owner has been changed and cannot be contacted will not be collected, etc.	thu đòi bên thứ ba hay không. Ví dụ: Hồ sơ tổn thất nhỏ dưới 50 triệu không thu đòi, hồ sơ hàng hóa có kết quả dỡ hàng thiếu mớn nước dưới 0.5% không thu đòi, hồ sơ hàng mà tàu đã chuyển chủ không liên lạc được sẽ không thu đòi, ...					
			Management of recovered materials/Salvage	Quản lý vật tư thu hồi					
		922	The system allows displaying a list of recovered materials for each claim	Hệ thống cho phép hiển thị danh sách vật tư thu hồi theo từng đơn khiếu nại	M	1			
		923	The management system for handling recovered materials includes unlimited information fields as follows: + Recovery of storage: List of warehouses, list of materials stored in the warehouse, estimated value, ... + Sell materials on the spot and process clearing payments + Destruction of materials + ...	Hệ thống quản lý phương án xử lý vật tư thu hồi bao gồm các trường thông tin không giới hạn như sau: + Thu hồi lưu kho: Danh sách kho hàng, danh mục vật tư lưu tại kho, giá trị ước tính, ... + Bán vật tư ngay tại chỗ và xử lý thanh toán đối trừ + Tiêu hủy vật tư + ...	M				
		924	The system allows detailed records to track recovery and handling of materials	Hệ thống cho phép ghi sổ chi tiết theo dõi thu hồi và xử lý vật tư	M				
	8.5. Data Management/ Quản lý dữ liệu		List of documents	Danh mục hồ sơ tài liệu					
		925	The list of documents must be designed in the order of compensation documents. Users can define the list of uploaded documents themselves. Role-based authorization for each user level, specifying which tasks or actions each level is permitted to perform within a claim file.	Danh mục hồ sơ tài liệu phải được thiết kế theo thứ tự hồ sơ bồi thường, Người sử dụng có thể tự định nghĩa danh mục hồ sơ tài liệu upload. Phân quyền cho các cấp thao tác hồ sơ (cấp nào được phân quyền thực hiện nội dung công việc gì)	M	1			
		926	Each category type allows multiple files. For example: For the insurance certificate section, users can upload 2 photos.	Mỗi loại danh mục cho phép nhiều file. Ví dụ: Với mục giấy chứng nhận bảo hiểm NSD có thể upload 2 ảnh.	M				
		927	The system allows users to create additional lines of records and documents (not in the list) and name and upload files as usual.	Hệ thống cho phép Người sử dụng tạo thêm dòng Hồ sơ, tài liệu (không có trong danh mục) và đặt tên, up file như bình thường.	M				
		928	The system allows uploading multiple files at once	Hệ thống cho phép up nhiều file một lần	M				
		929	The system allows drag and drop instead of having to select the file upload button	Hệ thống cho phép kéo thả thay vì phải chọn nút upload file	M				

9. Accounting & Finance Functional Requirement/ Yêu cầu chức năng tài chính kế toán	Accounting/ Kế toán	Requirements for management of accounting accounts		Yêu cầu về quản lý các tài khoản kế toán						
		930	The system have a centralized accounting account system management feature, allow users to define their own accounting account system according to BIC's requirements: Allow setting up different sets of accounting books (multiple sets of accounting books) for the same user branch or different accounting branch as required by BIC.	Có tính năng quản lý hệ thống tài khoản (HTTK) kế toán tập trung, cho phép người sử dụng tự định nghĩa hệ thống tài khoản kế toán theo yêu cầu của BIC: Cho phép thiết lập các bộ sổ kế toán khác nhau (đa bộ sổ kế toán) cho cùng một đơn vị sử dụng hoặc các đơn vị kế toán khác nhau theo yêu cầu của BIC.	M	8				
		931	The system allow users to define their own account system as required, including: - Allow creating and maintaining unlimited accounting account categories. - Accounting account numbers allow both numeric and alphanumeric characters	Cho phép người sử dụng tự định nghĩa hệ thống tài khoản theo yêu cầu, trong đó: - Cho phép tạo và duy trì danh mục tài khoản hạch toán không giới hạn. - Số hiệu tài khoản hạch toán cho phép cả ký tự số và chữ	M					
		932	The system allows users to configure accounts and accounting entries according to products and operations, and to be able to manage and record accounting information includes but is not limited to the following information: <ul style="list-style-type: none"> • Off-balance sheet information • Record insurance revenue, and simultaneously record expenses associated with the original insurance policy (agent/broker commissions, Ceded premium/ Ceded commission, other expenses...) • Collect premium (from customers, from agents, from brokers, from co-insurance companies....) • Payment of agent/broker commissions • Payments of Reinsurer • Reserves and compensation payments • Compensation payment Details according to each policy, includes but is not limited to operations: <ul style="list-style-type: none"> • policy without reinsurance • policy with reinsurance • Underwriting reinsurance • Endorsement • Cancel policy 	Hệ thống cần cho phép người dùng tự thiết lập các tài khoản và bút toán hạch toán theo sản phẩm, nghiệp vụ, có khả năng quản lý, ghi nhận được các thông tin kế toán bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin: <ul style="list-style-type: none"> • Thông tin ngoại bảng • Ghi nhận doanh thu bảo hiểm, đồng thời ghi nhận các khoản chi phí đi theo đơn bảo hiểm gốc (hoa hồng đại lý/môi giới, phí nhượng TBH/HH nhượng TBH, chi phí khác...) • Thu phí bảo hiểm (từ khách hàng, từ đại lý, từ môi giới, từ công ty đồng bảo hiểm....) • Thanh toán hoa hồng đại lý/môi giới • Thanh toán tái bảo hiểm • Dự phòng, thanh toán bồi thường • Thanh toán bồi thường Chi tiết theo từng tính chất của đơn bảo hiểm, bao gồm nhưng không giới hạn các nghiệp vụ <ul style="list-style-type: none"> • Cấp đơn không có tái • Cấp đơn có tái • Cấp đơn khi nhận tái • Sửa đổi bổ sung • Hủy đơn • Bồi thường đơn không có tái • Bồi thường đơn có tái 	M					

			<ul style="list-style-type: none">• Compensation of policy without reinsurance• Compensation of policy with reinsurance• Compensation of Underwriting reinsurance• Re-insurance of coinsurance on behalf• ...	<ul style="list-style-type: none">• Bồi thường đơn nhận tái• Tái hộ đồng bảo hiểm• ...					
	933	The centralized accounting account system is designed based on the requirements of the head office - BIC head office sets up a single account system for all branches. - On the basis of the established shared account system, when transactions arise (regardless of transactions carried out by the branch itself, and inter-branch transactions) they are accounted for in the opened account (not distinguish the currency of the account), the system automatically creates a branch-level GL account to account for accounting entries.	Hệ thống tài khoản kế toán tập trung được thiết kế dựa theo yêu cầu của hội sở - Trụ sở chính BIC thiết lập một hệ thống tài khoản duy nhất dùng chung Cho tất cả các chi nhánh. - Trên cơ sở hệ thống tài khoản dùng chung đã được thiết lập, khi phát sinh các giao dịch (không phân biệt giao dịch do chính chi nhánh thực hiện, và giao dịch liên chi nhánh) hạch toán vào tài khoản đã mở (không phân biệt loại tiền tệ của tài khoản), Hệ thống tự động tạo tài khoản GL cấp độ chi nhánh để hạch toán các bút toán.	M					
	934	Maintaining a centralized accounting account system is carried out according to principles - Only head office is allowed to create new GL accounts. Allow creating new GL accounts in many ways: (1) from the input screen; and (2) batch creation of accounts via file upload (including but not limited to excel files). - Only head office is allowed to modify information of accounting accounts. The system allows editing all GL account information, except for the account number (code). - For deleting accounting accounts, the system allows decentralization of authority to delete GL accounts at the system-wide and branch levels. The system does not allow deletion of GL accounts in the following cases: The account still has a balance, the account has no balance but there are transactions that occurred during the fiscal year, the account is declaring parameters to automatically account for transactions Or for previous years' financial statements, accounts that are currently configured to automatically post transactions	Việc duy trì hệ thống tài khoản kế toán tập trung được thực hiện theo nguyên tắc - Chỉ có Trụ sở chính được phép tạo mới các tài khoản GL. Cho phép tạo mới các tài khoản GL theo nhiều cách: (1) từ màn hình nhập liệu; và (2) tạo theo lô/hàng loạt các tài khoản thông qua tải (upload) file (bao gồm nhưng không giới hạn file excel). - Chỉ có Trụ sở chính được phép sửa đổi thông tin của các tài khoản kế toán. Hệ thống cho phép sửa đổi tất cả thông tin tài khoản GL, ngoại trừ số hiệu (mã) tài khoản. - Đối với việc xóa tài khoản kế toán, Hệ thống cho phép phân quyền được xóa tài khoản GL theo mức toàn hệ thống, mức chi nhánh. Hệ thống không cho phép xóa tài khoản GL trong các trường hợp: tài khoản vẫn còn số dư, tài khoản hết số dư nhưng có giao dịch phát sinh trong năm tài chính hoặc trong Báo cáo tài chính các năm trước, tài khoản đang khai báo tham số để tự động hạch toán giao dịch, chuyển trạng thái các tài khoản này về trạng thái Inactive, đảm bảo NSD vẫn có thể tra cứu được các giao dịch lịch sử	M					

			will be set to Inactive status, while ensuring that users can still query historical transactions - The system must allow only the head office to temporarily lock the account (not deleted from the system but temporarily closed, not allowing accounting). The account can then be restored if needed.	- Hệ thống phải cho phép chỉ có Trụ Sở chính được tạm khóa tài khoản (chưa xóa khỏi hệ thống nhưng tạm đóng không cho phép hạch toán). Sau đó có thể khôi phục lại tài khoản nếu cần.				
		935	The system is capable of setting up multiple sets of accounting books: which allows users to define many different account systems (each accounting system corresponds to a set of accounting books) and set up different accounting principles to meet, including but not limited to following regulations and accounting standards: - BIC's internal accounting regulations; - Accounting regulations of Vietnamese insurance enterprises; - Vietnam accounting standards; - International Accounting Standards; - Accounting standards of other countries.	Hệ thống có khả năng thiết lập đa bộ sổ kế toán: trong đó, cho phép người sử dụng định nghĩa nhiều hệ thống tài khoản khác nhau (mỗi HTTK tương ứng với một bộ sổ kế toán) và thiết lập các nguyên tắc kế toán khác nhau để đáp ứng bao gồm nhưng không giới hạn các quy định, chuẩn mực kế toán sau: - Quy định kế toán nội bộ của BIC; - Quy định kế toán của Doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam; - Chuẩn mực kế toán Việt Nam; - Chuẩn mực kế toán quốc tế; - Chuẩn mực kế toán các quốc gia khác.	O			
		936	Manage multi-currency accounting accounts: The system allows the same GL account number to be used/ combined with many different currencies to account and manage accounting objects according to each currency (e.g.: VND cash account, USD cash account, EUR cash account,...)	Quản lý tài khoản kế toán đa tệ: Hệ thống cho phép cùng một số hiệu tài khoản GL được sử dụng/ kết hợp với nhiều loại tiền tệ khác nhau để hạch toán và quản lý các đối tượng kế toán theo từng loại tiền tệ (VD: tài khoản tiền mặt VND, tài khoản tiền mặt USD, tài khoản tiền mặt EUR,...)	M			
		937	Manage and establish accounting accounts at levels of detail and aggregation as required by BIC	Quản lý, xác lập các tài khoản kế toán theo các cấp độ chi tiết, tổng hợp theo yêu cầu của BIC	M			
		938	The account system must be designed according to a relational architecture with multiple GL account levels (aggregate and detailed levels). The number of aggregation levels is defined by the user, which only allows accounting to GL accounts at the detailed level.	Hệ thống tài khoản phải được thiết kế theo kiến trúc quan hệ tổng hợp và chi tiết với nhiều cấp độ. Số lượng cấp tổng hợp do người sử dụng xác định, trong đó chỉ cho phép hạch toán vào tài khoản GL ở cấp độ chi tiết.	M			
		939	When accounting, detailed GL account codes can be combined with other sets of codes/indicators to provide data for analysis purposes according to BIC's design. Other codes/indicators include but are not limited to: product code; department code, inter-company	Khi hạch toán, mã số tài khoản GL chi tiết có thể kết hợp với các bộ mã/chỉ tiêu khác để cung cấp dữ liệu cho các mục đích phân tích theo thiết kế của BIC. Các bộ mã/chỉ tiêu khác bao gồm nhưng không giới hạn: mã sản phẩm (product code); mã phòng ban (department	M			

			code,etc... These codes must be synchronized with the corresponding codes on the Accounting Program.	code), mã đơn vị liên quan (inter-company code) v.v... Các bộ mã này phải được đồng bộ tự bộ mã tương ứng trên Chương trình kế toán.					
		940	the system provides features to declare and control compliance with the properties (attributes) of GL accounts, including but not limited to: properties of balance (only have Credit balance, Debit balance; can have Credit balance or Debit balance); properties of accounting currency (only accounting in VND, only accounting in foreign currency, using accounting for all currencies); properties of accounting method (accounts are not accounted for manually; used for both automatic and manual accounting), detailed constraints according to insurance policies/claim records/management objects, etc...	Hệ thống phải có chức năng khai báo và kiểm soát tuân thủ các tính chất (thuộc tính) của tài khoản GL, bao gồm nhưng không giới hạn: tính chất về số dư (chỉ có số dư Có, có số dư Nợ; có thể dư Có hoặc dư Nợ); tính chất tiền tệ hạch toán (chỉ hạch toán bằng VND, chỉ hạch toán bằng ngoại tệ, sử dụng hạch toán cho tất cả các loại tiền tệ); tính chất về phương thức hạch toán (tài khoản không được hạch toán thủ công; sử dụng cho cả hạch toán tự động và thủ công), ràng buộc chi tiết theo đơn bảo hiểm/hồ sơ bồi thường/ đối tượng quản lý v.v...	M				
		941	Allows declaring parameters (definitions) of GL accounts and corresponding currencies. The system is capable of automatically converting and creating conversion entries according to exchange rates to record transactions and transfer foreign currency balances to Vietnamese Dong at the end of the day. The system allows applying different conversion rates depending on each currency and each GL account; ensure tracking of both original currency and Vietnamese Dong	Cho phép khai báo tham số (định nghĩa) các tài khoản GL và loại tiền tương ứng. Hệ thống có khả năng tự động quy đổi và tạo các bút toán quy đổi theo tỷ giá để ghi nhận hạch toán các giao dịch phát sinh và kết chuyển số dư ngoại tệ sang Việt Nam đồng vào cuối ngày. Hệ thống cho phép áp dụng các tỷ giá quy đổi khác nhau tùy theo từng loại tiền và từng tài khoản GL; đảm bảo theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi Việt Nam đồng	M				
		942	GL accounts must be managed by status (such as: opened, unused, in use, closed)	Tài khoản GL phải được quản lý theo trạng thái (như: mở mới, chưa sử dụng, đang sử dụng, đóng)	M				
		943	the system provides features to support the management and determination of which GL accounts currently have automatic accounting parameters set for which types of transactions/ functions. Allow to declare and replace parameterized GL accounts across all types of transactions/functions with a new GL account.	Có chức năng hỗ trợ việc quản lý và xác định tài khoản GL hiện đang được cài đặt tham số hạch toán tự động cho các loại giao dịch/chức năng nào. Cho phép khai báo thay thế đồng loạt tài khoản GL đã được khai báo tham số trên tất cả các loại giao dịch/chức năng bằng một tài khoản GL mới.	M				
		944	Able to search for GL accounts by name and code.	Có khả năng tìm kiếm tài khoản GL theo tên và mã số.	M				
		945	the system provides features to synchronize and use the accounting system from core to BIC's accounting program.	Hệ thống phải có chức năng đồng bộ và sử dụng HTTK từ core sang Chương trình kế toán của BIC.	M				

		946	Synchronization of the accounting system can be done manually at any time of the day or automatically at the end of the day.	Việc đồng bộ HTTK cho phép thực hiện thủ công tại bất kỳ thời điểm trong ngày hoặc tự động cuối ngày.	M				
		947	Scope of synchronization of accounting system from accounting: - Synchronization is performed for accounts used only for the insurance core system (defined on the accountant's account properties) in the following cases: create, modify and delete accounts. - Synchronized information includes but is not limited to: account number, account name, properties (attributes), status.	Phạm vi đồng bộ HTTK từ kế toán: - Việc đồng bộ được thực hiện đối với những tài khoản chỉ sử dụng cho core bảo hiểm (đã được định nghĩa trên thuộc tính tài khoản của kế toán) trong các trường hợp: tạo mới, chỉnh sửa thông tin và xóa tài khoản. - Các thông tin đồng bộ bao gồm nhưng không giới hạn: số hiệu tài khoản, tên tài khoản, các tính chất (thuộc tính), trạng thái.	M				
			Requirements for accounting period management function	Yêu cầu về chức năng quản lý kỳ kế toán					
		948	Have the function of opening and closing accounting periods, allow users to customize the definition and management of accounting periods according to BIC's requirements.	Có chức năng đóng mở kỳ kế toán, cho phép người dùng tùy biến định nghĩa và quản lý kỳ kế toán theo yêu cầu của BIC.	M	1			
		949	Allow BIC to define an accounting period (month, quarter, fiscal year) that coincides/does not coincide with a calendar period (month, quarter, year).	Cho phép BIC định nghĩa kỳ kế toán (tháng, quý, năm tài chính) trùng/không trùng với kỳ (tháng, quý, năm) theo lịch.	M				
		950	For multinational purposes, the system allows the definition of different accounting periods for different countries.	Cho mục đích đa quốc gia, hệ thống cho phép định nghĩa các kỳ kế toán khác nhau cho các quốc gia khác nhau.	M				
		951	Allow temporary and permanent closure of periods (E.O.D, E.OM, E.O.Y)	Cho phép đóng tạm thời và đóng vĩnh viễn các kỳ (E.O.D, E.OM, E.O.Y)	M				
			Processing data at the end of day, week, month(s), quarter(s), year(s)..	Xử lý số liệu kế toán cuối kỳ					
		952	Allow definition and automatic accounting of accounting period opening/closing entries (such as: Automatically transfer the balance of revenue and expense accounts to the profit account when closing the accounting period).	Cho phép định nghĩa và tự động hạch toán các bút toán đóng/mở kỳ kế toán (như: kết chuyển tự động số dư của tài khoản doanh thu, chi phí vào tài khoản lợi nhuận khi đóng kỳ kế toán).	M	1			
		953	The financial year closing function must allow: - Allow authorized users to decentralize authority to perform the financial year closing process. - When performing the process of closing the fiscal year, the system automatically aggregates this year's income and expense accounts into the profit account and starts (with income and	Chức năng kết thúc năm tài chính phải cho phép: - Cho phép người sử dụng được phân quyền thực hiện quy trình đóng sổ năm tài chính. - Khi thực hiện quy trình kết thúc năm tài chính, Hệ thống tự động tổng hợp các tài khoản thu nhập, chi phí năm nay vào tài khoản lợi nhuận và bắt đầu (với số dư tài khoản thu nhập,	M				

		expense account balances equal to 0) when opening a new accounting period for the next fiscal year. - Allow the above financial year closing process to be carried out at any time during the year.	chi phí bằng 0) khi mở kỳ kế toán mới cho năm tài chính tiếp theo. - Cho phép quy trình kết thúc năm tài chính nói trên được thực hiện vào thời điểm bất kỳ trong năm.					
		Function of processing transactions and aggregating data on accounting accounts (GL)	Chức năng xử lý giao dịch và tổng hợp số liệu trên tài khoản kế toán (GL)					
		Comply with Vietnamese and international accounting regimes	Tuân thủ chế độ kế toán Việt Nam và quốc tế					
	954	Comply with Vietnamese accounting regime: The transaction processing process as well as GL accounting, including automatic processing and accounting of transactions from operation subsystems and manual accounting at the GL subsystem, must comply with Vietnamese accounting regimes and standards.	Tuân thủ chế độ kế toán Việt Nam: Quy trình xử lý giao dịch cũng như việc hạch toán GL bao gồm xử lý hạch toán tự động các giao dịch từ các phân hệ nghiệp vụ và hạch toán thủ công tại phân hệ GL phải tuân thủ chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam.	M	5			
	955	For multinational purposes as well as providing data for preparing financial reports according to international accounting standards (IFRS, IAS): Besides the set of books to process and account for transactions according to the Vietnamese accounting regime, the System allows multiple sets of books to process and follow international accounting standards.	Cho mục đích đa quốc gia cũng như cung cấp dữ liệu lập các báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS, IAS): Bên cạnh bộ sổ để xử lý, hạch toán các giao dịch theo chế độ kế toán Việt Nam, Hệ thống cho phép đa bộ sổ để xử lý và theo chuẩn mực kế toán quốc tế.	M				
	956	the system provides features to manage General ledger entries, allowing users to control and approve database updates to the system to ensure compliance with BIC's control process as well as manage GL accounting entries at the request of BIC.	Có chức năng quản lý bút toán sổ cái, cho phép người sử dụng kiểm soát, phê duyệt việc cập nhật cơ sở dữ liệu vào hệ thống đảm bảo tuân thủ quy trình kiểm soát của BIC cũng như quản lý các bút toán hạch toán GL theo yêu cầu của BIC.	M				
	957	Besides automatically accounting GL transactions from other operation subsystems on a parameterized basis, the GL Subsystem allows manual accounting of entries with the following requirements: - Manual accounting can be done through data entry at the accounting screen of the subsystem or uploading accounting entries through data files (including but not limited to excel files) on all GL manual accounting transaction screens.	Bên cạnh tự động hạch toán GL các giao dịch từ phân hệ nghiệp vụ khác trên cơ sở tham số hoá, Phân hệ GL cho phép hạch toán các bút toán thủ công với các yêu cầu: - Cách thức hạch toán thủ công có thể thực hiện thông qua nhập liệu tại màn hình hạch toán của phân hệ hoặc tải (upload) các bút toán thông qua file dữ liệu (bao gồm nhưng không giới hạn file excel) trên tất cả các màn hình giao dịch hạch toán thủ công GL.	M				

			<ul style="list-style-type: none">- Manual accounting entries must ensure compliance with BIC's control procedures and must be controlled/ approved by the person with authority to perform control/approval before officially updating to the System database. The approval can be carried out according to a 1-step approval or 2-step approval process as defined by BIC.- GL accounting entries must be managed by status (including but not limited to: “Temporary” - newly entered data and not yet approved; “Canceled” - entries are deleted; “Approved” - approved by authorized user).- Correct errors: Allow searching and making adjustments to accounting entries updated on previous working days to correct errors. Adjusting entries are made using one of two methods: The accounting entry recording negative numbers (red) on both Debit-Credit sides or any one side; Reversing accounting entry (reversing entry).	<ul style="list-style-type: none">- Các bút toán hạch toán thủ công phải bảo đảm tuân thủ quy trình kiểm soát của BIC và phải được người có thẩm quyền thực hiện kiểm soát/ phê duyệt trước khi cập nhật chính thức vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống. Việc phê duyệt cho phép được thực hiện theo quy trình 1 bước phê duyệt hay 2 bước phê duyệt do tự BIC định nghĩa.- Các bút toán hạch toán GL phải được quản lý theo trạng thái (bao gồm nhưng không giới hạn các trạng thái: “Tạm thời” - mới được nhập liệu và chưa được phê duyệt; “Huỷ” - các bút toán bị xoá; “Đã duyệt” - đã được người có thẩm quyền phê duyệt).- Sửa chữa sai sót: Cho phép tìm kiếm và thực hiện điều chỉnh các bút toán đã cập nhật vào các ngày làm việc trước để sửa chữa các sai sót. Bút toán điều chỉnh được thực hiện theo một trong hai phương pháp: Bút toán ghi số âm (ghi đỏ) cả hai về Nợ-Có hoặc một về bất kỳ; Bút toán ngược về (bút toán đảo).				
	958	<p>The system must support automatic control of GL accounting entries (including automatic accounting and manual accounting) to ensure that the properties/attributes of GL accounts that have been declared on the core are not violated, including but not limited to the following conditions:</p> <ul style="list-style-type: none">- Debit - Credit balance (in a journal entry, the total amount of the Debit side must be equal to the total amount of the Credit side) for double entry accounts (not applicable to off-balance sheet accounts)- Control the number after the comma (decimal number) according to predetermined currency parameters.- Warning about accounting entries directly into the GL account causing an incorrect balance on the GL account.- The system automatically accounts and handles errors in cases where entries do not balance numbers (total Debit amount does not equal total Credit amount) or accounts are not	<p>Hệ thống phải hỗ trợ tự động kiểm soát bút toán hạch toán GL (bao gồm cả hạch toán tự động và hạch toán thủ công) để đảm bảo không vi phạm các tính chất/thuộc tính của tài khoản GL đã được khai báo trên core, bao gồm nhưng không giới hạn các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cân bằng Nợ - Có (trong một bút toán, tổng số tiền về Nợ phải bằng tổng số tiền về Có) đối với tài khoản ghi kép (không áp dụng cho tài khoản ngoại bảng)- Kiểm soát số sau dấu phẩy (số thập phân) theo tham số tiền tệ định trước.- Cảnh báo các bút toán hạch toán trực tiếp vào tài khoản GL làm phát sinh số dư sai tính chất trên tài khoản GL.- Hệ thống tự động hạch toán xử lý lỗi trong các trường hợp bút toán không cân số (tổng Nợ không bằng tổng Có) hoặc không tìm thấy tài khoản (áp dụng đối với nội bảng)- Không hạch toán giao dịch bằng loại tiền VND vào tài khoản chỉ cho phép hạch toán ngoại tệ hoặc ngược lại	M				

			found (applies to balance sheets). - Do not accounting transactions in VND currency into accounts that only allow foreign currency accounting or vice versa - Warning and not to allow manual accounting to automatic accounting	- Đưa ra cảnh báo không cho phép hạch toán thủ công vào tài khoản quy định chỉ được phép hạch toán tự động từ phân hệ nghiệp vụ					
		959	Has the function of supporting management and searching of accounting entries of the day and previous days according to many different criteria (such as: contract number, amount, accountant, approver, accounting date, effective date, description, entry status)	Có chức năng hỗ trợ quản lý và tìm kiếm các bút toán hạch toán trong ngày và các ngày trước theo nhiều tiêu chí khác nhau (như: số hợp đồng, số tiền, người hạch toán, người phê duyệt, ngày hạch toán, ngày hiệu lực, diễn giải, trạng thái bút toán)	M				
		960	Support implementation and have a mechanism to control back date and future date entries according to types of bussiness and users.	Hỗ trợ thực hiện và có cơ chế kiểm soát các bút toán back date và future date theo các loại nghiệp vụ và theo người sử dụng.	M				
		961	The accompanying information of GL accounting entries includes but is not limited to: properties of insurance policy (policy without reinsurance, without coinsurance, policy with reinsurance, policy with coinsurance,...) branch, department, sales staff, policy, business line, product name, insurance period, Certificate ID, policy closing date, payment period, payment schedule, customer ID, customer name, currency, accounting account code (insurance premium, VAT, commissions, ceded premium, ceded commissions, other reinsurance expenses,...), accounting person, accounting method (automatic or manual accounting)	Các thông tin kèm theo của các bút toán hạch toán GL bao gồm nhưng không giới hạn: tính chất đơn bảo hiểm (đơn không có tái, không đồng bảo hiểm, đơn có tái, đơn có đồng bảo hiểm,...) đơn vị, phòng ban, cán bộ kinh doanh, đơn bảo hiểm, loại hình, tên sản phẩm, thời hạn bảo hiểm, số Giấy chứng nhận, ngày đóng đơn, kỳ thanh toán, lịch thanh toán, mã khách hàng, tên khách hàng, loại tiền, mã tài khoản hạch toán (phí bảo hiểm, thuế GTGT, chi phí hoa hồng, phí nhượng tái, hoa hồng nhượng tái, các chi phí tái khác,...), người hạch toán, phương thức hạch toán (hạch toán tự động hay thủ công)	M				
		962	The system must support inter-branch transactions (accounting directly into the accounting books of different accounting branch)	Hệ thống phải hỗ trợ giao dịch liên chi nhánh (hạch toán trực tiếp vào sổ kế toán của các đơn vị kế toán khác nhau)	M				
		963	When performing inter-branch accounting, the user accounts directly to the account (GL and customer) of another branch. The system automatically generates inter-branch accounting entries.	Khi thực hiện hạch toán liên chi nhánh, NSD hạch toán trực tiếp vào tài khoản (GL và khách hàng) của chi nhánh khác. Hệ thống tự động phát sinh các bút toán liên chi nhánh.	M				
		964	For inter-branch manual accounting on the GL subsystem, the system must have control functions such as: + Limit accounts allowed for inter-branch accounting;	Đối với hạch toán thủ công liên chi nhánh trên phân hệ GL, hệ thống phải có chức năng kiểm soát: + Giới hạn các tài khoản được phép hạch toán liên chi nhánh;	M				

			<ul style="list-style-type: none"> + Inter-branch off-balance sheet accounting is not allowed; + Decentralization allows users to do inter-branch accounting; + In an inter-branch entry, there must be at least one accounting entry side to the account of the implementing branch; + Provide "online" management reports of inter-branch accounting entries according to BIC's form. + The system limits the units allowed for inter-branch accounting. 	<ul style="list-style-type: none"> + Không cho phép hạch toán ngoại bảng liên chi nhánh; + Phân quyền cho phép người sử dụng được hạch toán liên chi nhánh; + trong một bút toán liên chi nhánh bắt buộc phải có ít nhất một về bút toán hạch toán vào tài khoản của chi nhánh thực hiện; + Cung cấp các báo cáo quản lý "online" các bút toán liên chi nhánh theo mẫu của BIC. + Hệ thống giới hạn được các đơn vị được phép hạch toán liên chi nhánh. 					
	965	Allows definition and configuration of accounting entries to record transactions from subsystems in Insurance Core/ application programs other than Insurance Core. The system can respond to accounting recording by transaction details or by total transactions.	Cho phép định nghĩa, cấu hình các bút toán ghi nhận các giao dịch từ các phân hệ trong Core bảo hiểm/ các chương trình ứng dụng khác ngoài Core Bảo hiểm. Hệ thống có thể đáp ứng việc ghi nhận hạch toán theo chi tiết từng giao dịch hoặc theo tổng các giao dịch	M					
	966	Allows defining and pre-setting entries for automatic transactions on the GL subsystem, including but not limited to: Periodic transactions (For example: defining entries to record when they occur periodically such as revenue, expenses, compensation), automatic balance transfer entries at the end of the day, daily/monthly reserve, difference transfer transactions (For example: periodic fee reserve, entries, revenue/expense transfer entries, ...)	Cho phép định nghĩa, thiết lập trước các bút toán cho các giao dịch tự động trên phân hệ GL, bao gồm nhưng không giới hạn: Các giao dịch phát sinh định kỳ (Ví dụ: định nghĩa các bút toán ghi nhận khi phát sinh định kỳ như doanh thu, chi phí, bồi thường), bút toán chuyển số dư tự động vào cuối ngày, trích lập dự phòng theo ngày/ theo tháng, các giao dịch kết chuyển chênh lệch (Ví dụ: bút toán trích lập dự phòng phí theo định kỳ, bút toán kết chuyển doanh thu/chi phí, ...)	M					
		Revenue/Expenses of policies	Doanh thu/Chi phí đơn bảo hiểm						
		Automatic accounting feature	Tính năng hạch toán tự động						
	967	The system allows setting up accounting entries and automatic revenue/expense accounts according to relevant predetermined conditions. For example: <ul style="list-style-type: none"> + 1-period policy or 1st period policy has been approved but the insurance term has not yet reached: Automatic accounting of unearned revenue + 1-period policy or 1st period policy has been approved and the insurance term has reached: Automatic accounting of incurred revenue + 1-period policy or 1st period policy has 	Hệ thống cho phép thiết lập bút toán hạch toán ,các tài khoản doanh thu/ chi phí tự động theo những điều kiện định sẵn liên quan. Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> + Đơn 1 kỳ hoặc đơn kỳ 1 đã được phê duyệt cấp đơn nhưng chưa tới thời hạn bảo hiểm: hạch toán tự động doanh thu nhận trước + Đơn 1 kỳ hoặc đơn kỳ 1 đã được phê duyệt cấp đơn, đã tới thời hạn bảo hiểm: hạch toán tự động doanh thu phát sinh + Đơn 1 kỳ hoặc đơn kỳ 1 đã được xác nhận thanh toán thành công: hạch toán tự động doanh thu thực thu 	M	2				

		successful payment confirmation: Automatic accounting of actual revenue + Policy from 2nd period: Automatically account for incurred revenue when the payment deadline arrives and actual revenue when confirming successful payment	+ Đơn từ kỳ 2: hạch toán tự động doanh thu phát sinh khi tới thời hạn thanh toán và doanh thu thực thu khi xác nhận thanh toán thành công					
	968	the system provides features to set up automatic transfer entries according to conditions. For example: + transfer from the unearned revenue account to the incurred revenue account when the insurance policy reaches the insurance term.	Hệ thống cung cấp tính năng thiết lập bút toán kết chuyển tự động theo các điều kiện ví dụ: + chuyển từ tài khoản doanh thu nhận trước sang tài khoản Doanh thu phát sinh khi đơn bảo hiểm tới thời hạn bảo hiểm.	M				
		Manual accounting feature	Tính năng hạch toán thủ công					
	969	The system provides features to support users in manual accounting of Revenue (including: unearned revenue in advance, incurred revenue, actual revenue) in some cases defined previously	Hệ thống cung cấp tính năng hỗ trợ người dùng hạch toán thủ công Doanh thu (bao gồm: Doanh thu nhận trước, Doanh thu phát sinh, Doanh thu thực thu) trong một số trường hợp được định nghĩa trước đó	M	2			
	970	Manual accounting of revenue into GL is controlled by the approval process at all levels of authority	Việc hạch toán thủ công doanh thu vào GL được kiểm soát bởi quy trình phê duyệt các cấp thẩm quyền	M				
	971	Manual accounting must comply with the general rules described above (refer ID 954, 964, 970)	Việc hạch toán thủ công phải tuân thủ theo quy tắc chung mô tả bên trên (tham chiếu ID 954, 964, 970)	M				
		Accounts Receivable/Accounts Payable	Khoản phải thu/Khoản phải trả					
	972	The system allows setting up accounts payable accounting entries according to predetermined conditions. For example: + Automatic accounting for final settlement of payables when the payment request is approved and there is a successful money transfer response from the money transfer system + Automatic accounting for final settlement of payables when the payment request is approved and there is confirmation from an authorized user of successful money transfer using payment order or an external banking system	Hệ thống cho phép thiết lập các bút toán hạch toán khoản phải trả theo những điều kiện định sẵn. Ví dụ: + Hạch toán tự động tất toán các khoản phải trả khi đề nghị thanh toán được duyệt và có phản hồi chuyển tiền thành công từ hệ thống chuyển tiền + Hạch toán tự động tất toán các khoản phải trả khi đề nghị thanh toán được duyệt và có xác nhận của người dùng có thẩm quyền đã chuyển tiền thành công bằng UNC hoặc hệ thống ngân hàng bên ngoài	M	3			
	973	The system allows setting up accounts receivable accounting entries according to predetermined conditions. For example: + Automatic accounting for final settlement of receivables when the authorized user confirms that this amount has actually been collected	Hệ thống cho phép thiết lập các bút toán hạch toán khoản phải thu theo những điều kiện định sẵn. Ví dụ: + Hạch toán tự động tất toán các khoản phải thu khi người dùng có thẩm quyền xác nhận đã thực thu khoản này	M				

			+ Automatic accounting for final settlement of receivables when there is feedback received from the external payment system	+ Hạch toán tự động tất toán các khoản phải thu khi có phản hồi nhận được tiền từ hệ thống thanh toán bên ngoài					
			Reserve	Dự phòng phí					
	974		The system needs to automatically book reserve for each policy according to the reserve calculation method prescribed by the Vietnamese or according to IFRS international standards parameterized on the system including but not limited to the following method: + As a percentage of total premium + according to the coefficient of the insurance contract/policy term o 1/8 method o 1/24 method o 1/365 method + According to International Financial Reporting Standards (IFRS) + ...	Hệ thống cần tự động ghi nhận thông tin dự phòng phí cho từng đơn theo phương pháp tính dự phòng phí do nhà nước Việt Nam quy định hoặc theo chuẩn mực quốc tế IFRS được tham số hóa trên hệ thống bao gồm nhưng không giới hạn các phương pháp: + Theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm + theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm o phương pháp 1/8 o phương pháp 1/24 o phương pháp 1/365 + Theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS + ...	M	1			
	975		The system needs to ensure the correct calculation of reserves and calculate reserves according to the established reserve calculation method if and only when the policy has changes affecting the reserve including but not limited to the following information: o insurance period	Hệ thống cần đảm bảo tính đúng dự phòng phí và tính dự phòng phí theo phương pháp tính dự phòng phí đã thiết lập khi và chỉ khi đơn có các thay đổi ảnh hưởng đến dự phòng phí bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: o thời hạn bảo hiểm	M				
	976		The system automatically calculates reserve data at the time of booking (day/ month/ quarter/ year) following the approved method, ensuring the following principles: - All insurance premium revenue data and data related to revenue (Outward Reinsurance fees, Reinsurance commissions, Policy commissions, agent commissions...) and other parameters related to booking reserves (if any) recorded in accounting books must be included in the calculation of reserves. - When there are any changes related to insurance revenue, targets related to insurance premium revenue (Outward Reinsurance fees, Reinsurance commissions, Policy commissions,	Hệ thống tự động tính số liệu dự phòng phí tại các thời điểm trích lập (ngày/ tháng/ quý/ năm) tuân thủ theo phương pháp được phê duyệt, đảm bảo nguyên tắc: - Toàn bộ số liệu doanh thu phí bảo hiểm và các số liệu liên quan đến doanh thu (phí nhượng, hoa hồng nhượng, hoa hồng gốc, hỗ trợ đại lý...) và các tham số khác liên quan đến việc trích lập dự phòng phí (nếu có) được ghi nhận trên sổ sách kế toán phải được đưa vào tính dự phòng phí đầy đủ. - Khi có bất kỳ sự thay đổi nào liên quan đến chỉ tiêu doanh thu phí bảo hiểm, các chỉ tiêu liên quan đến doanh thu phí bảo hiểm (phí nhượng, hoa hồng nhượng, hoa hồng gốc, hỗ	M				

			agent commissions...), insurance period and any parameters of the policy related to reserves (if any), when calculating reserves, the system must update the reserve calculation according to the above changes.	trợ đại lý...), thời hạn bảo hiểm và bất cứ tham số nào của đơn liên quan đến dự phòng phí (nếu có) thì khi tính dự phòng phí, hệ thống phải cập nhật tính toán dự phòng phí theo các thay đổi trên.				
	977	The system is capable of controlling errors when automatically setting up reserve provisions such as: - Do not allow a policy to have multiple period on the same premium calculation (if the insurance policy enters the period according to the policy); - There is no reserve for policies that have had their insurance invalidated - Control other errors when setting up reserve provisions	Hệ thống có khả năng kiểm soát được các sai sót khi trích lập tự động dự phòng phí như: - Không cho phép một đơn bảo hiểm có nhiều thời hạn trên cùng bảng tính dự phòng phí (nếu đơn bảo hiểm đó nhập thời hạn theo đơn); - Không tính dự phòng phí đối với các đơn đã hủy hiệu lực bảo hiểm - Kiểm soát được các sai sót khác khi trích lập dự phòng phí	M				
	978	The system is capable of calculating accurate reserves for automatically Restore policy after canceled	Hệ thống có khả năng tính dự phòng phí chính xác cho các đơn bảo hiểm đã hủy tự động sau đó được khôi phục hiệu lực	M				
	979	The system is capable of calculating accurate reserves for automatically renewal policies	Hệ thống có khả năng tính dự phòng phí chính xác cho các đơn bảo hiểm được gia hạn	M				
	980	The system is capable of calculating accurate reserves for property insurance policies with risk accumulation, increasing/decreasing the insurance amount.	Hệ thống có khả năng tính dự phòng phí chính xác cho các đơn bảo hiểm tài sản có tích tụ rủi ro, tăng/giảm số tiền bảo hiểm	M				
	981	The system is capable of calculating accurate reserves for insurance policies with other characteristics	Hệ thống có khả năng tính toán dự phòng phí chính xác cho các đơn bảo hiểm có các đặc thù khác	M				
	982	The system has the ability to ensure that the data entered into the reserve calculation matches the corresponding criteria on the system. For example: The revenue included in calculating the reserve during the period must match the revenue of the same period of valid policies in the accounting books, the insurance period on the reserve calculation sheet must match the insurance period of the policy at the reserve calculation point....	Hệ thống có khả năng đảm bảo dữ liệu đưa vào bảng tính dự phòng phí khớp đúng với chỉ tiêu tương ứng trên hệ thống. Ví dụ: Doanh thu đưa vào tính dự phòng phí trong kỳ phải khớp đúng với doanh thu cùng kỳ của các đơn còn hiệu lực trên sổ sách kế toán, thời hạn bảo hiểm trên bảng tính dự phòng phí khớp với thời hạn bảo hiểm của đơn tại thời điểm tính dự phòng phí....	M				
	983	The system allows automatic accounting of reserve provisioning entries	Hệ thống cho phép tự động hạch toán các bút toán trích lập dự phòng phí	M				
	984	Detailed reserve provisioning entries according to required data fields such as: business line	Các bút toán trích lập dự phòng phí chi tiết theo các trường dữ liệu yêu cầu như: theo loại	M				

			(original and reinsurance reserves; reinsurance ceding reserves; unallocated reinsurance ceding commissions; Unallocated original and reinsurance commission expenses, unallocated agent support costs ...); by branch, by provision/reversal, by operation,...	ng nghiệp vụ trích lập (dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái; Dự phòng phí nhượng TBH; hoa hồng nhượng TBH chưa phân bổ; Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và nhận tái chưa phân bổ, Chi phí hỗ trợ đại lý chưa phân bổ ...); theo công ty thành viên, theo trích lập/hoàn nhập, theo nghiệp vụ,...					
			IBNR reserve (compensation reserve for losses that have arisen under insurance liability but have not yet been notified or claimed)	Dự phòng IBNR (dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường)					
	985	<p>The system must automatically record information on the IBNR reserve (Reserve for losses that have occurred but are not yet reported or claimed) according to the IBNR calculation methods prescribed by the Vietnamese government or according to the international standard IFRS. The methods must be parameterized on the system for each insurance business, including but not limited to:</p> <p>o Method 1: IBNR current fiscal year = (Total compensation for losses that have occurred but not yet reported or claimed for compensation of the previous 3 consecutive fiscal years/Total compensation incurred in the previous 3 consecutive fiscal years)*Amount of compensation incurred in the current fiscal year * (Net revenue from insurance business activities of the current fiscal year/Net revenue from insurance business activities of the previous fiscal year)* (Average delay in claiming compensation of the current fiscal year/Average delay in claiming compensation of the previous fiscal year)</p> <p>In which: The amount of compensation incurred in a fiscal year includes the actual compensation paid in the year plus the increase/decrease in reserves for losses that have occurred under insurance liability but have not been resolved</p>	<p>Hệ thống cần tự động ghi nhận thông tin dự phòng IBNR (Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường) theo các phương pháp tính IBNR do nhà nước Việt Nam quy định hoặc theo chuẩn quốc tế IFRS. Các phương pháp phải được tham số hóa trên hệ thống cho từng nghiệp vụ bảo hiểm bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <p>o Phương pháp 1: IBNR năm tài chính hiện tại= (Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp/Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp)*Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại * (Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính hiện tại/Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước)* (Thời gian chậm yêu cầu bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại/Thời gian chậm yêu cầu bồi BT bình quân của năm tài chính trước)</p> <p>Trong đó: Số tiền bồi thường phát sinh của một năm tài chính bao gồm số tiền bồi thường thực trả trong năm cộng với tăng/giảm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.</p>	M	1				

		<p>by the end of the fiscal year.</p> <p>The average delay in claim request is the average time from the time the loss occurs until the non-life insurance company, foreign branch, or reinsurance company receives the loss notice or claim file (in days).</p> <p>o Method 2: IBNR reserve cost during the period = IBNR reserve balance at the time of calculation - IBNR reserve balance at the end of the previous year In which: IBNR reserve balance = Human business IBNR reserve balance + Remaining business IBNR reserve balance Human business IBNR reserve balance = Insurance premium revenue x State registration rate (3-5%) Remaining business IBNR reserve balance = (Insurance premium revenue - Reinsurance ceded revenue) x State registration rate (3-5%)</p> <p>o Method 3: IBNR is calculated in accordance with International Financial Reporting Standards (IFRS).</p> <p>o ..."</p>	<p>Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân là thời gian bình quân từ khi tổn thất xảy ra tới khi doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh nước ngoài, doanh nghiệp tái bảo hiểm nhận được thông báo tổn thất hoặc hồ sơ yêu cầu đòi bồi thường (tính bằng số ngày).</p> <p>o Phương pháp 2: Chỉ phí dự phòng IBNR trong kỳ = Số dư dự phòng IBNR tại thời điểm tính toán - Số dư dự phòng IBNR cuối năm trước Trong đó: Số dư dự phòng IBNR = Số dư dự phòng IBNR nghiệp vụ con người + Số dư dự phòng IBNR nghiệp vụ còn lại Số dư dự phòng IBNR nghiệp vụ con người = Doanh thu phí bảo hiểm x tỷ lệ đăng ký với nhà nước (3-5%) Số dư dự phòng IBNR nghiệp vụ còn lại = (Doanh thu phí bảo hiểm - Doanh thu nhượng tái bảo hiểm) x tỷ lệ đăng ký với nhà nước (3-5%)</p> <p>o Phương pháp 3: IBNR tính theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế IFRS o ...</p>					
986	The system allows calculating IBNR reserve by product group (healthcare, vehicle, ...), policy issuing branch...	Hệ thống cho phép tính toán dự phòng IBNR theo nhóm sản phẩm (con người, XCG, ...), chi nhánh cấp đơn ...	M					
987	The system allows automatic accounting of IBNR reserve entries	Hệ thống cho phép tự động hạch toán các bút toán trích lập dự phòng IBNR	M					
	Reserve for large fluctuations	Dự phòng dao động lớn						
988	The system needs to automatically book large fluctuation reserve information for each policy according to the large fluctuation reserve calculation method prescribed by the Vietnamese government parameterized on the system including but not limited to the following method: + According to the percentage of insurance premium retained for each operation	Hệ thống cần tự động ghi nhận thông tin dự phòng dao động lớn cho từng đơn theo phương pháp tính dự phòng dao động lớn do nhà nước Việt Nam quy định được tham số hóa trên hệ thống bao gồm nhưng không giới hạn các phương pháp: + Theo tỷ lệ phần trăm của phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ	M	1				

		989	The system automatically calculates large fluctuation reserve data at the time of booking (day/ month/ quarter/ year) following the approved method	Hệ thống tự động tính số liệu dự phòng dao động lớn tại các thời điểm trích lập (ngày/ tháng/ quý/ năm) tuân thủ theo phương pháp được phê duyệt	M				
		990	The system allows automatic accounting of large fluctuation reserve booking entries	Hệ thống cho phép tự động hạch toán các bút toán trích lập dự phòng dao động lớn	M				
			Requirements for report and data control	Yêu cầu về chức năng báo cáo và kiểm soát số liệu					
		991	The system provides features to query data on general accounting accounts, including but not limited to the following information: + Drill down function of transaction data: + Allow easy search and audit trail from general accounting entries on GL to detailed accounting transactions in operation subsystems with full detailed information such as customer accounts, amounts, and currency types, accounting user, controller, document number, accounting date, effective date, transaction description,... The transaction allows searching for details of each transaction according to many different criteria or certain time period.] + Allows to query/display an entire accounting entry (including all debits, credits and total debit - total credit amount of accounting entries = 0) + Aggregate debit and credit transactions for each account (according to the summary or detailed level of the GL account and the summary or detailed level of the unit code), including: cumulative transactions for the current day, month, and year, as well as monthly and annual transactions (at least for the past 10 years). The system allows aggregation of account transactions with corresponding accounts. + Balances of accounts (according to the aggregate or detailed levels of the GL account and according to the aggregate and detailed levels of the unit code), including: ending balance (current balance, previous day's ending balance, month-end balance of at least the last	Hệ thống có các chức năng truy vấn dữ liệu trên tài khoản kế toán tổng hợp, bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: + Chức năng đào sâu dữ liệu giao dịch (drill down): + Cho phép tra cứu và truy vết dễ dàng từ bút toán tổng hợp trên GL đến các giao dịch chi tiết hạch toán tại các phân hệ nghiệp vụ với đầy đủ các thông tin chi tiết như tài khoản khách hàng, số tiền, loại tiền, người dùng hạch toán, kiểm soát viên, số chứng từ, ngày hạch toán, ngày hiệu lực, diễn giải giao dịch,... Chức năng tra cứu giao dịch cho phép tìm kiếm chi tiết từng giao dịch theo nhiều tiêu chí khác nhau hoặc tra cứu giao dịch theo từng khoảng thời gian nhất định. + Cho phép vẫn tin/hiển thị toàn bộ 1 bút toán (gồm tất cả các về nợ, có và tổng nợ - tổng có của các về bút toán =0) + Tổng hợp phát sinh Nợ và Có của mỗi tài khoản (theo các cấp độ tổng hợp hoặc chi tiết của tài khoản GL và theo cấp độ tổng hợp, chi tiết của mã đơn vị) gồm: phát sinh lũy kế của ngày, tháng, năm hiện tại và phát sinh hàng tháng, phát sinh hàng năm (ít nhất 10 năm gần nhất). Hệ thống cho phép tổng hợp số liệu phát sinh của tài khoản với các tài khoản đối ứng + Số dư của các tài khoản (theo các cấp độ tổng hợp hoặc chi tiết của tài khoản GL và theo cấp độ tổng hợp, chi tiết của mã đơn vị), bao gồm: số dư cuối kỳ (số dư của thời điểm hiện tại, số dư cuối ngày trước, số dư cuối tháng, số dư cuối năm của ít nhất 10 năm gần nhất) và số dư bình quân gia quyền (bình quân tháng hiện tại, bình quân năm hiện tại, bình quân hàng tháng	M	5			

			24 months, year-end balance of at least the last 3 years) and weighted average balance (current month average, current year average, monthly average)						
	992	the system provides features that allow data comparison between the core system and the accounting system at BIC	Hệ thống cung cấp chức năng cho phép đối chiếu số liệu giữa hệ thống core và hệ thống kế toán tại BIC	M					
	993	Provide tools to control and compare detailed data of bussiness subsystems and of GL's aggregation; Compare data according to commonly established rules or separate requirements with other connected systems of BIC.	Cung cấp các công cụ kiểm soát đối chiếu số liệu chi tiết của các phân hệ nghiệp vụ và tổng hợp của GL; đối chiếu số liệu theo các quy tắc được thiết lập chung hoặc các yêu cầu đối chiếu số liệu riêng biệt với các hệ thống kết nối khác của BIC.	M					
	994	Control tools can be reports supporting the control of accounting data export daily or at the request of BIC, including but not limited to: - Comparison Report about arising and account balances between GL and bussiness subsystems; - Detailed Report about accounting transactions from bussiness subsystems into the GL.	Công cụ kiểm soát có thể là các báo cáo hỗ trợ kiểm soát số liệu hạch toán được xuất định kỳ hàng ngày hoặc theo yêu cầu của BIC, bao gồm nhưng không giới hạn: - Báo cáo đối chiếu số phát sinh và số dư các tài khoản giữa GL và các phân hệ nghiệp vụ; - Báo cáo liệt kê giao dịch hạch toán từ các phân hệ nghiệp vụ vào GL.	M					
	995	Or functions/screens that support control to detect differences between bussiness subsystems and GL	Hoặc các chức năng/màn hình hỗ trợ kiểm soát để phát hiện các chênh lệch giữa các phân hệ nghiệp vụ với GL	M					
	996	the system provides features/ tools to support control/ compare of accounting transactions and balances of Pass-Through Account	Hệ thống phải có chức năng/ công cụ hỗ trợ kiểm soát/ đối chiếu các giao dịch hạch toán và số dư của các tài khoản trung gian.	M					
	997	The system allows setting up Comparison information for insurance policies underwriting through partners, receive premium through payment gateways, including and not limited to: - expense - reconciliation period - premium receive principles: payment period, payment method is offset or not?	Hệ thống cho phép thiết lập thông tin đối soát với các đơn bảo hiểm khai thác qua đối tác, thu phí qua các cổng thanh toán, bao gồm và không giới hạn: - chi phí - thời hạn đối soát - nguyên tắc thu phí: thời hạn thanh toán, hình thức thanh toán đối trừ chi phí hay không?	M					
	998	The system provides tools to automatically compare insurance policies issuing between the insurance core system and software/sales channels (for example: Accounting System, insurance premium receivable management of BIDV, mybic, smartbanking,...), allowing to set	Hệ thống cung cấp các công cụ phục vụ đối chiếu tự động đơn bảo hiểm phát sinh giữa core bảo hiểm với các phần mềm/kênh bán hàng (ví dụ: phần mềm kế toán, quản lý thu phí bảo hiểm của BIDV, mybic, smartbanking,...), cho phép thiết lập báo cáo đối soát không giới hạn	M					

			up comparison reports of unlimited information: comparison time, insurance policy, insurance premium, customer name, system parameters...	các thông tin: thời gian đối soát, đơn bảo hiểm, phí bảo hiểm, tên khách hàng, tham số hai hệ thống...					
		999	The system supports manual comparison and export to data files to ensure exactly	Hệ thống hỗ trợ việc đối chiếu thủ công, kết xuất ra các file dữ liệu để đảm bảo công tác đối soát chính xác	M				
		1000	The head office is authorized to manage, monitor and inspect the comparison of users at the branch	Trụ sở chính được phân quyền quản trị, giám sát và kiểm tra việc thực hiện đối chiếu của người sử dụng tại các đơn vị	M				
			Requirement of connection/integration with other BIC systems	Yêu cầu kết nối/tích hợp với hệ thống khác của BIC					
			Output invoice	Hóa đơn đầu ra					
		1001	The system needs to integrate with the invoice management system at BIC to ensure the following requirements: - The core system ensures full and accurate provision of financial information available on the invoice to the invoice management system - The system needs to provide information for the invoice management system including but not limited to the following information: insurance policy, customer information, insurance premium, tax rate, whether to automatically issue an invoice or not, type of invoice to issue, if it is an adjusted invoice, what is the old invoice, currency of invoice, exchange rate (if any).... - The system needs to receive invoice issuance results from the invoice management system including but not limited to the following information: insurance policy, invoice number, invoice issuance date -The system allows detailed tracking of the invoicing status of insurance policies from the invoice management system: waiting for invoice to be issued, invoice already issued, error in issuing invoice -The system allows setting up automatic invoice issuance according to conditions including but not limited to: time limit for liability arising, time of collection, periodically according to predetermined time with one or	Hệ thống cần tích hợp với hệ thống quản lý hóa đơn tại BIC để đảm bảo các yêu cầu sau: - hệ thống core đảm bảo cung cấp đầy đủ chính xác các thông tin tài chính đang có trên đơn sang hệ thống quản lý hóa đơn -Hệ thống cần cung cấp thông tin cho hệ thống quản lý hóa đơn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: đơn bảo hiểm, thông tin khách hàng, phí bảo hiểm, thuế suất, có tự động xuất hóa đơn hay không, loại hóa đơn xuất, nếu là hóa đơn điều chỉnh thì hóa đơn cũ là hóa đơn nào, loại tiền tệ xuất hóa đơn, tỷ giá (nếu có).... -Hệ thống cần tiếp nhận kết quả xuất hóa đơn từ hệ thống quản lý hóa đơn bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin sau: đơn bảo hiểm, số hóa đơn, ngày phát hành hóa đơn -Hệ thống cho phép theo dõi chi tiết tình trạng xuất hóa đơn của các đơn bảo hiểm từ hệ thống quản lý hóa đơn: chờ xuất hóa đơn, đã xuất hóa đơn, xuất hóa đơn lỗi -Hệ thống cho phép thiết lập tự động xuất hóa đơn theo điều kiện bao gồm nhưng không giới hạn: thời hạn phát sinh trách nhiệm, thời điểm thu tiền, định kì theo thời gian định sẵn với một hoặc nhiều đơn bảo hiểm, theo đối tượng xuất hóa đơn	M	1			

			more insurance policies, according to the invoice issuing subject						
		1002	The core system needs to integrate with the invoice management system to track the revenue recognition status of issued invoices.	Hệ thống core cần tích hợp với hệ thống quản lý hóa đơn để theo dõi tình trạng ghi nhận doanh thu của các hóa đơn đã xuất	M				
		1003	The system needs to provide a manual invoice confirmation feature so users can confirm whether an insurance policy has been invoiced or not.	Hệ thống cần cung cấp tính năng xác nhận xuất hóa đơn thủ công để người dùng có thể xác nhận đơn bảo hiểm đã được xuất hóa đơn chưa	M				
			Input invoice	Hóa đơn đầu vào					
		1004	The system allows connection to the input invoice collection system at BIC to search and intergrate in functions that need additional information about input invoices: - The system has the ability to automatically identify and collect information on input invoices, intergrate with the Core system including but not limited to: + Claim & survey + Payment + Reinsurance + Manage policy information - The system allows attaching input invoices to claim/payment request records - The system allows tracking of input VAT for taxable services and shared input VAT.	Hệ thống cho phép kết nối với hệ thống thu thập hóa đơn đầu vào tại BIC để tra cứu và sử dụng trong các chức năng cần thêm thông tin về hóa đơn đầu vào: - Hệ thống có khả năng tự động nhận diện, thu thập các thông tin trên các hóa đơn đầu vào, cung cấp các thông tin này cho các chức năng trên hệ thống Core bao gồm nhưng không giới hạn: + xử lý giám định bồi thường + xử lý thanh toán + xử tái bảo hiểm + quản lý thông tin đơn - Hệ thống cho phép đính kèm các hóa đơn đầu vào với hồ sơ bồi thường/yêu cầu thanh toán - Hệ thống cho phép theo dõi thuế đầu vào của dịch vụ chịu thuế GTGT và thuế đầu vào dùng chung	M	1			
		1005	The system allows API connection to the input invoice management system to read, view, and download electronic invoices for claim records, including but not limited to: + Invoice number, invoice date + Buyer's name + Address + Tax code + Amount + Etc...	Hệ thống cho phép kết nối API với hệ thống quản lý hóa đơn đầu vào để đọc, xem và tải hóa đơn điện tử về hồ sơ bồi thường, bao gồm nhưng không giới hạn: + Số hiệu hóa đơn, ngày hóa đơn + Tên người mua hàng + Địa chỉ + Mã số thuế... + số tiền + v.v,...	M				
		1006	The system allow to look up and check invoices provided by customers for all types of claim	Hệ thống cho phép tra cứu, kiểm tra hóa đơn do khách hàng cung cấp của tất cả các loại hình bồi thường	M				
				Tích hợp hệ thống khác					

		1007	The system needs to allow other systems at BIC to provide information when customer pay for a policy	Hệ thống cần cung cấp cơ chế cho phép các hệ thống khác tại BIC có thể cung cấp thông tin khi có sự kiện phát sinh thực thu đối với đơn	M	2			
		1008	The system needs to integrate with the Certificate management system to manage Certificate (print matters).	Hệ thống cần tích hợp với hệ thống quản lý ấn chỉ để quản lý các ấn chỉ giấy.	O				
		1009	The system allows integration with the payment system at BIC to make remittance requests - System provide: payment account information, beneficiary, amount, money transfer content, payment statement information - System receipt: successful/failed transaction, verify account numbers through napas system	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống thanh toán tại BIC để thực hiện các yêu cầu chuyển tiền -Hệ thống cung cấp thông tin: thông tin tài khoản thanh toán, đơn vị hưởng, số tiền, nội dung chuyển tiền, thông tin bảng kê thanh toán -Hệ thống tiếp nhận thông tin : xử lý điện thành công/thất bại, thông tin tra soát số tài khoản người hưởng hệ thống napas	M				
		1010	The system allows connection to BIC's payment system to verify bank accounts when users declare	Hệ thống cho phép kết nối với hệ thống thanh toán của BIC để xác thực tài khoản ngân hàng khi NSD khai báo	M				
		1011	The system allows integration with BIC's signature system to issue electronic documents: Allow signing of documents released from the core system according to authorization	Hệ thống cho phép tích hợp với hệ thống ký số của BIC để phát hành chứng từ điện tử: cho phép ký số các văn bản phát hành từ core theo phân quyền	M				
		1012	The Core system must be closely connected/ integrated with BIC's accounting system	Hệ thống Core phải kết nối/ tích hợp chặt chẽ với hệ thống kế toán của BIC	M				
			Total	Tổng		430			